

VIÊN GIÁC

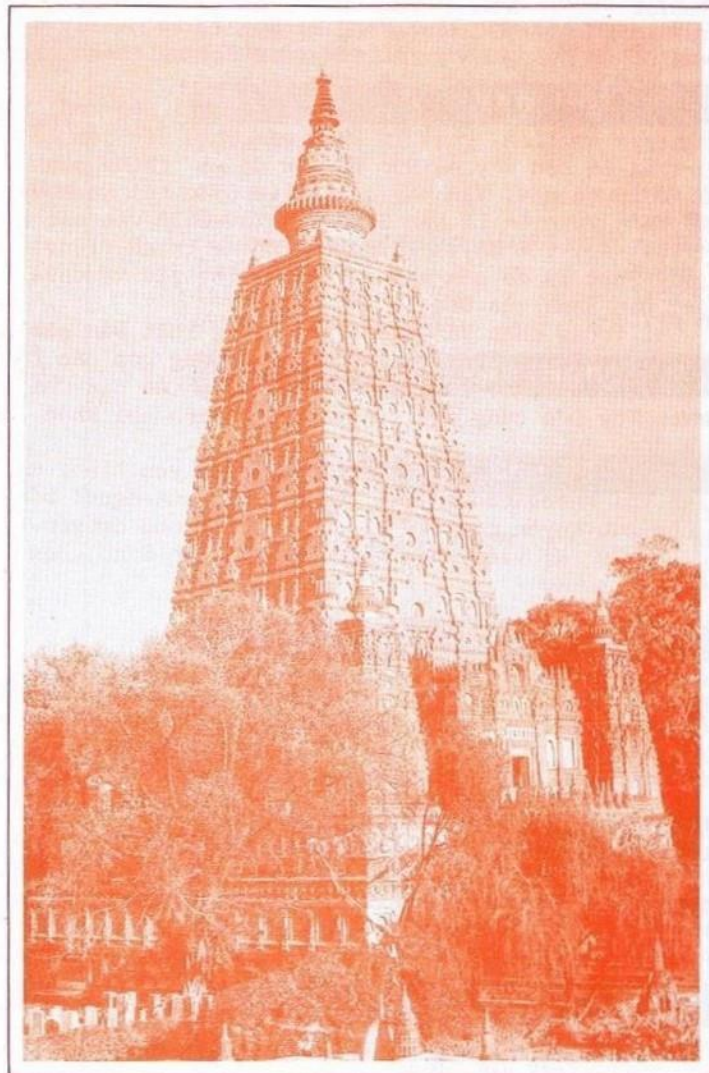
TẠP CHÍ CỦA KIỀU BẢO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TẠI CỘNG HÒA
LIÊN BANG ĐỨC • ZEITSCHRIFT DER VIETNAMESEN UND BUDDH.
VIETNAM - FLÜCHTLINGE IN DER BUNDESREPUBLIK DEUTSCHLAND



50

THÁNG TƯ 1989
APRIL 1989

AUSGABE IN VIETNAMESISCH UND DEUTSCH



**Bồ Đề Đạo Tràng, nơi Đức Phật thành đạo
được xây dựng cách 2300 năm về trước**

GIAO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT
CHI BỘ TÂY ĐỨC (gemeinnütziger Verein e.V.)
HỘI PHẬT TỬ VIỆT NAM TỶ NẠN TẠI TÂY ĐỨC (gemeinnütziger Verein e.V.)
Chùa Viên Giác; Eichelkampstr.35a, 3000 Hannover 81. Tel.0511-864638

Phật lịch 2532 - Hannover ngày 20 tháng 4 năm 1989

Thư mời

Kính gửi : Quý Đạo Hữu và quý Phật Tử xa gần.

Trích yếu: V/v Mời tham dự Đại lễ Phật Đản 2533 tại chùa Viên Giác Hannover từ 20 đến 21 tháng 5 năm 1989 (thứ bảy và chủ nhật).

NAM MÔ BỒN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Kính thưa quý Đạo Hữu và quý Phật Tử,

Cách đây 2532 năm về trước tại xứ Ấn Độ có một bậc Thánh Nhân đã ra đời để mang giáo lý từ bi, giải thoát, bình đẳng đến cho nhân sinh. Đó là Thái Tử Tất Đạt Đa, con của vua Tịnh Phạn và Hoàng Hậu Ma Ya. Ngài sinh ra và lớn lên trong chốn hoàng cung rồi sớm từ giả cung thành trong thời niên thiếu để tìm ra ánh đạo mẫu, cứu khổ nhân sinh.

Để tỏ lòng tôn sùng bậc cao cả của nhân loại; nên mỗi năm đến ngày trăng tròn tháng 4 âm lịch, Phật Tử khắp năm Châu đều làm lễ kỷ niệm Ngài, nhằm báo đáp thâm ân sâu dày mà Đức Bốn Sư đã vì chúng sanh thị hiện ra giữa cõi đời ô trược nầy. Năm nay chùa Viên Giác tại Hannover, cũng theo thông lệ đó tổ chức kỷ niệm Lễ Đản Sinh lần thứ 2533 vào các ngày 20 và 21 tháng 5 năm 1989 sắp tới đây. (Xin xem chương trình riêng). Kính mong quý Đạo Hữu và quý Phật Tử xa gần nhìn ít nhiều thì giờ về chùa lễ bái nguyện cầu nhân ngày Đản Sinh của Đức Từ Phụ.

Để góp vui trong phần Văn Nghệ cúng dường Phật Đản năm nay, sẽ có 2 ca sĩ Thanh Tuyền và Thanh Thúy từ Hoa Kỳ sang đóng góp các tiết mục đặc sắc về tân cũng như cổ nhạc cùng với sự đóng góp của các Chi Hội Phật Tử và các GĐPTVN tại Tây Đức cũng như các cá nhân thiện chí khác. Kính mong quý vị tham gia đông đủ.

Lời cuối xin nguyện cầu cho đất nước được yên bình, mọi sự tự do sẽ được thực hiện khi không còn sự cai trị độc tài của người cộng sản nữa. Xin cầu nguyện cho bầu quyển của quý vị được sở cầu như nguyện.

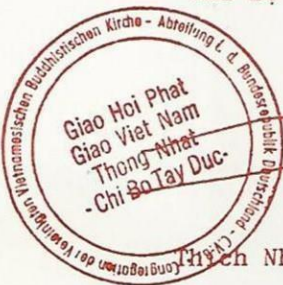
Nam Mô Lâm Tỳ Ni viên, hoa vô ưu thọ hạ Đản Sinh, Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

TM Chi Bộ PGVN tại Tây Đức

Chi Bộ Trưởng

TM Hội PTVNTN tại Tây Đức

Hội Trưởng



Thiền Như Điện



Thị trấn Ngô Văn Phát

Ghi chú :- Để góp phần ẩm thực trong những ngày Đại Lễ, kính mong quý vị đóng góp 5DM cho mỗi phần cơm trong ngày.

- Vé vào cửa hạng A, phía trước sân khấu 20DM và hạng B, phía sau giá 15DM. Vé có tại chùa vào cuối tháng 4. Quý vị nào muốn có vé trước, xin liên lạc về chùa.
- Để giúp đỡ cho Ban Tổ Chức trong vấn đề ở lại đêm, mong quý vị mang theo mền hoặc túi ngủ để phụ lục với chùa.

VIÊN GIÁC



Tap Chí của Kiều Bào và Phật Tử
Việt Nam Tỵ Nạn
tại Cộng Hòa Liên Bang Đức

Zeitschrift der Vietnamesen und
Buddhistischen Vietnam-Flüchtlinge
in der Bundesrepublik Deutschland.

Chủ Trương: T.T. Thích Như Điển
Herausgeber

Chủ Bút và Kỹ Thuật: Thị Chơn
Redakteur und Layout

Cùng sự cộng tác của
Mitwirkung von
Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn
tại Cộng Hòa Liên Bang Đức
Vereinigung der Buddhistischen
Vietnam-Flüchtlinge i.d. BRD e.V

Tòa Soạn và Ấn Quán
Redaktion und Verlag
Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội
Phật Giáo Việt Nam tại Tây Đức
Vietnamesisch-Buddhistisches
Sozio-Kulturzentrum i.d. BRD

c/o Viên Giác Pagode
Eichelkampstr.35A, 3000 Hannover81
Tel.: 0511-864638

● Viên Giác phát hành mỗi 2 tháng,
vào tháng chẵn, nhằm mục đích phục
vụ lợi ích cho cộng đồng người
Việt tỵ nạn tại Tây Đức.

● Viên Giác bảo tồn và phát huy
truyền thống Văn Hóa Phật Giáo và
Dân Tộc Việt, cùng những sinh hoạt
Tôn Giáo, Xã Hội.

● Viên Giác hoàn toàn không có
tính cách thương mại, tuy nhiên mọi
ủng hộ qua hình thức cúng dường,
Viên Giác xin chân thành cảm tạ.

● Ủng hộ Viên Giác, quý vị sẽ nhận
được biên nhận để khai làm đơn xin
quản bình thuế cuối năm.

TRONG SỐ NÀY

Trang

Thư Mời Phật Đản

Tôn Giáo

Đàn Sanh Đức Phật	Thích Thiên Ân	2
Tổ Thiển Tông	Thích Thanh Từ	3
Hương Quê Cực Lạc	Liên Du	6
Sự Phục Hưng PG Tại Ấn Độ	Thích Trí Chơn	8
Tương Lai Thiển Học Việt Nam	Thích Nhất Hạnh	10
Tin Có Luân Hồi	Lưu Hoảng Nguyễn	13
Anh Yêu Vàng Lắm	Thích Nữ Thế Quán	17
Đạo Phật Đi Vào Cuộc Đời	Tâm Như	19

Đức Ngữ - Ins Deutsch

Die Lehre Buddhas	B.Dendo Kyokai	21
Das Leben E. Budd. Moenches	Thích Như Điển	24
Amitäbha - Der Gute Freund	Roland Berthold	26
10 Tage in der Oase des Friedens	Martin Follert	27
Buddhistische Aktivitäten	Thị Chơn	28

Văn Hóa

Tương Niêm	Thích Như Điển	30
Ngu Sĩ	Lê Thị Bạch Nga	32
Cây Tía Tô	Thúy Trúc	34
Hoa Trên Đồi	Lưu Nhơn Nghĩa	36
Chữ Duyên Trong Truyện Kiều	Phù Văn	39
Thuốc Đắng	Huỳnh Trung Chánh	42
Tỏi Đi Học Tập Cái Tạo	Tích Cốc	44
Đường Sang Thiên Trúc	Trần Phong Lưu	48

Văn Nghệ

Mái Ấm Gia Đình	Mộc Văn	52
-----------------	---------	----

Chú Đề

Nghĩa Lý Phật Đản	Thích Tịnh Từ	55
Đức Phật và Những Gì Người...	Phạm Kim Khánh	57
Khoa Học và Đạo	Vũ Nguyễn Khang	61
Hai Quốc Độ	Phúc Thịnh	63

Giáo Dục

Lá Thư Trang Thiệu Nhi	Tâm Bạch	64
Sứ: Nhà Tiên Lê	Thiện Hạnh	66
Cuộc Đời Đức Phật	Chùa Khánh Anh	67
Tùy Bút	Thiện Căn	68
Theo Bước Chân GDPT Quán Thế Âm	Việt Nhân	69

Cộng Đồng - Tin Tức

Khí Người Tây Phương...	Thiện Hữu	73
Trong Đâu Khổ...	Phạm Thùy Nguyễn	74
Tìm Hiểu Thế Giới Ngày Nay	Thị Tâm	78
Tin Phật Sự và Cộng Đồng	Thị Chơn	83

Thơ

Của các Thi Hữu: Phương Hà, Tùy Anh, Bích Tiên, Việt Chí Nhân, Bảo Văn

Hộp Thơ Viên Giác	Thị Chơn	87
Phương Danh Cúng Dường	Viên Giác	88

Dần Sanh Đức Phật

THIỆN ÂN

Cách đây 2500 năm về trước, ở phía Bắc của xứ Ấn Độ có chia làm 4 đại quốc và nhiều quốc gia nhỏ kế cận xung quanh. Đức Phật Thích Ca sinh ở thành Ca Tỳ La Vệ, một trong các đại quốc của Ấn Độ ở thời ấy. Ngài sinh ở giòng họ Thích Ca, thuộc giai cấp Sát Đế Lợi, tức là giai cấp vua chúa quý tộc. Cũng nên nhớ rằng: giòng họ Thích Ca là một giòng họ cao quý, huyết thống thuần khiết, văn tài lỗi lạc, võ nghệ cao cường, tất cả các vị quốc vương tể tướng ở các đại quốc và tiểu quốc ở Ấn Độ thời ấy, cũng như toàn cả dân chúng ai ai cũng đều kính trọng, tán dương và khâm phục.

Vị quốc vương ở thành Ca Tỳ La Vệ ở thời ấy là vua Tịnh Phan. Ngài là 1 vị vô tướng khí phong lâm liệt, tài cao xuất chúng, nhân vì giúp vua Thiện Giác ở nước Câu Lợi đánh dẹp những nhóm phản loạn, đem lại hòa bình hạnh phúc cho dân chúng, vì cảm phục đến tài đức của Ngài, nên vua Thiện Giác liền cho con gái của mình kết hôn với vua, đó là Bà Ma Da phu nhân.

Năm tháng trôi qua, đến lúc vua Tịnh Phan trên 50 tuổi, Bà Ma Da ngoài 40 mới có bầu thai, rồi sinh ra Thái Tử. Lịch sử chép rằng: "Sau khi bầu thai, đến gần ngày mãn nguyệt, một hôm Ma Da phu nhân trong một chuyến đi du ngoạn tứ thành Ca Tỳ La Vệ về viếng thăm vua cha ở nước Câu Lợi; khoảng giữa đường, nhân ghé nghỉ ngơi tại vườn Lâm Tỳ Ni, bà liền sản sanh đức Phật ở đó". Ngày ấy là ngày trăng tròn tháng Tư ở Ấn Độ, năm 545 trước Tây lịch kỷ nguyên, tức là năm thứ 27 của vua Châu Linh ở Trung Hoa. Hiện tại theo Phật lịch của Phật giáo thế giới thì năm 1977 tức là ngày kỷ niệm Phật Đản Sanh thứ 2521.

Vua Tịnh Phan vì tuổi già mà được sanh con trai, nên vui mừng hoan hỷ vô cùng. Khi Đức Phật sinh ra đời có nhiều điềm lạ, xuất hiện ở trần gian, nên vị tiên nhơn A Tư Đà đang tu thiền định trên núi tuyết cũng xuống núi để tìm hiểu nguyên nhân. Khi đến thành Ca Tỳ La Vệ, tiên nhơn A Tư Đà được hướng dẫn vào cung điện của Vua để xem tướng cho Thái Tử. Khi nhìn thấy Thái Tử, vị tiên nhơn này liền sụp xuống lay, vừa khóc vừa tiên đoán rằng

"Tôi tiếc cho đời tôi, vì tuổi già nua, sinh bất phùng thời; vị Thái Tử này khi lớn lên chắc chắn sẽ thành Phật, một bậc giác ngộ hoàn toàn, tất cả người và trời đều cung kính". Dựa vào điển tịch mạng vi, và để nuôi dưỡng hy vọng là con mình sẽ trở thành một vị đại quốc vương nên vua Tịnh Phan liền đặt tên cho Thái Tử là "Tất Đạt Đa".

Hoàng hậu Ma Da phu nhân sau khi sinh Thái Tử được 7 ngày thì Bà liền lâm bệnh tử trần. Đây là 1 đại tang cho quốc gia, một sự đau lòng mất mát của vua Tịnh Phan, và cũng là một vết thương đau vô cùng tận không bao giờ phai của Thái Tử. Tang biến này gây một xúc động lớn lao sâu đậm trong cuộc đời tinh thần, tinh cảm và tâm lý của Thái Tử sau này.

Vua Tịnh Phan vì tuổi già hơn 50 tuổi mới có con trai, nên khi Thái Tử vừa mới sinh ra đời, Ngài đã dự tính đến vấn đề kế thừa vương vị. Bởi thế sau khi Hoàng Hậu Ma Da qua đời, vua Tịnh Phan liền chọn em gái bà là Ma Ha Ba Xà Ba Đế làm kế thất để chăm lo nuôi nấng Thái Tử; Bà này là Di ruột của Thái Tử, và cũng trở thành kế mẫu và dưỡng mẫu của Thái Tử. Cũng nên nhớ rằng: Bà Ma Ha Ba Xà Ba Đế là một người phụ nữ tài đức xuất chúng, vì thế sau khi đức Phật chấp nhận cho Bà xuất gia làm Tỳ kheo ni, Bà đã hoàn toàn lãnh đạo và giáo huấn cho một Ni đoàn gồm mấy trăm vị Tỳ kheo ni ở tu viện của họ.

Về sau, Bà Ma Ha Ba Xà Ba Đế có sinh được một người con trai, tên là Nan Đà, đây là người em trai khác mẹ của Đức Phật. Riêng về Thái Tử Tất Đạt Đa tuy được cha già thương yêu quý trọng, di mẫu chiếu chuông nâng niu, nhưng tánh tình Ngài thường trầm tư nhớ tưởng đến người Mẹ quá vắng của mình. Riêng Bà Ma Ha Ba Xà Ba Đế vì tình chị em ruột thịt đối với Hoàng Hậu Ma Da, vì thương cháu, cũng vì trách nhiệm của người dưỡng mẫu, Bà đã rất tận tình nuôi dưỡng và dạy dỗ Thái Tử. Một phần lớn những đức tánh khoan hồng trầm tĩnh, những tính tình vị tha thương người của Thái Tử sau này đều được vun xới, ảnh hưởng, cảm hóa của Bà di mẫu này.

Hòa Thượng Thích Thiện Ân
Trích báo Phật Giáo Việt Nam
số 54, tháng 5/80

5. Tổ Đệ Đa Ca (Dhrtaka)

(Đầu thế kỷ thứ hai sau Phật Niết Bàn)

Ngài tên Hương Chúng ở nước Ma Già Đà. Nhơn thân phụ Ngài năm mộng thấy mặt trời vàng ánh xuất hiện trong nhà, chiếu sáng khắp cả. Lại thấy phía trước hiện ra một hòn núi lớn, trang nghiêm bằng bảy báu, trên đỉnh núi có dòng suối, nước chảy trong veo, tràn khắp bốn phía. Sau đó, mẹ sanh ra Ngài.

Ngài gặp Tổ Ưu Ba Cúc Đa bèn đem điềm mộng của cha thuật lại và nhờ giải hộ. Tổ giải :
- "Núi báu là thân ta, suối nước tuôn ra là pháp vô tận, mặt trời xuất hiện trong nhà là tướng người vào đạo, ánh sáng chiếu khắp là trí tuệ siêu việt của người". Ngài nghe giải xong, vui mừng khắp khởi xương kệ rằng :

*Nguy nguy thất bảo sơn,
Thường xuất trí huệ tuyến.
Hồi vi chân pháp vị,
Năng độ chư hữu duyên.*

Dịch :

Vòi vọi núi bảy báu,
Thường tuôn suối trí huệ.
Chuyển thành vị chơn pháp,
Hay độ người có duyên.

Tổ Ưu Ba Cúc Đa cũng nói kệ đáp

*Ngộ pháp truyền ư như,
Dương hiện đại trí huệ.
Kim nhật tùng ốc xuất,
Chiếu diệu ư thiên địa.*

Dịch :

Pháp ta truyền cho người,
Sẽ hiện trí huệ lớn.
Mặt trời mọc trong nhà,
Chiếu sáng khắp trời đất.

Ngài nghe kệ rồi, xin theo Tổ xuất gia học đạo. Thấy Ngài ứng đối lanh lẹ, trí huệ minh đạt, Tổ hoan hỷ chấp nhận cho xuất gia làm đệ tử.

Một hôm, Tổ gọi Ngài bảo :

- Như Lai đem đại pháp nhân tạng trao cho Đại Ca Diếp, lần lượt trao truyền cho đến ta, nay ta trao lại cho người. Hãy nghe kệ đây :

*Tâm tự bốn lai tâm,
Bốn tâm phi hữu pháp.
Hữu pháp hữu bốn tâm,
Phi tâm phi bốn pháp.*

Dịch :

Tâm tự xưa nay tâm,
Bốn tâm chẳng có pháp.
Có pháp có bốn tâm,
Chẳng tâm chẳng bốn pháp.

TỔ THIÊN TÔNG

Ngài thành kính nhận lãnh chánh pháp. Sau, Ngài sang Trung Ấn giáo hóa. Nơi đây có tám ngàn vị đại tiên, dưới sự lãnh đạo của đại tiên Di Dá Ca. Nghe Ngài đến đây, Di Dá Ca vân tập tiên chúng đến yết kiến Ngài. Gặp Ngài, Di Dá Ca thưa :

- Xưa tôi cùng Thấy đồng sanh cõi trời Phạm Thiên. Tôi gặp tiên A Tư Đà truyền cho pháp tiên. Thấy gặp đệ tử Phật hướng dẫn tu tập thiên đình. Từ đó, cách nhau đã đến sáu kiếp.

Ngài bảo :

- Lời tiên nhơn đã nói đúng như vậy. Song, ông chuyên về pháp tiên tốt cùng sẽ đến đâu ?

Di Dá Ca thưa :

- Tôi tuy chưa gặp bậc chithánh song tiên A Tư Đà thường thọ ký rằng: "Sáu kiếp về sau, tôi sẽ nhờ bạn đồng học mà được chứng quả giải thoát. Nay gặp nhau đây đâu không đúng như vậy ư ?

Ngài bảo :

- Ông đã biết như vậy thì cần phải xuất gia, pháp tiên là đường nhỏ, không thể dựa người đến giải thoát. Ta hóa đạo đã lâu, cũng muốn dừng nghỉ. Nếu ông thật thú hướng về đại pháp thì không nên chậm trễ.

Di Dá Ca nghe nói vui mừng liền xin xuất gia. Ngài độ cho ông xuất gia thọ giới. Lúc đó, tiên chúng theo Di Dá Ca thấy vị tiên trưởng của mình làm như vậy, rất bất mãn. Họ nói thăm với nhau rằng: "Đệ Đa Ca đâu đủ sức làm thầy mình mà theo xuất gia".

Ngài biết tâm họ, muốn gây cho họ có niềm tin, liền phóng quang sáng chiếu, chân đi trên hư không như người đi trên đất bằng, lại hóa cây dù báu che khắp chúng tiên, nơi ngón tay sữa thơm tuôn ra, trong sữa hiện lên một hoa sen, trong hoa sen hóa ra Đức Phật.

Chúng tiên trông thấy thần biến phi thường, bèn cúi đầu cầu xin xuất gia. Tôn giả hoan hỷ chấp nhận. Thấy cơ duyên hóa độ đã viên mãn, Ngài truyền pháp lại cho Di Dá Ca, rồi thâu thần tịch diệt.



THÍCH THANH TỬ

Di Dá Ca và đồ chúng thiêu hài cốt Ngài, thâu lượm xá lợi xây tháp tại núi Ban Trà thờ phụng cúng dường.

(1) Đệ Đa Ca là tiếng Ấn, Trung Hoa dịch Thông Chơn Lương.

6. Tổ Di Dá Ca (Miccaka)

(Đầu thế kỷ thứ ba sau Phật Niết Bàn)

Ngài người Trung Ấn, không rõ họ gì. Ngài cùng chúng tiên thọ giáo xuất gia với Tổ Đệ Đa Ca. Sau đó, Ngài tu hành chứng được quả thánh.

Khi sắp tịch, Tổ Đệ Đa Ca gọi Ngài lại bảo :

- Xưa Như Lai thắm trao đại pháp nhân cho Đại Ca Diếp lần lượt truyền trao đến ta, nay ta trao cho người, người phải gìn giữ truyền trao chớ dứt. Nghe ta nói kệ :

*Thông đạt bốn tâm pháp,
Vô pháp vô phi pháp.
Ngộ liễu đồng vị ngộ,
Vô tâm diệt vô pháp.*

Dịch :

Thông đạt pháp bốn tâm,
Không pháp không phi pháp.
Ngộ rồi đồng chừa ngộ,
Không tâm cùng không pháp.

Sau khi được pháp, Ngài du hóa các nơi tùy căn cơ giáo hóa chúng sanh. Một hôm, Ngài đến Bắc Ấn chợt thấy trên thành có văng mây màu vàng. Ngài ngó sang những người bên cạnh bảo :

- Đây là vượn khi đại thừa. Trog thành này sẽ có bậc chí nhơn nối pháp cho ta.

Khi đi vào trong thành đến chợ, quả gặp người tay ôm bầu rượu, đón Ngài hỏi :

- Tôn giả từ phương nào đến và đi về đâu ?

Ngài đáp :

- Ta từ tâm minh đến, muốn đi không chỗ.

- Tôn giả biết vật trong tay tôi chẳng ?

- Đây là đồ đựng vật làm mất thanh tịnh.

- Tôn giả biết tôi chẳng ?

- Tôi thì chẳng biết, biết thì chẳng tôi.

Ngài lại bảo :

- Người hãy nói tên họ ra, ta sẽ chỉ nhơn đời trước cho người.

Người ấy bèn nói kệ :

*Ngã kim sanh thú quốc,
Phục ức tích thời nhưt;
Bốn tánh Phá La Đa,
Danh tự Bà Tu Mật.*

Dịch :

Nay tôi sanh nước này,
Lại nhớ ngày xưa;
Dòng họ Phá La Đa,
Tên là Bà Tu Mật.

Ngài nghe rồi nhớ lại duyên trước, bèn bảo Bà Tu Mật :
- Thấy ta là Đệ Đa Ca thường nói: "Xưa kia Như Lai du hóa Bắc Ấn có bảo A Nan: "Sau khi ta diệt độ khoảng ba trăm năm, ở nước này sẽ có vị thánh nhơn ra đời, họ Phá La Đa tên Bà Tu Mật. Làm vị Tổ thứ bảy của Thiên Tông". Đây là Như Lai thọ ký cho người, người nên xuất gia.

Bà Tu Mật liền để bầu rượu xuống, đánh lễ Ngài. Đánh lễ xong, đứng qua một bên thưa :
- Con nhớ lại kiếp xưa thường làm thí chủ cúng dường Phật một bảo tòa. Như Lai thọ ký cho con rằng: "Người ở hiền kiếp sẽ được Phật pháp làm Tổ thứ bảy". Nay gặp gỡ đây là cái duyên trước vậy, cúi xin Tôn giả đại từ thương xót độ thoát cho con.

Ngài liền vì ông cho cạo tóc xuất gia và thọ đầy đủ giới pháp.

Thấy tuổi đã già và cơ duyên hóa độ cũng xong. Ngài truyền chánh pháp lại cho Bà Tu Mật. Truyền xong, Ngài thâu thần tịch diệt. Bà Tu Mật và môn đồ lượm xá lợi để vào bình báu, xây tháp cao tôn thờ trên từng chót để mọi người cúng dường.

7. Tổ Bà Tu Mật (Vasumitra)

(Cuối thế kỷ thứ ba sau Phật Niết Bàn)

Ngài họ Phá La Đa sanh trưởng tại miền Bắc Ấn. Khi còn tại gia, Ngài thường mặc đồ sạch sẽ, tay cầm bầu rượu, đi dạo chơi trong xóm làng, có khi Ngài ngâm thơ thổi sáo, người thường không sao hiểu nổi, họ bảo Ngài là người điên.

Sau khi gặp Tổ Di Đà Ca nói lại lời huyền ký Như Lai, Ngài liền tỉnh ngộ tiến duyên, ném bầu rượu phát nguyện xuất gia. Theo Tổ tu hành. Ngài ngộ được tâm tông.

Một hôm, Tổ Di Đà Ca gọi Ngài căn dặn :

- Công hạnh của ta gần viên mãn chánh pháp nhân tạng nầy trao lại cho người, người phải ăn cẩn gìn giữ chỗ để đoạn diệt. Hãy nghe kệ đây :

*Vô tâm vô khả đắc,
Thuyết đắc bất danh pháp.
Nhược liễu tâm phi tâm.
Thùy giải tâm tâm pháp.*

Dịch :

Không tâm không thể được,
Nói được chẳng gọi pháp.
Nếu rõ tâm phi tâm.
Mới hiểu tâm tâm pháp.

Sau khi Tổ Di Đà Ca nhập Niết Bàn, Ngài đi khắp nơi tuyên dương chánh pháp. Khi đến nước Ca Ma La, Ngài lên pháp tòa giảng đạo, có một trí sĩ đến dưới tòa lớn tiếng tự xưng :
- Tôi là Phật Đà Nan Đệ, hôm nay quyết luận nghĩa với thầy.

Ngài bảo :

- Nầy nhơn giả! Nếu luận thì chẳng phải nghĩa, nếu nghĩa thì chẳng phải luận. Nếu nghĩ luận nghĩa, trọn chẳng phải nghĩa luận.

Nan Đệ biết đây là người nói nghĩa thù thắng, khởi tâm kính phục, thưa rằng :

- Con nguyện cầu đạo, được thường thức vị cam lộ. Ngài thương xót liền cho xuất gia thọ giới, không bao lâu truyền pháp cho Nan Đệ.

Đã có người thừa kế, Ngài dự định vào Niết Bàn. Ngài liền nhập từ tam muội để vào tịch diệt. Lúc đó, Đệ Thích, Phạm Vương cùng chư thiên đồng đến đánh lễ nói kệ :

*Hiền kiếp thánh chủng Tổ,
Nhĩ đương đệ thất vị.
Tôn giả ai niệm ngã,
Thỉnh vị tuyên Phật địa.*

Dịch :

Hiền kiếp các thánh Tổ,
Ngài là vị thứ bảy.
Tôn giả thương xót con,
Thỉnh vì nói Phật địa.

Ngài xuất định nói với họ rằng :
- Pháp ta đã được là không phải có. Nếu muốn biết Phật địa phải lìa có và không.

Nói xong, Ngài vào tịch định thị hiện tướng Niết Bàn. Chư thiên nghe rồi hoan hỷ tán hoa trời, đánh lễ. Nan Đệ cùng đồ chúng trà tỷ thân Ngài, rồi lượm xá lợi xây tháp cúng dường.

8. Tổ Phật Đà Nan Đệ (Buddhanandi)

(Đầu thế kỷ thứ tư sau Phật Niết Bàn)

Ngài họ Cù Đàm người nước Ca Ma La. Thuở nhỏ trên danh Ngài có cục thịt nổi cao, thường phát ra hào quang năm sắc xen lẫn. Ngài thông minh tuyệt vời, chữ nghĩa một phen xem qua là ghi nhớ. Năm 14 tuổi, Ngài phát tâm xuất gia chuyên dùng hạnh thanh tịnh để tự tu.

Khi Tổ Bà Tu Mật đến nước Ca Ma La, Ngài đến vấn nạn, nhơn đó kính phục xin theo làm đệ tử Tổ sắp Niết Bàn, gọi Ngài đến phó chúc rằng :

- Chánh pháp nhân tạng của Như Lai, nay ta trao cho người, người phải truyền bá chỗ để đoạn dứt. Nghe ta nói kệ đây :

*Tâm đồng hư không giới,
Thị đẳng hư không pháp.
Chứng đắc hư không thời,
Vô thị vô phi pháp.*

Dịch :

Tâm đồng hạn hư không,
Chỉ pháp bằng thái hư.
Khi chứng được hư không,
Không pháp, không phi pháp.

Ngài vâng giữ phụng trì.

Sau khi đắc pháp, Ngài thống lãnh đồ chúng du hóa khắp nơi. Đến nước Đệ Già, Ngài đi qua cổng nhà họ Tỳ Xá La, chợt thấy trên nóc nhà có hào quang trắng xông lên hư không. Ngài chỉ chúng xem và bảo :

- Trong nhà nầy hiện có một vị thánh nhơn, tuy miệng không nói một lời, chơn không đi một bước, mà thật là bậc căn khí đại thừa. Dù không ra ngoài đường mà biết việc xúc ử. Quả là người nối pháp cho ta, khiến Phật pháp hưng thịnh. Vị nầy sau sẽ độ được năm trăm người chứng quả thánh.

Ngài nói xong, có người trưởng giả trong nhà bước ra làm lễ thưa :

- Tôn giả cần điều gì dừng lại đây ?

Ngài bảo :

- Ta đến tìm người thị giả, chớ không cần gì.

Trưởng giả thưa :

- Nhà tôi đâu có người kỳ đặc mà Ngài tìm, chỉ có đứa con trai

tên Phục Đà Mật Đa không biết nói, không biết đi, tuổi đã năm mươi, nếu Ngài cần tôi cho, không tiếc.

Ngài bảo :

- Đứa con ông nói đó, chính là người tôi tìm. Trưởng giả thỉnh Ngài vào nhà. Phục Đà Mật Đa vừa trông thấy Ngài liền chỗi dậy, chấp tay nói kệ :

*Phụ mẫu phi ngã thân,
Thùy vi tối thân giá ?
Chư Phật phi ngã đạo,
Thùy vi tối đạo giá ?*

Dịch :

Cha mẹ chẳng phải thân,
Ai là người chí thân ?
Chư Phật phi đạo tôi,
Cái gì là tốt đạo ?

Ngài nói kệ đáp :

*Nhữ ngôn dữ tâm thân
Phụ mẫu phi khả tỷ
Nhữ hạnh dữ đạo hiệp
Chư Phật tâm tức thị
Ngoại cấu hữu tướng Phật
Dữ nhữ bất tương tợ
Nhược thức nhữ bốn tâm
Phi hiệp diệc phi ly.*

Dịch :

Lời người cùng tâm thân,
Cha mẹ không thể sánh.
Hạnh người cùng đạo hiệp,
Chư Phật chính là tâm.
Ngoại cấu Phật có tướng,
Cùng người không chút giống.
Nếu biết bốn tâm người,
Chẳng hiệp cũng chẳng lìa.

Mật Đa nghe bài kệ xong rất hoan hỷ, bước xuống đánh lễ Ngài và đi bảy bước, một lòng thành khẩn xin xuất gia. Ngài chấp nhận cho xuất gia, liền

triệu tập chúng hiền thánh làm lễ truyền giới cụ túc. Sau đó, Ngài lại dẫn dò Mật Đa :

- Pháp nhân của Như Lai thắm truyền đến đời ta, nay ta trao lại cho người, người nên truyền trao chớ đoạn dứt. Nghe ta nói kệ :

*Hư không vô nội ngoại,
Tâm pháp diệc như thế.
Nhược liễu hư không cớ,
Thị đạt chơn như lý.*

Dịch :

Hư không chẳng trong ngoài,
Tâm pháp cũng như thế.
Nếu hiểu rõ hư không,
Là đạt lý chơn như.

Mật Đa hân hạnh được truyền pháp vui mừng vô hạn, liền nói kệ khen ngợi :

*Ngã sư thiên Tổ trung,
Thích đương vi đệ bát.
Pháp hóa chúng vô lượng,
Tất hoạch A La Hán.*

Dịch :

Thầy tôi trong thiên Tổ,
Hiện là vị thứ tám.
Giáo hóa chúng không cùng,
Thầy được quả La Hán.

Mang Mang Hệ Lụy

Còn lốc bão mang mang tử vô thì
Cuộn luân hồi xoay chuyển đến vô chung
Nên oan trái nở trên vùng khổ lụy
Cuộc tử sinh đeo đẳng đến vô cùng.

Những thao thức chưa phai mùi tục lụy
Những ưu phiền chưa xóa cuộc bể dâu
Năm tháng đợi nòn nao như hồng thùy
Bốn mùa trông xao xuyên tựa cuồng lưu.

Rối vọng tưởng cũng trở thành bào ảnh
Rối hoang mê cũng chuyển biến vô thường
Trong hư huyền một đêm nào chợt tỉnh
Nghe ăn năn lăm lờ thoáng qua hốt.

Những điệp khúc qua lời kinh chú nguyện
Những vế vế qua lời sám sắc không
Như sinh thức tử tâm linh thị hiện
Nhỏ vào đời từng giòng máu thiện lương.

Tỳ Anh

(Hamburg, Đêm tĩnh tâm 3.12.88)

Ngài truyền pháp xong, sắp vào Niết Bàn. Hôm ấy, đang ngồi trên bốn tòa, Ngài an nhiên thị tịch. Số chúng Ngài độ có đến năm trăm vị chứng nhĩ quả. Toàn chúng trà tỷ hải cốt Ngài, lượm xá lợi xây bảo tháp tôn thờ.

9. Tổ Phục Đà Mật Đa (*Buddhamitra*)

(Cuối thế kỷ thứ tư sau Phật Niết Bàn)

Ngài họ Tỳ Xá La ở nước Đê Già. Từ lọt lòng mẹ đến năm mười tuổi chưa từng nói một lời, chưa từng đi một bước. Cha mẹ nghĩ hơn duyên gì mà Ngài thế ấy? Đến gặp Tổ Phật Đà Nan Đê nói duyên đời trước rằng :

- Đứa bé này đời trước thông minh lắm, ở trong Phật pháp do lòng đại bi muốn làm lợi ích lớn cho chúng sanh, cho nên thường nguyện: "Nếu tôi sanh chỗ nào không bị tình phụ tử ràng buộc, tùy duyên lành kia liền được giải thoát". Miệng nó không nói là tiêu biểu đạo không tịch. Chơn nó không đi là tiêu biểu pháp không đến đi.

Cha mẹ Ngài nghe lời giải thích của Tổ sạch hết nghi ngờ, vui vẻ cho theo Tỳ xuất gia.

Sau khi đắc pháp, Ngài du hóa khắp nơi, sang Trung Ấn giáo hóa. Nơi đây có ông trưởng giả tên là Hương Cái. Ông này có người con trai tên Nan Sanh. Ông trưởng giả Hương Cái dẫn con đến yết kiến Ngài. Đánh lễ xong

ông trưởng giả thưa :

Thằng bé này ở trong thai mẹ ngót sáu mươi năm, do đó tôi đặt tên là Nan Sanh. Có một tiên đến xem tướng nó, rồi nói: "Thằng nhỏ này hẳn là tướng phi phạm, sẽ làm pháp khí đại thừa, sau gặp Bồ Tát hóa độ". Bởi có duyên lành nên nay được gặp Ngài, tôi nguyện cho nó theo Ngài xuất gia học đạo.

Ngài hoan hỷ nhận cho Nan Sanh xuất gia thọ giới. Trong buổi lễ xuất gia thọ giới bỗng có ánh sáng mặt chiếu khắp chỗ Nan Sanh ngồi.

Cơ duyên hóa độ sắp viên mãn, Ngài kêu Nan Sanh lại dặn dò :

- Đại pháp nhân tạng của Như Lai, nay ta trao cho người, người phải gìn giữ truyền trao đừng cho đoạn dứt. Người nhận lời ta dạy, hãy nghe kệ đây :

*Chơn lý bốn vô danh,
Nhơn danh hiển chơn lý.
Thọ đắc chơn thật pháp,
Phi chơn diệc phi nguy.*

Dịch :

Chơn lý vốn không tên,
Nhơn tên bày chơn lý.
Nhận được pháp chơn thật,
Chẳng chơn cũng chẳng nguy

Nói kệ xong, Ngài bèn vào chánh định hiện tướng Niết Bàn. Chư thiên trời nhạc cúng dường. Nan Sanh cùng đờ chúng dùng dầu thơm gõ chiêng đàn làm lễ hòa tống chơn thể của Ngài. Hòa tống xong lượm xá lợi vế tôn thờ nơi chùa Na Lan Đà.

(Còn tiếp)

GIÁC MINH ĐIỀU HẠNH BỒ TÁT

(Theo bộ Tây phương xác chỉ, Bồ Tát tự bày tỏ tức nhân như sau: "Thuở trước, về đời vua Minh Đế nhà Tấn, ta là một kẻ bán cùng. Tự thương cảnh ngộ của mình, ta phát đại nguyện rằng: "Tôi vì tức nghiệp nên chịu quả báo nghèo khổ nầy. Từ đây tôi nguyện niệm Phật tu hành, nếu không được thấy Phật A Di Đà và sanh về Cực Lạc để thành tựu tất cả công đức thì dù có phải tan nát thân mạng nầy, tôi cũng không thoái bỏ". Phát nguyện rồi, trong bảy ngày đêm ta chuyên tin tưởng niệm, liền được tâm khai, thấy thân tướng Phật A Di Đà, đẹp đẽ sáng chói, đầy khắp mười phương thế giới. Lúc ấy ta được Phật thọ ký cho, và về sau năm 75 tuổi, ta thoát hóa, sanh về Cực Lạc. Nay vì bản nguyện lợi sanh, ta trở lại cõi nầy, tùy phương hóa độ".

Trong bộ Tịnh độ thánh hiền lục có nói: "Từ năm Sùng Trinh thứ 16 đời nhà Minh, đến năm Thuận Trị thứ 4 đời nhà Thanh, Bồ Tát thường hay giáng thân nơi Ngô môn chỉ dạy về pháp niệm Phật")

Trong bộ Tây phương xác chỉ, Bồ Tát dạy: "Tâm vốn không niệm, niệm do tưởng sanh, cái tưởng ấy già dối, khiến cho chúng sanh mãi chịu luân hồi. Nay các người nên biết một câu A Di Đà Phật đây, không từ nơi tưởng mà sanh, chẳng do nơi niệm mà có, không dính mắc trong ngoài, chẳng có tướng mạo chi. Hiểu rõ như thế thì trừ hết các vọng tưởng, cùng với pháp thân của Phật không đồng khác, không thể phân biệt. Niệm như thế thì không phiền não trần lao, không đứt đoạn, không mở buộc, chỉ là như tâm. Được chỗ như tâm này, mới gọi là "giữ lấy danh hiệu", mới gọi là "một lòng không loạn". Nếu niệm Phật không như tâm, phải quyết ý dứt những tư tưởng vẩn vơ, chầm rãi mà niệm, làm sao cho tiếng hiệp với tâm, tâm hiệp cùng tiếng. Cứ như thế niệm mãi lâu lâu vọng tưởng sẽ lặng dừng tâm cảnh sẽ sáng tỏ, chứng vào Niệm Phật tam muội. Kệ rằng :

Nói ít một, câu chuyện,
Niệm nhiều một câu Phật.
Đánh được vọng niệm chết,
Hứa pháp thân người sống.

Trước khi niệm Phật, phải phát đại nguyện, nguyện sanh Cực Lạc, rồi sau chí thành khẩn thiết xưng thánh hiệu đức A Di Đà. Khi

HƯƠNG QUÊ CỰC LẠC

LIÊN DU

niệm phải khiến cho tiếng duyên theo tâm, tâm duyên theo tiếng, tâm và tiếng nương nhau, giữ cho bền lâu đừng mất, thì sẽ được vào Chánh ức niệm tam muội.

Đại để người tu tịnh nghiệp, khi đi đứng nằm ngồi, đều phải hướng về phương Tây thì cơ cảm dễ thành, căn cảnh dễ thuận thực. Trong thất chỉ cùng một tượng Phật, một quyển kinh, một tư hương còn bàn, ghế và giường mỗi thứ chỉ một cái, không nên để nhiều vật khác. Ngoài sân cũng phải quét dọn sạch sẽ, để cho khi đi kinh hành không bị trở ngại. Điều căn yếu là làm sao cho tâm mình không vướng một mây trần, dứt bất muôn điều lo nghĩ, rỗng rang trong sáng, không biết có thân, có đời, cũng không biết hành động của mình hôm nay là việc tu hành. Được như thế thì cùng với đạo ngày gần, với đời ngày xa, có thể xu hướng về tịnh nghiệp.

Phép tu tịnh độ không ngoài hai chữ chuyên cần, chuyên thì không thêm một việc chi khác, cần thì không bỏ phi phút giây. Lại phép trì danh, cần phải mỗi chữ mỗi câu tâm và tiếng nương nhau, khề xen lẫn một mây niệm dối, lâu ngày thành thực, quyết định được sanh về Cực Lạc, ngồi tòa bảo liên, lên ngôi bất thối. Bài kệ phát nguyện của Đại Tử Bồ Tát.

Phật mười phương ba đời,
A Di Đà bậc nhất,
Chín phẩm độ chúng sanh,
Oai đức không cùng cực.
Nay con đại quy y,
Sám hối tội ba nghiệp,
Có bao nhiêu phước lành,
Hết lòng xin hồi hướng.
Nguyện cùng bạn đồng tu,



Cảm ứng theo thời hiện,
Khi lâm chung, cảnh Phật.
Hiện trước mắt rõ ràng,
Kẻ thấy, nghe tinh tấn,
Đồng sanh về Cực Lạc.
Thấy Phật khởi sanh tử,
Như Phật độ muôn loài.

HUỆ VIÊN ĐẠI SƯ

(Đại sư họ Cổ, người xứ Nhạn Môn tin về học thuyết Nho, Lão. Năm 21 tuổi, sư nghe ngài Đạo An giảng kinh Bát Nhã, bỗng tỏ ngộ than rằng: "Các môn học Nho, Lão đều như lửa lép thôi!". Nhân đó bèn xuất gia, thọ hoằng dương Phật giáo. Ngài Huệ An từng khen "Chánh pháp truyền bá ở Trung Hoa, là do Huệ Viên nầy chăng?" Sau đại sư vào Lô Sơn, cảm rỗng khai mạch nước, thân vận chuyển cây để cất chùa Đông Lâm. Ngài từng đào ao trồng sen, hợp chúng lại ngày đêm sáu thời niệm Phật cầu sanh Tây phương, nhân gọi là Liên xã. Đại sư ở trong non hơn 30 năm, vua với cũng không đi, từng ba lần trông thấy thánh tướng, song trăm hậu không nói ra. Năm Nghĩa Hi thứ 12, Phật lại hiện, ngài bèn ngồi ngay nhập diệt, thọ được 83 tuổi. Người sau tôn đại sư làm sơ tổ trong Liên tông).

Đại Sư nói: "Sao gọi là Niệm Phật tam muội? - Ấy là nhớ chuyên tưởng lặng vậy. Nhớ chuyên thì chí không chia, tưởng lặng thì khí thanh thần sáng. Khí thanh thần sáng. Khí thanh thì trí giác soi khắp, thần sáng thì chiếu suốt chỗ tối tâm. Hai điều nầy thấm hợp nhau, hội lại mà ứng dụng. Các môn tam muội, danh mục rất nhiều, nhưng về phần công đức cao, để tu tiến, thì niệm Phật là bậc nhất. Tại sao thế? - Vì Như lại là đứng đả chứng cùng cực lý huyền tịch, thể và thân hiệp biến, ứng hóa không cùng. Cho nên kẻ tu môn

định nấy nương nhờ Phật lực, bỗng nhiên vọng giác tiêu tan, tức nơi cảnh sở duyên mà lặng lẽ dường như gương sáng, gương lòng sáng thì ánh linh giao chiếu, muốn tượng sanh bày. Chứng ấy sự thấy nghe dung thông, không còn cuộc hạn trong vòng tai mắt linh thể một màu, tự nhiên trong sáng. Và khi ấy tâm hợp lý huyền vọng tình tan mất, chỗ tuyệt diệu trong đời có chi hơn đây ư?

Rất mong các hiền giả tu theo pháp nấy gắng chí hành trì, làm sao cho được khế ngộ, cảm tất bóng để tàn, lo chưa đầy công đức, ngồi ngay ngắn nơi bồ đàn, rửa sạch lòng nơi pháp tọa, ban ngày siêng năng, ban đêm quên ngủ. Như thế mới mong sánh bước người trên, dặt diu kẻ dưới được".

VĂN THÙ SỰ LỢI BỔ TẤT

(Văn Thù Sự Lợi có chỗ gọi là Văn Thù Thất Ly, dịch là Diệu Đức hoặc Diệu Kiết Tướng. Theo kinh Bi Hoa, Bồ Tát khi xưa là Thái tử Vương Chúng, con thứ ba của Luân Vương thời đức Phật Báo Tang. Khi Thái tử phát hoằng thế ở trước Phật rồi, liền được đổi tên là Văn Thù Sự Lợi, và được thọ ký về sau thành Phật hiệu Phổ Hiện, ở thế giới Thanh Tịnh Vô Cấu Báo Chí về phương Nam. Lại kinh Văn Thù Bát Niết Bàn nói: "Văn Thù Bồ Tát thị hiện sanh ở nước Xá Vệ, làng Đa La, làm con của Phạm Đức Bà La Môn. Bồ tát từ hông bên mặt của mẹ sanh ra, thân sắc tử kim, biết nói liền lúc ấy. Lớn lên, theo Phật xuất gia).

Kinh Hoa Nghiêm nói: "Bấy giờ, ánh sáng chiếu qua ngàn thế giới, tất cả đức Văn Thù ở các cõi đều đồng thời đối trước Phật nói kệ rằng: "Trong tất cả oai nghi. Thường nhớ công đức Phật. Ngày đêm không xen hở. Nghiệp như thế nên tu".

Kinh Quán Phật Tam Muội Hải nói: "Sau khi Văn Thù Bồ Tát bày tỏ túc nhân, tự nói đã chứng được Niệm Phật tam muội, tất sanh về tịnh độ, đức Thế Tôn thọ ký rằng: "Ông sẽ được sanh về cõi Cực Lạc". Bồ Tát liền đọc kệ phát nguyện: "Tôi nguyện lúc mạng chung. Trụ tất cả chướng ngại. Thấy Phật A Di Đà. Sanh về cõi Cực Lạc. Khi đã về nơi ấy. Thành tựu các đại nguyện. A Di Đà Thế Tôn. Thọ ký cho thành Phật".

Trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục nói: "Đời Dương, Pháp Chiếu đại sư nhớ đức Văn Thù dùng thần lực nhiếp vào thành cảnh ở non Ngũ Đài. Đại sư đánh lễ Bồ Tát và thưa thỉnh về yếu môn tu hành. Đức Văn Thù bảo: "Nay người nên niệm Phật, chính là lúc hợp thời, bởi các môn tu hành không chi hơn niệm Phật. Siêng năng cúng dường Tam Bảo, gồm tu phước huệ, hai điều nấy rất là cần yếu. Đời quá khứ ta nhân cúng dường, quán tưởng và niệm Phật mà được Nhưث thiết chủng trí. Cho nên tất cả pháp, pháp bát nhã ba la mật, môn thiền định rất sâu, cho đến chư Phật, đều từ nơi niệm Phật mà sanh. Thế nên biết niệm Phật là vua của các pháp". Ngài Pháp Chiếu hỏi: "Đệ tử phải niệm như thế nào?" Bồ Tát bảo: "Ở thế giới phương Tây có Phật A Di Đà. Nguyên lực của đức Phật ấy không thể nghĩ bàn, người nên tưởng niệm chớ cho gián đoạn, khi mang chung quyết định sẽ vãng sanh không còn thoái chuyển". Nói rồi, Bồ Tát đưa cánh tay sắc vàng xoa dành ngài Pháp Chiếu và bảo rằng: "Do người niệm Phật, không bao lâu sẽ chứng quả vô thượng bồ đề". Đại sư được thọ ký rồi, vui mừng dành lễ lui ra.

PHỔ HIỆN BỔ TẤT

(Theo kinh Bi Hoa, Bồ Tát khi xưa là Thái tử Văn Đổ, con thứ tám của vua Luân Vương, thời đức Phật Báo Tang. Sau khi Thái tử đối trước Phật phát đại nguyện, liền được đổi tên là Phổ Hiện và được thọ ký về sau thành Phật hiệu là Trí Cang Hầu Tử Tại Tướng Vương, ở thế giới Trì Thủy Thiện Trụ Tịnh Công Đức nơi phương Bắc. Lại theo kinh Hoa Nghiêm, Bồ Tát đã là vị tá phụ của Phật Tỳ Lô Giá Na mà còn dùng mười đại nguyện vương khuyến dẫn hải chúng Bồ Tát trú cõi Hoa Tang đồng về Cực Lạc. Chúng ta là kẻ hạ phàm há chẳng phát nguyện làm theo ư?).

Kinh Hoa Nghiêm nói: "Khi Phổ Hiện Bồ Tát khen ngợi công đức thù thắng của Như Lai rồi, liền bảo các Bồ Tát và ngài Thiện Tài rằng: "Nếu muốn thành tựu công đức ấy, phải tu mười điều hạnh nguyện rộng lớn:

- 1) Lễ kính chư Phật
- 2) Khen ngợi Như Lai
- 3) Rộng tu sự cúng dường
- 4) Sám hối nghiệp chướng
- 5) Tùy hỷ các công đức
- 6) Thỉnh Phật chuyển pháp luân
- 7) Thỉnh Phật trụ ở đời

- 8) Thường theo Phật tu học
- 9) Hằng thuận các chúng sanh
- 10) Hồi hướng khắp tất cả.

Nếu có người nào dùng lòng tin sâu, thọ trì đọc tụng đại nguyện nầy, cho đến biên chép bốn câu kệ, sẽ được mau tiêu trừ tội ngũ vô gián. Khi người ấy lâm chung, trong khoảng sát na rốt sau tất cả các căn thầy đều tan hoại, chỉ có đại nguyện nầy không rời bỏ nhau, liền được sanh về thế giới Cực Lạc".

MÃ MINH BỔ TẤT

(Theo bộ Truyền Đăng Lục, khi Bồ Tát sanh ra, cảm động đến bảy ngựa đều bị thương kêu la. Bồ Tát lại khéo thuyết pháp, có thể khiến cho bảy ngựa nghe rồi rơi lệ kêu thương. Sau khi đức Thích Ca diệt độ 600 năm, 96 thế ngoại đạo ở Tây vức đều phục hưng, phá hủy Phật pháp; Bồ Tát bên thị sanh ở miền đông Ấn Độ, nước Tang Kỳ Đa, làm nhiều bộ luận hiển chánh phá tà. Trong bộ luận Khởi Tín, Bồ Tát khuyên người niệm Phật, cầu sanh Tây phương. Khi lâm chung, ngài vào pháp Long phần tấn tam muội, đưa minh lên hư không, tỏa ra ánh sáng rực rỡ như mặt trời, kể đó lại trở về bản vị mà nhập niết bàn).

Lược Đại thừa khởi tín nói "Nên mạnh mẽ tinh tấn, ngày đêm sáu thời, lễ bái chư Phật, thành tâm sám hối, khuyến thỉnh, tùy hỷ, hồi hướng về quả bồ đề. Tu tập như thế không thôi nghỉ thì sẽ được khỏi các chướng, căn lành thêm lớn". Lại nói: "Như Lai có thắng phương tiện để nhiếp hộ kẻ tin tâm. Ấy là dùng nhân duyên chuyên nhớ niệm Phật tùy nguyện cầu sanh về tịnh độ ở phương khác, do được thương thấy Phật nên vĩnh viễn xa lìa ác đạo. Như trong Tu đa la nói: "Nếu người chuyên niệm Phật A Di Đà ở phương Tây, đem những căn lành mình tu hồi hướng về cõi kia, thì được vãng sanh. Do thường thấy Phật nên không còn lo thoái chuyển".

(Còn tiếp)

SỰ PHỤC HƯNG PHẬT GIÁO TẠI ẤN ĐỘ

Giới thiệu Tác giả:

Ernst Benz, giáo sư môn "Lịch Sử Giáo Hội và Giáo Điều" (Church and Dogmatic History), nguyên Giám Đốc Trưởng Toàn Thể Giáo Hội (Ecumenical Institute) thuộc Đại Học Marburg, Tây Đức. Năm 1957-1958, ông được mời qua dạy tại Đại Học Doshisha ở Kyoto (Nhật Bản). Giáo sư Ernst Benz, nhiều năm nghiên cứu Phật Giáo, đã từng đi tham khảo, gặp gỡ các lãnh tụ những đoàn thể Tân Phật Giáo (Neo-Buddhism) ở Ấn Độ; và tìm hiểu sinh hoạt, tổ chức Phật Giáo tại các quốc gia Á Châu như Miến Điện, Tích Lan, Đại Hàn, Hồng Kông và Phi Luật Tân.

(Ghi chú của người dịch)

THÍCH TRÍ CHƠN

(tiếp theo)

Suốt thời gian bị chính quyền thực dân Anh cai trị, trào tán Phật giáo này đã thực hiện được nhiều công tác xã hội đáng kể. Hội Ma Ha Bồ Đề đã tích cực hoạt động trong việc bãi trừ hệ thống giai cấp Ấn giáo với mọi bất công xã hội của nó. Hội cũng đã thực hiện các công tác cứu trợ khi có thiên tai như trong nạn đói kinh khủng xảy ra tại Bengal năm 1897. Cả thế giới Phật giáo đều đoàn kết rộng rãi với Hội trong cơn khủng hoảng này. Hội đã kêu gọi nhiều quốc gia, tổ chức Phật giáo quốc tế giúp đỡ tài vật cấp dưỡng số đông nạn nhân bị đói trong nửa năm trời, một công tác không có quan nào làm được ngoại trừ những tổ chức Thiên Chúa.

Năm 1947, sự rút lui của người Anh và thành lập chính thể Cộng Hòa Ấn Độ, đánh dấu bắt đầu một thời đại mới cho Hội Ma Ha Bồ Đề. Chủ quyền của tên Hội giáo Mahant ở Bồ Đề Đạo Tràng chấm dứt và tân chính quyền tiểu bang Bihar (46) bấy giờ chiếm lại toàn vùng đất Bồ Đề Đạo Tràng, thiết lập một nền tảng hợp pháp cho việc duy trì thánh tích Phật giáo thiêng liêng này. Sắc luật chùa Bồ Đề Đạo Tràng năm 1949 công nhận chùa làm nơi trung tâm hành hương và nghiên cứu của Phật tử. Trong khi đó, Hội đã tu bổ xong nhiều chùa tháp cổ tại Lộc Uyển (Sarnath) và xây cất tại đây một ngôi chùa mới. Lúc đầu Đại Đức Dharmapala tìm thấy Lộc Uyển như một làng hẻo lánh xa xôi. Hội Ma Ha Bồ Đề đã thành lập, biến nơi này thành một trung tâm tinh thần và kinh tế quan trọng với Hội Nghiên Cứu Phật Giáo, thư viện, nhà thương thí, trường Ma Ha Bồ Đề và một Phật Học Viện để đào tạo những giảng sư Phật giáo.

Sự phục hưng Phật giáo cũng được thực hiện tại nhiều

thành phố, quận lỵ khác của Ấn Độ. Năm 1922, Hội Phật giáo Bom-bay (47) ra đời. Hội thành lập tại đây một trung tâm nghiên cứu Phật giáo, chùa và thư viện. Chùa này năm 1953 được cúng cho Hội Ma Ha Bồ Đề làm nơi sinh hoạt cho hàng dân lao động và thủ công nghệ. Nhiều chi nhánh của Hội cũng thành lập ở New Delhi (48), Lucknow (48) và các thành phố khác. Thành quả đáng kể nhất của Hội sau nhiều năm hoạt động, truyền bá và giáo dục là năm 1952, bảo tàng viện Anh quốc giao trả lại cho Hội Ma Ha Bồ Đề ngọc xá lợi hai vị đại đệ tử của đức Phật - ngài Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên do Alexan-der Cunningham (50) mang về Anh năm 1851. Về đến Ấn Độ, những ngọc xá lợi này được cung nghinh diển hành khắp toàn quốc và được dân chúng các nơi đón rước lễ bái với tâm thành ngưỡng mộ lớn lao. Không một vị anh hùng nào tranh đấu giành tự do, giải phóng Ấn Độ thoát khỏi ách thống trị của thực dân Anh mà được sung bái như thế. Xá lợi được cung nghinh về tại lễ đài vĩ đại ở Sanchi, nơi gốc tảng trụ chúng trước kia. Tại đây, trước sự hiện diện của thủ tướng Ấn Độ và Miến Điện, những ngọc xá lợi tôn trí trong hộp đựng thánh tích, được an vị thờ tại ngôi chùa mới do Hội Ma Ha Bồ Đề xây cất. Buổi lễ này còn có một ý nghĩa khác là đánh dấu ngày kỷ niệm đệ thập ngũ chu niên thành lập Hội.

Công tác đáng kể khác của Hội là đã gây được ảnh hưởng lớn lao đối với quần chúng trí thức hơn là sự nghiệp trùng tu, kiến tạo chùa tháp và các trung tâm tu Thiền Phật giáo của Hội. Đó là chương trình phiên dịch kinh tạng Phật giáo ra các ngôn ngữ phổ thông Ấn Độ của Hội. Công tác này được Hội thực hiện với kiến thức quảng bác và lòng nhiệt tâm. Với công việc phiên dịch tạng kinh và ấn hành bằng

các ngôn ngữ Hindi (51), Tamil, Telugu (52), Urdu (53) cùng nhiều thứ tiếng khác, những học giả Ấn Độ bắt đầu trình bày sự lợi ích của giáo lý đức Phật trong đời sống. Ngoài ra, nhiều buổi thuyết pháp về Phật giáo cũng được các chi Hội Ma Ha Bồ Đề thường xuyên tổ chức tại nhiều thành phố khác của Ấn Độ.

Năm 1908, Ashutosh Mookerjee (54), chủ tịch Hội Ma Ha Bồ Đề đã thuyết phục đại học Calcutta quảng bá việc nghiên cứu tiếng Pali, một cổ ngữ mà qua đó hầu hết kinh điển Phật giáo được ghi chép. Nhiều đại học lớn khác ở Ấn Độ như Patna, Benares, Lucknow (55), Nagpur, Bombay, Poona và Baroda (56) cũng đã làm theo. Tại Âu Châu, việc phục hưng nghiên cứu ngôn ngữ Hy Lạp vào thời kỳ Canh Tân, trong khi nhiều đại học trước kia hoàn toàn dạy tiếng La Tinh, đã giành lại địa vị ưu tiên cho nền văn chương cổ điển Hy Lạp, tân ước Hy Lạp và các tu sĩ giáo hội Hy Lạp. Cùng thế, ngày nay, qua đời sống của những nhà trí thức Ấn Độ, đã chứng tỏ ảnh hưởng tinh thần của sự phục hưng Phật giáo dù số Phật tử trong các nhà văn tiên phong này của Ấn còn tương đối ít. Tuy nhiên, nền văn học Marathi (57) có thể tự hào với một trong những nhà văn nổi tiếng nhất của nó là Dharmananda Kosambi (58), người đã ấn hành nhiều tiểu luận Phật giáo. Và nền văn chương Hindi hiện đại cũng đã hành diện với những tác phẩm độc đáo nhất của các nhà văn Phật giáo như Rahul Sankrityayan và Anand Kausalyayan (59).

Tuy nhiên, người ta cần phải phân biệt rõ giữa sự va chạm của Phật giáo trong đời sống tinh thần Ấn Độ hiện đại và đặc tính của nó (Phật giáo) như một tôn giáo với hình thức xã hội riêng biệt - Tăng gia, với đạo đức tôn giáo và thực hành tu tập đặc thù của nó.

(còn tiếp)

**GHI CHÚ CỦA BÀI :
SỰ PHỤC HƯNG PHÁT GIÁO TẠI ẤN ĐỘ**

(46) **BIHAR** : Tiểu bang miền đông bắc Ấn Độ, đồng giáp tiểu bang Tây Bengal, tây giáp tiểu bang Uttar Pradesh, nam giáp tiểu bang Orissa và bắc giáp vương quốc Népal. Diện tích: 174,038 cây số vuông với dân số (thống kê năm 1971) : 56,4 triệu. Thủ đô: thị trấn Patna. Ngoài ngôn ngữ chính Hindi, dân chúng còn dùng tiếng Anh. Về tôn giáo dân Bihar theo Phật giáo, Ấn Độ giáo, Kỳ Na giáo (Jainism), Hồi giáo và Thiên Chúa giáo (Dịch giá).

(47) **BOMBAY** : Thủ đô của tiểu bang Maharashtra, miền tây Ấn Độ. Diện tích: 603 cây số vuông với dân số (thống kê 1981): 8,3 triệu. Ngoài ngôn ngữ chính là Marathi, dân địa phương còn dùng tiếng Hindi và Anh văn. Bombay là 1 trong những thành phố to lớn, đẹp đẽ, tân tiến và văn minh nhất của Ấn Độ. Dân chúng theo các đạo : Phật giáo, Ấn giáo, Hồi giáo, Thiên Chúa giáo, Do Thái giáo (Jews) và Bái Hỏa giáo (D.G).

(48) **NEW DELHI** (Tân Đê Li): Thủ đô của Ấn Độ. Diện tích : 1,484 cây số vuông với dân số (thống kê 1981) : 5,3 triệu. Ngoài ngôn ngữ chính là Hindi, dân địa phương còn nói các thứ tiếng khác như Anh văn Urdu và Punjabi. Dân chúng theo Phật giáo, Ấn giáo, Hồi giáo, Thiên Chúa giáo và đạo Sikhs do Guru Nanak (1469-1538) sáng lập (D.G).

(49) **LUCKNOW**: Thủ đô của tiểu bang Uttar Pradesh, miền đông bắc Ấn Độ. Ngôn ngữ chính được dùng ở đây là Hindi. Về tôn giáo, phần lớn dân chúng theo Ấn giáo và Hồi giáo. Cũng có một số theo Phật giáo và Thiên Chúa giáo (D.G).

(50) **ALEXANDER CUNNINGHAM** (1814-1893): Người Anh đầu tiên đến Ấn Độ như một sinh viên trường võ bị vào năm 1833. Năm 1861, ông nhận làm thanh tra (kiểm soát viên) đầu tiên về ngành khảo cổ cho chính phủ Ấn Độ. Năm 1870, ông được bổ nhiệm giữ chức Giám đốc Viện Khảo Cổ Ấn Độ cho đến ngày ông về hưu vào năm 1885. Sau khi về hưu, ông chuyên tâm nghiên cứu về môn Cổ Tiền Học (Numismatics) và về sau trở thành một học giả danh tiếng về môn học này. Ông cũng đã viết nhiều sách giá trị về ngành khảo cổ học và cổ sử Ấn Độ mà đến nay những tác phẩm này của ông vẫn còn được xem như kho tài liệu vô giá, giúp ích rất nhiều cho các sinh viên và giáo sư chuyên nghiên cứu về môn học cổ sử Ấn Độ (D.G).

(51) **HINDI** : Ngôn ngữ được cấu tạo trên nền tảng của tiếng Phạn (Sanskrit). Về cách viết cũng không khác chữ Phạn mấy. Hindi là tiếng nói thông dụng ở hầu hết khắp các tiểu bang miền bắc Ấn Độ, và từ lâu được hiến pháp Cộng Hòa Ấn Độ công nhận chọn làm quốc ngữ chính thức của quốc gia (D.G).

(52) **TAMIL và TELUGU**: Hai ngôn ngữ chính thức được dùng tại tiểu bang Tamil Nadu với thủ đô là thành phố Madras ở miền nam Ấn Độ (D.G).

(53) **URDU** : Ngôn ngữ được cấu tạo hợp thành bởi ba thứ tiếng khác nhau - Ba Tư (Persian), Thổ Nhĩ Kỳ (Turkish) và Hindi (Ấn Độ). Văn tự của Urdu cũng giống tiếng Ả Rập (Arabic), viết từ phải sang trái; nhưng cách kết cấu và văn phạm của nó căn bản lại xây dựng trên tiếng Hindi của Ấn Độ. Urdu là tiếng nói thông dụng tại các tiểu bang miền bắc Ấn Độ, nhất là trong hàng dân chúng theo Hồi giáo (D.G).

(54) **ASHUTOSH MOOKERJEE** (1864-1924) Sinh trưởng trong một gia đình trung lưu ở Calcutta, là một luật sư và nhà giáo dục danh tiếng của Ấn Độ. Ông bắt đầu hành nghề luật sư từ năm 1888, giữ chức chánh án tối cao Pháp Viện Calcutta năm 1920 và về hưu năm 1923. Trước đó, vào năm 25 tuổi, ông làm phó viện trưởng đại học Calcutta (thành lập năm 1857) và giữ chức vụ này tiếp trong 4 nhiệm kỳ. Năm 1908, lần đầu tiên ông yêu cầu đại học Calcutta mở phân khoa cổ ngữ Pali với chương trình dạy đến cấp bằng M.A. Từ đó, đại học Calcutta trở thành trung tâm học hỏi, nghiên cứu và phát huy kho tàng văn học Pali của Phật giáo. Năm 1915, ông được bầu làm chủ tịch đầu tiên của Hội Ma Ha Bô Đê (D.G).

(55) Đại học **PATNA** được thiết lập vào năm 1917 tại Patna, thủ đô của tiểu bang Bihar, miền đông bắc Ấn Độ; đại học **BENARES** năm 1916 tại thành phố Varanasi thuộc bang Uttar Pradesh và đại học **LUCKNOW** năm 1921 tại thị trấn Lucknow, thủ đô của tiểu bang Uttar Pradesh, miền đông bắc Ấn Độ (D.G).

(56) Đại học **NAGPUR** thành lập năm 1923 tại thị trấn Nagpur, đại học **BOMBAY** năm 1857 tại thành phố Bombay và đại học **POONA** năm 1948 tại thành phố Poona. Cả ba đại học Nagpur, Bombay và Poona đều thuộc tiểu bang Maharashtra, miền tây Ấn Độ. Còn đại học **BARODA** được thành lập năm 1949 tại thành phố Baroda, thuộc tiểu bang Gujarat, miền tây Ấn Độ (D.G).

(57) **MARATHI** : Ngôn ngữ chính được dùng ở tiểu bang Maharashtra, miền tây Ấn Độ (D.G).

(58) **DHARMANANDA KOSAMBI** (1871-1947) Một học giả Phật tử Ấn Độ, nổi tiếng uyên thâm về Phật giáo. Năm 1902, ông sang Tích Lan xuất gia thọ Sa Di một thời gian, học thánh ngữ Pali với thượng tọa Sumangala tại Học viện Vidyodaya. Ông cũng qua Miến Điện tu thiền nhiều năm. Năm 1906, ông được mời dạy Pali tại đại học Calcutta. Sau đó, ông đến hoằng pháp giáo hóa cho quần chúng Phật tử ở tiểu bang Maharashtra. Tại đây, ông gặp giáo sư J.H.Woods thuộc trường đại học Harvard và được giáo sư này mời sang Hoa Kỳ để soạn tiếp cuốn "Thanh Tịnh Đạo" (Visuddhi Magga) do học giả Warren đang soạn dở dang. Tác phẩm này được ông hoàn thành mỹ mãn năm 1932, nhưng mãi đến năm 1950 mới được ấn hành. Vào những năm 1912-1918 ông được mời dạy Pali tại đại học Fergusson ở Poona (Ấn Độ) và tại đây nhiều học giả danh tiếng về Pali hiện nay đều là học trò của ông. Chính nhờ các học giả này

mà thánh ngữ Pali ngày nay đã chiếm được địa vị xứng đáng trong chương trình dạy cổ ngữ tại các trường trung và đại học ở miền nam cũng như nhiều tiểu bang khác khắp Ấn Độ.

Giáo sư Kosambi cũng có phục vụ một thời gian cho đại học Gujarat và tại đây, ông đã viết nhiều sách Phật giáo bằng tiếng Marathi và Gujarat, trong đó có hai cuốn Buddhacarita (Phật Bản Hành Tập Kinh) nói về đời sống đức Phật, và Jataka Katha viết về các truyện tiền thân của Ngài. Ông cũng dịch từ Pali ra tiếng Marathi cuốn "Kinh Tập" (Suttanipata) và nhiều kinh sách Pali khác (D.G).

(59) **RAHUL SANKRITYAYAN** và Đại Đức **ANAND KAUSALYAYAN**: Là những học giả đã góp phần không nhỏ vào nền văn chương Phật giáo bằng tiếng Hindi của Ấn Độ. Rahul Sankrityayan đã dịch nguyên bản Pali ra tiếng Hindi các bộ kinh như Trường Bộ (Digha Nikaya), Trung Bộ (Majjhima Nikaya) và một vài bộ thuộc Luật Tạng (Vinaya) như Giới Bản (Patimokkha), Đại Phẩm (Mahavagga) và Tiểu Phẩm (Cullavagga). Ngoài ra, ông còn viết một cuốn sách bằng tiếng Hindi về "Đời sống đức Phật" cũng như đã dịch từ nguyên bản Pali ra Hindi nhiều bài kinh Phật khác. Riêng đại đức Anand Kausalyayan thì đã dịch ra Hindi toàn bộ Bốn Sanh Kinh (Jataka) in thành 6 cuốn với 547 mẫu chuyện tiền thân của đức Phật (D.G).

Trích tác phẩm "BUDDHISM OR COMMUNISM WHICH HOLDS THE FUTURE OF ASIA?" (Phật Giáo hay Cộng Sản sẽ nắm giữ Tương Lai của A Châu).

THÔNG BÁO

Cùng dường định kỳ xây Chùa VIÊN GIÁC, kính xin Quý vị đến nhà Bank của Quý vị làm đơn chuyển tiền theo lối:

DAUERAUFTRAG

vào trường mục của Chùa như sau:

Congregation der Vereinigten
Vietn. Buddh. Kirche e.V.
Deutsche Bank Hannover
Bankleitzahl: 250 700 70
Konto-Nr.: 8657470 01

Xin cảm tạ Quý vị.

Chùa VIÊN GIÁC -Hannover.

đến ngày Phật Đản và ngày nhập hạ. Thấy ở gần biển tha hồ mà thờ khí trời trong sạch. Tại sao hồi còn ở nhà tôi không bao giờ bị chứng hắt hơi mỗi khi mùa Xuân đến, mà sang bên này lại cứ bị hoài ?

Trái mít non thấy gửi cho năm ngoái, chúng tôi đã đem kho tương, ăn ngon không thua mít kho của thầy Đồng Bồn ở chùa Trúc Lâm. Hồi còn ở chùa Từ Hiếu đại chúng ít khi được ăn mít kho. Thường thường chỉ có mít luộc, và lâu lâu có mít nấu canh. Ăn mít luộc thì không tốn dầu. Nấu canh mít thì cần dầu, nhưng vài muỗng dầu cũng đủ nấu được một nồi canh rồi. Trong khi đó, nếu ta muốn kho mít, mà kho ngon theo kiểu chùa Trúc Lâm thì phải dùng thật nhiều dầu. Đào dầu cho ra dầu. Hồi đó chúng tôi vừa đi tản cư về. Suốt mấy tháng tản cư chỉ được ăn cơm với nước tương và rau luộc. Rau đây là rau tàu bay và rau dền mọc hoang, hái được trên bước đường ty nạn. Chúng tôi thêm chất béo lắm. Về được tới chùa, chúng tôi đi nhặt trái đậu sỡ, bỏ vào bếp nướng rồi đập ra lấy hạt. Hạt này giã ra thì có chất dầu, đem nấu canh. Có lần tôi và chú Tâm Mãn bị đau bụng đi tiêu vì ăn trái đậu sỡ, cho nên chúng tôi không dám dùng trái này nhiều trong lúc nấu ăn.

Tôi học được nhiều món mít do đi Tu ở chùa Từ Hiếu dạy. Ngon nhất là món canh mít. Để cho mít mềm, nhất định là phải có vài muỗng dầu phụng đổ vào nồi canh trước khi đây vung lại. Dầu phụng vừa làm cho mít chống mềm vừa cho mít chất béo. Trên miền đồi núi Dương Xuân Thượng chúng tôi hái được một thứ lá màu đỏ gọi là lá sần, bỏ vào canh mít ăn thơm và ngon lắm. Lá sần thì đi đôi với lá lốt. Ở trong Nam tôi chỉ thấy có lá lốt mà chưa hề được thấy lá sần. Trái mít thấy gửi qua tôi không nấu canh là tại vì tôi biết không thể nào tìm ra lá sần và lá lốt. Tôi nghĩ thiếu 2 thứ lá ấy thì thà đừng nấu canh mít còn hơn.

Tôi định viết thư cảm ơn thầy về trái mít nhưng cả năm rồi mà chưa viết được. Bên đó chắc thấy trồng mít nhiều lắm. Ở Âu Châu không nơi nào tôi thấy có cây mít. Thấy còn nhớ cái hồ bán nguyệt ở sát tam quan chùa Từ Hiếu không? Tôi hay xuống gọt mít và rửa mít ở đấy. Tôi ngồi trên bậc đá, chân tôi dẫm dưới nước. Trái mít cũng được dẫm dưới nước, trên một bậc đá thấp hơn. Công việc được làm ở dưới nước để tránh cho nhựa mít dính quần vào mít và vào dao.

Mít luộc ở chùa Từ Hiếu rất trắng và rất mịn. Chừng nào có dịp mới thấy về Từ Hiếu, thế nào tôi cũng đãi thầy một bữa canh mít có lá sần và lá lốt. Còn một món này nữa mà tôi đã từng làm để đãi mấy người bạn văn nghệ sĩ ở Huế, đó là món mít trộn. Có muối mè, có đậu phụng giã nhỏ, có rau thơm trộn trong mít luộc thái nhỏ. Lấy bánh tráng nướng bẻ ra, xúc mít mà ăn. Khỏi cần ăn cơm.

Nói chuyện ăn thì nói bao giờ cho hết, nhất là gặp thời buổi đói kém này, khi mà ở chùa nào các thầy cũng đều phải ăn độn. Tết vừa rồi, tôi có nhận được một gói mít từ bên nhà gửi sang; chỉ có khoai ngào và sắn ngào mà thôi. Chết chùa, khoai sắn ăn còn không đủ mà lại đem ngào để gửi sang tận bên Tây. Nghĩ như thế nhưng tôi không dám nói ra. Ngày Tết, tôi thấp nhang lên cho thơm rồi mới pha một bình trà và đem các thứ khoai ngào và sắn ngào ấy ra mà nhấm nháp. Ngon nhiều hay ngon ít thì không nói, chỉ biết là bỏ mấy miếng khoai ngào sắn ngào vào miệng mà nước mất thì cứ muốn trào ra. Tôi liền gói phết tất cả lại, bỏ vào một cái hộp, gửi cho một người bạn thi sĩ người Ý ở Milan.

Mấy năm nay tôi nhận được khá nhiều thơ từ nhà gửi qua. Thơ đây là thi ca chứ không phải là thư từ. Là quá, nhiều người ngày xưa đâu có ủa gì thơ đâu có để ý gì đến thơ, vậy mà nay cũng làm thơ. Ai cũng làm thơ. Thơ nếu không hay thì cũng không dở. Có những bài thơ gửi cả từ trong các trại học tập ra. Thơ như là chất liệu, là tinh túy của đời sống. Thơ là đức kiên nhẫn, là sự chịu đựng, niềm hy vọng; thơ là tiết tháo, là chí nguyện, là tình thương. Đọc thơ, tôi thấy được tiềm lực của dân tôi, tôi thấy được tính cách bất khả hủy diệt của cả một giống nòi.

Thầy cho biết thầy đang dịch Bích Nham Lục. Cuốn "giáo khoa thư" này của các thiền viện mà đến thế kỷ này mới có người dịch thì kể cũng hơi trễ đấy. Tuy nhiên, thiên hạ đã chờ đợi được hàng mấy trăm năm rồi thì cũng có thể chờ thêm một vài tháng, đã ai chết đâu mà sợ. Tôi nói như vậy là để thầy có dư dả thì giờ mà dịch cho thật thông thả. Mỗi "tác" ở trong tác phẩm thầy có thể để ra một vài tuần mà dịch cũng được. Tất cả có 100 "tác" chứ có nhiều đâu. Tôi không thích Bích Nham Lục bằng Lâm Tế Lục. Bích Nham Lục văn chương hơi nhiều và kiểu cách hơi



tương lai thiền học việt nam

NHẤT HẠNH

Am Phương Vân, mùa Xuân Năm Nhâm Tuất

Thân gửi Thiền Duyệt Am Chủ,

Mấy hôm nay phấn hoa bay đầy trời, tôi hắt hơi không biết bao nhiêu lần. Mấy bụi đinh hương tím bên giếng nước đã nở, tôi biết hương của nó ngọt nhưng cũng không dám cắt vào cắm trong phòng. Bên đó đã Rằm tháng ba rồi, chỉ còn có một tháng nữa là

nhiều. Lâm Tế Lục tràn đầy sức sống mà lại rất thực, không có kiểu cách. Có lần tôi đã định dịch Lâm Tế Lục, nhưng vì ham chơi quá nên lại thôi.

Bích Nham Lục đã được xuất bản bằng tiếng Anh năm 1961. Dịch giả là một nhà thần học Cơ Đốc Giáo sống nhiều năm ở đất Phù Tang. Ông tên là R.D.M. Shaw. Ông đã để ra mười lăm năm để dịch tác phẩm này. Tiếng Anh của sách là The Blue Cliff Records; sách do nhà Michael Joseph Ltd. ở Luân Đôn ấn hành. Tựa của sách là do đạo hữu Christmas Humphreys, hội trưởng hội Phật Giáo ở Luân Đôn để. Tuy tiến sĩ Shaw đã để tới mười lăm năm để dịch và để bình chú sách, tôi vẫn thấy những lời bình chú của ông còn chưa được thấm tương cho lắm. Tôi tin rằng bản dịch của thầy dù được thực hiện trong vòng sáu tháng hay một năm cũng sẽ thấm nhuần chất tương cho nhiều hơn, bởi vì ngồi tĩnh lại tôi thấy những chai tương tiêu thụ từ năm 1946 tới giờ có thể sắp hàng từ Pháp Lạc thất cho đến bờ biển. Tôi nghĩ rằng sau mỗi "tắc", mỗi bài "tung" và mỗi lời thùy thị, thế nào thầy cũng có thêm lời bình chú của thầy. Điều đó quan trọng vô cùng, bởi vì chính nhờ vào những lời bình chú ấy mà "mỗi khi cầm đến lại thành mới tinh" ("nhất hồi niệm xuất nhất hồi tâm"). Gần đây năm 1977, nhà xuất bản Shambhala ở Colorado cũng mới ấn hành một bản dịch khác của Bích Nham Lục do Thomas và J.C. Cleary thực hiện. Nhưng ấn bản này chỉ mới có tập I, chưa có trọn bộ. Đợi khi nào sách ra trọn bộ tôi sẽ đọc và sẽ viết cho thầy sau.

Lâm Tế Lục cũng đã được một nhà học giả Pháp tên là Đới Mật Vi dịch và chú giải. Nghe nhà học giả Pháp có tên là Đới Mật Vi chắc thấy cũng tức cười. Đới Mật Vi là cách phát âm của chữ Demiéville. Phải rồi, đó là nhà học giả Phật học trứ danh ở xứ này tên là Paul Demiéville, người mà cả Etienne Lamotte, cả André Barreau đều coi như là sư phụ. Năm nay tiên sinh đã suy t soát chín mươi. Bản dịch Lâm Tế Lục của ông là một bản dịch rất thông minh. Sách tên là Entretiens de Lin Tsi do nhà Fayard ở Paris xuất bản năm 1972 trong loại sách Documents Spirituels. Paul Demiéville đọc Hán tạng rất trôi chảy. Năm 1971, tôi có lần mới tiên sinh về chơi ở tề xá ở Maisons Alfort để thọ trai. Tại đó, tôi không có trang bị ghế bàn gì hết và tiên sinh đã phải ngồi xếp xương trên một tấm tọa cụ. Sau khi uống trà và đàm đạo xong, ông phải cố gắng

một hồi lâu mới đứng dậy được. Tôi ăn hận quá vì đã không chịu đi mượn nhà hàng xóm một chiếc ghế bành để về tiếp ông. Năm 1972, khi bản dịch Lâm Tế Lục ra đời, tiên sinh đã gửi cho tôi một tập với dòng chữ Nho "Nhất Hạnh thiên sư giáo chính, Đới Mật Vi kính trình". Tôi đọc và khâm phục ông hết sức. Khâm phục tinh thần học giả liêm khiết nơi ông. Ông nói có nhiều đoạn trong cuốn Lục, ông vẫn còn chưa thấu triệt và ông cảnh cáo với độc giả là đừng quá tin vào những lời bình giải của ông. Theo ông, thiên của Lâm Tế là một nỗ lực để cải cách lại giáo, và Lâm Tế dùng phương tiện đưa cột để làm cho kẻ đối thoại cảm thấy thái độ cố chấp và giáo điều của họ.

Tôi nghĩ tại các thiền viện ở Việt Nam, ta nên biết xử dụng đúng mức các tác phẩm Khóa Hư Lục và Tuệ Trung Thượng Sĩ Ngữ Lục. Bốn mươi ba công án thiền mà Trần Thái Tông cử ra và làm niềm tụng đều là những công án có thể đem ký thác cho các thiền sinh nuôi dưỡng. Các lời niệm và các bài tụng của Thái Tông không cầu kỳ, không nặng tính cách văn chương, có thể giúp đỡ nhiều cho các thiền sinh. Như công án thứ mười ba chẳng hạn :

CỦ : Đại Quy nói "Khái niệm về Có và Không như giấy leo quần cây lớn. Sơ Sơn hỏi : "Cây lớn ngã, giấy quần thô thì Có và Không đi về đâu? Nói rồi cười ha ha.

NIỆM : Nước tuy chảy đi nhưng vẫn còn nằm trong lòng biển, trăng tuy lặn mất cũng khề lia khỏi thái không.

TUNG : Sóng lặng khi nào gió đứng yên
Mắt công hướng ngoại lưỡng lao phiến
Một tiếng cười, tan nghi van mới
Phân thành sỏi ngọc rõ đôi bên !

Để thương biết bao! Tôi đã dịch bốn mươi ba công án này ra tiếng Việt và tiếng Pháp nữa nhưng chưa có dịp thêm lời bình chú. Bản dịch tiếng Pháp đã được in, còn bản dịch tiếng Việt còn nằm trên học tủ từ mười hai năm nay.

Trong Tuệ Trung Thượng Sĩ Ngữ Lục cũng có mười một công án với lời niệm và bài tụng. Những công án này rất xuất sắc, tràn đầy sức sống, tràn đầy giác ngộ tính. Thấy đã từng đem những công án này phú thác cho các thiền sinh chưa? Tôi ưa những công án này lắm: có cái còn sắc bén hơn nhiều tặc trong Bích

Nham Lục. Công án thứ nhất chẳng hạn :

CỦ : Kinh Niết Bàn có câu :
"Muôn vật đều vô thường,
Ấy là pháp sinh diệt".

NIỆM : Cái gì sinh diệt ?

TUNG : Muôn vật thảy vô thường
đều là pháp sinh diệt.
Ba cõi mưa sa
Mười phương gió táp !
Phàm thánh không ở chung
Rắn rỗng chẳng hỗn tạp.

Vạn vật vô thường gì cũng không
Tâm sinh diệt kia, ai vẫn đáp ?
Nếu gặp ông già Cù Đàm xưa
tránh sao ngang hông một cái đập ?
Hỡi ơi !
Chưa thấy mùa xuân ấm
mà đào lý nở hoa.

Tuệ Trung Thượng Sĩ Ngữ Lục quả là một bảo vật của thiền môn đất Việt. Sức sống giác ngộ toát ra mãnh liệt từ toàn bộ tác phẩm. Vậy mà cho đến nay, sách vẫn chưa được lưu hành rộng rãi. Tại các Phật học viện và thiền viện trong nước ta, số học tăng và thiền sinh học tập và xử dụng cuốn lục này có được bao nhiêu người? Xin Thiên Duyệt am chủ lưu ý đến điểm này cho.

Lời xử dụng công án trong việc thiền tập bắt đầu từ đời Đường như thầy đã biết. Trước đó có ai nói đến công án đâu? Vậy mà bây giờ nói đến thiền là người ta nghĩ đến công án. Tôi biết rất nhiều thiền sinh đã nhờ công án mà đạt ngộ, nhưng tôi thấy số người đi lạc vào ngộ bí vì công án cũng nhiều. Công án có năng lực tạo nên sự chú ý; người sống với công án khó quên được công án cũng như người bị trúng tên mà chưa nhớ được tên ra thì không thể quên được mũi tên. Tuy nhiên, đa số thiền sinh đã mang trí năng để đi vào công án. Với trí năng họ mong mỏi khám phá được một kho tàng giác ngộ vùi chôn trong công án, cũng như người đi đào mỏ tìm vàng mang theo một cái thùng đào đất. Hỡi ơi, kho vàng kia đâu có nằm trong công án, và công án lại là chính cái thùng thì trí năng dùng để làm gì? Máy ai đã có khả năng lấy cái thùng công án để đánh đuổi cái thùng trí năng? Số thiền sinh bị đẩy ra biển cả mệnh mông để trôi giạt và chết đuối kể ra rất nhiều. Nhất là khi họ gặp phải những ông thiền sư còn cứng còn sống như khoai hấp trong một nồi nước chưa bao giờ sôi.

Cách đây ba năm tôi có vợ được một cuốn sách tên là Phê Phán về Thủ Thiên Già Mạo Thời Nay (Gendai Sojizen Hyofon). Cuốn này viết bằng tiếng Nhật, ra đời năm 1916, ký tên Phá Hữu Pháp Vương. Sách được in một lần thứ hai năm 1917 và sau đó biến mất trên thị trường. Bây giờ không tìm đâu ra được một cuốn; may mắn lắm thì mới gặp một ảnh bản (photocopy) mà thôi. Sách gì mà quý thế, chắc thấy mỉm cười tự hỏi. Đó là một thứ sách cặm, trong đó có tới hai trăm tám mươi một công án và đầy đủ những câu giải đáp cho tất cả các công án đó. Nó giống như một thứ livre du maitre của các ông thầy dạy toán; học trò vỡ được thì có thể tìm thấy trong đó đáp số của tất cả các bài toán mà ông thầy đưa ra. Đó là lý do khiến cho các ông thiền sư chống đối sự ra đời của cuốn sách. Thiền sinh của họ nếu vỡ được sách thì khê cần thiền quán làm chi cho cực khổ, cứ rong chơi ta đã tuế nguyעי rồi đến lúc trình kiến giải cứ đem những câu giải đáp trong sách ra mà thưa với thầy. Phần chính yếu của cuốn sách, nghĩa là những giải đáp công án được công bố trong cuốn sách, thật ra đã có từ mấy trăm năm nay và bí mật lưu truyền từ thầy tới trò. Những ông thiền sư còn "sượng" rất cần tới sách đó để có thể kiểm điểm "trình độ tu chứng" của học trò mình, để xem học trò mình đã có khả năng được phái đi chủ trì một thiền viện địa phương hay chưa. Vậy mà cuốn sách được in ra thì thử hỏi ai mà không "bối rối" ?

Bối rối vì bí quyết của mình bị tiết lộ đã đành, nhưng bối rối hơn là ở chỗ cuốn sách tố cáo tính cách giả mạo của sự tu chứng. Thiền không tu chứng là thiền giả mạo; danh từ đưa ra là tương tự thiền (sojizen). Tác giả không để tên thật vì ông ngại sự trả thù. Ông nói ông để biệt hiệu Phá Hữu Pháp Vương là để tự bảo hộ và để tránh những cuộc cãi cọ vô ích. Có thể ông cũng là viện chủ một thiền viện đương thời. Có như thế ông mới biết được sự thực bên trong của tình trạng tu chứng trong thiền giới. Ông tố cáo tính cách giả mạo của sự tu chứng trong thời đại ông và ông nói ông chỉ tin tưởng vào các công án của các thiền sư Trung Hoa xưa, chứ không tin tưởng gì ở truyền thống tu chứng từ Bạch Ẩn (1685-1768) trở xuống. Cái tình trạng "bối rối" do cuốn sách gây nên đã khiến cho cuốn sách không còn được lưu hành. Nhìn với con mắt từ bi ta thấy sự lưu hành bí mật của cuốn sách qua các thế hệ thiền

Thủy Tiên

Mở hội ngàn hoa đón chúa Xuân,
Thủy Tiên trang trọng góp đôi phần.
Lá xanh uốn mãi màu xanh đậm
Rễ trắng dài thêm về trắng ngần
Sắc nước, coi vàng chớ mặc khách
Hương trời, đĩa ngọc đợi tao nhân
Ngày nay liệu có bao đồng diệu
Kiếm kè dài trang lúc giáng trần...???

Bảo Vân

sư cũng không trái chống gì mấy với đạo lý. Ở nước ta, có những thời đại mà tăng sĩ tụng kinh mà không hiểu gì về nội dung cuốn kinh. Tuy vậy nhờ những người ấy mà kinh được lưu truyền tới thời đại mà có người hiểu được kinh. Cái cuốn Livre du Maitre lưu truyền trong giới thiền gia kia là để giúp những ông thiền sư không đạt ngộ đóng được vai trò truyền đăng. Học trò ta không đũa nào chứng ngộ, nhưng đệ tử của họ có thể có người sẽ chứng ngộ! Tâm ý của người lưu truyền sách có thể chỉ là tâm ý ấy. Vào thời đại này, người tu đạo chứng đạo đâu có mấy ai !

Chắc thầy cũng muốn biết qua mặt mũi cuốn sách đó. Để tôi chép lời giải đáp của vài ba công án để thấy xem cho biết :

THIÊN SỨ : Khi hai vị thù tạc của hai thiền đường tới gặp thiền sư Lâm Tế, họ đồng thời quát lên một tiếng trước mặt nhau. Một vị tăng hỏi thiền sư Lâm Tế: hai vị cùng quát, vậy ai là CHỦ, ai là KHÁCH ? Thiền sư nói: thì chủ khách phân minh đó! Sư thêm: nếu muốn hiểu thì về hỏi hai vị thù tạc.

THIÊN SINH : Cột nhà thì đứng, nền nhà thì nằm; núi thì cao, sông thì thấp.

(và đọc tiếp) :
núi là núi, sông là sông
(hoặc) :
liều thì lục, hoa thì hồng

THIÊN SỨ : Hai tay vỗ vào nhau thì có tiếng vỗ tay. Vỗ tiếng của một bàn tay là

tiếng gì ?

THIÊN SINH : (ngồi ngay thẳng hướng về phía thiền sư, khê nói năng gì, đưa thẳng một bàn tay về phía trước).

THIÊN SỨ : Người đã nghe được tiếng một bàn tay, vậy hãy chứng tỏ điều ấy ra.

THIÊN SINH : (không nói năng gì đưa thẳng một bàn tay về phía trước).

THIÊN SỨ : Nếu nghe được tiếng một bàn tay thì thành Phật. Người thấy sao ?

THIÊN SINH : (không nói năng gì đưa thẳng một bàn tay về phía trước).

THIÊN SỨ : Sau khi người chết, xác thân thành tro bụi, người có nghe được tiếng ấy không ?

THIÊN SINH : (không nói năng gì đưa thẳng một bàn tay về phía trước).

THIÊN SỨ : Nếu bàn tay bị lưới kiếm chặt mất thì sao ?

THIÊN SINH : Không thể chặt mất được

(hoặc) thấy chặt thử xem!
THIÊN SỨ : Tại sao không thể chặt được ?

THIÊN SINH : Tại vì bàn tay chưa đụng cả pháp giới.

THIÊN SỨ : Trước khi sinh, bàn tay ấy thế nào ?

THIÊN SINH : (không nói năng gì đưa thẳng một bàn tay về phía trước).

Viết thư này cho thầy xong có lẽ tôi phải đi châm lửa đốt cuốn sách kia ra tro mới được. Nếu không, có ngày sẽ có nhiều người tới xin làm ảnh bản. Biết đâu trong số đó lại chẳng có đệ tử của thầy! Đệ tử của thầy vượt biên quadrž thiếu gì!
(còn tiếp)

Chương VII

MỘT HỢP ÂM ĐÃ MẤT TRONG THIÊN CHÚA GIÁO

Tiếp theo

Ai cũng biết là trong biên niên sử tôn giáo có những trang đẫm máu và đổ máu. Thế nhưng ít ai thấy rõ rằng việc thắng tay loại trừ thuyết tái sinh khỏi tư tưởng và giáo lý Thiên Chúa giáo đã lưu lại những vết nhơ thuộc loại sâu đậm, nhục nhã nhất. Thời gian đã làm mọi việc chìm sâu trong quên lãng, và ngày nay đa số tín hữu Thiên Chúa giáo không ngờ rằng giáo hội đã từng đặc biệt chiều chuộng thuyết tái sinh. Tuy nhiên sự thật rành rành ra đó là trước khi đạo Thiên Chúa trở thành công cụ chuyển vận tham vọng đế quốc của vua chúa La Mã, thuyết tái sinh đã được chấp nhận rộng rãi trong số những tín ngưỡng bị đàn áp.

Được một số đức cha thuộc Giáo Hội cổ sơ rao giảng cũng như được Hệ phái Ngộ đạo (Gnostics) quý trọng (Hệ phái Ngộ đạo là một phong trào trong truyền thống tông đồ chú tâm vào việc bảo tồn và truyền bá mật ngôn của Chúa Kitô). Tái sinh được xem như phù hợp với Cựu và Tân Ước Kinh, bổ túc cho ý niệm cá nhân được cứu rỗi qua đấng Kitô.

Từ những ngày đầu của Thiên Chúa giáo sơ khai, chuyện đầu thai đi, đầu thai lại trên dương thế là sự thật hiển nhiên đối với nhiều tín hữu bao lâu mà họ còn kiên trì tìm cầu sự giác ngộ. Tuy nhiên họ cũng tin rằng chu kỳ sinh tử luân hồi tẻ nhạt này có thể nhờ sự linh cảm Chúa Kitô mà vượt qua, và những ngài Ngài giục giả tín đồ rèn luyện tâm linh đến chỗ hoàn hảo khiến cho cá nhân có thể hòa hợp với Thượng đế, nhẹ bớt gánh nặng nhục thể.

Vị chủ xướng quan trọng nhất của giáo thuyết này là ORIGEN, mà thánh Gregory ở Nyssa gọi là "ông hoàng của Cơ Đốc giáo vào thế kỷ thứ ba" cũng như bộ Bách khoa tự điển Britannica cho rằng "ngài là đức Cha cao tốt nhất, có lẽ chỉ dưới thánh Augustine". Trong khi trung thành với kinh điển, Origen

còn thiên về triết lý Plato rất thịnh hành thời đó ở Alexandria, nơi chôn nhau cắt rốn của ông, từ trên 400 năm rồi. Ông hoàn toàn đồng ý với Plato ở điểm là linh hồn rất tử chui vào trong thân xác hữu hoại nhằm chứng tỏ rằng linh hồn chiến thắng những ham muốn của xác thịt. Thế nên ông đã viết trong lá thư đăng ở "A Seley Library of the Nicene and Post Nicene Fathers of the Christian Church" :

"Nếu có thể chứng tỏ rằng một đấng vô hình và có lý trí tự nó có một đời sống riêng, biết lập với thân xác, và rằng việc nó nằm trong nhục thân tẻ hại hơn là nằm ngoài, thì rõ ràng là thân xác đóng vai thứ yếu, thân xác thỉnh thoảng trời dẫy để dạy những điều kiện chi đó của các sinh thể có lý trí. Những sinh thể nào cần có xác thịt đều bị xác thịt bao phủ, và trải lại khi các linh hồn sa ngã vụt lên đến chỗ cao hơn thì nhục thân của họ một lần nữa lại bị hủy hoại. Như vậy họ cứ biến đi rồi lại hiện ra"

Trong "De Principiis", tác phẩm chính của ông và là quyển giáo lý có hệ thống đầu tiên của Cơ Đốc giáo, Origen tuyên bố :

"Mọi linh hồn... khi xuống trần đều đã đạt được những thắng lợi hồi tiền kiếp khiến vững mạnh hơn, hoặc bị các thất bại làm suy yếu đi. Vì thế của nó trong cõi đời này là một kẻ có vinh dự hoặc bị ô nhục, đều do những hành vi tốt, xấu hồi tiền kiếp quyết định. Nghiệp nó tạo ra ở cõi này sẽ định đoạt chỗ đứng của nó trong cảnh giới tương lai".

Đối với Origen (mà trong những năm cuối của cuộc đời ông bị người La Mã tra tấn, giam cầm vì những niềm tin đó) cũng như đối với các đức Cha khác như Justin Martyr (vị sáng lập trường TCG đầu tiên tại La Mã), Thánh Kinh phải được hiểu theo nghĩa cõi mờ và ẩn dụ, bóng gió nhất. Giáo lý bao quát, khái tượng, phỏng khoáng của Origen chẳng phải lúc nào cũng được những người theo trào lưu chính thống tán

thường, vì những người này ham chuộng lối giải thích Thánh Kinh theo nghĩa hẹp, căn cứ vào ngôn từ. Tuy nhiên sự chống đối thuyết tái sinh biểu lộ rõ rệt nhất trong giáo lý TCG kể từ thế kỷ thứ tư, khi giáo hội tiến hóa từ những nhóm nhỏ tín hữu thường bị quấy nhiễu, trở thành một định chế vững chắc, có thể bị lợi dụng để thăng tiến cũng như kiểm soát về mặt chính trị.

A. LỢI DỤNG THIÊN CHÚA GIÁO

Mầm mống cấm đoán thuyết tái sinh bắt đầu từ khi Constantine Đại đế, hoàng đế La Mã đầu tiên theo đạo Gia tô, ý thức rằng tín ngưỡng giúp mình nắm quyền lực cao tột. Trước khi đánh bại các lực lượng hùng mạnh của Maxentius ở trận Cầu Milvian năm 312, ông thấy một chữ thập ánh sáng năm chống lên vầng thái dương, một khái tượng khiến ông tin tưởng mình là người được tuyển chọn để bảo vệ TCG. Sau khi thắng trận, ông ban ân bố đức, khiến dân chúng lần đầu tiên được tự do tín ngưỡng. Các tín hữu Cơ Đốc giáo chưa hết ngạc nhiên, mừng rỡ vì bắt đầu hết bị chính quyền kỳ thị, thì TCG lại trở thành quốc giáo! Trong vòng hai mươi năm, TCG tiến triển từ chỗ là một tín ngưỡng bất hợp pháp (các tín đồ bị lùng bắt, ngược đãi, tàn sát) trở thành tôn giáo chính thức của đế quốc. Tuy nhiên giáo hội lại phải trả một giá khá đắt đối với các đặc ân, đặc lợi mà Constantine ban phát cho : giáo hội phải được tổ chức theo đúng khuôn mẫu chính trị của hoàng đế. Đạo đức, tín ngưỡng, lòng mộ đạo trở thành thứ yếu so với quyền lợi cá nhân vị kỷ và quyền lực chính trị. Các giám mục được bổ nhiệm không phải để chân đất con chiên mà để họ phục vụ đắc lực mục đích của Constantine nhằm thống nhất đế quốc. Lần đầu tiên trong lịch sử, Giáo hội bắt đầu có nhiều người theo đạo vì quyền lợi xã hội, kinh tế, chính trị hơn là vì muốn tu hành, đạt đạo.

Nôn nóng muốn bảo vệ cái mà ông gọi là thông điệp đích thực của TCG, Constantine duy trì áp lực chính trị qua việc triệu tập cộng đồng Nicea vào năm 325 nhằm xác định và định nghĩa sự chính thống của TCG. Kể từ đó, liên hiệp đầy quyền năng giữa Giáo hội và nhà nước (tuy nhiên ý chí của hoàng đế bao giờ cũng áp đảo) ban chỉ dụ định rõ cái gì có thể chấp nhận, cái gì là tà ma ngoại đạo. Thuyết chính thống chỉ cho phép có hai kiếp sống mà thôi : một kiếp mang thân xác người và một kiếp sau dưới dạng phục sinh. Những giám mục

CONSTANTINE ĐẠI ĐẾ (280-337) sau khi công bố TCG là quốc giáo, ông phát động việc đàn áp những người dị giáo.



nào không đồng ý với các quyết định này của Cộng đồng (trong số này có vài vị phản đạo khá nổi tiếng) đều bị hạ bệ ngay. Trong khi ấy, các tín hữu TCG thuận thành bất mãn với việc thế tục hóa giáo hội, họ phát động một phong trào lập tu viện riêng. Có khuynh hướng định cư trong sa mạc, đầu phải để trần đời mà cốt nhằm xa lánh Giáo hội thế tục, họ tự cho mình trách nhiệm bảo toàn mẫu người Cơ Đốc giáo, một tôn giáo thanh khiết và đơn giản như cuộc đời của Đấng Cứu Thế.

Sự tách rời của giáo hội cơ sở càng đậm nét hơn nữa vào năm 380, khi định chế thực thi việc đặt ngoài vòng pháp luật, trừng trị các tín hữu TCG có tư tưởng tự do, phóng khoáng. Hoàng đế THEODOSIUS ban hành sắc lệnh Thessalonica mà chẳng tham khảo ý kiến các giới chức giáo hội, buộc rằng: "Tất cả thần dân dưới quyền thống trị nhân từ của đế quốc nên theo đạo mà trẫm tin rằng đã được thánh tông đồ Phi-e-rơ truyền dạy cho người La Mã và được bảo tồn trong hình thức cơ truyền cho đến ngày nay". Sắc lệnh còn đi xa hơn nữa:

"Và trẫm yêu cầu những người theo tín ngưỡng này mang danh xưng là tín hữu Công giáo (Catholic), tuyên phán tất cả những người khác là diên khùng và gán cho họ cái tên là tà ma ngoại đạo, bị tuyên xử trước hết phải thọ lãnh trừng phạt của Thượng đế, ngoài ra còn chịu sự trả thù của quyền lực này mà trẫm là kẻ thừa sai của Thượng đế, được phó thác đảm trách".

Nói cách khác, dị giáo (heresy) không những là có tội, mà lại là trọng tội, có thể bị tử hình (mĩa mai thay, nghĩa gốc của chữ heresy chỉ là: một kẻ có thể chọn lựa). Năm 385, các vị thánh tử đạo đầu tiên vì tin có thuyết tái sinh, đã bị liên minh chính quyền và giáo hội đối xử dã man khi bày tín đồ người Tây Ban Nha thuộc hệ phái Priscillian bị quan tòa TCG tuyên phán họ theo tín ngưỡng sai lầm. Tuy nhiên trong khoảng một trăm

năm chục năm sau đó, chẳng có một sắc lệnh nào chính thức kết tội thuyết tái sinh trong toàn cả đế quốc. Các tín hữu TCG sống trong sa mạc, đa số theo hệ phái Ngô đạo, hoặc ít ra cũng tin tưởng ở lời giải thích kinh điển của Origen, ít để cuộc sống của họ bị động lực chính yếu của giáo hội chi phối. Tuy nhiên vào thế kỷ thứ 6, sự thù ghét giáo lý Origen gia tăng đến độ người ta thỉnh cầu hoàng đế JUSTINIAN ngự ra phán xử cuộc tranh chấp giữa những người theo Origen và các phe chống Origen ở Palestine. Justinian đáp lời bằng cách triệu tập hội nghị về tôn giáo tại Constantinophe năm 543. Nghị hội đã kết tội giáo lý của Origen. (Thiên hạ cũng đoán trước được việc này, vì vào năm 529 Justinian đã đóng cửa trường đại học Athens, thành trì kiên cố của triết thuyết Tân Plato đồng thời cũng còn là trung tâm nghiên cứu thuyết tái sinh). Sau đó hoàng đế ban hành 15 lệnh rút phép công thông đối với Origen, trong số đó có 4 lệnh trực tiếp nhằm vào tiến kiếp, và do đó nhắm vào tái sinh. Lệnh đầu tiên là:

"Nếu có kẻ cả quyết chuyển hoang đường là linh hồn đã có từ trước và cả quyết về sự phục sinh quái đản tiếp theo sau đó: hãy rút phép công thông của nó đi".

Người ta cho rằng Justinian đã đưa những lệnh trục xuất này cho phiên họp tiên hội nghị Đệ nhị Cộng đồng Constantinophe họp bất thường vào năm 553, xem trước. Đức giáo hoàng Vigilius, đang bị Justinian giam giữ từ 9 năm nay, từ chối dự cuộc thảo luận, mà để cho các vị giám mục dự họp (đa số đại diện cho giáo hội Đông phương) tán đồng ý kiến của vị hoàng đế chuyển chính này. Dù chẳng có bằng cứ là những lệnh trục xuất ra khỏi giáo hội nhắm đối phó thuyết tái sinh, đã được thảo luận trong phiên họp khoảng đại của giáo hội gồm đại diện khắp nơi trên thế giới về dự, các sử gia trong nhiều thế kỷ đã lầm lẫn khi cho rằng Đệ nhị Cộng

đồng đã tiến hành việc chấp thuận các lệnh trục xuất đó. Tuy nhiên về một khía cạnh nào đó, vẫn để chính thức phê duyệt là không thích đáng. Dù sao chăng nữa, kể từ công đồng TCG năm 553, giáo hội đã xa lánh thuyết tái sinh.

Có điều tại sao niềm tin về tái sinh lại làm chính quyền nổi giận là điều cần giải thích. Có lẽ vì những người theo thuyết tái sinh đã phạm một tội rất lớn là tự tin vào chính mình (self-reliance), việc này làm giảm thế lực của giới thống trị. Những người tin thuyết tái sinh chẳng hề bị những hứa hẹn của chốn thiên đường lung lạc như đầu có ngán lời đe dọa phải sa vào địa ngục. Họ không cần phải có giáo sĩ hoặc những nghi thức như thú tội để hướng dẫn họ đi trên con đường nhỏ hẹp trực chỉ đến Chúa. Khi khổ nhọc phấn đấu để tự cứu rỗi, họ xem việc giáo hội quá lệ thuộc vào các thánh lễ là điều không cần thiết. Và việc này khiến giáo hội nghiêm khắc đối với những tín hữu TCG nào không biết quy lụy khúm núm. Trong quyển "Những mẫu định mệnh" (Patterns of Destiny), Hans Holzer viết: "Giáo hội cần đến con roi Ngày Phán Xét Cuối Cùng để giữ các con chiến trong đội ngũ. Do đó, vẫn để sống còn đối với giáo hội là không cho phép niềm tin ở thuyết tái sinh tồn tại trong đám tín đồ".

Cho nên bất cứ một sự lệch hướng nào đối với đường lối chính thức đều bị những kẻ bảo vệ chính thống giáo trừng trị một cách tàn nhẫn. Tuy nhiên, dù bị đe dọa bởi những sự đàn áp khốc liệt nhất, kể cả việc tra tấn tập thể và hành quyết, nhiều hệ phái TCG vẫn bám chặt vào niềm tin "bị coi là dị giáo" của họ và chứng tỏ là chẳng thế bị đàn áp nổi. Các hệ phái này qui tụ dưới danh xưng hệ phái Catharism (tôn giáo của sự tẩy trần) một thuật ngữ thoát tiên được thánh Augustine dùng cho những người theo đạo Manichaeism tin ở thuyết luân hồi. Những người Cathar lúc nào cũng tin mình là tín đồ



CÁC GIÁO SĨ TÒA ÁN DI GIÁO (INQUISITION) đang tra tấn một kẻ tà ma ngoại đạo sau khi thất bại trong việc tẩy não phạm nhân. Tin có luân hồi được xếp vào loại tà ma ngoại đạo.

chân chính của TCG, kể cả người Paulician ở Thrace, người Bogomil ở Bào Gia Lợi, người Patarene ở bán đảo Balkans và người Albigensia ở miền nam nước Pháp, trong khi các nhóm khác "trăm hoa đua nở" ở miền bắc Ý và Đức quốc. Dù bị tòa án dị giáo trả thù ghê gớm, thẳng tay tiêu diệt những kẻ phản loạn, hệ phái Catharism "bành trướng nhanh và kiên trì kháng cự lại sự đàn áp đến nỗi có lúc tưởng chừng như nó đe dọa ngay chính sự tồn vong của TCG", như lời bình luận của Henry Lea trong quyển "Lịch sử Tòa án Dị giáo thời Trung cổ" (History of the Inquisition of the Middle Ages). Liên hệ với những người Cathar là các kỵ sĩ của đền Salomon (Knights Templars, một đẳng cấp quân sự TCG được thành lập để bảo vệ những người TCG từ Âu Châu sang Thánh địa hành hương) và các nhóm du ca troubadour đi lang thang khắp châu Âu giữa thế kỷ 11 và 13, thường phổ biến trong dân gian thuyết luận hồi qua các khúc ca ballad. Những bản tình ca đơn giản hàm chứa các câu chuyện kể về những kiếp sống xứng đáng được tưởng thưởng qua sự tái sinh thành những người có đủ điều kiện để phát triển tinh thần nhiều hơn nữa.

Vì giáo hội quyết theo đuổi cuộc thánh chiến có tính cách khủng bố và tàn sát cho đến chung cuộc đầy máu đổ, cho nên chỉ còn có kiếp sau là càng ngày càng được ca tụng. Vào năm 1244, người Albigenses bị tàn sát chẳng còn một mống, đàn bà, con nít cũng không tha, ở thành Monségur trong rừng Pyrénées.

Cộng đồng giáo hội Lyons năm 1274 và Florence năm 1439 đã mang về đó lệnh rút phép công thông của Justinian qua việc xác quyết rằng linh hồn trực chỉ thiên đàng, hay là xuống địa ngục. Họ hủy diệt rất chu đáo các tác phẩm dị giáo đến mỗi phần lớn những gì còn sót lại của các bài thuyết giảng của Origen chỉ có thể tìm thấy trong những phần trích dẫn để tranh cãi của những kẻ chống đối ông! Và đa số những phần còn sót lại đó đã được nhà phiên dịch La tinh Rufinus dịch "địu nhẹ một tí", chẳng muốn làm phật lòng các chức sắc cao cấp của giáo hội. Khoảng thế kỷ 16, tư tưởng tái sinh đã bị loại ra khỏi tầm thức công chúng, chỉ còn những nhóm huyền bí (như các nhà luyện vàng alchemist, nhóm mật giáo Kitô giáo Rosicrucian) âm thầm lên lút bảo tồn và trao truyền thuyết tái sinh cho thời hiện đại.

B. CHÚNG CỠ TRONG THÁNH KINH

Sự xác quyết rằng tái sinh đúng ra là "một hợp âm đã mất trong TCG" (nhưng chữ này được gán cho William Q. Judge, nhà sáng lập phong trào Thông thiên học bắt nguồn từ triết lý Ngộ đạo) có thể tìm thấy trong những trang Kinh Thánh. Tuy Cựu và Tân Ước Kinh không minh thị để cao



JUSTINIAN ĐẠI ĐẾ (483-565), đứng giữa, tự cho rằng mình có hào quang trên đầu, thực ra cũng là một bạo chúa, đã tàn sát không gớm tay những ai tin thuyết tái sinh.



NHỮNG NGƯỜI DU CA TROUBADOURS THỜI TRUNG CỔ

niềm tin này, nhưng có rất nhiều doan nói đến sự tái sinh trong cả hai quyển. Ở tác phẩm "Tái sinh trong Tân Ước Kinh" (Reincarnation in the New Testament, 1900), James M. Pryse quả quyết rằng tranh luận về việc thuyết tái sinh có được minh bạch giảng trong kinh Tân Ước hay không, chẳng khác nào phủ nhận sự hiểu biết của các tác giả Tân Ước về những gì họ viết rất rõ ràng.

Nhiều lời tuyên bố minh thị nhất lại do chính chúa Kitô phán, xác nhận trước kia ngài từng hiện hữu, thí dụ như Jesus đáp rằng: "Quả thật, quả thật, ta nói cùng các ngươi, trước khi chưa có Abraham, ta vẫn hằng hữu". (Jesus said unto them: Verily, verily, I say unto you, before Abraham was, I am. John 8:58). Cũng như khi Jesus đi qua, thấy một người mù từ khi mới sinh, các môn đệ hỏi Jesus: "Ra-bi, ai đã phạm tội, người này hay là cha mẹ người, mà người sinh ra đã mù?". Jesus đáp: "Người này không phạm tội, cha mẹ cũng không, nhưng ấy để cho công việc Đức Chúa Trời được tỏ ra trong người". (Giăng 9: 1-3). Dù các môn đệ rõ ràng cho

rằng người mù có tiền kiếp, song chúa Kitô đâu có chính họ, đâu bác bỏ sự giả định đó, ngài chỉ đáp không phải vậy, rồi lo chữa trị người mù. Không chống lại ý nghĩ các môn đệ, Jesus mặc nhiên thừa nhận là có tiền kiếp, tức là có tái sinh. Trong "Tin lành theo Ma-thi-ơ" (The Gospel according to Matthew chương 11, Jesus định ra Giăng-báp-tít là Elijah (Elias) tái sinh. Căn cứ vào lời tiên tri trong Cựu Ước Kinh rằng Elijah sẽ hiện ra trước khi Chúa Cứu Thế thị hiện. Jesus nói: "Ấy về người đó mà có chép rằng. Vì hết thầy tiên tri và luật pháp đều dự ngôn cho đến Giăng. Nếu các ngươi chịu nhận lấy, thì ấy là E-li, tức là người phải đến. Ai có tai mà nghe, hãy nghe". (Ma-thi-ơ 11: 10-13-14-15). Ma-thi-ơ vạch rõ: Các môn đệ "hiểu rằng Ngài đã nói về Giăng-báp-tít". Cả hai đều to lớn, ồn ào, đầy cảm hứng một cách cuồng nhiệt, không những tương mao y phục giống nhau, mà tính tình còn y hệt nữa. Thật vậy, bất cứ cái gì kém hơn là sự hội nhập căn cước của E-li với Giăng đều phá hoại lời Kitô cho rằng ngài là Đấng Cứu Thế. Cho nên thi sĩ Robert Graves,

trong một bài đăng ở tạp chí Playboy tháng 12/1967, bình luận: "Do đó không một nhà thần học lương thiện nào có thể chối bỏ rằng việc chấp nhận Jesus là Đấng Cứu Thế cũng buộc tin đồ TCG tin rằng có luân hồi, ít ra, trong trường hợp E-li".

Trong "Thư gửi cho người Gala-ti" (The Epistle of Paul the Apostle to the Galatians), nhận định của thánh Phao-lô: "Ai gieo giống chi thì gặt giống nấy" (Gala-ti 6:7) ám chỉ một cách mạnh mẽ sự tái sinh vì một kiếp người đầu đủ để có được một sự kết toán hoàn hảo. Cũng thế, câu thơ thứ 10 nói chương 13 thiên Khải huyền (Revelation) nêu rõ nghiệp báo một cách tiên tri giống như kinh điển Bà La Môn và Phật giáo: "Nếu ai bắt người ta làm phu tù, thì hẳn sẽ làm phu tù, nếu ai giết người bằng gươm, thì hẳn sẽ chết bằng gươm". Vì rằng có nhiều binh sĩ chết êm ái trên giường nên những lời này ám thị rằng quá báo sẽ được trả ở kiếp sau.

Việc tái sinh của Gia-cốp và E-sau được ghi lại nhiều lần trong cả Tân lẫn Cựu Ước Kinh: "Khi hai đứa bé chưa chào đời, chưa làm điều chi thiện hoặc ác, nhưng chính như có chép rằng: Ta yêu Gia-cốp nhưng ghét E-sau" (La mã 9:11-13).

Và đây là lời nguyện cầu của Môi-se (Moses) gởi lên tinh cách phi thời gian của vũ trụ cũng như vòng luân hồi của vạn vật, vạn hữu: "Ngày xưa người đến chớ hủy diệt; và báo: các người là con của người, hãy trở lại. Trong một ngày thì 1.000 năm chỉ như một hôm qua thôi, như một đêm không ngủ. Ngài mang họ đi xa như với dòng nước lũ họ giống như một giấc ngủ; sáng ra họ giống như cỏ xanh mọc lên".

(Thánh Thi 90:3-5)

Theo G.A.Gaskell trong quyển "Tự điển về các Kinh điển và Huyền thoại" (Dictionary of All Scriptures and Myths), nếu Thánh Kinh chỉ thừa nhận tái sinh mà không nói nhiều hơn, ít hẳn vì các tác giả còn bận chỉ dẫn về tiến trình tiêu hóa, ngủ hoặc bất cứ chức năng

thiên nhiên trong yếu nào khác. Quyển kinh Tin lành của hệ phái Ngộ đạo PISTIS SOPHIA (có nghĩa là Tuệ giác) lại cởi mở hơn, trích dẫn lời Jesus phán rằng: "Các linh hồn được rút từ thân xác này sang thân xác khác. Trong thế giới có nhiều loại thân xác".

Quyển "Kinh Tin lành Bảo bình của Chúa Kitô" (The Aquarian Gospel of Jesus Christ) được Levi, một vị mục sư và y khoa bác sĩ ở Belleville, Ohio, dịch từ Akashic Records hồi thế kỷ 19, quyển kinh này không được xếp vào loại có uy lực lớn như các kinh điển truyền thống. Tuy nhiên, tác phẩm huyền bí này đáng tin, có đoạn đề cập đến tái sinh, trong đó Chúa Jesus sau khi nghe một nhóm trẻ ca sĩ và nhạc sĩ đàn hát ở Lahore, ngài phán:

"Ho chẳng trả đầu. Cả ngàn năm chưa chắc đủ để biểu diễn tài tình trong sáng, thanh cao như vậy. Mười ngàn năm trước họ đã nắm vững về hòa âm. Thuở xưa họ đã đi khắp các nẻo đường đời, hiểu được điệu hót của chim và chơi đàn harp. Rồi họ lại đến nữa để học các bài học khác".

(Chương 37:13-15)

Ngày nay các nhà lãnh đạo giáo hội Tin lành và TCG, dù chẳng hăng hái chấp nhận niềm tin tái sinh, song họ ý thức rõ niềm cảm thông ngày càng to lớn mà thuyết tái sinh đẩy lên trong giáo hội. Có lẽ chiều hướng thoải mái này làm ta ngoài nhìn lại việc cải đạo của William Alger hồi độ nhị bán thế kỷ 19. Ông là một mục sư cường nghị thuộc hệ phái Nhất Thế (Unitarian), từng hiến dâng nửa đời mình cho tác phẩm về sự bất tử nhan đề "A Critical History of the Doctrine of a Future Life". Alger bác bỏ thuyết tái sinh, coi đó là một vọng tưởng trong lần xuất bản đầu tiên năm 1860. Nhưng sau khi chú tâm nghiên cứu, ông bị tính cách hùng vĩ, siêu phàm có một không hai của thuyết tái sinh làm say sưa, mê đắm nên ông rất mực tán dương nó trong lần xuất bản cuối cùng vào năm 1878. Gần đây hơn, một số giáo sĩ

thuộc hàng lãnh đạo đã lên tiếng bênh vực thuyết tái sinh. Trong bài giảng nhan đề "Bệnh vực thuyết luân hồi" (The Case for Reincarnation), tiến sĩ Leslie Weatherhead, cựu chủ tịch Giám Lý Nghị Hội (Methodist Conference) Anh quốc, tuyên bố:

"Người tin hữu Cơ Đốc giáo chẳng những đòi hỏi một cuộc sống công chính, mà còn phải có ý nghĩa. Ý niệm tái sinh giúp ích gì ở đây chẳng?... Nếu tôi bị rớt trong các kỳ khảo hạch trong đời sống, và những cuộc khảo hạch này chỉ có thể thực hiện khi tôi mang một thể xác, vậy tôi chẳng thể trở lại để thi nữa?".

Bản nghiên cứu năm 1979 của phân khoa Xã hội viện Đại học Surrey về thái độ những tín đồ TCG Anh quốc, cho thấy có đến 27% con chiên tin ở thuyết tái sinh. Giáo hội thấy một dị giáo xưa cũ tái xuất như vậy, nên Hội Chân Lý TCG (Catholic Truth Society) sau đó phát hành một cuốn sách nhỏ tựa đề giản dị: "Tái sinh" do cha Joseph Crehan viết: Crehan nhận định ngắn gọn: "Đức tin của chúng ta chẳng có chỗ cho thuyết tái sinh". Đáng lý phải nói rằng: "Niềm tin của những tín hữu TCG theo trào lưu chính thống không có chỗ cho thuyết tái sinh, vì theo bài xã luận của tạp chí Hoaky Reincarnation Report tháng 9/1982, họ đang xử dụng một công thức cũ rích là "Sự hãi-Phạm tội-Mé tín" để hù, để không chế lập thể và duy trì quyền lực của chính họ".

Thành lũy chiến đấu của những vệ binh già lúc nào cũng được bảo vệ quyết liệt. Thế nhưng khó thể chối cãi rằng trào lưu ngầm của sự mê thích thuyết tái sinh có thể (trừ phi có sự đổi diện một cách (hần hữu) gây chia rẽ trong giáo hội. Tiến sĩ Pascal Kaplan, giáo sư thần học ở California (mà vào năm 1972 Ông không được phép trình luận án tiến sĩ ở Harvard về đề tài luân hồi, vì theo lời giáo sư chủ khảo: chẳng có ai liên hệ đến thần học ở Tây phương từ thế kỷ thứ ba đến nay mà lại xem trọng vấn đề luân hồi) rất thích thú về việc thuyết tái sinh lại được lưu ý. Ông vạch rõ rằng càng ngày càng có nhiều nam nữ tu sĩ, nhiều vị mục sư chấp nhận thuyết tái sinh, tin tưởng rằng việc hiểu rõ tái sinh sẽ giúp họ hiểu tôn giáo mình, hiểu cốt tủy của tinh thần TCG một cách thâm sâu, chân thực hơn. Theo Kaplan có nhiều người hiện giữ các chức vụ quan trọng trong giáo hội lại tin thuyết tái sinh.

Có lẽ đây chỉ là vấn đề thời gian trước khi một trong những vị này tranh luận ồn ào khiến giáo hội chẳng thể làm ngơ, do đó thúc đẩy việc phổ bày trước công chúng một vấn đề bùng bít mà từ lâu thiên hạ muốn biết. Đồng thời hợp âm bị mất đang chờ đợi được phục hồi trong hòa tấu khúc của thời đại.

Đón xem số tới: CHƯƠNG VIII.- GIAI ĐOẠN TRUNG ÂM : TỪ PHÂN MỘ ĐẾN CÁI NÔI (The Bardo State : From Grave to Cradle).



THÁNH DOMINIC (có hào quang) đang trao Thánh Kinh cho người ALBIGENSES, khuyên họ theo THIÊN CHÚA GIÁO

Tử ngày anh đem chị Vàng về lúc nào anh cũng ngồi một bên, anh vỗ về, anh thủ thỉ: Anh yêu Vàng lắm! Vàng ơi, anh thiết nghĩ nếu vũ trụ này mà không có Vàng thì đời anh mất hết sinh thú Vàng à!... Nhưng lạ một cái là không ai nghe chị Vàng trả lời với anh cả. Chíchám? hay điếc? hay chị giận anh? người ta cũng không biết, và lạ nhất là chị chẳng ăn uống gì cả. Để thương đã đến một tuần rồi đấy. Nơi xung anh gọi người đến bán quách chị Vàng. Xong giá cả, anh mở ra thì ở vô số chị Vàng, chị Xuyên, chị Kiêng, rồi nhần có, cà rá dây chuyền, neo, lập lác v.v... Anh bán mấy trăm chị Vàng rồi mua đất tậu nhà, anh sắm ô-tô và cưới về hai chị Ngọc Bích với Kim Cương (hai chị này là người thật).

Kim Cương và Ngọc Bích được cả người cả nết, nhưng có lẽ hồng quân với khách hồng quân chống nhau, nên hai chị vừa về được ít lâu thì anh mắc một chứng bệnh lạ lùng, chứng bệnh sợ. Anh cứ sợ vợ, sợ lẫn thẩn, sợ không khí. Hai chị hoảng hết lo sầu, mới dù danh y đến nhưng đều bó tay, vì lúc phụ nữ tang không tỳ vết gì cả. Ban đầu anh còn ở lâu rộng, nhưng anh sợ cái thềm thang cao vút, dọn anh xuống nhà dưới anh lại sợ cái thấp thỏi sấm sét, lần lần hai chị dọn cho anh một căn phòng vừa kê một chiếc giường con, nhốt anh vào đấy đóng kín tất cả cửa sổ thì hơi tạm yên, song hễ lá cây xào xạc tiếng chân người đi, nhất là tiếng chó sủa thì anh run không lên, miệng anh chỉ nói mỗi một câu: "Lạy Hòa Thượng tha tội cho con, Hòa Thượng đừng hiện về mà con sợ lắm". Ròng rã ba năm như vậy, ăn càng sút, ngủ càng ít, thân hình anh tiều tụy phờ phạc tóc râu rử rươi, trông anh như một kẻ tù sắp bị hành hình. Gia đình anh hoàn toàn như một cái đĩa ngục không hơn, không kém. Ngọc Bích và Kim Cương bó khoa có, xin xăm cầu đảo cũng nhiều, am to miếu lớn nào hai chị cũng hết lòng khẩn khứa cho đến gốc mít, gốc da, bình vôi, ông táo cũng đều cầu cúng huyền thiên nhưng không thấy công hiệu gì cả mà bệnh sợ của anh lại càng tăng. Anh hét lên từng cơn rồi run cầm cập, cứ chấp chặt hai tay và bái không giữa hư không "Lạy Hòa Thượng tha tội cho con. Hòa Thượng đừng hiện về mà con sợ lắm". Một hôm Ngọc Bích và Kim Cương vừa đi cúng về, thì nghe người ta đồn trên núi xa kia có 1 vị Thiên sư tu hành khổ hạnh mà trị thuốc rất thần hiệu, nhất là những bệnh về thần kinh thì

anh yêu vàng lắm

THÍCH NỮ THẾ QUÁN

Ngài chữa hay lắm, hai chị rất mừng, tâm tâm niêm niêm dù xa mấy cũng đi cho đến nơi, thế rồi hương, hoa quả phẩm, sấm sửa đồ lễ, Kim Cương và Ngọc Bích thuê ghe đi suốt 2 ngày đêm mới đến.

Đây là một thảo am cô lập trên đồi cao, chung quanh không có nhà ở người đi. Vắng vẻ thanh tịnh. Hai thiếu phụ đến nơi vừa một sáng tinh sương, tiếng tụng kinh của nhà sư dội lên giữa không trung càng tăng thêm vẻ trầm bổng của tiếng mõ lúc nhất lúc thưa. Hai thiếu phụ có cảm tưởng như vừa thoát chốn địa ngục âm u. Tâm hồn nhẹ nhàng lâng lâng. Trong thảo am chẳng thấy có thêm một chủ tiêu nào đã thanh tịnh càng thanh tịnh thêm. Hai thiếu phụ chờ một lúc lâu nhà sư mới xong khóa lễ. Ngọc Bích và Kim Cương liền cung kính dâng lễ rồi đưa tên họ và đem chứng bệnh của chồng ra bạch với Hòa Thượng. Ngài có vẻ trầm ngâm một lúc như đương chiêm nghiệm một việc gì đã xảy ra từ quá khứ. Hai thiếu phụ không để ý đến, chỉ tha thiết cầu thỉnh Ngài về nhà. Hòa Thượng hoan hỷ nhận lời. Ngài bảo hai thiếu phụ về trước, rồi Ngài sẽ đến sau. Đúng hẹn, Hòa Thượng đã đến trước sân, gia nhân ra nghênh đón vào nhà và đưa thẳng đến phòng bệnh. Một cảnh vô cùng thảm khốc, trong phòng tối om tuy giữa trưa, nhờ cửa mở hé Ngài thấy bệnh nhân tóc râu bù xù hình gầy như một bộ xương, áo xống tả tơi, bệnh nhân ngồi khoanh tay đầu gối quá tai, mắt nhắm, miệng nói lầm nhảm "Lạy Hòa Thượng xin Hòa Thượng đừng hiện về". Khi cánh cửa từ từ mở, bệnh nhân thoát gần đầu lên bỗng nhiên rú một tiếng thất thanh rồi lăn ra bất tỉnh, cả nhà hoảng hết. Nhưng Thiên sư vẫn bình tĩnh, người bảo lấy nước lạnh vỗ lên đầu, lấy khăn lau khắp mình bệnh nhân xong, Ngài ngồi xuống một bên kêu nhỏ vào tai: Lý tính Ngô Lý Tính Ngô! Một lúc lâu bệnh

nhân từ từ mở mắt, anh chấp tay lều phều: "Con lạy Hòa Thượng đừng hiện về con khổ lắm" nói xong lại nhắm nghiền mắt lại, Hòa Thượng dịu dàng bên tai: Con ơi! Thấy đây, thấy còn sống không phải ma quỷ hiện về đâu, con hãy tỉnh lại thấy có chết thì thấy được siêu sanh tịnh độ, chứ không thành ma quỷ đâu, nhưng đây chính thấy còn sống, con hãy tỉnh lại, mở mắt ra nhìn thấy này, con cầm tay thấy đây thì biết thấy còn sống, chứ không phải ma hiện về đâu. Thấy vui lòng tha thứ tất cả tội lỗi cho con. Hòa Thượng vuốt nhẹ mái tóc bệnh nhân, Ngài cúi xuống má Ngài áp má bệnh nhân miệng Ngài kề sát vào tai bệnh nhân: Con, Lý Tính Ngô hãy mở mắt ra, tỉnh dậy... Thấy bệnh nhân không còn lầm nhảm nữa Ngài bảo người nhà mở lán cửa ra, bóng sáng lọt vào nhiều trong phòng đã thấy rõ mặt nhau.

Lý Tính Ngô đã tỉnh chưa? thấy còn sống, con phải tin thế này mở mắt ra, thấy rất thương con và thấy sẵn lòng tha thứ tất cả tội ác cho con, con phải tin thế.

Bệnh nhân yếu ớt mở mắt nhìn kỹ Hòa Thượng tay Ngài vuốt ve bệnh nhân như người mẹ hiền đang ngồi thoa dịu vết thương cho con, lời Ngài nhẹ nhàng, thông thả êm dịu. Con nhận là thấy rồi chứ? thấy đang ngồi vuốt cho con đây, thấy đầu nở hiện về làm khổ con, thấy là người tu hành luôn luôn ban vui cứu khổ cho chúng sanh, dù chúng sanh có tội lỗi với chính thân thấy, thấy cũng hoan hỷ tha thứ. Mất bệnh nhân bắt đầu hơi có tinh thần, tay bệnh nhân mân mê, Hòa Thượng nhẹ nhàng cầm tay bệnh nhân, hai tâm hồn hình như đã thông cảm nhau tay bệnh nhân lần lần nắm chặt lấy tay Hòa Thượng, nước mắt bệnh nhân tràn ra ướt gối, chàng không còn đủ sức để khóc to được nữa. Hòa Thượng bảo lấy nước rồi tự tay Ngài đổ nước cho bệnh nhân uống

từng miếng, từng miếng. Các cửa phòng đã mở hết. Mùi tanh hôi có chỗ bài tiết dơ ngột trong phòng sáng hẳn. Thiên sư buồn bã trong tiếng êm đêm: Con à bây giờ con đã tỉnh hẳn. Thấy sẽ ở đây với con đến khi con mạnh. Con yên tâm. Rồi Hòa Thượng bảo lấy kéo Ngài nhẹ nhàng cắt bớt tóc râu rồi lấy khăn nhúng nước nóng lau từ từ mắt mũi, Ngài tự thân lau khắp mình cho bệnh nhân và thay áo xống, bệnh nhân tỉnh dần thấy nhẹ nhàng trong người. Hòa Thượng điều bệnh nhân qua phòng khác đã quét dọn sạch sẽ.

Công việc trôi nửa ngày gianhân không hiểu thấy chữa bệnh ra sao, nhưng thấy bệnh nhân đỡ hẳn cả nhà đều mừng rỡ và khâm phục Thiên sư chữa bệnh tài tình. Bây giờ bệnh nhân không còn sợ nữa và đã ăn cháo ngon lành, nhưng Thiên sư vẫn ngồi một bên bệnh nhân. Mãi đến đêm nay người ta mới nghe Hòa Thượng tỷ tê với bệnh nhân: Con ơi! Từ năm ấy, cái hôm chúng ta gặp nhau ở quán Bình Dân thế rồi 2 thấy trông xuôi đường qua một khúc trường dài con còn nhớ chứ? Hai thấy trò thông cảm nhau qua nhiều câu chuyện và thấy rất mến phục chí hướng của con đã tỏ cho thấy biết. Nói hết câu chuyện tâm tình đến nhiều câu chuyện băng quơ. Rồi thấy đỡ con biết những gì ở trong cái tay nải thấy mang trên vai... Con cười bảo: Hành lý của thầy thì chỉ mấy tấm Cà sa chứ còn gì nữa... Thấy ghé vào tai con và nói nhỏ cho con biết... Thế rồi chúng ta đi hai ngày đường.

Hôm ấy một buổi chiều tan chợ, bên con sông rộng thênh thang, đây là một bến đò qua ngang, hành khách dành nhau xuống vội vì chỉ còn mỗi một chuyến nữa thôi. Hai thấy trò đến sau hết, chúng ta phải kêu nài lắm, chủ đò mới chịu quay lái cho mình ngồi ghé một bên, rồi khi đò ra giữa sông đến khúc nước xoáy dữ dội thì con dụng mạnh vào thấy, nên thấy rớt xuống, đáng lẽ người khác thì không sao sống được vì đây là chỗ nhiều người đã bị chết chìm, nhưng thấy có tài lội giỏi nên khỏi chết... Cái tay nải vàng của những người đàn việt thành tín cùng cho thấy để chủ nguyện 1 pho tượng Quan Thế Âm, về tron tay con. Cái kẻ giết người doạ của ấy thật nhiệm mầu thay. Ngoài trời đất ra chỉ một mình con biết.

Chính thấy cùng hồ nghi không biết con cố ý hay vô tình. Ba năm qua thấy không biết tông tích con đâu cả. Thấy vẫn cứ yên tĩnh tu hành và không hề nói

với ai. Tín đồ lại tiếp tục cúng vàng để thấy chủ một pho tượng khác. Nếu con không mắc chứng bệnh hiểm nghèo này, thì cái án giết người ấy không làm sao ra mạnh mới được, vì chính thấy là nạn nhân nhưng thấy vẫn im lìm không khiếu nại thì ai biết đây là đầu. Nhưng mấy năm nay bệnh con tự dưng dọa tâm con, và thân con tụy ở lâu cao gác rộng nhưng thân tâm con hoàn toàn là một chốn địa ngục. Đây là quả báo tự tâm rở rệt. Chử thấy có trách phạt gì con đâu? Pháp lý đâu có biết mà trừng trị? Nhưng quả báo tự tâm nó dày dọa thân con, thân lương tâm tự hành phạt con, khiến con cứ tưởng tượng oan hồn thấy về đòi mạng...

Hôm nay ngồi một bên con thấy thật lòng thương hai, chẳng những thương một mình con, mà thấy thương tất cả những ai đã y lại vào vàng bạc. Người ta cứ tin chắc rằng, vàng bạc sẽ bảo đảm cho cuộc sống của con người được an vui sung sướng, thật lầm vầy. Nói thế không phải thấy phủ nhận những thứ ấy hoàn toàn vô dụng đối với nhân sanh, thật ra tiêu tài rất có thể hoá cái cuộc đời đen tối trở thành vui tươi, có nó làm cho người thành nhân đức, hiếu thảo, lễ nghĩa v.v... Nếu biết dùng nó để báo đáp thâm ân, làm điều nghĩa hiệp, cứu nghèo, giúp khổ thì chính nó là thần dược có thể cải tử huan sanh. Nhưng trái lại vàng bạc mà sản xuất tại nơi điều bất nhon, bất nghĩa, bất hiếu v.v... thì nó lại làm lợi khí giết người lạnh chông. Chẳng những một kiếp mà vô lượng kiếp chịu sự đền trả mãi mãi...

Chàng quý khiu xuống đất, mặt chàng úp vào gối Hòa Thượng và khóc nức nở như một trẻ em đòi mẹ tiền quà. Nhưng giọt nước mắt ấy tự trong tắc lòng thành thật tuôn ra, Hòa Thượng cứ để yên cho chàng khóc, vì Ngài biết bây giờ bệnh nhân khổ lắm, cả một mớ ăn năn đương rồi rấm trong lòng chàng.

Và đây là lời thú tội: Kính lay Hòa Thượng xin Ngài tha tội cho con, con biết rằng con chưa xin Ngài cũng sẵn sàng tha thứ rồi, và chính Ngài từ bi quá đã làm cho con thêm khổ nhiều. Lay Ngài thật quả như lời Ngài dạy, con đã lắm, con lắm tưởng vàng bạc sẽ bảo đảm hạnh phúc cho con, nên khi nghe trong tay nải của Hòa Thượng có vàng thì con chóa mắt nghĩ ngay kế độc để hại thấy và đoạt túi vàng. Nhưng than ôi! mấy năm trời nay lương tâm con trừng trị con nhiều, mà may cho

con là thấy còn sống để hôm nay con được đối diện Ngài mà sám hối. Giở dây mặc dù Ngài đã thương mà tha thứ cho con. Song con tự nhận thấy con cần phải làm gì để đền tội mới được. Vây bây giờ tất cả của cải con xin tùy thấy xử dụng, còn con xin theo gót thấy để tu hành và làm công quả gọi là đền trả bao nhiêu tội lỗi của con.

Hòa Thượng vẫn ngồi yên, thỉnh thoảng Ngài cúi xuống để nghe, vì tiếng anh chốc chốc bi ha thấp và đứt khoắng vì khóc...

Bây giờ Ngài mới thư thả cùng trong tiếng êm đêm: Con à! thấy đã thông cảm tất cả nỗi lòng của con, thật ra trong việc gây tội này một phần cũng tại thấy, vì thấy đã quên đi cái việc vang thắm sẽ làm hoen ố tâm lòng trong sạch của con. Thấy ra thấy không trách, mà thấy còn khen con nữa. Thật thế, chán chỉ kẻ gây tội tấy trời mà không một chút hối hận thì sao? Thân lương tâm trở về với con sớm nên con được hết tội địa ngục, chử có ai gây tội mà không bị qua báo đầu. Không sớm thì muộn thế nào cũng phải chịu quả báo con a. Nay con đã biết ăn năn và dinh đem sự nghiệp trả lại thấy, nhưng của cải ấy là của thấp phương, thì giờ đây con nên đem ra để làm lợi ích cho chúng sanh, bỏ thì cho người nghèo khổ bệnh hoạn già yếu, giúp vốn cho kẻ lỡ làng tại nạn v.v... Còn vợ chồng con thì sống lại nếp sống lương thiện trước. Lấy thân đến tội bằng cách làm lợi ích cho nhân loại thì có ý nghĩa và thiết thực hơn. Còn cái việc xuất gia phải là người đã dứt khoát trần duyên đem tất cả thân tâm để phụng sự chúng sanh mới được. Con nay đã lỡ có gia đình không thể bỏ mà xuất gia được. Còn như con muốn làm công quả thì chính ngay tại gia để làm hơn. Mỗi mỗi người phải có một phận sự, bốn

phần người xuất gia là khích phát thiện tâm ở nơi người tại gia để người tại gia thành những tín đồ trung kiên trực tiếp làm lợi ích cho chúng sanh có hiệu lực, đây là công quả thiết thực cần phải được phát sanh ở những người có thiện tâm thiện chí hoặc bằng cách đền tội, hay gieo giống phước về mai hậu cũng thế ...

Sáng nay Kim Cương và Ngọc Bích dậy sớm và nắm sẵn ít cơm, một gói muối vừng để chàng làm lộ lương.

Hòa Thượng tịnh niệm xong thì trời vừa sáng hẳn. Ngài với cầm chiếc gậy trúc và từ giả gia nhân. Lý Tĩnh Ngộ mang cái tay nải nâu cũ của thấy lên vai,

Đạo Phật đi vào cuộc Đời

TÂM NHƯ phụ trách

chàng cúi đầu cất bước theo sau thấy. Trong tâm tư chàng dường như phát họa một đời sống mới như lời thấy dạy mà chàng sẽ thật hành sau khi tiến thấy về núi. Bóng thấy trò lại song song trên núi. Bóng chàng rùn mình nhớ lại 4 năm về trước cũng con người chàng, mà hai tâm niệm khác nhau...Bất giác buộc miệng chàng cất tiếng niệm Phật thật to như để xua đuổi bao cảnh quá khứ...

Mặt trời giọi vào chàng như ánh sáng hào quang của Đức Phật đã chứng minh một tâm hồn cải hối.

Trong thời gian qua Tâm Như đã nhận được nhiều câu hỏi của các bạn xa gần. Hôm nay Tâm Như tiếp tục trả lời trên báo Viên Giác. Xin cảm ơn các bạn đã gửi những thắc mắc về Tâm Như và Tâm Như cũng mong đón nhận được những câu hỏi của các bạn khác về mọi vấn đề có liên quan đến cuộc sống tâm linh của mình. Xin thành thật cảm ơn các bạn.

Hỏi 75 :

Tôi sinh ra trong một gia đình Đạo Phật; nhưng không sùng đạo lắm. Vì thế có nhiều vấn đề chưa hiểu hết. Mong Tâm Như giải đáp cho.

- Đạo Phật Việt Nam mình thấy có nhiều hình thức quá, không biết theo Đại Thừa, Tiểu Thừa hay Du Tăng Khất Sĩ? Và Thiền Tông khác nhau với Tịnh Độ Tông như thế nào? Việt Nam mình theo tông phái nào của Đạo Phật?

DIỆU MẮN (Thụy Sĩ)

Đáp :

Xin cảm ơn câu hỏi của bạn đã gửi đến Tâm Như. Tâm Như phải chia câu hỏi này ra nhiều câu trả lời, để giúp bạn phần nào kiến thức căn bản ấy.

Sở dĩ Đạo Phật Việt Nam nói riêng, Đạo Phật trên thế giới ngày nay nói chung, bạn thấy có nhiều hình thức khác nhau. Vì vốn dĩ Đạo Phật đã có mặt hơn 2500 năm rồi. Nên có nhiều tông phái và chi nhánh là phải. Cũng như một cây đại thọ bao giờ cũng sanh thêm nhiều cành lá so với thời gian và năm tháng.

Các nước Nhật, Đại Hàn, Trung Hoa, Tây Tạng v.v... Phật Giáo Đại Thừa chiếm đa số; ảnh hưởng của Tiểu Thừa hoặc Nguyên Thủy Phật Giáo rất ít và ngược lại các nước Thái Lan, Miến Điện, Lào, Cam Bốt, Tích Lan hầu hết đều theo Phật Giáo Nguyên Thủy hay Tiểu Thừa và ảnh hưởng của

Đại Thừa Phật Giáo tại các quốc gia này rất ít. Trong khi đó Việt Nam chúng ta ảnh hưởng cả hai nền văn hóa tôn giáo của cả 2 nước Trung Hoa và các nước nam phương Phật Giáo, nên tại Việt Nam cả Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa đều phát triển song hành. Tuy nhiên Đại Thừa có ảnh hưởng lâu đời hơn. Vì thế chư Tăng và Phật tử theo Phật Giáo Đại Thừa nhiều hơn là chư Tăng và Phật tử theo Phật Giáo Nguyên Thủy. Phật Giáo Đại Thừa được du nhập vào Việt Nam vào cuối thế kỷ thứ 2 sau Tây lịch, trong khi đó Phật Giáo Nguyên Thủy có mặt và phát triển mạnh tại Việt Nam vào cuối thế kỷ thứ 19 và đầu thế kỷ thứ 20 mới thôi.

Còn Du Tăng Khất Sĩ cũng có mặt tại Việt Nam vào tiền bán thế kỷ 20 này, do Ngài Minh Đăng Quang khai đạo và truyền bá ở nhiều tỉnh miền Nam, sau đó ra dần đến miền Trung. Chỉ nước Việt Nam chúng ta mới có Du Tăng Khất Sĩ còn các nước trên thế giới theo

Phật Giáo không thấy có.

Tuy nhiên cả 3 Giáo Phái nêu trên đều lấy Đức Phật Thích Ca Mâu Ni làm vị giáo chủ. Do đó chúng ta có một điểm chung; nhưng cũng có nhiều điểm riêng. Vì mỗi giáo phái có một nhân sinh quan triết học cũng như đường lối tu hành có phần khác nhau.

Về câu hỏi Thiền Tông khác nhau với Tịnh Độ Tông như thế nào? Tâm Như xin cố gắng giải thích đây.

Thật ra Thiền Tông, Tịnh Độ Tông Hoa Nghiêm Tông, Pháp Hoa Tông hay Luật Tông, Thời Tông v.v... tất cả chỉ quy về có một mối. Đó là giác ngộ, giải thoát và thoát ly sanh tử luân hồi. Và cũng chỉ có Đức Phật đã nói ra tất cả các pháp môn ấy. Sau này các vị Tổ Sư muốn chuyên tu một môn riêng biệt nên mới chia ra nhiều tông phái để cho loài người khế hợp với căn cơ mà tu hành đây thôi.

Thiền chủ trương là tự lực thực tập thiền định, hạ thủ công phu

để kiến tánh thành Phật.

Tịnh Độ nương vào tha lực của Đức Phật A Di Đà để cầu nguyện sau khi lâm chung sẽ được Phật và Thánh chúng rước về cảnh giới Tây phương Cực Lạc.

Việt Nam chúng ta từ thời kỳ Phật Giáo được du nhập vào cho đến thế kỷ thứ 16, 17, hầu hết đều tu theo pháp môn Thiền Định và kể từ đó đến nay pháp môn Tịnh Độ được phát triển mạnh ở một số chùa miền Bắc, Trung cũng như Nam. Vì chúng ta đang ở đời mạt pháp, pháp môn Tịnh Độ dễ hành trì hơn; nên đã có nhiều người tu theo. Tuy nhiên trong nhiều chùa cũng như ở tại tư gia thực hành hằng ngày bằng cả hai lối, vừa tụng kinh vừa ngồi Thiền. Vì thế chúng ta có thể gọi Phật Giáo Việt Nam của chúng ta là Thiền Tịnh song tu.

Tuy nhiên cũng có một số Thầy chủ trương Thiền riêng biệt và Tịnh riêng biệt. Nhưng so với chư Tăng và Phật tử đang hành trì ngày nay tại quốc nội và hải ngoại thì Thiền Tịnh song tu đông hơn là số cá biệt.

Trên đây chỉ là câu trả lời đơn giản xin gửi đến bạn và các độc giả xa gần. Có rất nhiều sách viết về các điều bạn hỏi. Mong bạn nghiên cứu thêm.

Hỏi 76 :

Thường thường người ta nói "tinh yêu vượt lên trên Tôn giáo". Điều đó có đúng không? Và nếu tôi là một người Phật tử khi lấy một người vợ Đạo khác thì Phật Giáo sẽ quan niệm như thế nào về vấn đề này? Mong Tâm Như giải thích cho.

NGUYỄN (Stuttgart)

Đáp :

Xin cảm ơn câu hỏi của bạn và Tâm Như xin trả lời những thắc mắc của bạn đây.

Người ta thường bảo :

"Thương nhau nước đục cũng trong Ghét nhau nước chảy giữa giòng cũng đục".

Bạn thấy đó, khi mình thương ai

minh yêu ai thì đâu khó khăn cách mấy, ràng buộc cách mấy mình cũng có thể vượt qua được. Nhưng khi tình thương và tình yêu có gì lũng củng thì không biết bao nhiêu là chuyện khó khăn sẽ xảy ra với bạn.

Tình yêu có thể vượt lên trên tất cả chữ không phải chỉ Tôn Giáo không - nhưng xin thưa bạn đó là lúc cơm còn lành, canh còn ngọt; chứ khi ghét bỏ nhau rồi thì nó không đơn giản như thế đâu. Người ta chỉ có thể tha thứ cho nhau khi hai người cùng chung một lý tưởng, một niềm tin hay nói xa hơn là một Tôn Giáo. Nếu bạn là một Phật tử - nhưng ở đây phải chia ra 2 loại Phật tử. Đó là Phật tử thuần thành và Phật tử thường. Thế nào là một Phật tử thuần thành? Phật tử thuần thành là một Phật tử đã quy y Tam Bảo, có pháp danh, có ăn chay niệm Phật, hiểu những giáo lý căn bản của Đạo Phật. Còn thế nào là Phật tử thường? Phật tử thường là Phật tử một năm chỉ đi chùa một vài lần thôi hoặc đến khi chết mới mới Thấy đến cầu siêu. Những người này chỉ tin Phật theo hình thức đạo thờ ông bà và rất ít hiểu về giáo lý Phật Giáo.

Nếu bạn là một Phật tử thuần thành, bạn cũng có thể lấy một người vợ khác đạo. Vì bạn đã sống vững vàng trong giáo lý của Đạo Phật; nên bạn sẽ không bị người bạn đời lung lạc bạn là phải thay đạo, đổi đạo v.v.. Nhưng nếu bạn là một Phật tử thường; vì bạn không hiểu sâu xa giáo lý của Đạo Phật, bạn cũng có thể lấy một người khác đạo; nhưng bạn sẽ dễ bị lung lạc; khi người bạn đời bảo bạn phải bỏ đạo hay làm một hình thức gì khác. Lúc bấy giờ bạn sẽ theo ngay, vì bạn chủ trương rằng: "thôi thì Đạo nào cũng tốt cả". Đúng vậy - Đạo nào cũng tốt, chẳng có Đạo nào xấu, chỉ có con người làm sai Đạo chứ Đạo không có sai.

Nói tóm lại bạn có quyền chọn người vợ trăm năm của bạn là người khác Đạo. Nhưng bạn phải tâm niệm rằng - ít ra Đạo ai nấy giữ, không nên xâm phạm đến phạm vi tín ngưỡng của nhau. Vì mọi người đều có quyền tin theo một Tôn Giáo nào mình thích, và cũng không ai có quyền nhândanh bất cứ cái gì để bắt buộc mình phải theo đạo hoặc đổi đạo. Có thể một người vợ hiền từ bao giờ cũng biết chiều chuộng và thương con, không đem vấn đề tôn giáo ra nói cho bạn nghe; nhưng người vợ sẽ khéo léo bày biện cho bạn bao nhiêu cách để bạn quên đi cái gốc của bạn. Bạn hãy tự cảnh tỉnh mình lúc này.

20 Viên Giác

Đức Phật Thích Ca

*Thấp đức Tuệ soi đường giải thoát
Chèo thuyền Từ vớt kẻ trầm luân*

*Đức Phật Thích Ca ra đời
Như một ngọn đuốc sáng người
Xé toạc màn vô minh cho vạn kỷ !
Như một con thuyền chân lý
Vớt người trầm luân đang rên rĩ chơi voi !
Như bông hoa sen nở ngát hồn tôi
Cho tôi quý trước tượng Ngài
Cúi đầu vẫn thấy nụ cười từ bi !*

*Ngài đã bảo ta tự dứt đức lên mà đi
Đừng phân biệt may mắn gì trong bốn bề
Vì muôn sinh chỉ cùng chung một thế !
Ngài là Phật đã thành
Ta là Phật sẽ thành !
Cùng là một với Trời Xanh !
Tham sân si hóa tử sanh luân hồi
Một giây bừng ngộ khắc thôi !
Ngài đã cho ta rõ vòng tròn nhân quả
Chẳng phải thần thánh nào cho phước họa
Chẳng phải đấng Tạo Hóa nào bày ra
Chỉ ngày nay ở ngày qua
Ngày mai cũng chỉ ở ta bây giờ !
Ôi, hai mươi lăm thế kỷ xưa
Khi khoa học vẫn còn chưa bắt đầu
Trí tuệ Ngài đã vô cùng thâm sâu !*

*Ngài đã dạy ta hãy xót thương tất
Cả mọi người, mọi loài, và mọi vật !
Một con rết bị gãy mất một chân
Trái tim Ngài cũng xúc động vô ngần !
Ôi, chính tình thương vô bờ vô bến đó
Đã khiến tôi thành một Phật tử !
Tôi quý đây trước tượng Ngài
Nguyện noi gương nở nụ cười từ bi !*

Việt Chí Nhân

Đây là vấn đề tương đối rất khá phức tạp của cuộc sống lứa đôi giữa hai người khác đạo; nhưng đối với đạo Phật không có thành kiến nào khi bạn lấy vợ người Đạo khác và Đạo Phật cũng không bao giờ chủ trương rằng bạn hãy chiêu dụ người bạn đời trở về với Đạo Phật. Đạo Phật là một Đạo rất tự do. Ai tin và muốn tìm hiểu thì đến với Đạo Phật

và ai không tin thì đó là quyền tự do của họ và Đạo Phật không nhândanh một ai để bắt buộc bất cứ một vấn đề gì, chẳng qua là việc tự nguyện của mình đến với Đạo Phật mà thôi. Trên đây là những câu trả lời đơn giản, xin trả lời bạn. Mong bạn cảm thông và hy vọng Tâm Như sẽ nhận được nhiều câu hỏi khác gửi đến.

(còn tiếp)

DIE LEHRE BUDDHAS

BUKKYO DENTO KYOKAI
gesellschaft der buddhist.förderer
3-14,4-chome, Shiba
Minato-ku, Tokyo, Japan
Telephone: (03) 455-5851

ERSTE AUFLAGE 1982

Druck
Kosaido Printing Co.,Ltd.
Tokyo, Japan

Buddhas Weisheit ist so unendlich wie der weite Ozean und sein Geist ist von großem Mitleid erfüllt. Buddhas hat keine Gestalt, aber er offenbart sich auf erhabene Weise und führt uns mit seinem ganzen mitfühlenden Herzen.

Dieses Buch ist kostbar, da es das Wesentliche der Lehren Buddhas enthält, die einst in über fünftausend bänden niedergeschrieben wurden, sich seit mehr als 2500 Jahren bis auf den heutigen Tag erhalten haben und über die Grenzen aller Länder und Rassen der Welt hinaus an uns weitergegeben wurden.

Die in diesem Buch enthaltenen Worten Buddhas offenbaren und erläutern auf wunderbare Weise wirkliche Geschehnisse des menschlichen Lebens und Geistes.

INHALT

Buddha

Erstes Kapitel: SHAKYAMUNI BUDDHA

- I. Das Leben des Buddha
- II. Die letzte Lehre des Buddha

Zweites Kapitel: DER UNENDLICHE UND VERKLÄRTE BUDDHA

- I. Sein Mitgefühl und Sein Gelübde
- II. Buddhas Hilfe, Seine Mittel und Wege der Erlösung
- III. Der unendliche Buddha

Drittes Kapitel: DIE GESTALT VON BUDDHA UND SEINE TUGENDEN

- I. Drei Wesenszüge von Buddha
- II. Die Erscheinung Buddha
- III. Buddhas Tugend

Dharma

Erstes Kapitel: DIE WIRKUNGEN DER URSACHEN

- I. Die vierfache Edle Wahrheit
- II. Die Wirkungen der Ursachen
- III. Die Kette der Verursachungen

Zweites Kapitel: DAS REIN GEISTIGE UND DIE WIRKLICHKEIT ALLER DINGE

- I. Unbeständigkeit und Ichlosigkeit
- II. Die Tatsache des "Rein Geistigen"
- III. Der wirkliche Stand der Dinge
- IV. Der Weg der Mitte

Drittes Kapitel: DAS WESEN BUDDHAS

- I. Das menschliche Geist
- II. Das Wesen Buddhas
- III. Das Buddhawesen und die Selbstlosigkeit

Viertes Kapitel: IRDISCHE LEIDENSCHAFTEN

- I. Die Menschliche Natur
- II. Das Wesen des Menschen
- III. Das Leben des Menschen
- IV. Die Wirklichkeit des menschlichen Leben

Fünftes Kapitel: DIE HILFE, DIE VON BUDDHA ANGEBOTEN WIRD

- I. Die Rettung durch Buddha
- II. Amida Buddhas, Land der Reinheit

Der Weg der Übung

Erstes Kapitel: DER WEG DER LAUTERUNG

- I. Die Läuterung des Geistes
- II. Der Weg des richtigen Verhalten
- III. Die Lehre in alten Fabeln

Zweites Kapitel: DER WEG Z. PRAKT. ERKENNTNIS

- I. Die Suche nach der Wahrheit
- II. Die Wege der Übung
- III. Der Weg des Vertrauens
- IV. Tugendhafte Grundsätze

Die Brüderlichkeit

Erstes Kapitel: PFLICHTEN D. BRÜDERLICHKEIT

- I. Brüder der Hauslosigkeit
- II. Laienanhänger

Zweites Kapitel: PRAKTISCHER WEGWEISER ZUR WAHREN LEBENSWEISE

- I. Das Familienleben
- II. Das Leben der Frauen
- III. Im dienst

Drittes Kapitel: AUFBAU EINES BUDDHA-LANDES

- I. Die Harmonie der Bruderschaft
- II. Das Buddha-Land
- III. Über diejenigen, die im Buddha Land die Herrlichkeit genießen

Anhang

- I. Kurze Geschichte des Buddhismus
- II. Die Überlieferung der Lehre Buddhas
- III. Die Geschichte des Buches "Die Lehre Buddhas"
- IV. Index zu "Die Lehre Buddhas"
- V. Sanskrit Glossar
- VI. Dhammapada

Buddhistische Gesellschaft zur Förderung und Verbreitung der Schrift "Die Lehre Buddhas".

DIE LEHRE IN ALTEN FABELN

1. Es war einmal ein Land, das die eigenartige Angewohnheiten hatte, ihre alten Menschen auf abge-schiedenen und unerreichbaren Bergen auszusetzen. Einem gewissen Staatsminister machte es Schwierigkeiten, im Falle seines eigenen alten Vaters dieser Sitte zu folgen. Deshalb baute er heimlich eine unter-irdische Höhle, in der er seinen Vater versteckte und für ihn sorgte. Eines Tages erschien vor dem König dieses Landes ein Gott, gab ihm ein Rätsel auf und sagte, daß wenn er es nicht zufriedenstellend lösen könne, sein Land zerstört würde. Das Rätsel lautete: "Hier sind zwei Schlangen. Nenne mir von beiden das Geschlecht". Da weder der König noch sonst jemand im Palast das Rätsel lösen konnte, bot der König jedem in seinem Königreich eine große Belohnung an, der es lösen könne.

Der Minister ging zu dem Versteck seines Vaters und fragte ihn nach der Antwort dieses Rätsels. Der alte Mann sprach: "Es gibt eine leichte Lösung. Setze die zwei Schlangen auf einen weichen Teppich; diejenige, die umherkriecht, ist das Männchen, und die andere, die sich ruhig verhält, ist das Weibchen." Der Minister brachte dem König die Antwort, und das Rätsel war erfolgreich gelöst. Dann stellte der Gott andere schwierige Fragen, die der König und seine Gefolgsleute nicht be-antworten konnten, die aber der Minister, nachdem er seinen alten Vater stets um Rat gebeten hatte, immer lösen konnte.

Hier sind einige Fragen und ihre Antworten. "Wer ist derjenige, der, obwohl er schläft, der Auf-erweckte und, obwohl er wach ist, der Schlafende genannte wird?". Die Antwort lautet: "Das ist derjenige, der sich im Training für die Erleuchtung befindet. Er ist wach, verglichen mit jenen, die an der Erleuchtung nicht interessiert sind. Er schläft aber, verglichen mit jenen, die schon zur Erleuchtung gelangt sind."

"Wie kann man einen riesigen Elefanten wiegen?" "Lade ihn auf ein Boot und zeichne einen Strich, um zu kennzeichnen, wie tief das Boot in das Wasser sinkt. Nimm dann den Elefanten heraus und belade das Boot mit Steinen, bis es zur selben Tiefe hinabsinkt, und wiege die Steine."

Welche Bedeutung hat die Redewendung: "Eine Tasse voll Wasser ist mehr als das Wasser eines Ozeans?" Die Antwort lautet: "Eine Tasse voll Wasser, die man in einem reinen und mitfühlenden Geiste seinen Eltern oder einem

kranken Menschen reicht, hat einen ewigen Wert, aber das Wasser eines Ozeans wird eines Tages zu Ende gehen."

Der Gott ließ wiederum einen Mann, der bis auf die Haut und Knochen abgemagert war, sich beklagen: "Gibt es jemanden auf dieser Welt, der hungriger ist als ich?" "Der Mensch, der selbstsüchtig und habgierig ist, der nicht an die drei Wert - Buddha, Dharma und Sanghaglaubt, und der seinen Eltern und Lehrern keine Geschenke macht, ist nicht nur hungriger, sondern wird in die Welt der hungrigen Dä-mone hinabfallen, und dort für immer an Hunger leiden."

"Hier ist ein Brett aus Candana-holz. Welches Ende war der unterste Teil des Baumes?" "Laß das Brett im Wasser schwimmen; das Ende, das ein wenig tiefer sinkt, war das Ende, welches der Wurzel am nächsten wuchs."

"Hier sind zwei Pferde, offensicht-lich von derselben Größe und Ge-stalt. Wie kann man die Mutter vom Sohn unterscheiden?" "Füttere sie mit etwas Heu. Die Pferdemutter wird das Heu ihrem Sohn zu-schieben."

Jede Antwort auf diese schwierigen Fragen gefiel sowohl dem Gott als auch dem König. Der König war dankbar, als er erfuhr, daß die Antworten von dem alten Vater stammten, den der Sohn in der Höhle versteckt hatte. Er widerrief das Gesetz, nach dem alte Menschen in den Bergen ausgesetzt worden waren, und befahl, sie fortan freundlich zu behandeln.

2. Königin Videha von Indien träumte einmal von Elefanten, der sechs Stoßzähne aus Elfenbein besaß. Sie begehrte die Stoßzähne und flehte den König an, diese für sie zu holen. Obwohl dies eine unlösbare Aufgabe zu sein schien, versprach der König, der die Königin sehr liebte, jedem Jäger eine Belohnung, der ihm einen solchen Elefanten melden würde. Zufälligerweise hielt sich gerade ein solcher Elefant mit sechs Stoßzähnen, der sich für den Buddhismus schulte, in den Gebirgen des Himalaya auf. Er hatte einst in den Tiefen der Gebirge das Leben eines Jägers in einer Notsituation gerettet, und dieser konnte sicher in sein Land zurück-kehren. Der Jäger jedoch, der von der großen Belohnung geblendet war und die Güte, die der Elefant ihm erwiesen, vergessen hatte, kehrte in die Berge zurück, um den Elefan-ten zu töten.

Da der Jäger wußte, daß der Elefant nach dem Buddhismus strebte, verkleidete er sich als buddhis-tischer Mönch und verletzte mit einem vergifteten Pfeil den Elefanten, der nicht auf seiner Hut war, tödlich.

Der Elefant, wissend, daß sein Ende nahe und der Jäger durch Begehren nach Belohnung über-wältigt worden ware, hatte Mitleid

mit ihm und bot ihm zwischen Glie-dern Zuflucht, um ihn vor dem Zorn der anderen, racheerfüllten Elefanten zu schützen. Dann fragte der Elefant den Jäger, warum er etwas so Törichtes getan hatte. Der Jäger erzählte von der Belohnung und gestand, daß er die sechs Stoß-zähne begehrte. Der Elefant bracht diese sofort ab, in dem er sie gegen einen Baum schlug, gab sie dem Jäger und sprach: "Durch dieses Geschenk habe ich meine Schulung für den Buddhismus vollendet und werde im Reinen Land wiedergeboren werden. Sobald ich ein Buddha sein werde, werde ich dir helfen, die drei giftigen Pfeile der Habgier, des Zorns und der Verblendung loszuwerden."

3. In einem Dickicht am Fuße des Himalayagebirges lebte einmal ein Papagei zusammen mit vielen ande-ren Tieren und Vögeln. Eines Tages entstand bei einem starken Wind durch die Reibung der Bambusstöcke ein Feuer im Dickicht, und unter den Vögeln und Tieren brach eine schreckliche Panik aus. Der Papa-gei der für ihr Entsetzen und Leiden Mitleid empfand, und der die Freundlichkeit erwidern wollte, die er in dem Bambus-dickicht, in dem er sich schützen konnte, empfangen hatte, versuchte alles, um sie zu retten. Er tauchte, in einem nahegelegenen Teich unter, flog über das Feuer und schüttelte die Wassertropfen ab, um es zu löschen. Er wiederholte dies unentwegt mit einem Herzen voller Mitleid, aus Dankbarkeit dem Dickicht gegenüber.

Dieser Geist voller Güte und Selbstaufopferung wurde von einem himmlischen Gott bemerkt, der vom Himmel herunterschwebte und zum Papageien sprach: "Du hast eine edelmütige Gesinnung, aber was sollen deiner Meinung nach ein paar Tropfen Wasser gegen dieses große Feuer ausrichten?" Der Papagei antwortete: "Es gibt nichts, was nicht durch den Geist der Dankbarkeit und der Selbst-aufopferung ausgeführt werden kann. Ich werde es immer wieder versuchen und im nächsten Leben nochmals." Der große Gott war von der Gesinnung des Papageis be-eindruckt, und sie löschten darauf-hin gemeinsam das Feuer.

4. Es lebte einmal im Himalaya ein Vogel mit einem Körper und zwei Köpfen. Einmal bemerkte einer der Köpfe, wie der anderen eine bestimmte süße Frucht aß, so daß er neidisch wurde und sich sagte: "Dann werde ich eine giftige Frucht essen." So aß er Gift, und

5. Einmal zankten sich der Schwanz und der Kopf einer Schlange, welcher von beiden denn der vordere Teil sei. Der Schwanz sagte zum Kopf: "Du führst immer an; das ist nicht gerecht, du solltest mich manchmal führen lassen." Der Kopf antwortete: "Nach dem Gesetz unserer Natur soll ich der Kopf sein. Ich kann

meinen Platz nicht mit dir tauschen." Aber der Streit ging weiter, und eines Tages befestigte sich der Schwanz an einem Baum und hinderte so den Kopf daran, sich fortzubewegen. Als der Kopf des Kampfes überdrüssig wurde, ging der Schwanz seinen eigenen Weg, mit dem Ergebnis, daß die Schlange in ein Feuerloch fiel und zugrunde ging. In der Welt der Natur herrscht immer eine zweckmäßige Ordnung, und alles hat seine vorherbestimmte Funktion. Wenn diese Ordnung gestört wird, wird der Arbeitsablauf unterbrochen und somit die ganze Ordnung zerstört.

6. Es war einmal ein Mann, der dazu neigte, leicht zornig zu werden. Eines Tages redeten zwei Männer über diesen Mann vor dessen Haus. Der eine sagte zum anderen: "Es ist ein netter Mann, aber sehr ungeduldig. Er hat ein hitziges Temperament und wird schnell zornig." Der Mann hörte diese Bemerkung, rannte aus dem Haus und griff die beiden Männer an, wobei er sie schlug, trat und verwundete. Wenn ein weiser Mensch auf seine Fehler aufmerksam gemacht wird, wird er über sie nachdenken und sein Verhalten bessern. Wenn ein törichter Mann auf sein Fehlverhalten hingewiesen wird, wird er den Rat nicht nur mißachten, sondern denselben Fehler eher wiederholen.

7. Es gab einmal einen wohlhabenden aber törichten Mann. Als er das schöne dreistöckige Haus eines anderen Mannes sah, beneidete er ihn darum und entschloß sich, sich genauso eines bauen zu lassen, da er glaubte, er sei ebenso reich. Er bestellte einen Zimmermann und gab ihm den Auftrag, ein Haus zu bauen. Der Zimmermann willigte ein und begann sofort mit dem Bau des Fundaments, des ersten Stockwerks, des zweiten Stockwerks und schließlich des dritten Stockwerks. Der wohlhabende Mann bemerkte dies mit Verärgerung und sagte: "Ich möchte kein Fundament, auch kein erste oder zweites Stockwerk. Ich möchte nur das schöne dritte Stockwerk. Baue es schnell." Ein törichter Mensch denkt immer nur an die Ergebnisse, und ist ungeduldig, ohne dabei die Anstrengungen auf sich nehmen zu wollen, die nötig sind, um gute Ergebnisse zu erzielen. Es kann nichts Gutes erreicht werden ohne angemessenes Bemühen, genauso wie es kein drittes Stockwerk geben kann ohne das Fundament und den ersten und zweiten Stock.

8. Ein törichter Mann kochte einmal Honig. Da sein Freund unerwartet erschien, wollte der törichte Mann ihm etwas Honig anbieten, aber er war zu heiß; ohne den Honig vom Feuer zu nehmen, blies er ihn, um ihn zu

kühlen. In ähnlicher Weise ist es unmöglich, den Honig der kühlen Weisheit zu erhalten, ohne zuerst das Feuer der irdischen Leidenschaften ausgelöscht zu haben.

9. Es waren einmal zwei Dämonen, die einen ganzen Tag damit zubrachten, sich um eine Schachtel, einen Stock und ein Paar Schuhe zu streiten und zu zanken. Ein Mann, der vorbeikam, fragte: "Warum streitet ihr euch um diese Dinge? Welch magische Kraft haben sie, daß ihr euch darum streiten müßt, sie zu besitzen?" Die Dämonen erklärten ihm, daß sie von der Schachtel alles bekommen könnten, was sie wollten - Nahrung, Kleider oder Schmuck; mit dem Stock könnten sie alle ihre Feinde bezwingen; und mit dem Paar Schuhe könnten sie durch die Luft fliegen. Nachdem er dies erfahren hatte, sagte der Mann "Wozu streiten? Wenn ihr für ein paar Minuten weggehen wollt, kann ich über eine gerechte Verteilung der Dinge unter euch nachdenken." So zogen sich die zwei Dämonen zurück, und sobald sie gegangen waren, zog der Mann die Schuhe an, ergriff die Schachtel und den Stock und verschwand durch die Luft. Die "Dämonen" stellen Männer heidnischen Glaubens dar. "Eine Schachtel" steht für Geschenke, die aus Nächstenliebe entstehen. Die Menschen erkennen nicht, wie viele Reichtümer durch Nächstenliebe geschaffen werden können. "Ein Stock" bedeutet die Konzentrationsübung des Geistes. Die Menschen merken nicht, daß sie durch die Schulung der geistigen Konzentration der Seele alle irdischen Wünsche bezwingen können. "Ein Paar Schuhe" weist auf die reinen Lehren bezüglich des Denkens und Verhaltens hin, welche die Menschen jenseits aller Wünsche und Auseinandersetzungen führen wird. Wenn sie dies nicht wiessen, streiten und zanken sie sich um eine Schachtel, einen Stock und ein Paar Schuhe.

10. Es war einmal ein Mann, der allein umherreiste. Er kam gegen Abend an ein unbewohntes Haus und beschloß, die Nacht dort zu verbringen. Um Mitternacht brachte ein Dämon eine Leiche herein und ließ sie in der Diele liegen. Kurz darauf erschien ein weiterer Dämon und beanspruchte den Leichnam für sich allein, und so stritten sie sich beide um ihn. Dann sagte der erste Dämon, daß es nutzlos sei, sich weiterhin zu streiten und schlug deshalb vor, es einem Richter zu überlassen, über den Besitzer zu entscheiden. Der andere Dämon willigte ein, und als er den Mann in der Ecke kauern sah, bat er ihn, über das Eigentumsrecht zu entscheiden. Der Mann hatte schreckliche Angst, denn er wußte wohl, daß, welche Entscheidung er auch treffen würde,

sie den Dämon erztürnen würde, der verloren hatte, und daß dieser sich rächen und ihn töten würde. Er entschloß sich aber, wahrheitsgemäß das zu erzählen, was er gesehen hatte.

Wie er angenommen hatte, erzürnte dies den zweiten Dämon, der daraufhin den einen Arm des Mannes packte und ihn herausriß. Aber der erste Dämon ersetzte den Arm sofort durch einen anderen, den er vom Leichnam abgetrennt hatte. Der zornige Dämon riß den anderen Arm des Mannes heraus, aber der erste Dämon ersetzte jenen sofort mit dem anderen Arm des Leichnams. Und so ging es weiter, bis beide Arme, beide Beine, der Kopf und der Körper nacheinander abgrissen und mit den entsprechenden Teilen des Leichnams ersetzt worden waren. Dann lasen die zwei Dämonen, als sie die Teile des Mannes verstreut auf dem Boden liegen sahen, diese auf, verschlangen sie und gingen glucksend fort.

Der arme Mann, der in dem verlassenen Haus Zuflucht gesucht hatte, war durch sein Unglück völlig außer Fassung geraten. Die Teile seines Körpers, die die Dämonen gegessen hatten, waren die Körperteile, die ihm seine Eltern gegeben hatten, und die Teile, die er nun hatte, gehörten zum Leichnam. Wie dem auch sei, wer war er nun? Nachdem ihm all die Tatsachen bewußt geworden waren, konnte er sie nicht fassen, sondern wurde wahnsinnig und ging aus dem Haus. Als er zu einem Tempel kam, ging er hinein und erzählte den Mönchen seine Sorgen. Die Menschen konnten in seiner Geschichte die wahre Bedeutung der Selbstlosigkeit erkennen und erlangten auf diese Weise unschätzbare Dankbarkeit.

11. Einmal besuchte eine schöne und hübschgekleidete Frau ein Haus. Der Hausherr fragte sie, wer sie sei, und sie erwiderte, sie sei die Göttin des Reichtums. Der Hausherr war entzückt und behandelte sie daher zuvorkommend. Bald danach erschien eine andere Frau, die häßlich aussah und ärmlich gekleidet war. Der Hausherr fragte sie, wer sie sei, und die Frau erwiderte, sie sei die Göttin der Armut. Der Herr war entsetzt und versuchte, sie aus dem Haus zu treiben, aber die Frau weigerte sich, fortzugehen und sprach: "Die Göttin des Reichtums ist meine Schwester. Es gibt ein Übereinkommen zwischen uns, daß wir nie getrennt leben dürfen: wenn du mich hinausjagst, muß sie mit mir gehen." In der Tat, sobald die häßliche Frau hinausgegangen war, verschwand auch die andere. Geburt geht mit dem Tod einher und Glück mit Unglück. Schlechte Dinge folgen den guten Dingen. Die Menschen sollten dies erkennen. Törichte Menschen fürchten das Unglück und streben nach Glück, aber jene, die Erleuchtung suchen, müssen über beides erhaben und frei von irdischen Bindungen sein.

12. Es lebte einmal ein armer Künstler, der seine Heimat und seine Frau verließ, um sein Glück zu suchen. Nach drei Jahren schwerer Kämpfe hatte er dreihundert Goldstücke gespart und beschloß, in seine Heimat zurückzukehren. Auf seinem Weg kam er an einem großen Tempel vorbei, in dem eine große Opferungszeremonie stattfand. Er war davon stark beeindruckt und dachte bei sich: "Bisher habe ich nur an die Gegenwart gedacht, ich habe aber nie mein zukünftiges Glück berücksichtigt. Es gehört zu meinem großen Glück, daß ich an diesen Ort gekommen bin. Ich muß es ausnutzen, um Samen des Verdienstes zu säen." Wie er so überlegte, schenkte er dankbar alle seine Ersparnisse dem Tempel und kehrte ohne einen Pfennig in seine Heimat zurück.

Als er die Heimat erreichte, warf seine Frau ihm vor, keinen Pfennig für ihren Unterhalt mitgebracht zu haben. Der arme Künstler erwiderte, daß er zwar etwas Geld verdient hätte, aber es dort gelassen hätte, wo es sicher aufgehoben sein würde. Als seine Frau ihn drängte, ihr zu erzählen, wo er es versteckt habe, gestand er, daß er es den Mönchen in einem bestimmten Tempel gegeben habe.

Dies machte die Frau zornig, und sie schalt ihren Mann und brachte die Angelegenheit vor dem Richter am Ort. Als der Richter den Künstler um seine Verteidigung bat, sagte der Künstler, daß er nicht töricht gehandelt habe, denn er habe das Geld während langer und harter Kämpfe verdient und wollte es als Samen für künftiges Glück verwenden. Als er an den Tempel kam, schien ihm, daß dies das Feld sei, wo er sein Gold als Samen für sein Glück pflanzen sollte. Dann fügte er hinzu: "Als ich den Mönchen das Geld gab, schien es, als hätte ich Habgier und Geiz vollständig aus meinem Geist verbannt. Und ich habe erkannt, daß wirklicher Reichtum nicht Gold, sondern Geist ist."

Der Richter lobte die Gesinnung des Künstlers, und jene, die davon hörten, zeigten ihre Zustimmung, indem sie ihm auf verschiedene Art und Weise halfen. So wurde dem Künstler und seiner Frau dauerhaftes Glück zuteil.

13. Ein Mann, der in der Nähe eines Friedhofes wohnte, hörte eines Nachts aus einem Grab eine Stimme rufen. Er war zu ängstlich, um selbst danach zu forschen. Am nächsten Tag erwähnte er dieses Ereignis einem tapferen Freund gegenüber, der sich sofort entschloß, die Stelle aufzuspüren, von der die Stimme herkam.

Während der ängstliche Mann vor Furcht zitterte, ging sein Freund zum Friedhof und tatsächlich konnte man die Stimme aus einem Grab kommen hören. Der Freund fragte, wer sie sei und was sie

wolle. Die Stimme unter der Erde erwiderte: "Ich bin ein verborgener Schatz, der beschlossen hat, sich jemandem zu schenken. Ich machte letzte Nacht einem Mann das Angebot, aber der war zu ängstlich, um danach zu schauen, deshalb werde ich es dir machen, der es wert ist. Morgen früh werde ich mit meinem sieben Gefolgsleuten in dein Haus kommen."

Der Freund sagte: "Ich werde auf euch warten, aber sag mir bitte, wie ich euch behandeln soll." Die Stimme erwiderte: "Wir werden in den Gewändern von Mönchen kommen. Halte ein Zimmer mit Wasser für uns bereit; wasche deinen Körper, reinige das Zimmer und halte Sitzplätze und acht Schüsseln Reisbrei für uns bereit. Nach dem Mahl mußt du uns, einer nach dem anderen, in ein verschlossenes Zimmer führen, in dem wir uns in Goldgefäße verwandeln werden." Am nächsten Morgen wusch dieser Mann seinen Körper und reinigte sein Zimmer, genauso wie es ihm gesagt worden war und wartete darauf, daß die Mönche erscheinen würden. Sie erschienen zur rechten Zeit, und er empfing sie höflich: Nachdem die Mönche die Nahrung zu sich genommen hatten, führte er sie, einer nach dem anderen, in das verschlossene Zimmer, wo ein jeder Mönch sich in ein Gefäß voller Gold verwandelte. Im selben Dorf gab es einen sehr habgierigen Mann, der von dem Ereignis erfuhr und die Goldgefäße

nach guten Ergebnissen gierig, sie sind aber zu ängstlich, ihnen nachzugehen, und deshalb scheitern sie fortwährend. Sie haben weder das Vertrauen noch den Mut, den inneren Kämpfen der Seele gegenüberzutreten, durch die allein wahrer Friede und Harmonie erreicht werden kann."

haben wollte. Er lud acht Mönche in sein Haus ein. Nach ihrem Mahl führte er sie in ein verschlossenes Zimmer, aber anstatt sie sich in Goldgefäße zu verwandeln, wurden sie böse und zornig und meideten den Mann der Polizei, die ihn schließlich festnahm.

Was den ängstlichen Mann anbetrifft, so ging dieser, nachdem er erfuhr, daß die Stimme aus dem Grab dem tapferen Mann Reichtum gebracht hatte, in das Haus des Mannes, verlangte habgierig nach dem Gold und bestand darauf, daß es seines wäre, weil die Stimme sich zuerst an ihn gerichtet hätte. Als der ängstliche Mann versuchte, die Gefäße wegzunehmen, fand er in ihnen eine Menge Schlange, die ihre Köpfe erhoben, bereit, ihn anzugreifen.

Der König hörte davon und bestimmte, daß die Gefäße dem tapferen Mann gehören sollten, und er äußerte die folgende Beobachtung: "Alles auf der Welt hat diesen Lauf. Törichte Menschen sind nur

(Fortsetzung folgt)

Das Leben eines buddhistischen Mönches



von
Ehrwürdiger THICH BAO LAC
Reverend THICH NHU DIEN

Deutsche Übersetzung von
NGUYEN NGOC TUAN und NGUYEN THI THU CUC

(Fortsetzung)

Vor 1975 hatte die buddhistische Congregation überall vom Süden bis nach Zentral-Vietnam viele Kultur-, Wohlfahrts- und Sozial-einrichtungen. Darüber hinaus verfügte sie über zahlreiche Schulen (Grundschulen und auch Gymnasien).

In den "BÁO QUỐC"- und "HUỆ NGHIÊM"-Instituten können die Mönche das Hochschulstudium verfolgen, jedoch nur bis zum Lizentiat. Wie erwähnt, können hier nur die Angehörigen der Mönchsgemeinschaft aufgenommen werden.

Die meisten anderen Mönche beschäftigen sich mit Meditation und der Übersetzung von Sutras und kanonischen Schriften. Gelegentlich halten sie Gebetszeremonien für das Wohlergehen der Menschen und die Erlösung der Verstorbenen ab.

Die buddhistische Congregation intensiviert Ausbildungslehrgänge von Predigern, die der Bevölkerung das richtige Verständnis der Erleuchtungslehre des Buddha vermitteln sollen.

Viele Mönche folgen der Anordnung der Congregation oder der Bestimmung ihres Lehrmeisters und führen die Arbeit eines Abtes durch, der die Pagode leitet, junge Mönche beaufsichtigt und die örtlichen Laienanhänger betreut. Der Personaleinsatz hängt von der Größe der Pagode und vor allem von der Finanzverfügbarkeit der Congregation ab.

Die Regierung der Congregation besteht aus einem "VIỆN TĂNG THỐNG" (= Hohes geistliches Institut), dessen Mitglieder hohe und ältere Geistliche sind, die bei den Laien großen Einfluß und Respekt gewonnen haben und den Vorschlägen des Ältestenrates folgen. Sie obliegt dem "VIỆN HOA ĐẠO" (= Institut für die Verbreitung der Religion), das von einem Leiter und dessen Stellvertreter geführt wird. Dazu kommen noch mehrere Mönche für die Besetzung weiterer Positionen. Konstitutiv wird diese Einrichtung von Vertretern der Provinzen, Bezirke und Gemeinden gebildet, die dann einen Vorsitzenden wählen. Dieses Institut als Verwaltungsorgan der Congregation umfaßt die buddhistischen Institutionen aller Provinzen, Bezirke und Gemeinden. Dadurch betrachten wir den "VIỆN TĂNG THỐNG" als geschäftsführende Vertretung der Congregation, die mehr Macht hat als das erste Institut.

Ganz gleich, ob sie zentral oder regional zuständig ist, gibt es in jeder buddhistischen Institution eine Abteilung zur Beschaffung von Finanzmitteln für die Congregation. Diese Abteilungen betreiben verschiedene Wirtschaftsformen; sie reichen von großen, kulturellen Einrichtungen bis zu kleinen Betrieben zur Herstellung von Sojasauce, Weihrauchstäbchen, Handarbeiten etc. Außer den aus der Selbstbewirtschaftung gewonnenen Mitteln erhalten diese Institutionen auch zahlreiche private Spenden von Besuchern, die ihrer Sozialsituation entsprechend, mehr oder weniger die Mönche zwanglos unterstützen wollen. Wer mit leeren Händen die Pagode betritt, ist auch willkommen. Denn das Portal eines Buddhahauses bleibt für jeden, ob arm oder reich, einfach oder gut-situiert, ohne Klassenunterschied weit offen.

Wenn einer seine Familie verläßt, um bei Buddha, Dharma und Sangha Zuflucht zu nehmen, verspricht er, für den Rest seines Lebens Mönch zu sein. Trotzdem gibt es viele, denen das strenge und enthaltsame Leben in ärmlichen Pagoden unerträglich wird, und die dann wieder in das Zivilleben zurückkehren. Es gibt mehrere Gründe für Mönche, das klösterliche Leben aufzugeben; zum Beispiel, daß sie wegen der Auswirkung des karmischen Gesetzes zur Vergeltung für böse Taten in früheren Existenzen oder wegen Unrecht und Vorurteil in ihrer jetzigen Situation der Mönchsgemeinschaft den Rücken kehren, dann eine Familie gründen und Kin-

der zeugen wie viele andere Menschen auf dieser Welt. Dieses Problem besteht heute nicht in Japan, weil in dem "Land der Samurai" fast 90% der buddhistischen Priester heiraten dürfen und zusammen mit Frau und Kindern in Pagoden ein bequemes weltlich angepaßtes Leben führen.

In China und Vietnam werden Leute, die das religiöse Leben aufgeben, aus welchem Grunde auch immer, als unerwünschte Elemente der Gesellschaft betrachtet. Es ist für sie sehr schwierig, ein neues Leben anzufangen, denn sie können sich von ihrer Vergangenheit nicht lösen. Sie haben einmal ihre Pflicht und Verantwortung nicht erfüllen können. In der Robe eines Mönches wurden sie von allen geehrt und respektvoll behandelt. Jetzt sind sie nicht mehr ehrenhaft, und ihre Situation ist unvorstellbar schlecht. Das Leben des Mönches gleicht den Mangoblüten und Fischeiern. Dieser Vergleich ist nicht falsch, denn der Mangobaum hat viele Blütenansätze, aber nicht alle Blüten können befruchtet werden. Genauso ist es beim Fisch, dessen Eierstock ist zwar groß, aber nicht jedes Ei wird befruchtet.

Viele Menschen brechen mit dem Leben des Mönches, erleben dann in der weltlichen Gesellschaft Enttäuschungen und bitten noch einmal um Zuflucht bei den Drei Kleinen. Anders als in der katholischen Kirche bleibt das Tor des Buddhahauses immer offen, um sie wieder aufzunehmen. Die Buddhisten sind der Auffassung, daß Menschen unvollkommen sind und leicht sündige Taten begehen, die sie sich selbst ausgedacht haben, oder zu denen sie von anderen Menschen verleitet wurden. Buddhistische Mönche, ganz gleich welche Würde sie tragen, können dem enthaltsamen Leben ausnahmslos den Rücken kehren, wenn sie nicht in der Lage sind, das Mönchsleben weiter zu führen. Wenn es so weit ist, bringen sie die Mönchskutte zum Grundlehrer und bitten diesen um die Entlassung aus dem Mönchsorden.

Natürlich können sie später um die Wiederaufnahme in die Mönchsgemeinschaft bitten. Diese Wiederholung ist nur in Vietnam möglich und nicht in den Theravada Ländern, wie z.B. Burma, Kambodscha, Laos, Sri Lanka und Thailand. Dort ist es Pflicht, Mönch zu bleiben. Es ist außerdem ratsam, Mönch zu werden, weil man der Ansicht ist, daß Mönche geistig moralische Menschen sind. Auch wenn es nur für drei oder fünf Monate ist. Danach kann jeder tun, was er möchte, wie z.B. heiraten und eine Familie gründen. Es geht darum, einmal im Leben Mönch zu sein, um seine Pietät den Eltern gegenüber zu zeigen und dem Staat gegenüber Treue zu beweisen, und um die Pflicht eines Bürgers zu erfüllen. Wer für immer Mönch sein will, ist es auch wahrhaftig.

An dieser Stelle wenden wir uns vom Thema Leben zum Thema Ableben eines Bhikkhu. Was geschieht wenn ein Mönch stirbt? Der buddhistischen Auffassung nach ist alles vergänglich. Leben und Sterben sind gewöhnliche Dinge, die ganz normal verlaufen. Was da entsteht, ist dem Gesetz der Vergänglichkeit unterworfen. Buddha lehrte uns: "Das Leben ist nicht von Dauer; der Tod ist gewiß". Wer geboren wird, muß auch sterben, alles Leben ist vergänglich.

Genau so verhält es sich mit dem Leben eines Mönches. Sein Tod unterscheidet sich von dem eines normalen Menschen dadurch, daß er beim Verlassen dieser Welt nicht mehr an materiellem Gut oder an der Familie hängt. Seine Gedanken sind ungebunden, und er kann so in eine bessere Welt eingehen, unabhängig von materiellen Gütern. Ein Mönch lebt allein, unabhängig von seiner Familie und seinen Verwandten. Er benötigt wenige Dinge zum Leben, z.B. Sojabohnen, Gurke und Salz als Nahrungsmittel, einige braune Kleidungsstücke, die ihn vor der Kälte schützen, damit er im Dienst seines Ideals gesund bleibt. Was er an Spenden erhält, gehört der Pagode und der Congregation. Er ist deshalb frei von Habgier.

Wenn ein Mönch stirbt, versammeln sich alle anderen, auch aus den benachbarten Pagoden, um eine buddhistische rituelle Zeremonie zu organisieren. Wenn der verstorbene Mönch viele Schüler hatte, kann dieser Ritus erst beginnen, wenn alle anwesend sind. Gewöhnlich gilt der erste Schüler als Ältester, vorausgesetzt, daß er Mönch ist. Alle Schüler des Verstorbenen sind Haupttrauernde.

Größe und Lage der Gemeinde bestimmen die Dauer und Feierlichkeit der Trauerzeremonie. In der Regel dauert die Trauerzeremonie beim Tod eines Abtes mindestens sieben Tage. Während dieser Zeit werden verschiedene Zeremonien, z.B. Einsargung, letzte Geleitgebung und die "LỄ TIÊN GIÁC LINH" (= Erlösungszeremonie) durchgeführt.

In Vietnam ist es üblich, daß der Verstorbene zu Hause eingesargt wird und dort für eine gewisse Zeit verbleibt, d.h. solange wie die Familienmitglieder es wünschen, damit vor der Beerdigung verschiedene Zeremonien vorgenommen werden können. Bisher gibt es nur die Erdbestattung. Durch fremde Einflüsse gibt es seit 20 Jahren auch die Feuerbestattung; doch ist diese Form heute noch ungewöhnlich.

Das Grabmal eines verstorbenen Mönches wird Stupa Turm genannt.

Stupa ist auch die Bezeichnung des Reliquienhügels des Shakyamuni und anderer Sektengründer des Buddhismus. Dieser Bautyp wurde von Indien nach China, Vietnam und in weitere Länder Südasiens eingeführt. Je nach Rangstufe des

Toten hat dessen Stupaturm 1, 3, 4 oder 7 Stockwerke. In Japan sind Stupaturme sehr selten. Nur Sektengründer erhalten nach ihrem Tode solch ein Monument. Dieses Bauwerk wird auf dem Gelände der Pagode errichtet und gilt als Teil einer Kultstätte. Gewöhnlich baut man hexa- oder oktagonale Stupaturme. Jedes der Stockwerke trägt eine andere Inschrift, wie: "ÁN MA NI BÁT DI HỒNG" (= om mani padme hum) oder "NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT" (= namo amitabha). Spiegelsymmetrisch sind an beiden Kanten jeder Seitenwand der Hexagonalen zwei Fresken oder Reliefs angebracht, die Leben und Verdienst des verstorbenen Mönches darstellen.

Die Beisetzung erfolgt in Anwesenheit von Geistlichen aller hierarchischen Rangstufen. Am Anfang der Prozession gehen Ministranten, welche Spruchrollen, Schirme, ein Rauchfaß und ein Bild des Verstorbenen tragen.

Dann folgt der Sarg, getragen auf den Schultern von Hinterbliebenen, also von Schülern des Verstorbenen. Als Letzte folgen die anderen Prozessionsteilnehmer.

Die letzten Ruhestätten der Mönche befinden sich im Gartengelände der Pagode. Einmal im Jahr gibt die Pagode ein Gedenkfest für die Verstorbenen, an dem alle Mönche des Bezirkes bzw. der Gemeinde teilnehmen, um den Totentag des TỖ DĨNH (= TỖ: Gründer, DĨNH: Tempel) zu zelebrieren.

Heute ist es ähnlich wie damals in Vietnam, daß viele Pagoden und Tempel aus Spendenmitteln und durch Selbstbewirtschaftung errichtet werden. Am kleinsten sind die Dorfpagoden, dann folgen die Gemeinde-, Bezirks- und die städtischen Pagoden. In manchen wohlhabenden Dörfern gibt es sogar 5 bis 10 Pagoden. Große Tempel mit historischem Wert sind immer die der Patriarchen oder Sektengründer. Es folgen einige Beispiele:

In Zentral Vietnam wurde der "CHÚC THÁNH" Tempel von MINH HẢI in der Provinz QUANG NAM gegründet. MINH HẢI war Patriarch der "LÂM TẾ" Sekte, die in China vom Urvater NGHĨA HUYỀN gegründet wurde und die sich in Vietnam Mitte des 16. und Anfang des 17. Jahrhunderts ausbreitete. Es gibt weitere Tempel dieser Sekte, z.B. den "VAN ĐỨC" in HỒI AN und den "PHƯỚC LÂM" in QUANG NAM.

Im Randgebiet von Saigon gibt es die "GIÁC LÂM" und "GIÁC VIỆT" Tempel. Es sind die zwei bedeutendsten Tempelanlagen Süd Vietnams; sie wurden vor über 200 Jahren erbaut.

Außer den großen Tempeln kennen wir einige Verwaltungsstellen der buddhistischen Congregation, so z.B. die "XÁ LỖI", "ÁN QUANG", "VĨNH NGHIÊM"- Pagoden. Diese neuen Einrichtungen sind bei allen Mönchen und Laien als Spitzenorgane der buddhistischen Regierung bekannt. Der Sitz der Regierung, die "GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG

NHẬT" (=Congregation der Vereinigten Vietnamesisch-Buddhistischen Kirche) befindet sich in der "ÁN QUANG" Pagode Nr. 243 Sủ Vạn Hạnh Straße des Saigon Bezirks (früherer Name ỨNG QUANG). Erbaut vor etwa 50 Jahren vom verstorbenen Hochwürdigen THÍCH TRÍ HỮU, Abt der "LINH ỨNG" Pagode in NON NƯỚC (= Berg und Gewässer), "NGŨ HÀNH SƠN" (= Gebirge der 5 Elemente: Metall, Holz, Wasser, Feuer, Erde) bei ĐÀ NẴNG, wurde sie der Congregation geschenkt.

Im Jahre 1963 wurde das "ỦY BAN LIÊN PHÁI BẢO VỆ PHẬT GIÁO" (= Intersekten Komitee zum Schutz des Buddhismus) zur Führung der religiös-politischen Kampfbewegung gegen die antibuddhistische Politik der "NGŨ DĨNH DIỆM" Regierung gegründet. Das Komitee hat seinen Sitz in der "XÁ LỖI" Pagode. Die "VĨNH NGHIÊM" Pagode, gleichzeitig als Sitz der "VIỆT NAM QUỐC TỬ" (= Pagode der Nation Vietnam) wurde nach einer Idee des verstorbenen Hochehrwürdigen THÍCH TÂM GIÁC in den 70er Jahren erbaut.

Der ehrwürdige Mönch, der lange Jahre in Japan studiert hatte, ließ den Bauplan dieser Pagode nach der buddhistischen Architektur seines Studienortes errichten. Deshalb erinnert uns diese Einrichtung an jene stilvollen Tempel im "Lande der aufgehenden Sonne".

Es gibt noch viel mehr Details über das Leben eines Mönches die wir im Rahmen dieses Buches nicht alle beschreiben können. Dennoch hoffen wir, daß das kleine Werk zur Beantwortung der Fragen von deutschen und vietnamesischen geistlichen Führern hilft.

Zum Schluß beten wir für den Frieden und für die Glückseligkeit aller Menschen dieser Welt. Möge allen Lebewesen die höchste Erkenntnis der unübertrefflichen Bodhi der Buddha aller Zeiten der Vergangenheit, der Gegenwart und der Zukunft zuteil werden!

□ THÍCH NHƯ ĐIỂM

AMITABHA

DER GUTE FREUND

Gedanke von Tũ Xũng Roland Berthold

In der Erleuchtungsnacht zu Uruvela erkannte der Asket Gautama, der spätere Buddha auch seine eigene unendliche Vergangenheit. In unmittelbarer Schau sah er, wie er in zahllosen Leben den Weg aus dem Leiden in die Leidensfreiheit von neuem begonnen hatte, wie er Tugenden entfaltet und sich für andere Wesen aufgeopfert hatte. Aber auch sein früheres Versagen wurde ihm deutlich. Uns Weltmenschen ist dieser direkte Einblick zumeist wohl verwehrt. Als Buddhisten haben wir dennoch die innere Gewißheit, daß auch unsere Geburt nur ein erneuter Anfang in einer überzeitlichen Abfolge von Vergangenheit war. Wir wissen nicht zum wievielten Male wir der Lehre des Buddha jetzt begegnet sind, aber wir ahnen vielleicht die existenzielle Bedeutung gerade dieses Lebens für uns.

TỮ XŨNG Roland Berthold

Die Einsicht in die Richtigkeit und Schlüssigkeit der Analyse der menschlichen Existenz durch den Dharma hat in uns die Bereinigung geweckt, uns der Führung durch den Buddha anzuvertrauen. Voller Zuversicht haben wir Zuflucht zu den Drei Kostbarkeiten genommen. Eine unvoreingenommene Betrachtung unserer gegenwärtigen Situation hat uns den Entschluß leicht gemacht, den Weg in der Nachfolge des Buddha zu wagen. Wir haben begriffen, daß die sich in Begehren und Abneigung artikulierende Unwissenheit die Ursache all unserer Probleme mit uns und mit der Welt ist. Zucht, Vertiefung und Einsicht sind uns zu Übungsfeldern geworden, auf denen wir manche gute Ernte, aber auch zahllose Mißernten eingefahren haben.

Der Weg des Buddha ist kein unmündiges Abwarten göttlichen Wirkens und Eingreifens, sondern unablässige Bemühung und beharrliches Voranschreiten voller Tatkraft und Ausdauer. Und nur das werden wir ernten, dessen Keime wir vorher ausgesät haben. Wenn wir jedoch die Biographien buddhistischer Heiliger (etwa die der unmittelbaren Jünger des Buddha) mit unserem Lebenslauf vergleichen, möchten wir schier verzagen. Warum, so fragen wir uns selbstkritisch, gelang es jenen Menschen so oft in einer ganz kurzen Zeitspanne, ihr Geworfensein in den Kreislauf der Geburten, ihre Verstrickung in die Ichzentrierung zu überwinden. Und warum straucheln wir immer aufs Neue schon in den Fallstricken des alltäglichen Unheilsamen, von unseren großen Stürzen gar nicht zu reden.

Manchmal, in einem Augenblick des Innehaltens, erscheint es uns dann, als ob all unser bisheriges Streben sinnlos gewesen sei. Wir wähnen uns auf der Stelle tretend und ohne jegliches innere Wachstum. Wir haben den Eindruck, als ob all unsere Bemühungen dem sprichwörtlichen Kampf mit dem Windmühlenflügel gleichen. Wir sehen, daß wir auf irgendeine undurchsichtige Weise scheinbar aussichtslos in unsere Gewohnheiten, in unsere Alltäglichkeiten und Unzulänglichkeiten verstrickt sind, so daß wir das Gefühl haben, wir würden uns nie davon freimachen können. Diese Enttäuschung mag sich sogar in die Absicht steigern, den ganzen Weg aufzugeben und wieder "normal" im Spannungsfeld der Alltäglichkeit zu leben.

Natürlich wissen wir aus der Kenntnis der Geschichte des Buddhismus, daß solche Befürchtungen und Ängste eigentlich grundlos sind. Vor uns haben sich unendlich viele Wesen aus jenen Verstrickungen gelöst, haben das Sich im Kreise Drehen aufgegeben, sind wirklich frei geworden. Doch irgendwie glauben wir, daß das Geschichten aus einer vergangenen Zeit, aus fernen Ländern, sind, zwar wahr, aber dennoch irgendwie unwirklich.

In dieser scheinbar ausweglosen Situation mag es geschehen, daß wir plötzlich einem Freund begegnen, an den wir uns kaum noch erinnern können. Es scheint uns eine Ewigkeit her, daß wir ihn zuletzt getroffen haben. Aber dennoch erscheint er uns merkwürdig vertraut. Auf überra-



schende Weise scheint er unsere Probleme zu kennen und auch Antworten darauf zu wissen. Und er rät uns, einmal richtig auszuspannen, für eine gewisse Zeit aus unserer vertrauten Umgebung herauszugehen. Dann würden wir wieder zu uns selbst finden. Er lädt uns ein, ihn in seinem Haus an der Westküste zu besuchen, sobald wir uns dabei freimachen können. Dort könnten wir Kraft schöpfen und wieder zu uns selbst finden. Dann zeigt er uns ein Bild seines Hauses: ein vollendeter Bau in einer großartigen Landschaft, von der unendlicher Friede ausstrahlt. Als wir das Bild betrachten, wird es unversehens auf geheimnisvolle Weise lebendig. Wir schauen Berge, unendliche Wälder, Meer, Blumenwiesen, fruchtbare Felder, Menschen mit leuchtenden Gesichtern. Dieser Zauber wird weder durch Autobahnen noch durch Atomkraftwerke, weder durch Industrieanlagen noch durch Tiefflieger zerstört. Und wir spüren: irgendwie spiegelt dieses Bild unsere tiefsten Empfindungen und Erfahrungen wider, ruft Resonanz in unserem innersten Seinsgrund hervor. Sein bloßer Anblick berührt und verwandelt uns. Die Kunst der deutschen Romantik kommt uns in den Sinn, Gemälde von Caspar David Friedrich und Carl Gustav Carus, Gedichte von Novalis und Eichendorff. All das mag uns wie ein Märchen erscheinen, wie ein schöner Traum. Märchen und Träume aber haben ihre eigene Wirklichkeit...

Und so fassen wir plötzlich wieder Mut. Wir freuen uns auf die bevorstehende Reise, auf das Haus an der Westküste, auf die friedliche Landschaft, auf die Begegnung mit dem Freund und die Gespräche mit ihm. Unser Alltag bekommt eine neue Dimension. Freude begleitet uns bei unseren Bemühungen, Inspiration

durchdringt unsere Mühsal, und Unereschütterlichkeit gibt uns die Kraft, der alltäglichen Versuchung zu trotzen. Auf einmal spüren wir, daß unsere Bemühungen sinnvoll sind, daß es einen Ausweg aus dem Geworfensein gibt, daß wir im Haus unseres Freundes, unter seinem verstehenden und inspirierenden Einfluß, der alles, was mit ihm in Berührung kommt, verwandelt, endgültig aufatmen können. Immer häufiger denken wir an das Haus an der Westküste, an den Freund dort, reden innerlich mit ihm und sagen auch seinen Namen laut vor und hin.

Und eines Tages machen wir uns dann auf den Weg, dem Lauteren Land des Buddha Amitayus entgegen...

Nam Mô. A Di Đà Phật !

10 Tage in der Oase des Friedens

Martin Follert

Fortsetzung

Nach dem ich gegessen hatte, ging ich wieder zu dem Vorraum der Pagode zurück. Dort stellte mir der Abt Thich Nhu Dien einen Vietnamesen vor, der einer der Architekten der neuen Pagode war. Sein Name war Tran Phong Luu. Er und Herr Thich Nhu Dien standen vor einer weißlackierten, auf dem Boden liegenden Holzplatte. "Wir haben ein Problem" übersetzte mir Thich Nhu Dien das Gespräch zwischen ihm und dem Architekten. Sie hatten schon mehrere Versuche unternommen, eine Beschriftung und ein Bild der neuen Pagode auf die Holzwand aufzuzeichnen und zu malen. Diese Versuche waren jedoch gescheitert. Ich schlug vor für die Buschstaben Schablonen zu verwenden und das Bild der Pagode durchzupausen. Der Abt fragte, woher ich diese Ideen hätte und ich erklärte ihm, daß ich früher eine Ausbildung als Maler absolviert hatte.

Am frühen Nachmittag des gleichen Tages fuhren wir der Architekt Tran Phong Luu und der Novize Thien Tin mit mir zusammen in die Stadt um die Materialien für die Arbeit zu besorgen. Außerdem kauften wir noch Lebensmittel für die Pagode ein.

Am Nachmittag hatte sich der Vorraum noch mit vielen anderen Vietnamesinnen und Vietnamesen gefüllt. Sie alle waren damit beschäftigt die neue Ausgabe der Zeitschrift "VIEN GIAC" vorzubereiten.

Zunächst mußten die Seiten gedruckt werden. Dies geschah an eine Druckmaschine, die schon 25 Jahre alt war. Anschließend wurden die Blätter zu Stapeln sortiert. Dies war eine sehr langwierige Arbeit. Doch eines fiel mir auf: Ganz gleich, an welchen Tag, es waren immergenug Leute da, die bei der Arbeit mithalten. Und der Abt Thich Nhu Dien beteiligte sich wie selbstverständlich an dieser Arbeit. Selbst der Kinder aus der Grundschule kamen nachmittags nach der Schule und gemachten Hausaufgaben und halfen so gut wie sie können. Ich gewann den Eindruck, daß die Erwachsenen, die Kinder und Jugendlichen versuchten mit in ihre Arbeit einzubeziehen und deren Arbeitsanteil durchaus als gleichwertig betrachteten.

Dies erinnerte mich an den Satz, den Thich Nhu Dien mir zu Anfang meines Besuches in der Pagode gesagt hatte: *Wir sind eine große Familie. Hier gibt es Geben und Nehmen und jeder ist auf den Anderen angewiesen. Und ich kann meine Arbeit nur dann tun, wen mir andere dabei helfen*".

Am späten Nachmittag, ich hatte mit dem Architekten Tran Phong Luu und dem Novize der Pagode namens Thien Tin bereits an der Beschriftung und dem Bild der neuen Pagode gearbeitet, kam Herr Thich Nhu Dien zu mir und sagte: *"Wenn Du möchtest, kannst Du heute Abend an unserer täglichen Meditationsübung teilnehmen."* An dieser Stelle möchte ich einen kurzen Tagesablauf einer (es) Nonne/Mönchs geben. Die Nonnen und Mönche stehen schon sehr früh auf (ca. 5 Uhr morgens). Um 5 Uhr 30 ist Morgengebet und Meditation. Anschließend ist Frühstück. Danach haben die Nonnen und Mönche Zeit für persönliche Aufgaben. Um 12 Uhr essen sie zu Mittag. Von 13 Uhr bis 14 Uhr 30 ist Mittagsruhe. Von 14 Uhr 30 bis 18 Uhr 30 wird gearbeitet. Jeden Tag

28 Vién Giác

aber um 17 Uhr ist Gebet für die unbekannt Verstorbenen. Zu diesem Gebet wird die große Glocke der Pagode (sie ist ein Geschenk aus Taiwan) in einem bestimmten Rhythmus geschlagen. (Sie hat einen wunderschönen Klang, etwas beruhigendes finde ich und ich habe sie nie als laut empfunden.)

Nachdem Abendessen ziehen sich die Nonnen und Mönche meisten etwas zurück. Gegen 22 Uhr ist eine halbe Stunde Meditation. Den Tagesablauf, den ich hier nur sehr kurz beschrieben habe, trifft nur für die Pagode in Hannover. In Asien sind die Regeln in den Pagoden und buddhistischen Klöstern meist viel strenger.

Doch ich denke, daß es die Buddhisten ganz gut verstanden haben, sich den gegebenen Umständen in den jeweiligen Ländern gut anzupassen.

Nun zurück zur Einladung von Herrn Thich Nhu Dien. Diese Meditation, so erklärte er mir, kann einmal dazu dienen, einen Rückblick und Rückbesinnung auf den vergangenen Tag zu machen, aber auch um sich auf das Wesen des Buddhismus zu besinnen und die Meditation zu vervollkommen.



Am Abend nach dem Abendessen arbeitete ich zusammen mit Tran Phong Luu und den Novizen bis es dunkel wurde. Kurz vor 22 Uhr kam ich in den Vorraum der Pagode. Außer mir waren noch einige von den älteren Frauen, Tran Phong Luu und der Novize Thien Tin anwesend. Wir gingen in die Andachtshalle der Pagode und jeder nahm sich aus der hinteren Ecke 1 bis 2 Decken. Die Andachtshalle der Pagode war abgedunkelt. Nur 3 Chinlampen erleuchteten den Raum. Die Frauen setzten sich auf die linke Seite im Lotus oder Schneidersitz; die Männer rechts. Als der Abt Thich Nhu Dien in seinen safranfarbenen Mönchsgewand die Andachtshalle der Pagode betrat, standen wir alle auf, falteten die Hände und neigten den Kopf als er an uns vorbeisritt. Diese "Verbeugung" soll den Respekt vor dem Mönch zum Ausdruck bringen.

Der Novize hatte vorher ein einzelnes Räucherstäbchen in einer mit Sand gefüllten Metallschale gesteckt und angezündet. Thich Nhu Dien saß im Lotussitz vor der Buddhastatur, die auf dem Altar stand. Er strahlte eine gewisse Ruhe und Würde aus. Der Novize Thien Tin saß etwas weiter zurück und rechts neben ihm.

Er schlug, nachdem auch wir uns auf unsere Decken gesetzt hatten, einen kleinen Gong 3mal. Danach wurde eine halbe Stunde meditiert.

(Fortsetzung folgt)



BUDDHISTISCHE AKTIVITÄTEN IN DEUTSCHLAND

DHYANA - ABENDEN

Am 15. März und 1. April gab es Dhyana-Abende für Freunde des Hauses, welche von der Viengiac-Pagode und dem Vibus (Vietnamesisch-Buddhistisches Sozio-Kulturzentrum in der BR Deutschland) veranstaltet wurden. Außerdem am 22. März und im April, den 3. und 8. April 1989, kamen die Schüler/innen der deutschen Schulen und Fachoberschulen in Hannover in die VIENGIAC-Pagode, um die Buddhalehre und die Übung des buddhistischen Meditation kennenzulernen. Jede Gruppe bestand aus etwa 20 Teilnehmern. Ehrwürdiger Abt Thich Nhu Dien leitete persönlich solche Seminare, unter Mitwirkung von dem Novizen Thien Tin und dem Buddhist Thi Chon Ngo Ngoc Diep. Die Teilnehmer haben ganz einfache und natürliche Fragen gestellt, die aber für die praktische Lebensführung sehr bedeutend sind, wie z.B.: *"Warum leben die Buddhisten vegetarisch?"*, *"Zwecks des vege-*

tarischen Leben?", "Was bedeutet die Wiedergeburt im buddhistischen Sinn?", "Wohin geht man nach dem Tod?", "Wie lautet die Tradition des Theravada- oder Hinayana- und Mahayana-Buddhismus?" "Die Bedeutung der Farben auf der Fahne des Welt-Buddhismus?", "Darf ein buddhistischer Geistlicher eine Familie gründen?", "Warum liebt ein/e Mönch oder Nonne den Kopf kahlscheren?", usw....

Solche konkrete und praxisnahe Fragen wurden von ehrw. Abt beantwortet und die Teilnehmer waren sehr zufrieden.

Ein vegetarisches Mittagessen wurde anschließend für alle Teilnehmer gegeben, um eine gesunde und internationale Ernährungsweise vorzustellen. Dabei lernten die Teilnehmer den Umgang mit dem Stäbchen. Es hat viele Freude und Spaß gebracht.

EINWEIHUNG DER SAKYA MUNI BUDDHA-STATUE IN MÜNCHEN.

Unter der Leitung von ehrw. Thich Nhu Dien und mit der Teilnahme von zahlreichen vietn. Buddhisten in München wurde die Einweihung der Sakya Muni Buddhasstatue in der TAMGIAC-Buddhasstätte in München gefeiert. Diese Statue kam aus Taiwan, durch Spenden von Freunden und Buddhisten des Hauses. Diese Feierlichkeit fand am 25. März 1989 statt. Bei dieser Feierlichkeit wurde außerdem der neue Vorstand der VBVF-Ortsverein in München für die Legislatur 89-90 vom Buddhist Nguyen Thanh Liam, der neugewählte VBVF-Ortsvereins-Vorsitzender, vor allen Anwesenden vorgestellt.

Zum Anlaß des Neujahrfestes, Jahr der Schlange, hat Ehrw. Thich Nhu Dien allen Anwesenden "Glückstüten" überreicht. Mittels einer Erzählung über seine Pilgerreise nach Indien im Dez. letzten Jahres hat der Ehrwürdiger eine Predigt über die Geburt und Manifestation des Sakya Muni Buddhas in unsere Welt gehalten.

BUDDHALEHRE IN MÜNSTER

Vom 3. bis 4. März hat der VBVF-Ortsverein aus Münster eine regelmäßige Andacht und ein kurzes Seminar über die Buddhalehre für Freunde und Mitglieder des Ortsvereins veranstaltet. Diese Veranstaltung stand unter der Leitung vom ehrw. Thich Nhu Dien. Eine Unterweisung über "Die Pflicht und Verantwortung eines Buddhisten" und "Die Bedeutung der buddhistischen Ritualen" vom Ehrwürdigen haben alle Anwesenden mit inniger Aufmerksamkeit vernommen.

KULTURDARBIETUNG IN ALTWARMBÜCHEN - HANNOVER

Zur Vorstellung des vietn. Kultur-gutes hat die jugendl. Tanzgruppe der TAMMINH-Jubfa (Jungbuddhisten-Familie) in Hannover 2 Kulturdarbietungen im Realkauf in Altwarmbüchen in Hannover vorgeführt. Dies fand am 4. und 11. März 89 statt. Das Programm beinhaltete vietnam. traditioneller Drachen-Tanz und mehrere Folkstänzen.

ANDACHT IN RECKLINGHAUSEN

Zum ersten Mal haben die vietn. Buddhisten in Recklinghausen eine buddh. Andacht veranstaltet. Dies fand am 11. März und unter Leitung vom ehrw. Thich Nhu Dien statt. Tief besinnend haben die Andachtsteilnehmer die vom Ehrwürdigen gehaltene Lehre über "Die Bedeutung der Vergänglichkeit" vernommen. Ein vegetarisches Essen wurde anschließend eingenommen, welches von den Buddhisten und Freunde des Hauses mit herzlicher Bemühung vorbereitet haben.

MONAT DER FEIERLICHEN ANDENKEN

Jährlich, im Monat Februar nach dem buddhistischen Kalender (Buka), gibt es die meisten feierlichen Andenken an Buddhas und Bodhisattvas. Am Buka. 8. Febr. (den 15. März 89) war der Tag der Hauslosigkeit des Sakya Muni Buddhas; am Buka. 2. Febr. (den 22. März 89) war der Tag des Eintritts ins Nirvana vom Sakya Muni; am Buka. 19. Febr. (den 26. März 89) war das Andenkensfeierlichkeit des Avalokitesvara-Bodhisattvas (Barmherzigkeit) und am Buka. 21. Febr. (den 28. März 89) des Samanthabhadra-Bodhisattva. An diesen Tagen hat die VIENGIAC - Pagode, unter der Leitung vom ehrw. Abt, Andachten zum Andenken, Rezitation der Sutren und Unterweisung über die Bedeutung von solchen feierlichen Andenkens-tagen durchgeführt.

ANDACHT IN NORDDEICH

Im Abstand von 3 Monaten wird die Leitung der Übergangslager Lazareth in Norddeich eine buddh. Andacht für die dort verweilenden und die in deren Umgebung lebenden buddh. VN-Flüchtlinge veranstalten. Unter der Leitung vom ehrw. Thich Nhu Dien fand diese geistliche Veranstaltung am Nachmittag des 18. März statt. Am Vormittag des gleichen Tages hat der Ehrwürdige ein herzliches Gespräch mit der MINHAI-Jubfa aus Norddeich geführt. Es war diesmal sehr überraschend, daß die Andachtsteilnehmer überwiegend Jugendliche waren.

JUBFA-AKTIVITÄTEN

*** Jubfa-Treff**

in Norddeich: Zum Anlaß der Osterferien haben die Mitglieder der CHANHNIEM-Jubfa aus Berlin die MINHAI-Jubfa aus Norddeich einen Besuch abgestattet.

in Aachen: Auch in diesen Ferientagen trafen sich die QUANTHEAM-Jubfa aus Aachen und die Jubfa-Mitglieder aus Belgien in der QUANTHEAM-Buddhasstätte in Aachen zusammen. Unter Leitung von Ehrw. Nonne Thich Nu Dieu An, Äbtin der QUANTHEAM-Buddhasstätte, wurde eine Andenkenszeremonie des Avalokitesvara-Bodhisattva dort feierlich durchgeführt.

* Zusammenkunft des Leiter-ausschuß (LAS) der Jubfa in der BRDeutschland in Norddeich.

Zur Vorbereitung des II. Gruppenleiter-Camps für Gruppenleiter der Jubfa-Orstfamilien, der Ende April in Nürnberg stattfinden wird, haben sich die Mitglieder des LAS in Norddeich zusammengetroffen. Dies fand am Samstag den 25. März statt.

ANDACHT IN SCHWALLBACH

Am 8. April, mit der Begleitung vom Buddhisten Thi Tam Ngo Van Phat, Vorsitzender der VBVF (Vereinigung der Buddhistischen Vietnam-Flüchtlinge) in der BRDeutschland, kam Ehrw. Thich Nhu Dien nach Schwallbach, um eine Andacht für die dort lebenden Buddhisten und Freunde des Hauses zu leiten. Zu diesem Anlaß wurde der Vorstand der VBVF-Ortsverein in Schwallbach gewählt.

Diese feierliche Veranstaltung war die Erste für die Buddhisten in Schwallbach und eine Gelegenheit zur Gründung des dortigen VBVF-Ortsvereins.

VORBEREITUNG FÜR DAS 2533.

VESAK-FEST IN HANNOVER

Zur Vorbereitung des 2533. jähr. VESAK-Festes vom 19. bis 21. Mai 1989 in Hannover hat der Ehrw. Abt der VIENGIAC-Pagode zu einem Zusammentreffen der Mitglieder des Festsorganisations-Ausschusses aufgerufen. Dies fand am 23. April in der VIENGIAC-Pagode in Hannover statt.



Tưởng niệm Thầy



Viết bài này để kính dâng lên Giác Linh Thượng Tọa Thích Như Văn - trụ trì Tổ Đình Phước Lâm - Hội An - Quảng Nam

Thích Như Điển

Mới đó mà đã 25 mùa xuân trôi qua rồi, tôi chưa có lần nào viết về ngôi Tổ Đình Phước Lâm nơi xứ Quảng. Nơi đó có một vị Thầy suốt đời tận tụy nuôi dưỡng chúng tăng và cũng chính trong tình thương bao la của vị Thầy ấy, tôi đã được trưởng dưỡng ngay từ lúc ban đầu.

Con người, càng ở xa quê hương bao nhiêu lại càng nhớ đến quê hương bấy nhiêu. Nhiều khi trong giấc ngủ hay trong hồi tưởng, người ta ít nhớ đến những gì đang xảy ra trong hiện tại mà hay liên tưởng đến những gì trong quá khứ, xa thật là xa. Thời gian ấy có thể là 30 năm hay 50 năm và ít lắm cũng là 5, 10 năm trở lại.

Tôi xa xứ Quảng đến nay đúng 20 năm; nhưng thỉnh thoảng những hình ảnh ngôi chùa xưa, Thầy cũ, ban bè, lũy tre, bờ ruộng, hình ảnh trẻ mục đồng v.v... vẫn luôn luôn hiện về trong trí óc tôi. Trong những hình ảnh mơ về đó có ngôi Tổ Đình Phước Lâm và vị Thầy trụ trì tại đó, tôi sắp kể cho quý vị nghe đây.

Tổ Đình được định nghĩa là những chùa lâu đời do các vị Tổ sáng lập và chính nơi đó có thờ các vị Tổ sư hữu công với đạo và hằng năm có một ngày kỵ giỗ chung, có nhiều Tăng chúng và tín đồ về tham dự ngày kỵ Tổ này; mà Phước Lâm là 1 trong 3 Tổ Đình lớn nhất tại thị xã Hội An thuộc tỉnh Quảng Nam.

Quảng Nam là một tỉnh khá lớn, sau thời đệ nhị cộng hòa chia ra làm 2, để lập thêm tỉnh Quảng Tín. Cơ quan hành chính Tỉnh Quảng Nam đặt tại Hội An, cách xa Đà Nẵng về phía Nam chừng 30 cây số. Hội An là một phố thị của người Tàu đến lập nghiệp và sinh sống lâu đời tại đây. Đường sá chật chội, cũ kỹ. Phở nằm sát bờ sông Hội An và bên kia sông là cù lao xã Cẩm Nam. Hội An cũng có tên là Faifo. Tin đồn rằng ngày xưa người Tây đến đây, nói tiếng Việt không rành. Họ muốn hỏi đây có "phải phở" không? nhưng không nói đúng giọng. Vì thế chữ Faifo có từ đó. Hội An có 1 cái cầu bắc qua một nhánh sông nhỏ gần Tòa án Tỉnh gọi là chùa cầu Nhứt Bồn. Trên cầu này có xây một mái chùa để che chỗ nắng mưa. Nên gọi là chùa cầu. Hai đầu cầu có dựng tượng 2 con khỉ và chó. Theo sự truyền miệng người ta bảo rằng chùa cầu này được xây dựng từ năm Thần cho đến năm Tuất thì xong. Vì vậy người Nhật đã xây các tượng này để kỷ niệm, cầu dài độ chừng 20 thước, rộng độ 8 thước, hai bên có lối đi bằng gỗ cho người đi bộ và ở giữa cùng lót ván, dùng để cho xe chạy. Cầu không có gì đặc biệt; nhưng vì đã được xây lâu đời. Nghe đâu từ thế kỷ thứ 16, khi người Nhật bắt đầu có mặt tại xứ ta; nên đã được nhiều người nhắc đến rất nhiều.

Chùa Phước Lâm, hay ngôi Tổ Đình Phước Lâm nằm xa cách thị xã Hội An chừng 10 cây số về hướng Bắc. Tổ Đình tọa lạc trên một diện tích khá rộng, trên 5 mẫu tây đất, chung quanh là bãi tha ma và ruộng lúa. Bên trong vườn có trồng nhiều cây bàng, cây xoài và nhiều loại hoa phượng,

hoa giấy v.v... Trong vườn chùa có nhiều cây to, tỏa ra những tàn thật rộng. Do đó khách hành hương vào chùa buổi trưa, gặp bên ngoài trời nóng gắt, bước chân vào khỏi cổng tam quan, núp được dưới những tàn cây này, quả thật không có gì lý tưởng bằng. Nghỉ một hồi đỡ mệt, tìm lên điện Phật để lễ Phật, sau đó xuống nhà trù dùng cơm chay đạm bạc với muối tương, còn gì tuyệt hơn nữa.

Tôi đến đây khoảng năm 1962, khi còn là một đoàn sinh trong Gia Đình Phật Tử Hà Linh thuộc quận Duy Xuyên. Thấy cảnh chùa vắng lặng, thanh cao. Nhìn những chú tiểu để thường tự nhiên lòng tôi đâm ra mến cảnh nhà Thiền. Lúc bấy giờ tôi chưa có ý định xuất gia; nhưng đầu sao với cảnh vật của ngôi Tổ Đình này đã làm cho tâm hồn tôi cảm thấy thanh thoát lạ thường.

Năm 1963 là năm Phật Giáo tranh đấu, tôi đã có nhiều lần về Hội An; nhưng không có dịp về Tổ Đình nữa. Đến năm 1964 là năm xuất gia và Thầy tôi đã gởi tôi về Tổ Đình Phước Lâm để tu học. Thuở ấy ngôi Tổ Đình đã cũ, mái ngói đã rêu phong, nhiều chỗ bị giột nát. Vì thế Thầy Trụ Trì có chương trình kiến tạo lại ngôi Đại Hùng bửu điện. Tôi đến đây độ chừng 3 tháng sau thì chùa cũng đã bắt đầu dỡ ngói, đập tường cũ và xây lại. Chùa cũ xây theo lối xưa nên vào bên trong tối mờ mờ. Vì chùa nằm cách xa Thị xã nên không bắt đèn điện, chỉ dùng toàn đèn cây, mà người miền trung gọi là đèn sáp hay đèn bạch lập. Lại thêm ông Thiện và ông Ác thờ bên trong chánh điện, nên mỗi lần lên chùa thỉnh chuông tôi hoặc chuông khuya tôi có cảm giác rợn người.

Ngày ấy trong chùa này có Thầy Trụ Trì và khoảng 10 Tăng chúng cùng một số người làm công quả cho chùa. Thấy người huyện Đại Lộc, dáng người nhỏ thó; nhưng ý chí thì rất kiên cường. Thấy học cùng khóa với Thượng Tọa Thích Như Huệ, hiện trụ trì chùa Pháp Hoa tại Úc và Thượng Tọa Thích Chơn Phát hiện làm giám đốc Phật Học Viên Long Xuyên tại Hội An. Quý Thầy đã có thời lưu học tại chùa Ấn Quang trong thập niên 50. Sau đó về Trung để chăm lo các Tổ Đình vì quý Hòa Thượng lớn đã từ từ viên tịch.

Trong chúng bấy giờ có chú Hạnh Thu và chú Hạnh Đức, chú Như Lễ và chú Hạnh Chơn là lớn hơn cả. Những vị này đã thọ Sa Di. Chú Hạnh Thu, người rất cần cù trong sự tu cũng như sự học, bao giờ cũng miệt mài với kinh sử; những thi hoài chẳng đậu. Hình dáng cao gầy, tánh tình điềm đạm; nhưng ai cũng ngán chú là "kỹ luật rất nghiêm minh" nhất là trong thời chú làm chúng trưởng. Sau này tôi được tin chú đã chết, khi tôi còn ở bên Nhựt. Lúc ấy chỉ biết đốt nén hương lòng để tưởng niệm về một bậc đàn anh đã ra đi vĩnh viễn.

Chú Hạnh Đức, người rất thông minh, học đầu nhờ đó, thích vẽ cả 2 chương trình thế học và phật học. Học ít nhưng nhớ nhiều. Thi đầu đầu đó; nhưng sau này khi lên đến cấp bậc Đại Học đã lao đao không biết bao nhiêu lần, sau năm 75 có thời hoàn tục; nhưng nhân thấy thế sự vô thường nên đã trở lại đường tu và Thấy Hạnh Đức hiện ở miền Nam Việt Nam với Thấy Hạnh Thiện. Thấy Hạnh Đức thi bác đầu trước tuổi và có nhiều tư tưởng khác thường. Đôi khi người ta giỏi, cũng có nhiều tư tưởng hơi kỳ lạ.

Chú Như Lễ, người mạnh khỏe và rất hào hiệp; nhưng bây giờ chú cũng không còn ở lại với đời. Mới đó đã ra người thiên cổ.

Chú Hạnh Chơn, lúc nào cũng đeo kiến căn, có vẻ trầm ngâm, học hành bình thường, không biết bây giờ đã ra sao, đã gần 20 năm rồi tôi chẳng có tin tức gì cả. Đến phiên tôi vào xuất gia nơi chùa này thì chỉ chúng ấy vì; nhưng sau tôi chúng 1 năm có thêm khoảng 20 người nữa. Bây giờ thì hình như chỉ còn một vài vị hiện tu, trong đó có chú Thi Vinh. Hiện là Thấy Hạnh Quang đang kể vì trụ trì Tổ Đình Phước Lâm này.

Trong 3 tháng đầu tôi cố gắng học chú Lăng Nghiêm và mỗi tối đồng chuông trước thời kinh Tinh Đò. Công việc chỉ có thể và sau 3 tháng, tôi đã làm Thị giả cho Thấy Trụ Trì. Đây là thời gian mà tôi gần gũi Thấy nhất, cũng là thời gian mà tôi đã học hỏi được rất nhiều ở nơi Thấy.

Ban ngày các chú, kể cả tôi, đạp xe đạp từ chùa vào phố để đi học, trưa về tại chùa ăn cơm, buổi chiều là leo lên nóc chùa đỡ ngói, hoặc khiêng gạch phụ những người thợ làm chùa. Sau cơm tối chúng tôi Tăng chúng và Phật Tử đẩy xe bò lên tận những lò gạch ở Thanh Hà để chờ gạch về xây ngôi chùa mới. Đường từ chùa đến Thanh Hà xa độ chừng 20 cây số. Một chuyến đi và một

chuyến về đã tốn hơn 3 tiếng đồng hồ rồi. Trong khi chờ gạch, những câu hò xe trước, đối đáp với xe sau, hoặc ngược lại làm cho một cũng vui hơn lên và cũng từ đó những mối tình của các Phật Tử làm công quả đã chớm nở trong chốn Thiền môn ấy. Cứ hết đêm trăng này, qua đêm trăng nọ, chúng tôi đều đẩy xe bò chờ gạch, chờ cát, trộn hồ, thế mà thấm thoát đã một năm qua, chánh điện ngôi Tổ Đình Phước Lâm đã làm xong và đã đến thời kỳ lợp ngói.

Trong thời gian này Thấy Như Vạn đã khổ công nhọc sức rất nhiều cho công việc xây cất ấy. Bình thường Thấy nặng đô 45 kg. Trong thời gian xây cất Thấy còn độ chừng 39 kg. Ai trông thấy cũng lo cho sức khỏe của Thấy; nhưng lúc nào Thấy cũng mỉm nụ cười hiền từ và trông có vẻ tự tại giải thoát lắm.

Mỗi tối trời không trăng chúng tôi không đi đẩy xe gạch, là những tối dành để học bài, học kinh và họp chúng. Cứ mỗi tháng chúng họp 2 lần. Nếu có gì khẩn cấp thì họp thêm một lần nữa. Mỗi lần họp vị chúng trưởng kiểm điểm tổng quát mọi sinh hoạt của chùa, sau đó đi vào từng ban và cuối cùng là từng cá nhân. Ví dụ như vị trí chúng phải báo cáo ưu khuyết điểm trong chúng của mình, vị hương đăng báo cáo về nhang đèn, hoa quả trên điện Phật. Vị trí viên báo cáo về vườn tược, nước non. Vị trí khách báo cáo về sự lễ bái của khách thập phương. Vị trí khố báo cáo về nhà kho của chùa còn nhiều hay ít v.v... Phần kiểm điểm cá nhân thì có 2 phần. Đầu tiên là tự mình nói lỗi mình ra cho Đại chúng biết, sau đó là nhờ Đại chúng chỉ lỗi của mình. Ai chưa quen phương pháp này thấy hơi khó chịu. Nhưng khi đã quen rồi, quả thật đây là một cách sửa đổi lỗi lầm rất có hiệu quả. Thông thường thì mình thấy lỗi người khác dễ hơn lỗi mình và mình phê bình người khác cũng dễ hơn là tự nhận lỗi mình. Nhưng nếu ai hiểu được nguyên tắc này; Quả thật sự phê bình ấy giúp cho việc tu hành của mỗi người nhiều lắm.

Trong thời gian tôi làm Thị giả cho Thấy, được cái hân hạnh là bưng cơm, hầu nước cho Thấy. Quét nhà, giặt đồ, lau dọn phòng ốc mỗi ngày cho Thấy. Nhiều khi cũng dấm lưng hầu Thấy trong khi Thấy làm lung ban ngày mỗi một. Với tuổi thiếu niên của tôi lúc bấy giờ, nếu ở ngoài đời trong giờ giấc ấy vẫn còn mơ màng trong giấc điệp; nhưng ở trong chùa thì phải thức khuya dậy sớm để học hành, tu niệm, hầu

Thấy. Nếu không có ý chí, cũng dễ nản lăm chừ. Nhưng nhờ sự đi tu, chính tự mình phát nguyện, nên đầu bao nhiêu gian khổ cũng có thể vượt qua một cách dễ dàng.

Có nhiều đêm hầu Thấy, Thấy đã ngủ say nhưng cũng không dám rời khỏi nơi Thấy ngủ vì sợ động giấc ngủ của Thấy, chờ cho đến bao giờ Thấy bảo đi ngủ mới dám đi, không một tiếng oán than, không một lời trách móc, mặc dầu ngày mai còn bài vở ở trường rất nhiều.

Người Thị giả là người hầu cận Thấy, phải đi theo Thấy khi nào có Phật sự ở xa, phải hầu cơm Thấy, khi Thấy dùng cơm mới bữa trong ngày. Người Thị giả nhờ đó mà học được cái hạnh của Thấy trong khi tiếp khách phải làm sao. Ăn cơm phải như thế nào. Tụng kinh, ngồi thiền, họp chúng v.v... tất cả đều phải thực hành và ít dùng đến lời nói. Thấy thường hay dạy đệ tử của mình trong nhà Thiền bằng những hành động cụ thể ấy. Nhiều khi rất khe khắc mà nhiều lúc cũng rất dễ dãi. Khe khắc hay dễ dãi tùy theo từng trường hợp và tùy theo từng người đệ tử theo học hạnh của Thấy.

Đồ ăn của Tăng chúng là gạo là khoai; thỉnh thoảng một tuần có 1 lần đầu hủ là vui về cả chùa. Còn lại bao nhiêu là nước tương muối chấm với rau luộc. Nước tương làm bằng đậu nành có cả cái lẫn nước. Mỗi lần dùng đến, chỉ múc nước bên trên, gạt cái lại. Sau đó nấu nước muối đổ vào và mỗi lần như thế Tăng chúng chỉ dùng nước muối mà thôi. Quanh năm suốt tháng chỉ có thế; nhưng da dẻ của ai cũng hồng hào. Học hành có nhiều kết quả tốt, chẳng biết tại sao. Có lẽ vì ai cũng có một niềm tin vững chắc, nên khó khăn nào rồi cũng có thể vượt qua chẳng?

Mặc - chỉ là nấu sòng áo vải. Đời sống người Tăng sĩ chỉ đạm bạc có thể thôi. Cái gì cũng đơn sơ, những cái mà người đời cho là quan trọng như nhà cửa, tiền tài, ăn ngon, mặc đẹp v.v... đối với người Tăng sĩ hầu như có thể vượt qua một cách dễ dàng. Ngay cả giấc ngủ cũng thế, không được ngủ nhiều - có như thế mới dễ phát sinh trí tuệ và không bị hôn trầm.

Thời gian cứ như thế lặng lẽ trôi qua. Hết sáng lại chiều, hết chiều lại tối v.v... chúng tôi sống trong chúng, cư xử theo phép "lục hòa" nên chẳng có gì xích mích cái cọ xày ra. Thỉnh thoảng cũng có một vài dị biệt nhưng rồi vị chúng trưởng cũng giải quyết rất là êm đẹp. Chuyện nào khó xử nữa thì có Thấy Trụ

Trì lo. Trong chùa cao nhất là Thấy Trụ Trì, có mọi quyền hành để dạy dỗ cũng như khuyến tấn Tăng chúng. Sống được hơn một năm tại Tổ Đình Phước Lâm thì tôi về chùa Viên Giác để ở. Lý do để xin đi là vì đi học mỗi ngày hơi xa. Do đó tôi về chùa Viên Giác của Thấy tôi trong phố để đi học cho gần. Thấy Trụ Trì cho phép tôi đi. Nhưng có lẽ trong lòng Thấy không vui mấy. Kể từ dạo đó tôi đã xa Tổ Đình Phước Lâm và mỗi năm chỉ về đó thăm lại một hai lần rồi lại thôi. Năm 68 tôi vào Saigon để năm 72 đi Nhật cho đến nay hầu như chưa bao giờ tôi đặt chân lại đó một lần nữa. Mặc dầu xa Thấy, xa quê hương nhưng ngôi Tổ Đình Phước Lâm vẫn luôn luôn ẩn hiện trong lòng tôi trong bao giấc ngủ chập chờn của những đêm khuya cảnh vắng tại xứ người.

Năm 1981 tôi có chuyến công tác Phật sự tại Canada, trong khi thăm viếng chùa Tam Bảo tại Montréal (lúc bấy giờ còn là Niệm Phật Đường Tam Bảo) sau khi lễ Phật và chào hỏi Thượng Tọa Thích Thiện Nghi xong, tôi vào lễ Tổ. Nhìn lên bàn thờ thấy một bài vị bằng chữ Hán, viết như sau: "Tứ Lâm Tế chánh tôn đệ... thế, Phước Lâm Tự Trụ Trì Thích Như Vân". Tôi như điên hồn, sụp đầu cúi xuống lay và trong lòng lại suy nghĩ mông lung. Sau khi lễ Tổ xong, tôi ra phòng khách hỏi Thượng Tọa Trụ Trì nguyên do về sự ra đi của Thấy Như Vân, tôi được biết có ông bà Hồ Ngọc Tuấn, trước đây là Quận Trưởng-quân Duy Xuyên đệ tử của Thấy, người hiểu chuyện về Thấy Như Vân và thờ Thấy ở đó. Thế là Thượng Tọa Thích Thiện Nghi giới thiệu ông bà Hồ Ngọc Tuấn với tôi và nhờ đó tôi đã biết được sự ra đi của Thấy. Quả đất vẫn còn tròn, nên tôi còn cơ duyên để biết và gặp lại Thấy, không là trong nước mà tại hải ngoại, không là hình ảnh thật của 20 năm về trước mà chỉ đơn giản có một bài vị được tôn thờ. Ôi nhân sinh là thế đó. Có rồi không, còn rồi mất. Chẳng có gì vĩnh cửu cả ngoại trừ chân lý. Cái chân lý mà Thấy đã dạy cho tôi cách đây 25 năm về trước, tôi đã mang vào đời, đi hoẵng hóa khắp nơi. Làm hành trang trong cuộc đời tu niệm của mình. Nó không phải cao lương mỹ vị của kẻ công hầu khanh tướng, không cao sang quyền quý như các bậc đế vương, không nghèo hèn đốn mạt như các giai cấp hạ tiện trong cuộc đời, mà nó, chính nó đã mang đến cho tôi một sự giải thoát nhiệm màu trong Đạo.

Thời gian có trôi đi, không gian có thay đổi, bao nhiêu thế sự thăng trầm, bao nhiêu sự tuần hoàn của tạo hóa; nhưng hình ảnh ngôi chùa xưa, lời dạy của vị Thấy khả kính đã làm cho tôi tỉnh thức vô cùng. Chỉ tiếc rằng ngày Thấy ra đi, tôi không có được cái vinh dự cận kề bên linh cữu của Thấy để đưa Thấy về trong hư vô của trời đất, hay ở gần đó để đốt lên một nén nhang, giã biệt người quá cố. Tôi cũng không có được cái duyên nghe được sự ra đi của Người để làm lễ chung thất hoặc bách nhật trai tuần. Mặc dầu Thấy không là vị Bổn Sư của tôi; nhưng Thấy đã chăm sóc tôi ngay từ thuở ban đầu, và cũng chính nhờ cái ban sơ ấy mà tôi đã và sẽ trưởng thành như ngày hôm nay nơi hải ngoại. Công đức ấy xin hồi hướng lên Giác Linh của Thấy và nguyện cầu cho Thấy cao đăng Phật quốc, sớm hồi nhập Ta Bà để cứu độ chúng sanh.

Khi còn ở Nhật, mỗi khi hoa anh đào nở, tôi cũng đã nhiều lần có dịp nhớ về quê hương, Thấy Tổ bạn bè. Sang đến Âu châu, mỗi lần Xuân đến cũng là cơ hội để tôi nhớ đến lần đầu tiên đã từ gia đình để vào chùa sống cuộc đời của người tu niệm. Bấy giờ nhân ngày kỷ niệm 25 năm xuất gia học đạo, tôi chọn bài này để viết về Thấy, như một sự nhớ ơn và có lẽ sẽ không bao giờ phai nhạt trong tâm khảm của một người tu đầu ở cách xa quê hương trong muôn vạn dặm. Đốt nén hương lòng để cầu nguyện cho quê hương sớm thanh bình. Hồi chuông triệu mộ của ngôi Tổ Đình còn vang vọng đến muôn phương và nguyện cầu Giác linh Người luôn luôn hiện hữu đầu đây để soi đường chỉ lối cho những người còn ở lại.

Viên Giác tự
một ngày đầu Xuân năm Kỷ Ty

THÍCH NHƯ-ĐIỂN

ngu si

LÊ THỊ BẠCH NGÀ

Chúng tôi có 5 chị em gái, đứa nào xem ra cũng có vẻ đẹp để thông minh, trí tuệ hơn người, mà thật ngu không có chỗ chê. Cái ngu này sửa không được, bởi vì nó đeo theo chúng tôi từ vô thủy vô chung, từ thuở khai thiên lập địa, đời này tiếp đời khác, ló mặt sinh ra trên cõi đời này là ngu rồi! Hồi cha tôi bằng tuổi con tôi bây giờ, thi đậu "Diplôme" xong là được bố đi làm lục sự ở tòa án Thừa Thiên Huế liền tức khắc. Hồi đó trong làng đầu chỉ có vài ông tú, 1 ông cử về hán học, còn về tây học, lửa cha tôi hồi đó đầu chỉ có vài ba người. Trời ơi! thật là "le" ta! Cho nên khi đem cau trâu đi hỏi vợ, bà ngoại tôi chịu gả mẹ tôi liền dù rằng mẹ tôi lúc đó còn rất nhiều người gả ghé nữa...

...Nhưng sau hơn 10 năm lăn lộn trong nghề, soạn hăng vạn, hăng ngàn vụ án ở tòa...ba tôi xin nghỉ việc, bỏ ra làm thương mại, cùng mẹ tôi buôn bán, nuôi đàn con ăn học, khôn lớn cho nên người.

Sau này trong những khi rảnh rỗi, ngồi kể chuyện đời cho chúng tôi nghe, ba tôi thường tỏ ý xót thương cho thành phần nghề khổ, không được học hành, chịu cảnh cưỡng hào ác bá, trên đe dưới búa vì không học cho nên mới bị hà hiếp lừa đảo, áp chế, bị cầm đầu, xô mũi phải sống đời tối tăm. Ba tôi thương xót mà không làm gì được, dậm chân bỏ ra thương trường.

Thật ra, đó chính là những năm quyết định nhân sinh quan của thân phụ tôi. Cha mẹ tôi dù sinh ra 1 hơi cả đàn 5 đứa con gái, cũng không vì câu "nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô" mà bỏ bê, hắt hủi chúng tôi; trái lại nhất định nuôi chúng nó ăn học lên đến đại học, học cho nên người, học cho hết ngu si...

Ông cụ chẳng bao giờ giải thích cho chúng tôi biết ngu si là gì, tại sao, vì đâu mà có ngu si! Ông chỉ thấy rõ bằng kinh nghiệm bản thân, với chuyện đời xảy ra trước mắt, xung quanh mình, trong suốt cuộc đời của ông... và tuyên bố ngu si là khổ, ngu dốt thì bị dè ép, vì ngu dốt mới bị hà hiếp, bị dè dặt dè cổ, bị dõ hồ, không chế... và ông nhất quyết hành động giúp cho đời con cháu mình thế hệ sau mình hết ngu si. Ông lấy quyền làm cha ra lệnh cho chúng tôi, các con không được ngu si là khổ, khổ lắm!

Than ôi, đến mãi hôm nay, tuổi đời đã non nửa, tóc trên đầu chỗ trắng chỗ đen, còn người cha yêu quý năm xưa, nay đã ra người thiên cổ... mà tôi nhìn lại tôi, thấy ngu vẫn hoàn ngu. Và còn thấy thối thía, thấy rõ rệt rằng ngu là khổ, khổ lắm! Đúng y như lời ba tôi phán bảo ngày xưa.

Từ ngày được duyên may học Phật, tôi vừa bớt ngu mà vừa thấy ngu nhiều hơn, tại sao vậy?? Tại vì nhờ học Phật, nghe kinh, nghe các Thầy giảng dạy mà vô lẽ ra rằng có nhiều chữ đồng nghĩa với chữ ngu si trên cõi đời này, ví dụ chữ vô minh.

Vô minh là không sáng, là mờ mịt, là u mê, là không tỉnh giác, là mất chính niệm, là tối tăm, là ngu độn, là sai lầm, cái này mà tưởng là cái kia, là cứng đầu: tin rằng vô thường mà nghĩ là thường hằng, muôn năm bất biến.. Cứ vậy, cuộc đời mãi mãi lăn trôi trong vòng sinh tử 6 đường... chỉ vì không thoát được cái ngu si.

Nhưng tại sao tôi lại thấy vừa bớt ngu mà lại ngu nhiều hơn!?? Câu nói này có vẻ không đầu không đuôi, hậu tiến bất nhứt! Thật ra chữ ngu thứ 2 là ngu si đối đãi với trí tuệ. Các thầy dạy rằng có trí tuệ thì hết ngu si. Phật vì có trí tuệ nên được giải thoát, dứt lìa sinh tử; còn mình (là kẻ phàm nhân) vì không có trí tuệ (như Phật) nên mới làm người trôi nổi trong 6 đường, 3 cõi... Tôi nhìn chữ TRÍ TUỆ hiện ra to to rõ rõ trước mặt... lòng tham nổi dậy! Chữ sao! Phật cũng là người như chúng sanh, sinh ra lớn lên cho đến ngày.. Nhưng Phật có trí tuệ, sau khi quán xét thế gian, biết mọi sự có hình tướng đều là vô thường,

có sanh có diệt, có đó rồi mất nên Phật thành bậc đại giác, đại trí tuệ, đại giải thoát.. Tôi học như vẹt, cầm đầu cầm cổ mà học, mà nhồi vào óc những lời giáo hóa sâu xa, những lời giảng dạy cao siêu khó tin, khó hiểu của các bậc đại sư, tôn sư và mở mang, tưởng mình cũng sắp thành Phật tới nơi... tôi nhắm mắt, mở mắt cũng chỉ thấy chữ TRÍ TUỆ mà vàng sáng rực rỡ mà QUÊN mất chữ VÔ MINH. Thật ra vô minh nó nằm rành rành bên chữ trí tuệ, như cái bóng theo hình, vô minh nằm đâu là trí tuệ có đó, vậy mà tôi chỉ thấy cái này mà quên cái kia, có thấy cũng rành quên. Vô Minh là không sáng, không sáng thì tối tăm, vì tối tăm cho nên đi đâu vấp đó, bước đâu ngã đó, làm gì hư đó, sống gặp khổ não hoải... không phải NGU tận mạng là gì???

Vậy là bồng dưng, khi sinh ra đời tôi chỉ có NGU SI, mà với thời gian, tôi lại mang thêm cái THAM, càng lớn càng tham, xem nhé! Nhỏ thì tham hơn chỉ hơn em, lớn thì tham hơn bạn hơn bè, ra đời thì tham của cải danh vọng, ăn trên ngồi trước người ta, già thì tham sống lâu, tham khỏe mãi, đẹp mãi, như tuổi 20, tu thì tham thành Phật, chết thì tham phút trước phút sau Phật hiện ra đưa về ở chung nơi an lạc quốc... toàn là những cái tham vô phương cứu chữa, hết nói... Ngồi mà quán xét sâu xa, tỉnh tỉnh lảng lảng mà nhìn lại cho rõ, cho tận tường, cái THAM này nó không lộ liễu như cái NGU SI, trái lại nó trầm trầm, khi ẩn khi hiện, nhưng nó có thể theo tôi đến tận cuối đời, cho đến lúc hết thở, buông tay, ngoài ra nó còn có thể dắt tôi đi vào đời khác, trôi lăn hoải trong lục đạo như dắt người mù đi chơi...

Miệng tôi nói thì ngon lành, phân tích đầu ra đó, nhưng nếu có ai chỉ thẳng mặt tôi mà mắng rằng:

- Thì ra bà này tham thiệt, tham hết cỡ, tham không có chỗ che... sức bà mấy hơi mà đòi tu, anchay 1 ngày không nổi còn đòi... gì gì mà bất lập văn tự, một niệm kiến tánh thành Phật vv và vv.. Thì chắc là tôi phát giận run lên, cố tìm tất cả những danh từ cao siêu trong nhà thiên vừa học được ra mà cái cho tới nơi.. cái không nổi thì từ mặt không thêm lui tới thăm viếng vài ba năm.. cho bỏ ghét.. cho hả giận. Vậy là vừa NGU, vừa THAM, tôi lại nổi SÂN! Dù bộ "Làm người" luận hỏi sanh tử cứ vậy mà đi, chuyện này qua chuyện khác, đời này qua đời khác... đi mê man, đi dài dài... gốc cùng tại NGU SI!

Năm nay con tôi sửa soạn vào đại học, nhớ đến chữ NGU SI, nhớ đến cuộc đời "làm mà chẳng nói" của người cha yêu quý năm nào, tôi nhấn nha tâm sự với con tôi. - Con ráng học cho thành người, cho hết ngu si nhé con, cho mẹ vui... vì mẹ biết ngu là khổ lắm, vì ngu cho nên cứ trôi lăn...

Tôi nói thành tâm, đừng dằn, nói với tất cả tấm lòng thương yêu thành thật... nhưng có lẽ biện tài của tôi chưa đủ "dose" (phần lượng) hay là tại lời của tôi đưa ra không hợp khế hợp cơ, hợp người hợp cảnh... Con tôi đang bù đắp với mấy phương trình hóa học hắc búa, mà cả buổi chiều không ra đáp số, đâm tức ngang hông, nổi cáu với mẹ:

- Ngu sao nổi mà ngu! Mẹ thiệt! Hồi xưa ông ngoại bắt mẹ đi học cho hết ngu chứ bây giờ, thời buổi này, ở xứ Canada này, mẹ không cho con đi học là police đến nhà hỏi tại sao liền! Chính phủ Canada đưa ba mẹ ra tòa liền! Nó thờ dài:

- Con đâu có muốn học mà cứ phải học, khổ muốn chết!

Thấy tôi ngơ ngẩn, xiu như lớp xe xi hơi. Con tôi áy náy hạ giọng an ủi:

- Nhưng mẹ yên tâm, thế nào con cũng học cho nên người, cho mẹ vui, con cũng phải học cho con nữa chứ, không học thì ngu, ngu khổ lắm, kiếm tiền không ra, chết đói nhân rằng, lại bị dè ép khinh bỉ...

Hai mẹ con tôi trao đổi trong 2 phút ngắn ngủi phù du, chỉ có mấy lời mà tôi đã trải qua những cảm giác SÂN (vì mẹ cho mình ngu, bắt mình học) THAM (vì lập tâm quyết chí học cho hết ngu) và SI (vì con tôi nói hết ngu mà vẫn ngu)

Cái ngu của con tôi là nó không biết, chưa biết đến cái chữ TRÍ TUỆ, hay là nó có biết mà nó không phân biệt được cái trí tuệ thế gian và trí tuệ bát nhã của những người học Phật.

Có ai đem tâm thức mắc hỏi tôi thêm câu nữa:

- Bà học Phật, bà biết trí tuệ bát nhã, trí tuệ thế gian... đủ thứ, vậy mà bà còn ngu hay không...

Thì tôi cũng đành lắc đầu, mượn lời của thầy tôi dạy mà trả lời:

* Khi chưa học Phật, tôi thấy tôi ngu, ngu thiệt là ngu, vì ngu cho nên mới phiền não, khổ sở, than thân trách phận oán trời oán đất, đổ thừa cho cái số...

* Khi học Phật được chút chút, tôi thấy ngu này không phải ngu thiệt.

* Khi học Phật được sâu sâu chút nữa, tôi thấy tôi ngu vẫn hoàn ngu.

Cái ngu này là ngu về trí tuệ bát nhã, vì thấy ngu vẫn hoàn ngu nên tôi học hoài, hành hoài, áp dụng vào đời sống hoài mỗi ngày những gì tôi học được trong Phật Pháp... học hoài ngu vẫn còn ngu... nghe đến đây chắc ai cũng buồn cười :

- Ngu hoài vậy mà học làm gicho mệt thân nhĩ... ngu quá là ngu ! Phấn thắc mắc rất dùng lý nay tôi xin hẹn lại, hạ hồi phân giải... thật ra, phân giải cũng bằng thừa... Sức như tôi, thấy dạy tới đây chỉ biết lắc đầu.. Cái đó bất khả tư nghĩ, ai uống nước vào miệng, nóng lạnh tự biết, ai âm cơm vào bụng, người đó no...tôi ngu dốt, chịu thua!

Lê Thị Bạch Nga
Kỷ niệm ngày "Day's father"
của Bắc Mỹ



VIÊN GIÁC

Tạp chí của Kiều bào và Phật tử
Việt nam tỵ nạn tại Cộng Hòa
Liên Bang Đức

CÓ GÌ LẠ???

50 ĐỨC MÃ NHUẬN BÚT

Gửi gáp truyện ngắn,
hồi ký, tùy bút...
về Viên Giác

c/o Pagode VIÊN-GIÁC
Eichelkampstr.35a. 3000Hannover81
☎ 0511 - 86 46 38

cây tía tô

Nhắc đến tía tô, tôi đã thấy bầu trời trở nên tím, màu tím phản chiếu lục, nửa nọ nửa kia. Nhất là vào buổi sáng, những hạt sương tròn chung thủy trên lá như tình thương của vũ trụ đọng lại, làm tăng vẻ đẹp thiên nhiên.

Hôm nay, sáng thứ bảy, cũng như thường lệ, cả nhà đang trong giấc ngủ say. Tôi dậy sớm, vì muốn có những giây phút thanh tịnh, thở không khí trong lành, nghe chim hót, nhìn cánh bướm chập chờn và những hạt sương tự tại trên đám cỏ nhung. Bấy giờ tôi không phải vội vàng, không phải nhìn chiếc đồng hồ quả lắc (lắc qua lắc lại sốt cả ruột!), hoặc nghe những tiếng tích tắc mà đôi khi tôi có cảm tưởng chúng làm cho tim tôi đập nhanh hơn.

Tạo hóa thật huyền diệu, đã cho chúng ta không biết bao nhiêu kỳ quan: Bên cạnh phái nam, có phái nữ, sanh trâu phải sanh cò, có bầu trời xanh, lá tía tô lại màu tím... Nhưng tôi tự hỏi, phải chỉ tạo hóa cho chúng ta không cần phải ăn mà vẫn sống thì vũ trụ sẽ đẹp hơn gấp bội! Chúng ta chẳng khỏi phải bôn ba, tranh đấu để no cơm, ấm áo. Không có chiến tranh mà cũng chẳng bị nam bắc phân chia đau lòng!

Khu vườn của tôi rất nhỏ, không có những đám hoa lộng lẫy muôn màu, nhưng tôi rất mến vì đã thực hiện phần nào theo sở thích của mình: Mặt tiền để trồng hoa "Ý nghĩa", mặt hậu, trồng rau "Kỷ niệm". Vồng hoa rất gọn gàng: Huệ có màu trắng tinh khiết, khi cúng Phật, mùi thơm nhẹ nhàng phơn phớt quyện với mùi trầm hương. Một người bạn khó khăn lắm mới kiếm được cho chúng tôi mười sáu củ, nghe đầu chị ấy đặt mua tận Hà Uy Di! Cháu bé nhất đã làm cho tôi một cái vồng chữ "L", viên gạch bán nguyệt trắng, nó gọi là "Vồng hoa thi sĩ", cho đến nay, tôi vẫn chưa hiểu vì sao gọi "thi sĩ", chẳng thấy "thi sĩ" chứt nào cả! Mười sáu củ Huệ trần trọng được trồng xuống, với khoảng cách

đồng đều, tưới nước tươm tất. Một tuần, hai tuần, rồi một tháng chờ đợi đi qua, tôi vẫn chưa thấy gì cả! Thôi thế là xong, huệ đã chết biến thành cát bụi, kiếp hoa mà! Tuy đã bỏ nhiều công trình, tôi "cố gắng" không buồn, không tiếc, chấp nhận định luật Vô thường. Cho đến một hôm, sau hai tuần nghĩ hè về, tôi ngạc nhiên không ít, tất cả huệ mọc, lá trải dài màu xanh hy vọng. Đứa con trai bỗng la lên :

- "Me cây kia có bông".

Quả thật một cây đã vươn mình lên cao, trên đọt lú nhú mấy nụ, cánh âu yếm úp lại với nhau. Không những tôi mà cả nhà mừng rỡ, thay phiên nhau: sáng ra xem, trưa xem, tối xem, người cho hoa thơm, kẻ khen hoa đẹp. Đến ngày thứ tư, tôi được phép "khánh thành" cắt hoa huệ đầu tiên cúng Phật. Tôi đã tìm một cái lọ đẹp nhất, cân xứng với cảnh hoa. Trong lúc làm công việc này, tôi sức nhớ lời dạy của Đại Đức Quảng Thanh về nghệ thuật cắm hoa, và cũng nhớ luôn rằng hoa cúng Phật không được người trước. Tôi cũng không quên báo cho người bạn cho hoa biết, để cùng chia sẻ niềm vui bất ngờ đó. Giữa những cây huệ tôi đã trồng cúc trắng, cánh hoa trung thành, khi tàn úp lại với nhau, chứ không rời rã từng mảnh như những loại hoa khác. Hoa này thường dâng tặng những bậc thiện sư. Kể đến mấy cây thược dược, tôi thường gọi là hoa Quách Thoại. Một cây Hải Đường để nhớ đại thi hào Tô Đông Pha:

*"Chỉ sợ đêm khuya hoa mất ngủ,
Nên giờ cao đước chiếu Hồng
Trang".*

Một cây "Lan Tín Phong" để tưởng nhớ nhà văn Nhất Linh, Nguyễn Trường Tam và cuối cùng một cây hương để có hoa dâng Mẹ. Nghe nói Trúc tượng trưng cho người quân tử, tôi cũng muốn có bụi Trúc như người bạn hứa cho, chưa dám nhận vì mới khám phá có những mười chín loại Trúc khác nhau. Biết trồng loại nào đây: Tương Trúc, Ô Trúc, Tử Trúc, Giang Nam Trúc, Quán Âm Trúc (màu vàng), Hóa Long Trúc, Tử Lao Trúc, Thiên Trúc, Thích Trúc, Khổ Trúc, Thanh Bi Trúc, Bắc Trúc, Giải Trúc Nhân Diện Trúc, Luân Trúc, Thực Tâm Trúc, Trúc Vương, Trúc Phụng Vĩ và Mạnh Tông Trúc. Chỉ biết tên mà chưa hiểu hết được ý nghĩa của mỗi loại. Thật vũ trụ có rất nhiều bí mật! Tôi đã lạc đề quá rồi, xin trở lại với "cây Tía Tô". Vườn sau, phía trái chúng tôi trồng mía và chuối ba hương:

"Me già như chuối ba hương,
Như xôi nếp một như đường mía
lau"

Chuối ba hương chín ngọt và thơm, lá chuối dùng gói bánh bột lọc, bánh ít v.v..., hoa chuối (hay búp chuối) dùng làm món ăn chay rất ngon. Tôi còn nhớ lúc ở quê nhà, mỗi tối thứ tư và thứ sáu, về chùa Sư Nữ ở Dạ Lê, tình nguyện dạy lớp bình dân cho những nông phu. Một hôm, Sư Cô cho ăn búp chuối bốn món: Gỏi đậu phụng búp chuối, búp chuối giả thịt gà xé bóp, búp chuối chiên, búp chuối sống và canh chua. Nhớ đến, tự nhiên tôi nuốt nước bọt ừng ực. Đây là bữa cơm thứ hai đáng ghi nhớ trong đời tôi, ngoài bữa cơm với giá rang đã kể cho quý vị nghe trong bút ký "Đi chùa Như Lai" trước đây. Cũng may, mỗi hai bữa cơm đặc biệt, chữ nhiều hơn chắc tên tôi đã là Trần Thị Thăng Duật vì thân hình như chiếc gối ôm, cái eo đi nghỉ mát!

Lý thuyết nhà Phật cho mọi vật đều vô ngã, xem sự đời hết thảy, mắt còn như nước chảy mây trôi. Nhớ đến mía, chắc hẳn các bạn còn nhớ câu chuyện con sâu trong thân cây mà tiến nhân là một người đã quá yêu chuộng mía khi sinh thời. Thiết tha chỉ cho lắm để hóa thành sâu? Suy gẫm sự đời: được chẳng vui, mất cũng không buồn, thặng chẳng kiêu, mà bại cũng đừng nản.

Lại đi xa để nửa rồi, xin trở lại với vườn rau kỷ niệm. À quên, có cây cóc tưởng cũng nên nói đến trái rất ngon, chua như me, ăn để nhớ Hàng me xứ Huế, không những tôi mà các chị cũng chảy nước miếng rồi! Mùa đông lá rụng hết, giống cây "sấu đông" của Nhà Ca, thi sĩ tóc thề. Thân cây cóc rất chắc, nên mỗi khi đẹp trời tôi leo lên để khoèo trăng, có người cho tôi "ba lon", không đâu. Tôi còn nhớ rất rõ, năm 75, khi lìa bỏ quê hương ra đi, tôi đã mất tất cả trừ tâm hồn. Giờ đây tôi tận dụng nó để khoi mang tôi thờ ở với vũ trụ. Ngồi trên cây mà khoèo trăng còn khô ráo, mát mẻ hơn, thuở xưa Lý Bạch nhẩy xuống nước để ôm trăng !!

Bên phải, cái rài rác trở bóng màu vàng, làm nổi bật những ngọn tia tía tím, vàng tím là "nhân khiêu" của các họa sĩ. Sau khi tưới hoa, cây cối, giờ thì đến lượt mấy nàng tía tía yêu điệu của tôi, tôi không dùng vòi nước mạnh phủ phàng, nước chỉ tía ra như bụi, xoa dịu từ gốc đến ngọn. Tôi chợt nhớ Thiền Sư Nhất Hạnh đã mỉm cười tìm ra câu trả lời cho một người bạn

cũng trong lúc đang tưới tia tía. Tôi nghĩ màu tím của cây tia tía làm cho con người trở nên cõi mờ, được môn trốn và quên hết nhọc nhằn?

Câu hỏi của ông bạn như sau:
- "Kính thưa Thiền Sư Nhất Hạnh, xin thầy cho biết tương lai của dân tộc Việt Nam sẽ đi về đâu?" Đã lâu, thấy không trả lời, bảo thầy lui. Tôi không nghĩ vithầy lui hay thầy bận, mà thấy thầy hơi đau lòng khi phải trả lời câu hỏi đó có tính cách truy nguyên nấy. Đó là một câu rất khó và là một câu hỏi chung của cộng đồng người Việt hải ngoại chúng ta. Sau khi tưới cây tia tía, thấy quyết định viết thư trả lời người bạn và Thấy đã trả lời "rất dũ" (thấy cho như thế):

- "Anh muốn biết dân tộc Việt Nam sẽ đi đến đâu phải không, anh hãy nhìn vào những đứa con của anh".

Khi nhận được câu trả lời, không biết ông bạn thấy Nhất Hạnh có cảm giác như thế nào, chữ riêng tôi thấy tim đập hồi. Ra nước ngoài, các em bị đồng hóa rất nhiều: Từ cách ăn mặc, cử chỉ nói năng, một số đã quên hết tiếng mẹ đẻ. Nhiều là bảy, tám, tôi xin nói tóm tắt thôi. Tôi không có ý phủ nhận sự cố gắng vượt bực của các em đâu. Lòng tham của bác phụ huynh vô tận, nếu con mình đã giỏi rồi còn muốn giỏi hơn nữa!

Nhân một buổi Tiệc chay, mọi người trong gia đình quay quần chung quanh bàn ăn, cao lương mỹ vị đã sắp sẵn, một đĩa rau sống "ngũ sắc" được đặt ở giữa: xà lách, giá, ngò, rau thơm và những ngọn tia tía tím màu tím năm ép mình, xen kẽ, làm cho đĩa rau trở nên hấp dẫn hơn. Bỗng Tèo la lên:

- "Mẹ, đừng ăn cỏ lá".

- Cỏ lá đâu?

Nó lượm hết mấy lá tia tía đưa cho tôi và nói:

- Hôm kia, khi làm vườn, nhớ cỏ lá, con thấy có mấy lá tím tím này.

Chợt hiểu, tôi bèn giải thích cho con. Đây là rau tia tía, thơm và bổ. Hôm ấy, sơ dĩ mẹ nhớ vì nó mọc lang thang không đúng chỗ. Không những chỉ rau tia tía, mà còn bao nhiêu thứ khác nữa, các em chưa hề thấy, chưa biết tên, cũng như chưa hề được thưởng thức, dù là sản phẩm của nơi chôn nhau cắt rốn! Không có dịp nghe tiếng rao hàng của những người đi bán thức ăn dạo: Chè, kẹo kéo, bánh mì ống sáo mới ra lò, bánh canh Nam Phổ, những gánh bún, cháo nóng hổi, khói bay ngược ra đằng sau. Những cảnh tượng thanh bình: Ông cụ ngồi trên chiếc thuyền con câu cá, em bé thổi sáo trên lưng trâu, hoặc

những tà áo trắng tung bay khi bãi trường ở Đống Khánh Huế. Miền quê, những con ngỗng vừa chạy, vừa kêu và đưa cái cổ dài ra đuổi khách lạ vào nhà; gà mái dẫu, lục tục dẫn bầy con đi bươi rơm để kiếm ăn, làn khói lam chiều bốc lên từ những mái nhà. Ôi, đẹp tuyệt vời! Các em chưa hề chiêm ngưỡng!

Khi mới đến đất lạ, cha mẹ không cho các em nói tiếng Việt, khuyến khích các em nói tiếng ngoại quốc cho quen. Bấy giờ các em đã giỏi ngoại ngữ cha mẹ lại bắt nói, đọc tiếng Việt cho khỏi quên! Phụ huynh chúng mình thật ép con cái như miếng "hamburger" bị ép giữa hai lát bánh mì vậy! Đó không phải lỗi chúng ta, mà cũng chẳng tại các con, các cháu. Đó là bệnh thời đại. Đó là bệnh thì trách nhiệm của chúng ta là tìm cách cứu chữa.

Tình đồng hương thật là thấm thiết. Qua mấy chuyến du lịch Âu châu, đi đến đâu, nếu tình cờ gặp người Việt, họ cũng như chúng tôi, mừng hết lớn. Sau một vài mẩu chuyện, tôi nhận xét: khi mới đến Anh, Pháp, Ý, Thụy Sĩ... bước đến đâu, ai cũng vất vả, nhưng đến giờ nghỉ thì mọi người đều an cư lạc nghiệp. Đó cũng là niềm vui chung cho chúng ta. Đến Paris chúng tôi lại có kỷ niệm nữa về lá tia tía. Phút chót, mới biết anh bạn mới chúng tôi về nhà, vì bận việc làm ăn phải đi xa. Có vẻ người Nhật đã hướng dẫn chúng tôi thay anh bạn. Cô ta chỉ biết nói tiếng Nhật và tiếng Pháp. Phần chúng tôi: biết nói tiếng Anh và luôn luôn có quyển tự điển Pháp Việt bỏ túi. Giật thật, muốn nói một câu tiếng Pháp, nghĩ mãi không ra, có lẽ chữ nghĩa đã đi theo thầy Thám rồi! Qua lời giới thiệu của anh bạn, tôi thăm nghĩ, đến Charles de Gaulle, chúng tôi sẽ gặp một người Nhật chính cống, với bộ áo Kimono, đôi giày chia ngón chân cái và ngón giữa, một nụ cười của xứ Hoa Đào. Đến đó, thì khác hẳn, cô Sinh là một "bà Đầm" khả ái, nói tiếng Pháp như gió. Chúng tôi vừa ngỡ ngàng, vừa lo lắng, lòng không thấy vui mà cũng chẳng buồn! một trạng thái lơ lửng như mây bay. Nhưng cái gì rồi cũng quen đi, sau một hồi nói chuyện, bằng cách ra dẫu, chúng tôi tạm hiểu nhau hơn.

Cô Sinh cho chúng tôi đi nhiều nơi: xem bức tranh mỉm cười bất hủ của nàng Mona Lisa, ở cổ tầng viện Louvre, vườn Lục Xâm Bảo, đến đây tôi sức nhớ đoạn văn tả khu vườn thơ mộng này của Anatole France trong quyển "Le livre de mon ami". Chúng tôi đã được đi lên (Tour Eiffel), đi

hoa trên đời

xuống(xe lửa ngầm) và đi ngang (lâu đài Versailles và cả khuphở Việt Nam nữa).Hôm đi Versailles chúng tôi rất cảm động, cô Sinh đã thức dậy sớm, lúc 5 giờ sáng nấu món xôi vớt tía tô của người Nhật để mang theo cùng với trái cây và vài thứ lặt vặt khác. Tất cả cô bỏ vào một cái giỏ mây. Trên xe, chúng tôi bận xem phong cảnh,cô Sinh, lại có dịp tiếp tục giấc ngủ bỏ dở sáng nay. Cô ngủ rất ngon,thỉnh thoảng miệng hơi mỉm cười, có lẽ cô đang mơ một giấc mơ về thăm quê hương ta chăng?

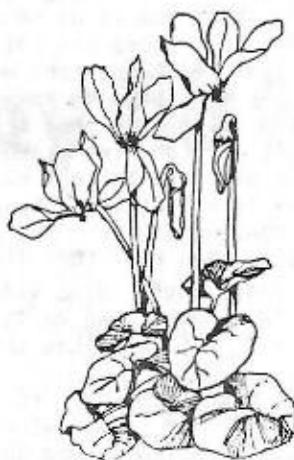
Đến trưa,sau khi viếng lâu đài, chúng tôi trải khăn trên đám cỏ xanh, vừa nhìn mây trắng, vừa thưởng thức món ăn tay cầm màu tím.Mọi người đều tán thành lời đề nghị của tôi:để dành một nửa xôi tía tô, sẽ ăn lúc du thuyền trên sông Seine. Nói đến sông Seine, tôi chợt nhớ sông Cửu Long bên mình, một trong những con sông lớn nhất thế giới,dài hơn 4000 cây số, mùa nắng mỗi giây có 6000 thước khối nước, mỗi thước có nửa ký đất phù sa. Đã mấy ngàn thế kỷ được chở từ cao nguyên Trung Hoa, Miến Điện và Lào. Gần địa phận Nam Việt, sông chia làm 2 nhánh: Tiền Giang và Hậu Giang. Nếu xuôi thuyền về miền quê, ta sẽ có dịp nghe tiếng ca, tiếng hò, tiếng dệt cửi, xay lúa, tiếng thiếu phụ ru con. trẻ ẽ a đánh vần và luôn cả tiếng chuông chùa thông thả ngân nga.

Trong chuyến đi chơi "lich sử" này, chúng tôi đã có dịp ăn bún Ý, mì Tây,nhớ Thụy Sĩ,bánh ngọt Anh Quốc,nhưng vẫn thấy món xôi vớt tía tô ngon hơn cả !

Nhân mùa Giáng Sinh, tôi lại nhận được thư cô Sinh mới sang Paris chơi:

"...xôi tía tô năm nay sẽ đậm đà hơn vì chúng tôi đã trồng mấy cây ngay trong vườn. Sáng nay trong lúc tưới tía tô,chúng tôi đã nhớ đến các bạn..."

Tía tô màu tím quyến rũ, hễ ai tưới nó là nhớ đến một người!



Viết đáp lễ Phù Vân
Tặng Trương Văn Tấn(Scheidegg)
Viết cho cháu Ngọc Thanh
(Liederbach)

Dang kéo mấy thùng hành lý Dra Post gửi, tình cờ gặp người bạn báo tin có cuộc biểu tình ở Bonn liên quan tới vụ án tử hình hai vị tu sĩ, Đại Đức Tuệ Sĩ và Đại Đức Trí Siêu. Không biết thì thôi, biết thì phải đi, cộng sản VN có để ai yên bao giờ đâu, hơn 13 năm làm đảo điên vật chết và tinh thần người Việt không ngừng,lai tiếp tục gây thêm oan trái ?

Trước ngày biểu tình, tôi mang bị đi Frankfurt ghé gia đình người bạn thân để hôm sau cùng đi chung. Đến ga xe lửa Frankfurt, tôi len lỏi như bóng ma giữa đám đông bươn chải tìm U Bahn số 2 về hướng Horst. Đến ga Horst vắng vẻ,dù hơn 2 tiếng đồng hồ chờ người bạn đi làm về ra đón.Gần sáu tuần vô công rồi việc,phất phơ cơm dính cháo chợ vô gia cư vô nghề nghiệp đúng nghĩa, giấy tờ nhà mượn thuê má đã xong,không còn bị ràng buộc bởi tiếng còi hụ mệt tim của hàng xường, tôi thấy cái bồn phân cấp cần lợi dụng cơ hội thưởng cho mình vài giờ phong lưu hiếm có, thăm thía thường thức cái yên lặng trong đám đông nhộn nhịp.

Quán rượu Bahnhof Horst 17 giờ chiều cuối mùa thu, thừa thớt người.Tôi len qua hàng bàn ghé đến quầy rượu, anh chàng tóc xoăn gốc Arab ngồi sẵn nơi đó thân mật hỏi, càphê hà ?

- Ủ, café, tôi trả lời nhanh.

"Càphê ! Maria!" Hấn tự nhiên lên tiếng - Bà Maria nức ực cốc rượu mạnh, mệt mỏi, miến cưỡng pha tách càphê.

PHONG HÙNG Lưu Nhơn Nghĩa

Tôi lò dò móc tiền, chàng Arab nhanh nhẩu trả lời rồi,tôi lúng túng, anh ta trả lời "Egal",rồi xáp lại gần tôi vỗ vai bá cổ thân thiện :

- Mạnh giỏi không?

- Cám ơn, tôi khỏe!vừa trả lời tôi vừa kiểm soát ví tiền trong túi, và cái cặp đeo vai, ngại ngại, tại sao anh ta tốt bụng trả tiền càphê cho mình, ở Tây Đức 8 năm tôi chưa gặp trường hợp này,tôi ngập ngừng chào hấn rồi bung tách càphê tìm chỗ ngồi ngay cửa ra vào. Hấn lại cầm ly bia theo tôi ngồi bên cạnh,tươi cười,rút thuốc lá mới. Tôi ngại ngừng, "Cám ơn anh,tôi không biết hút thuốc" (dù tôi hút thuốc như ống khói).Hấn thân mật tiếp tục nói sang sảng :

- Tôi gốc dân Berber ở sa mạc Marrocco, làm việc ở tỉnh này 11 năm hơn, chán lắm" ! Hấn tu gấn nửa ly bia, mắt đỏ rục uất ức, buông thả nhún vai.

Tôi càng lo lắng hơn về thái độ thân mật lạ lùng giữa hấn và tôi một gốc Berber,một gốc Việt Nam, khác hấn hoàn cảnh địa lý, chủng tộc, văn hóa - Hấn lặc đầu cúi xuống nhìn màu óng ánh vàng của ly bia, nói nhỏ "Tôi độc thân, đi làm về cô đơn nên ghé quán rượu" hấn ngập ngừng, miệng làm nhảm, ngồi gần tôi,ôm vai tôi, hơi rượu nồng nực. Tôi rùng mình,thăm trách sự lơ đãng của mình, "me ơi, chắc gặp anh em ta rồi !" tôi thăm nghĩ. Tôi tự trấn an,quán đông người hơn, không thấy ai có dáng dấp du đãng, cái cặp tôi chần giữa,hơn nữa hấn ngà ngà say, tôi uống ngụm càphê, tỉnh táo,để phòng ứng phó những bất trắc, sửa lại tư thế ngồi để dễ dàng xoaytrở. Hấn hít mũi khinh khịch,tâm sự:

- Anh biết, tôi dân du mục Berber ở sa mạc Marrocco, tôi nói tiếng Arabic, Maroc,Pháp ngữ và Đức ngữ, anh biết không,tôi làm việc cực khổ siêng năng mà vẫn bị bạc đãi. Hấn lặc đầu,mỗi câu dậm thêm tiếng chữ thề,"DânĐức kỳ thị chúng tộc lắm anh ạ !" Tôi yên lòng đôi chút, hấn hớp ly bia hỏi, "Anh từ đâu đến !"

"Tôi từ Việt Nam" tôi trả lời thờ ơ. Hấn có vẻ thích thú, tiếp tục, "Vậy à? Ở bộ lạc tôi có một ông già đi lính Lê dương dự chiến ở Đông dương, ông ta chết khá lâu rồi?"

"Sao ? Ông ấy từ trận hà?" Tôi tò mò hỏi - "Không, ông ta giải ngũ về say rượu bị bệnh ganchết rồi !". Hấn trả lời -

Tôi đưa tay đẩy tách cà phê, lấy bình độc địa hại thân, im lặng sợ kéo dài câu chuyện.

Anh kêu thêm ly bia, nói "Anh uống 1 ly bia nghe !"

Tôi từ chối "Cám ơn, tôi không biết uống bia !"

Chưa quen mà mới uống rượu, biết đâu hấn phục rượu mình, tử cớ vô thân, lỡ hấn có hành động quá trớn hậu quả khó đoán. Thân hình hấn vạm vỡ không tương xứng với thân gầy gò của mình, tôi tiếc bỏ quên cặp dao phòng thân mỗi lần tôi đi xa, ngồi thấp thòm lo âu.

Hấn tiếp tục liên miên,

"Anh biết không, lúc tôi còn bé, tôi theo gia đình di chân dê và trầu ở các ốc đảo sa mạc, nghèo mà vui lắm, tôi ngồi trên lưng con lừa ngu ngốc, đuổi đàn thú về trước khi mặt trời lặn, đêm đêm đốt lửa, rồi chun vô lều ngủ. Lâu lâu, ông tôi cho làm thịt con trầu sau khi xén lông nó, món couscous trầu ngon lắm" - nói đến đây, hấn chu miệng chụt một tiếng, cười hề hà. Tôi cười vượt theo, thấy chụt vui lây. Con khủng hoảng tinh thần tan biến dần, tuy trong lòng còn e dè, căng thẳng.

Nói chán, không thấy tôi góp chuyện, hấn đứng lên nhập bọn với mấy người khách mới vô quán vỗ vai gật đầu từ giã tôi. Tôi nhẹ nhõm, kiểm soát ví tiền, và cái bị đeo vai, bình tĩnh yên lòng lấy xấp postcards viết cho qua thì giờ, nhấp ly cà phê nguội lạt lèo, liếc thấy chàng Arab trò chuyện với những người ngồi bên. Tôi chợt cảm thấy thích thú vừa khám phá thêm một mảnh đời của khách quán rượu này, chắc ai cũng có tâm sự vui buồn, vào đây kể kẻ người nghe. Tôi viết vội mảnh đời anh Arab vô vợ như kỷ, quên tiếng ồn ào chung quanh. Cánh cửa mở, cơn gió lạnh đánh thức tôi khỏi cơn mê ban ngày. Một thiếu nữ Á châu khệ nệ xách hành lý để góc cửa, cái thùng vàng của Post và hai cái vali nhỏ. Cô đi thẳng vào trong, rồi trở lại xin phép ngồi bàn trước mặt tôi. Tôi tiếp tục viết, chán rồi lấy báo ra đọc. Cô gái vươn vai ngáp dài, ngồi thừ ra, im lìm nét mặt lạ lùng, tôi gọi chuyện, "Cô người VN phải không?" Cô gái lắc đầu nguầy nguậy trả lời bằng tiếng Đức, "Không phải"

Hư Ảo

Vẫn vũ trời đen
Chiều lên sao xuyên
Cho dầu quyển luyện
Cho dầu nướn tiếc nhớ thương
Bé vấn đi rồi
Biển biệt...
Còn đây khoảng trống bao la
Xót xa
Đôi mõ
Hai châu năm chưa ấm chỗ
Nghe đâu đây tiếng trẻ nô đùa...

Đời là như thế đó
Vui vui buồn buồn có có không không
Chợt đến chợt đi
Vườn hơi gió
Kính Chùa chuông mõ
Kiếp phù sinh
Hai con bướm trắng cành hoa nhỏ
Đùa giỡn bay vòng thiết để thương
(Brux. 3.3.89, ngày an táng
Bích Trâm Tường Nhi hai cháu)

Phượng Hà

trả lời bằng tiếng Đức)
Biết gặp người ba trợn, tôi ngưng câu chuyện, tiếp tục dán tem trên postcards rồi viết nhụt kỷ. Cô chợt hỏi, "Ông viết gì đó, cho tôi xin coi! Cô đọc, mỉm cười nhẹ nhàng.
- Cô hiểu không? tôi hỏi. Cô gái gật đầu. Tôi quan sát cô gái, yên lòng hơn lúc ngồi bên anh Arab vừa rồi. Gương mặt nãy, đáng đắp nầy nếu không phải là người VN thì là người gì?
- Cô uống nước ? tôi mới.
- Coca ! Cô trả lời ngắn gọn.
Cô bung ly coca uống từng ngụm, chậm rãi, sắc thái trầm tĩnh của người trưởng thành, dù tuổi cô chắc chưa quá hai mươi. Trí tò mò vô duyên của tôi bắt đầu.
"Cô đến tỉnh này tìm ai?"
Cô lục lọi trong túi xách, lấy một phong bì đưa cho tôi xem. Trên phong bì để tên người gửi tên Chris ở Texas và người nhận ở NY. cũng tên người Mỹ.
Sau phong bì là địa chỉ của một Behinderten Werkstatt và địa chỉ cùng số điện thoại để cô liên lạc.
Cô tên gì? "Tên Chris !"
"Gia đình cô ở đâu?" - "Tôi không có cha mẹ!" Tôi thử liên lạc số điện thoại trên mấy lần nhưng

- Vậy cô người Hoa?
- Không phải, tôi người Mỹ"
- Cô qua Đức lâu chưa?
- Đã hơn 1 năm
- Vậy cô qua đây du lịch? (tôi hỏi bằng tiếng Anh)
- Tôi không biết tiếng Anh (cô không ai trả lời. Cô lấy bao thuốc lá, vấn hút thành thạo lại ho sù sụ, lau miệng bằng khăn tay, đúng hơn là một miếng vải trắng đổi sang màu ngà. Cô khạc nhổ khèn khạc vào bao plastis nhỏ, mắt dò ngấu, những người khách trong quán ngạc nhiên và khó chịu nhìn.
Vài phút sau, cô sửa thế ngồi, chống hai tay lên má, im lìm. Đôi mắt của con cheo linh động trên gương mặt bất động, vô hồn, làn môi đổi thành thâm sạm ảnh hưởng thuốc lá.
Nhạc trong quán bắt đầu rập rờn, một bà khách Đức duy nhất đứng dậy kéo một lão già khác khiêu vũ, lão từ chối, ngồi xuống gật gù trước ly rượu. Bà nhún nhảy cởi áo, ban ngực, bụng nhảy nhua mờ hát the the như bả bóng nhập. Ngồi xa tôi vẫn để phòng sợ ly rượu trên tay bà có thể bay về phía mình.
Khách có vẻ quen thuộc với cảnh nầy nên họ thờ ơ, không tham

gia phụ họa hay khuyến khích, họ bạn rộn cười nói huyênáo. Chàng Arab nhìn tôi, liếc bà, mỉm cười quơ bàn tay trước mặt.

Hai chân dù to lớn cũng không chịu đựng được khối nặng lâu, lại bị khách cô lập, bà già quái oăm phục phịch đi về phía bàn tôi và cô gái, đặt ly rượu trên bàn, ngồi sấm xướng, nói một câu tiếng Nhựt, tôi lắc đầu, bà gắt gù

"Tôi là dân sinh ở West Fallen, bố biết không, dân Hessen tệ lắm. Nói cho bố biết để phòng, nếu bố dúi bụng mà gõ cửa nhà dân Hessen, họ sẽ thúi vô mặt bố đó" Tôi thờ ơ trả lời, "Tôi chưa có kinh nghiệm, thưa bà!"

Ông lão già Đức đi qua, mỉm cười nhìn, bà ta đứng dậy, giơ tay nói như đang gây gỗ, "Kệ ta, vấn đề của ta, không phải của ông!".

Lão già cười chúm chím lẽ độ, "Tôi có nói bà gì đâu, bà có vấn đề của bà, tôi có vấn đề của tôi!"

Bà quay lại tiếp chuyện, "Tôi thích dân Nhựt hơn, dân Nhựt tốt lắm".

Cô gái họ khánh khách, khạc nhổ góm ghiết cắt đứt câu chuyện, mắt đỏ ngầu, nước mắt chảy ròng, hai vai cô nhịp theo cơn ho hen rách phổi đứt đoạn-Bà già nhìn cô, nhìn tôi hỏi

"Vợ phải không?"

- Không phải!

- "Em gái phải không?"

- Không phải?

- Bạn gái hả?

- Không phải?

Cô gái đầu cô liên hệ gì với tôi, cô tên Chris mà, cô không có cha mẹ, cô nhận tên ai làm tên mình, cô chối bỏ là người Vietnam, cô chỉ sử dụng Đức ngữ. Bà già Đức mở lại cái máy phát ngôn, điều chỉnh âm thanh trầm và nghẹn ngào,

"Chồng ta chết lâu rồi, bố biết, khi chồng ta chết, bà mẹ chồng bắt nhân đuổi ta ra khỏi nhà, sau thế chiến thứ hai, mùa đông lạnh, ta ngủ lang thang, dân Hessen tệ lắm!"

Mỗi câu nói chấm dứt bằng tiếng chửi thề, nét mặt trắng bệch hoặc đỏ rần cái quả khứ chua chát, đắng cay, bạc bẽo.

"Bố biết không, bọn trong quán này chế ta ghiên rượu, còn bọn nó vô đây làm gì?"

Bà bật ngựa người dựa trên thành ghế, hai chân nhịp rần rất theo tiếng nhạc, thỉnh thoảng bà ôm và hôn má tôi, tránh không kịp nên tôi xin lỗi bà vào toilette rửa mặt, cái bệnh Aids báo chí nhắc nhở ám ảnh tôi, vô tình lây bệnh bỏ mạng, uống công cha mẹ nuôi dưỡng.

Tôi thăm tiếc rě, "Bà ơi, nếu bà trẻ lại 30 tuổi, nhẹ hơn 30 kilô

thì tôi chết cũng cam lòng!". Cô gái tiếp tục vẩn thuốc hút, tôi ngăn "Đù rồi cô ơi! Cô hút thuốc nhiều sẽ bị ho" Thực sự tôi sợ cô ho, cô khạc trông tởm quá. Cô gái ngoan ngoãn để gói thuốc vào túi.

Chỉ hơn 1 tiếng đồng hồ ga tỉnh lẻ, tôi tỉnh cơ nghe tâm sự chàng Arab cười lửa chân trâu, bà già Đức than bị mẹ chồng bạc đãi, bạn bè ruộng bỏ. Còn tâm sự cô gái nhỏ im lìm đối diện, và tâm sự tôi có đẹp để gì hơn ai?

Bà già Đức tóc bạch kim, như con gấu trắng thờ phỉ phò, hơi rượu nồng nặc, gọi ba ly bia, tôi xin tách cà phê và cho cô gái ly coca. Cô gái ưỡn thanh thản, mắt nhìn thẳng về trước, lơ lảo, hàm chứa sự trống rỗng bất thường.

"Sao hai người yên lặng vậy?"

Bà già hỏi -

- "Thưa bà, ngôn ngữ yên lặng tuyệt diệu nhất!"

Cô gái chống hai tay lên má, lúc nhấc mặt thiếu não, lúc mỉm môi nghiêm nghị, lúc bĩm môi khinh miệt. Văng trán căng tròn dung chứa sự khốn khổ vùi dập của cơn bão biển cuồng nộ, cái quá khứ thanh thản được nuông chiều chở che ở miền Á châu, cơn cá nhiệt đới bị ném vào ao hồ tuyết giá.

Vợ chồng người bạn ra đón, tôi thoát khỏi bà Đức xanh xệ ưỡn éo. Tôi trình bày hoàn cảnh cô gái, người bạn tốt bụng sẵn sàng chở cô đến địa chỉ ghi trên phong bì. Đến nơi mới biết là tiệm bán đồ chơi do người tàn tật sản xuất, ban đêm không ai làm việc.

- "Đêm nay cô nghĩ ở đâu?"

Cô tự nhiên nhún vai, "Tôi không biết!"

- Cô có tiền không?"

- "Không có!"

Bạn tôi có lòng thương người, định chở cô về nhà người bạn tạm trú qua đêm. Tôi kéo người bạn ra bàn riêng.

"Mặt mũi cô có vẻ bất bình thường, môi xám, chưa biết lý lịch, hành lý khả nghi, bệnh hoạn ban đêm ai chịu trách nhiệm?"

Bọn tôi đồng ý mang trả cô về ga xe lửa. Hòì giấy tờ, passport. Cô đưa cho coi xấp giấy. Bọn tôi giật mình. Giấy của tòa án thiếu nhi phạm pháp, đang điều tra tên tuổi cô. Bàn án kết tội cô đi xe Taxi không tiền trả.

Đưa cô về Bahnhof, quán rượu đóng cửa, nên khuyên cô chờ, và chúng tôi điện thoại liên lạc với Cảnh Sát để họ giải quyết. Cô thơ thẩn gát chân tạt nguyên trên lò sưởi bên tường. Còn đau bất ngờ hiện lên khuôn mặt thảm thương, nhăn nhó, rền rĩ, "Ồi!

"-Tiếng than ngôn ngữ VN- cô để lộ tiếng than vô thức sâu kín trong lòng - Thời tiết cuối thu, gió phẩn phật, cô đứng bơ vơ, dựa trên lò sưởi. Tiếng than vì chân bị nhức hay tiếng than của người xa nhà?"

Cảnh sát sắp đến, bọn tôi lên xe về, yên lòng đêm đó dù sao cô cũng có nơi tạm trú, ít nhất đỡ cơn gió lạnh cuối thu cho con chim lạc đàn nhỏ này.

Đêm đó, quanh bàn cơm tối ấm cúng, bọn tôi vẩn chưa quên biển cố gặp phải vừa qua. Chỉ bạn trách chồng quá tin người, ai thật ai giả, ách giữa đang mang vào cố. Chỉ có lý, anh chống có lý của anh, anh lý luận qua tằm lòng nhân hậu, gặp đồng hương trong cơn hoạn nạn phải giúp đỡ. Cô gái đưa trát tòa truy nã cho xem, cô đầu đối trá gian xảo gì.

Buổi sáng sớm hôm sau, chúng tôi lên Bonn tham dự cuộc biểu tình chống bản án tử hình hai ĐĐ Tuệ Sĩ và Trí Siêu. Trời còn quá sớm, xe đi thật chậm để nhìn rõ bản chỉ đường bị sương dày đặc che khuất. Bé Ngọc Thanh nũng nịu ôm mẹ, chân đạp lên ghế ba nó, đùa chán bé hứng chí hát theo tiếng nhạc trong cassette, lúc đầu ngập ngừng sau bé hát luôn theo tiếng nhạc, véo von như tiếng hót chim rừng nhiệt đới, át hẳn tiếng hát thương mại của cô ca sĩ chuyên nghiệp. Tiếng hát bé Ngọc Thanh hồn hậu thanh khiết như suối đầu nguồn, chưa gan lợc qua khuôn ngăn cuộc đời và nghệ thuật. Tiếng hát ồm áp trong xe, tôi muốn tắt tiếng nhạc chòm gởi nhân tạo để nghe bé hát, tiếng hát thơ ngây cho tôi giây phút lắng lòng ngăn ngùi, rồi bé lim dim ngủ.

Câu chuyện cô gái vô danh đem trước còn quanh quẩn. Cô là ai? đôi mắt lạnh lợi khờ khạo kia có chất chứa điều gì giả trá? Sao cô chối bỏ gốc nguồn? Nạn nhân của hệ thống lý thuyết chính trị phi nhân.

Xã hội cướp mất lòng tin người, cô tin tưởng ngoan ngoãn đưa cả giấy tờ cho chúng tôi đọc, để chúng tôi gọi Cảnh Sát bắt cô về bắt, chính cô đã đặt sai lầm niềm tin.

Cô đã chạy trốn tòa án thiếu nhi, trốn nợ Taxi, chối bỏ mẹ cha cội nguồn. Ở Việt Nam cô bị tước đoạt quyền làm người, cô bỏ xứ đi tìm tự do, rồi đánh mất tâm trí trên biển khơi nên cô lảm lẩn ảo tưởng và thực tế, nhận quốc gia khác làm sinh quán, cô đánh mất tâm can cước văn hóa mất rồi, ai đủ thâm quyền trả lại?

Trước tòa Đại sứ CSVN, tôi đứng lãn trong hàng ngũ anh em bạn bè nắm tay nhau cùng chống đỡ chế độ bạo ngược, hét đến rách phổi xin được quyền làm người. Còn gió thu lạnh cóng mặt không đủ khả năng làm nguội nhiệt huyết mọi người, nạn nhân của chế độ, tôi vô tâm hay thiếu phần can đảm và trách nhiệm đối với một nạn nhân của chế độ chúng tôi đang chống đỡ, người thù thù của thời tiết tốt, giúp người bằng ngôn từ hoa mỹ hơn là hành động thực tiễn. Trong xã hội Cộng Sản, con cái tử cáo cả cha mẹ, cha mẹ nghi ngờ con cái, giữa cô và bọn tôi, ai chân thật, ai nghi ngờ ?

Sau cuộc biểu tình, hội họp, về nhà khá trễ, tiếng điện thoại reo, đầu giầy bên kia tiếng quen thuộc của người bạn gọi, "Sao? Anh hứa sau buổi chiều biểu tình ở Bonn chiều đó tạt qua nhà tôi chơi, tôi đợi anh suốt buổi chiều không dám đi đâu hết !

Anh bạn cười giòn, "Tôi hết tin anh nổi rồi !" - Tôi thẹn thùng nắm bữa trên ghế, nhắm mắt cố quên chuyện cho lương tâm yên ổn, qua cơn ngột ngạt tâm lý.

Cái cuối tuần trước ngày ra đi, được bạn bè đưa tiễn bằng buổi họp mặt. Tiệc tùng làm buồn thêm, hàn huyên giọng gạo, những ánh mắt buồn bã lưu luyến nhau, chưa lần nào nghi ngờ lợi dụng dù sơ thân - dù rồi, chúc tụng làm nao lòng nhau. Tiếng hát anh bạn mới quen hát tặng, cựu quân nhân TQLC, anh không phải là tướng tá hay ca sĩ TLC, ước mơ thanh bình của đất nước, "Tàn chiến cuộc em đi theo anh" ... rầm rập như tiếng súng nổ, tôi nghe và cảm được bước chân hào hùng của người thực sự tham dự trực diện cuộc chiến. Tiếng hát anh giòn giả phá vỡ những nghi ngờ, làm vững tin nhau hơn. Tôi chợt nhớ bé Ngọc Thanh với tiếng hát hồn nhiên vỗ vỗ như tiếng đờn thần Thạch Sanh có khả năng hóa giải oán thù. Tiếng hát hòa tan trong cơn gió thoảng êm ái xóa sạch đám mây xám nghi ngờ, là giọt mưa xuân tưới mát cỏ hoa thơm ngát trên đời.

"Gió mùa Xuân mẹ buâng khuâng hỏi,
Hoa trên đời, hoa trên đời sớm tối còn tươi".

chữ 'duyên' trong truyện Kiều

"Trong đời có nhiều lúc "một duyên dò nên nghĩa, một chữ nên tình, một chuyện nên duyên", huống chi trong truyện Kiều - một tác phẩm văn học tuyệt vời của Nguyễn Du - có nhiều oan trái đeo đẳng mãi cuộc đời của một kẻ hồng nhan bạc mệnh.

Phù Vân - cây bút quen thuộc của độc giả Viên Giác, vừa đi dò-sâu cay, vừa khắc khoải - ngắm ngời - qua "CHỮ DUYÊN TRONG TRUYỆN KIỀU", sẽ hình dung lại cuộc đời 15 năm trôi nổi gian truân của nàng Kiều. So với thời gian lưu lạc tha phương của chúng ta hiện tại, liệu chúng ta có được như nàng Kiều thuở trước, còn nặng tình hoài hương, ven lòng thủy chung với dân tộc trước khi ra đi để mong một ngày trở về quang phục đất nước hay không ? "

Viên Giác

Vi thử như trước khi Liêu Dương cách trở, duyên chàng Kim đừng giờ việc ma chay..." thì nàng Kiều không trải qua 15 năm đoạn trường oan khổ lưu ly. Chữ duyên đã trói buộc cuộc đời Kiều miền trường, vô tận với những nỗi dọa dầy bởi duyên sanh - duyên khởi trong vòng quay của thập nhị nhân duyên của nhà Phật. Bởi là duyên mệnh nên Kiều phải đành chịu mỗi duyên trắc trở, bẽ bàng vì Kiều "sắc sảo mặn mà, hoa ghen thua thắm liễu hơn kém xanh" nên Kiều phải chịu cảnh má hồng phân bạc để "trời xanh quen thói má hồng đánh ghen", "khách má hồng nhiều nỗi truân chiến". Đã đẹp Kiều lại "thông minh vốn sẵn tính trời, pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm, cung thương lầu bạc ngũ âm...", cho nên Kiều không thoát được luật "tài mệnh tương đố" - "cố lai tài mệnh lưỡng tương phương" - "chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau".

Vâng, Nguyễn Du phải tạo nên một nàng Kiều trọn vẹn tài hoa để gợi cảm tâm sự hoài Lê bất hợp tác với nhà Nguyễn Tây Sơn của mình qua "mười lăm năm gió bụi và khổ bệnh long đong". Xuyên suốt truyện Kiều, Nguyễn Du đã cho nàng Kiều đeo đẳng mãi với chữ duyên - từ mối duyên lỡ làng ban đầu, tiếp nối với những mối duyên oan nghiệt để cuối cùng mới được hưởng mối duyên tái hợp với chàng Kim. Gương vỡ lại lành, hoa tàn lại nở. Phải chăng mối cô trung hoài Lê của Nguyễn Du đã phai lạt khi Nguyễn Ánh diệt Tây Sơn và mối Nguyễn Du ra làm quan như là một sự tái hợp với cuộc đời hoạn lộ ? (Chúng tôi sẽ trở lại với độc giả trong loạt bài tâm sự của Nguyễn Du trong truyện Kiều).

Cái bóng ma của Kiều, cái hình ảnh tiên thân của Kiều, cái định mệnh gian truân của Kiều là Đạm Tiên - một ca nhi "nổi danh

PHÙ VÂN

tài sắc một thì, xôn xao ngoài ngõ thiếu gì yến anh" thế mà " nửa chừng xuân thoát gậy cảnh thiên hương" để cho "một người khách ở viễn phương, xa nghe cũng nức tiếng nàng tìm chơi". Nhưng, chao ôi nỗi si tình, lòng hăm mộ tài sắc về người đẹp của chàng thật là vô duyên khi chàng "sắm sanh nếp tử xe châu" để đến đón người ngọc, nhưng khi "thuyền tình vừa ghé đến nơi, thì đã trăm gậy bình rơi bao giờ". Nàng Đạm Tiên đã ra người thiên cổ! Chàng ta chỉ còn nức tiếc kêu trời than thân trách phận mình vô duyên và cầu mong rằng dù không có tiền duyên - duyên trước thì cũng xin được coi như là chút ước nguyện để gây cho mối duyên sau :

...Khóc than chi xiết sự tình,
Khéo vô duyên bấy là mình với ta
Đã không duyên trước chàng mà,
Thì chi chút ước gọi là duyên sau.

Đối với người "khách viễn phương" thì Đạm Tiên chẳng có mối duyên tiền định, nhưng đối với Kiều thì lại có mối duyên đồng hội đồng thuyền, đồng thanh tương ứng đồng khí tương cầu hoặc là đồng bệnh tương lân : Cho nên khi Kiều dù chỉ mới nghe em trai là Vương Quan kể về cuộc đời bạc mệnh của Đạm Tiên, Kiều đã giọt châu đôi đoạn "dầm dẫm châu sa" và than thở "Đau đớn thay phận đàn bà, lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung, phủ phàng chi bấy hóa công, trời xanh môn mối má hồng phối pha !". Cái duyên gặp gỡ giữa chàng, cái mối cảm ứng u hiển chỉ dành cho "những đấng tài hoa, chết là thể phách hồn là tinh anh; để hay tình lại gặp tình !",

cho nên hồn của Đam Tiên mới hiển hiện để "hữu tình ta lại gặp ta, chớ nề u hiển mới là chi em". Cái mối thiên duyên hay là duyên tiền định của Kiều như là một đợt sóng ngầm tiềm ẩn chỉ chờ có cơ hội là bộc phát; cho nên trong buổi Thanh Minh tảo mộ dù Kiều chỉ mới "trông chừng thấy một văn nhân, lòng buồn tay khấu bước dần dặm băng", rồi Kim trong hiện ra với "hải văn lần bước dặm xanh, một vùng như thế cây quỳnh cành dao" đã làm thành gió bão cho mối duyên tình của Kiều. Dĩ nhiên Kim Trọng phải là con nhà giàu, học giỏi, đẹp trai "nên phủ hậu, bậc tài danh; văn chương nét đất thông minh tính trời; phong tư tài mạo tuyệt vời, vào trong phong nhã ra ngoài hào hoa". Nên dù Kiều chỉ "e lệ nép vào dưới hoa" thế mà không tránh thoát được tiếng sét ái tình nó giáng cho một quả làm thốt điên bát đảo để khi trở về phòng loay vẩn còn rộn ràng nhớ tưởng và cứ mãi ưu tư thắc mắc về mối duyên gặp gỡ :

...Người mà đến thế thì thôi,
Đời phồn hoa cũng là đời bó dĩ
Người ở gặp gỡ làm chi,
Trăm năm biết có duyên gì hay không?

Nỗi niềm ưu tư khắc khoải của Kiều đã được "người chi em" Đam Tiên giải thích về quả kiếp nhân duyên cứ níu kéo nhau mãi từ đời vô thủy cho đến vô chung, từ tiền kiếp cho đến hiện tại và mãi mãi về sau nên cuộc đời cứ mãi luân hồi trong sáu nẻo vui - buồn - sướng - khổ lẫn lộn mà nỗi đoạn trường thì hầu như nặng kiếp đeo đẳng trầm luân :

...Văn trình hội chủ xem tường,
Mà sao trong số đoạn trường có tên,
Ấu là quả kiếp nhân duyên,
Cũng người một hội một thuyền
đau xa !

Dù biết được duyên phận mình trời đã dành cho như vậy, nhưng Kiều vẫn không tránh khỏi đau đớn khốc lóc :

...Hoa trời bèo giạt đã đành,
Biết duyên mình, biết phận mình
thế thôi !
Nỗi riêng lớp lớp sóng đời,
Nghĩ đời còn lại sự sùi đời
con.

Còn chàng Kim là một tay mê gái hữu hạng, chỉ mới nghe phong phanh về Kiều "trộm nghe thơm nức hương lân" chưa thấy được mặt hoa da phấn (lỡ gặp phải mặt rở hoa mè thì sao) mà cũng đã "những là trộm dấu thắm yêu chốc mòng" ! Thế cho nên khi "gặp gỡ Kiều, chàng Kim đã "lạm" mối tình si, cứ để cho mối tương tư nó mặc sức làm tình làm tội, làm mất ăn biếng ngủ "tuần trăng khuyết đĩa dầu hao, mặt tở tương mặt lòng ngao ngán lòng". Cũng như Kiều, dù biết rằng "người quốc sắc kẻ thiên tài, tình trong như đã mặt ngoài còn e", chàng Kim vẫn ưu tư lo lắng về mối duyên nợ ba sinh (quá khứ, hiện tại, tương

lai) của mình và Kiều như thế nào mà con tạo trêu người vẫn cứ bất lòng thương nhớ :

...Mành Tương lật phất gió đàn,
Hương gầy mùi nhỏ, trà khan
giọng tình
Vị chẳng duyên nợ ba sinh
Làm chi đem khối khuyh thành
trêu người.

Nếu đúng duyên trời - thiên duyên thì âu cũng là được gặp gỡ. Nghĩ như thế, chàng Kim mới thuê nhà của Ngô Việt thương gia - bên cạnh nhà Vương Viên ngoại để ngày ngày trông bóng nàng Kiều. Đúng là đem cây si đến trồng bên cạnh nhà người ta !

...Mùng thắm chôn ấy chữ bài,
Ba sinh âu hẳn duyên trời chi đây
Song hờ nửa khép cánh mây
Tương đồng ghé mắt ngày ngày
hăng trông.

Thế là trời không phụ kẻ tình si, nên một hôm chàng Kim "dưới đào bông thấy bóng người thướt tha". Mừng quá, chàng Kim không bỏ lỡ cơ hội nghìn năm một thuở để theo dấu người đẹp và ngẫu nhiên chàng nhất được "cành kim thoa - cái trâm cài tóc"; thế mà anh chàng còn giả bộ ngây thơ hỏi "này trong khuê các sao mà đến đây?" :

...Gấm âu người ấy báu này,
Chẳng duyên chưa để vào tay
ai cầm.

Nghĩ như thế mà lại đúng, vì cái trâm nhỏ bé tí teo rơi trong vườn thùy rộng bao la như vậy, nếu không có duyên làm sao chàng ta lại nhặt được. Kể cũng lạ! Từ đó Kim - Kiều mới có cơ hội gặp gỡ, thế duyên - định ước trao kỳ vật"...của tin gọi một chút này làm ghi, sẵn khăn tay gấm quạt quỳ, với cành thoa ấy tức thì đổi trao, một lời gấn bó tất giao...". Cho dù Kiều khiếm cung cho rằng mình phàn mòng (bạc mệnh) không xứng kết duyên với chàng Kim - là người cao sang (mệnh hậu) bởi vì số mệnh của nàng đã dính liền với nỗi gian truân; nhưng chàng Kim thì lại an ủi rằng khi lòng người đã quyết thì trời cũng đành chịu thua; vì dù đến lúc không sum họp được với nhau thì cũng quyết liều thân cho trọn lời vàng đá :

...Anh hoa phát tiết ra ngoài,
Nghìn thu bạc mệnh một đời tài hoa.
Trông người mà gấm đến ta,
Một dây một mòng biết là có nên?
Sinh rằng : "Giải cầu là duyên
Xưa văn nhân định thặng duyên
cũng nhiều
Vị dù giải kết đến diều
Thì đem vàng đá mà liều với
thân" !

Cho dù Kiều vì tiếng gọi của ái tình, đã có lúc vượt đạo đức lễ giáo "xăm xam băng lối đường khuya một mình" hoặc "vì hoa nên phải đánh đường tìm hoa", nhưng đến lúc

thấy chàng Kim "sóng tình đường đã xiêu xiêu, xem trong âu yếm có chiều là lời" coi bộ muốn "ép liễu nài hoa" thì nàng Kiều đã cảnh tỉnh người yêu bằng câu chuyện mối duyên kỳ ngộ của Trương Sinh và nàng Thôi Oanh Oanh. Hai người này gặp nhau ở chùa Phố Cửu và đã đi lại ân ái với nhau. Khi đi Trường An dự thi, Trương Sinh ở lại luôn tại kinh thành và quyết định tuyệt tình luôn với nàng Thôi Oanh Oanh bởi "hoa đã bén nhị", bởi "con ong đã biết đường đi nẻo về", đã "bướm chán, ong chề", khôn ba năm đại một giờ :

...Phải điếu ăn xôi ở thi,
Tiết trâm năm nở bỏ đi một ngày
Ngắm duyên kỳ ngộ xưa nay,
Lửa đời ai lại đẹp tà Thôi
Trương
Mây mưa đánh đổ đá vàng,
Quá chiều nên đã chán chường

Lý ra từ mối duyên tao ngộ kỳ lạ đó, lửa đời của họ phải là tình đậm nghĩa sâu cho đến đá nát vàng phai, răng long bạc tóc - mà giới giang hồ thường gọi là "kết". "Kết" nhau trong mối duyên đậm thắm. Ngược lại có người mới gặp gỡ tiếp xúc nhau một lần cũng đã "cạch" đến già, tởn đến chết - giới giang hồ thường gọi là "ky gió". Phải chăng đó là nhiệm duyên hay lâm duyên để cái nghiệp duyên đó đeo đẳng chống chọi mãi những mối hận sâu, khổ đau :

...Mãi tây để lạnh hương nguyên
Cho duyên đắm thắm ra duyên bề
bàng.

Đúng như sự lo sợ của Kiều trước đây, thuyên tình bề ái của nàng không được thuận duyên, không xuôi chèo mát mái mà lại bắt đầu gặp cơn sóng đối gió dập. Chàng Kim phải về chịu tang ông chú ở "Liều Dương cách trở sơn khê, xuân đương kíp gọi chàng về chịu tang" mở đầu cho một cuộc chia tay "chứa vui sum họp đã sầu ly tan" :

...Sự đâu chưa kịp đôi hồi,
Duyên đâu chưa kịp một lời
trao tơ
Trăng thế còn đó tro tro,
Đám xa xôi mặt mà thừa thốt
lòng.

Nỗi oan trái chia ly với chàng Kim chưa đủ gây sóng gió đoạn trường cho cuộc đời Kiều nếu không có một thăng bán tờ vu oan giá họa cho gia đình Viên ngoại họ Vương "gia tư nghĩ cũng thương bạc trung" mà lại nghèo đến nỗi Kiều phải chịu "bán mình chuộc cha" để:

...Sao cho cốt nhục ven tuyến,
Trong khi ngộ biến tòng quyền,
biết sao ?
Duyên hội ngộ đức cù lao,
Bên tình bên hiếu bên nào nặng
hơn ?
Để lời thệ hải minh sơn,
Làm con trước phải đến ơn sinh
thành !

Kiểu đã đặt chữ hiếu lên trên chữ tình, hy sinh hạnh phúc của mình để cứu gia đình. Kiểu đã nghĩ đến chàng Kim và mong mỏi van xin "Để cho để thiếp bán mình chuộc cha". Kiểu đã kiềm chế tiếng gọi của con tim, không như những thôn nữ bình thường dám liều lĩnh "nổi loạn": "Chữ trung thì để phần cha, chữ hiếu phần mẹ, đối ta chữ tình" (ca dao). Thế là nhờ nhà họ Chung "cũng trong nhà địch cũng là từ tâm" lo việc dứt lốt hối lộ quan nha "tính bài lốt đó luôn đây, có ba trăm lạng việc này mới xong". Thôi duyên thì trắc trở, phúc phận thì như hạt mưa sa - trong nhớ đục chịu chỉ mong đem duyên mình đến đáp ơn sinh thành của cha mẹ :

...Đau lòng tử biệt sinh ly,
Thân còn chẳng tiếc, tiếc gì
đến duyên
Hạt mưa sa nghĩ phận hèn,
Liều đem tấc cỏ quyết đến ba
xuân.

Thế nhưng còn mối tình đối với chàng Kim vẫn cứ đeo đẳng mãi như là một nghiệp duyên trong suốt cuộc đời bạc mệnh của Kiểu. Đã chẳng phải là duyên lành - lương duyên mà trở thành duyên nợ, lối dao thế bõ, Kiểu xin kiếp sau làm thân trâu ngựa để đến bù lại mối tình yêu trong sạch khí tiết của chàng :

...Biết bao duyên nợ thế bõ,
Kiếp này thôi thế thì thôi còn
gì ?
Tái sinh chưa dứt hương thế,
Làm thân trâu ngựa để bù trúc
mai.

Thế nhưng Kiểu vẫn còn khắc khoải về mối tơ duyên với Kim Trọng và nghĩ rằng mình đã phụ duyên chàng và chợt nghĩ đến "tình chị duyên em" nên Kiểu năn nỉ Thúy Vân :

...Rằng: "Lòng đương thốn thức
đây,
Tơ duyên còn vương mối này chưa
xong.
Hở mối ra cũng thẹn thương
Để lòng thì phụ tấm lòng với ai!
Cậy em, em có chịu lời
Ngồi lên cho chị lạy rồi
sẽ thưa"

...Chiếc thoa với bức tờ mây
Duyên này thì giữ vật này của
chung
Dù em nên vợ nên chồng
Xót người mệnh bạc ắt lòng
chẳng quên
Mất người còn chút của tin...

Chao ôi những lời của Kiểu với em như là những lời trần trời của người ra đi ngàn dặm mù khơi; như là những lời tống biệt - tử biệt sinh ly... "mai sau dù có bao giờ, dẫu lò hương ấy so tơ phím này trông ra ngon cá lá cây, thấy hiu hiu gió là hay chỉ về, hơn còn mang nặng lời thề, nát thân bồ liễu đến nghĩ trúc mai". Đối với chàng Kim, đối với một mối tơ tình ngần ngại.

Kiểu đau đớn lạy tạ tình quân xin tha thứ cho sự bội bạc :

...Trăm nghìn lạy gửi tình
quân,
Tơ duyên ngần ngại có ngần ấy
thôi
Phận dâu phận bạc như vôi
Đã đành nước chảy hoa trôi lỡ
làng
Ôi Kim lang ! hỡi Kim lang,
Thôi thôi ! thiếp đã phụ chàng
từ đây !

Những ai đã một lần hôn duyên túi phận, những ai đã từng bị duyên kiếp lỡ làng hay đã ôm mối thất tình đôi doan mới để cảm thông với mối duyên nghiệt ngã của Kiểu qua tiếng gọi đau thương thống thiết già biệt người thương "Ôi Kim lang ! hỡi Kim lang...". Dù chẳng phải là nguyên nhân chính gây ra chuyện "trăm gãy bình tan", dù biết rằng do hoàn cảnh thời nát của xã hội "...thói sai nha; làm cho khốc hại chẳng qua vì tiền" đã chia duyên rẽ thùy mối tình Kim-Kiểu, nhưng Vương Ông cũng nhận là do cơ duyên đưa đẩy những nỗi khổ đau bất hạnh đến cho gia đình mà ông đã bắt lức để giải quyết thì cũng chẳng khác gì ông đã làm lỡ duyên tình của con gái, nên ông đã an ủi Kiểu; chuyện dở dang sẽ có Thúy Vân bù đắp :

...Này cha làm lối duyên may,
Thôi thì lối ấy sau này đã em!

Tình của Kiểu đã có em thay thế "tình chị duyên em" để Kiểu bắt đầu một cuộc đời mới - oan khổ lưu ly khi theo chân Mã Giám Sinh về Lam Kiều. Họ Mã là một tên đàng điếm, ăn chơi, cờ bạc; một hạng ma cô ma cạo quen kiếm ăn ở những nhà chứa - nhà thổ - lầu xanh. Cái bề ngoài trai lơ điếm chảy "quá niên trạc ngoại tứ tuần; mày râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao". Tên họ Mã cấu kết với cụ Tú Bà "mặt cửa mướp dăng đôi bên một phường; chung lưng mở một ngôi hàng, quanh năm buôn bán phần hương đã lế". Họ Mã được mọi giới đến nhà Vương ông cùng với một lũ "trước thầy sau tớ xôn xao", với một thái độ trịch thượng "ghế trên ngồi tót số sàng" thêm giọng lưỡi con buôn thối người "Rằng mua ngọc đến Lam Kiều, sinh nghi xin dạy bao nhiêu cho tương?" và cái lối "cò kê bốt một thêm hai". Qua hành động, thái độ và lời ăn tiếng nói quá rõ ràng của một tên ma cô ma cạo như vậy mà tại sao thông minh tài trí như Kiểu lại cứ dính ninh hấn đến cưới nàng về làm vợ ! Trước khi rước Kiều về lầu xanh giao lại cho Tú Bà, họ Mã mừng thầm cơ đã đến tay, hân không bỏ qua cơ hội ngàn vàng để "mở khóa động đào" dù biết rằng Tú Bà sẽ không tha thứ "mụ già hoặc có điều gì, liều công mất một buổi quý mà thôi"! Chỉ tội nghiệp cho Kiểu, chỉ tiếc thay một đóa trà mi, con ong đã tỏ đường đi nẻo về, một cơn mưa gió nào nỡ; thường gi đến ngọc tiếc gì đến hương; đêm xuân một giấc mơ màng, đuốc hoa để đó mặc nàng năm

tro!". Kiểu đành than thân trách phận phải gắn bó với một kẻ vô duyên, mặt chai mày đá :

...Rồi may âu cũng sự trời,
Đoạn trường lại chọn mặt người
vô duyên !

Bị gạt về Lâm Truy lại gặp phải hạng Tú Bà, loại người đã hết duyên :



...Lầu xanh có cụ Tú Bà,
Làng chơi đã trở về già hết
duyên.

Giận duyên túi phận, Kiểu muốn tìm cái chết, nhưng lại sợ liên lụy đến song thân :

...Giận duyên túi phận bởi bởi,
Cầm dao nằng đá toan bài quyền
sinh
Nghĩ đi nghĩ lại một mình
Một mình thì chớ hai tình thì
sao ?
Sau đầu sinh sự thế nào
Truy nguyên chẳng kéo lụy vào
song thân.

Tú Bà - đúng là dáng vóc của con cụ trùm lầu xanh "thoắt trông nhơn nhợt màu da, ăn gì cao lớn đầy đà làm sao". Cuộc đời khổ hạnh của Kiểu mở đầu, khi cụ muốn tỏ cho Kiểu biết mình là ai, cụ đã "vất nóc lên giường ngồi ngay" và dạy rằng "con lạy mẹ đây, lạy rồi sang lạy cậu mợ bên kia !". Kiểu trình bày họ Mã đã "đủ điều nạp thái vu quy, đã khi chung chạ lại khi đứng ngồi giờ ra thay bạc đổi ngôi...". Tú Bà liền nói con tam bành lục tặc tặc hay Mã Giám Sinh đã giờ trò ma giáo, ăn vung ái tình; cụ ta mắng nhiếc họ Mã là "tuồng vô nghĩa, ở bất nhân" vì dám "xôi trước", "phồng tay trên" làm "màu hổ đã mất đi rồi; thôi thôi vốn liếng đi dơi nhà ma!". Rồi Tú Bà cũng giọng đạo đức giả ra để trách mắng Kiểu tại sao lại để dang để cho tên họ Mã "gỡ gạc": "Lão kia có giờ bài

bây, chẳng văng vào mặt mà mấy lại nghe, cố sao chịu trót một bề, gái tơ mà đã ngựa nghề sớm sao!". Đã bị lửa gát lại bị mắng nhiếc, Kiều quyết tâm tự tử bằng "một dao oan nghiệt đứt dây phong trần!". Nhưng số nàng làm sao "giải thoát" được khi chưa trả sạch duyên kiếp nợ nần ở trần thế:

...Nào hay chưa hết trần duyên,
Trong mê đường đã đứng bên một
nàng

Rĩ rãng: "nhân quả dờ dang
Đã toan trốn nợ đoạn trường
được sao
Số còn nặng nghiệp má đào
Người dù muốn quyết trời nào
đã cho!"

Mụ Tú Bà đầu để dành để cho Kiều tự tung tự tác, 400 lạng vàng ròng chứ đâu phải là "tiền vàng, giấy mã âm binh". Mua Kiều về, chưa lấy lại vốn liếng mà dám bị tiêu ma, mất cả chì lẫn chài; cho nên mụ mới áp dụng sách lược hòa hoãn ăn cần khuyến giải, từng lời mật ngọt rót vào tai Kiều "lỡ chân trót đã vào đây, khóa buồng xuân để đợi ngày đào non, người còn thì của hầy còn; tìm nơi xứng đáng làm con cái nhà; làm chi tội báo oan gia, thiệt mình mà hại đến ta ích gì!". Mật khác mụ lại bày mưu sắp kế cho Sở Khanh dụ dỗ Kiều đang đêm trốn đi "xây tổ ấm" để rồi đêm khuya bỏ mặc Kiều một mình giữa rừng vắng và báo cho mụ Tú Bà "tốc thẳng đến nơi" bắt Kiều "áp điệu một hồi lại nhà" để mắc tình "hung hăng chẳng hỏi chẳng tra, dang tay đập liểu vùi hoa tơi bời" cho đến khi Kiều chịu đựng không nổi "uốn lưng thịt đổ, cắt đầu máu sa" đành phải van lay "thần lương bao quản lăm đầu, chụt lòng trinh bạch về sau xin chừa!".

Tại sao Kiều không nhận ra tên bọm Sở Khanh - một tên "bạc tình nói tiếng lầu xanh, một tay đã giết bao cảnh thiên hương". Với dáng điệu trai lơ dề dĩnh "hình dung chải chuốt áo khăn diu dàng"; với hành động "trông nàng, chàng cũng ra tình đeo đai"; với lời ăn tiếng nói văn vẻ rỗng tuếch, huênh hoang réo rắt; Sở Khanh đã để lộ một tên lưu manh bịp bợm: "Than ôi sắc nước hương trời, tiếc cho đầu bóng lạc loài tới đây? Giá đành trong nguyệt trên mây, hoa sao hoa khéo đọa đây bấy hoa! Tức gan riêng giận trời già, lòng này ai tỏ cho ta hồi lòng? Thuyền quyền ví biết anh hùng, ra tay tháo cũi sổ lồng như chơi!". Hoặc "Ta đây nào phải ai đầu mà rặng! Nàng mà biết đến ta chẳng, bề trâm luân lấp cho bằng mới thôi". Hoặc khoe khoang "Rằng: ta có ngựa truy phong, có tên dưới tướng vốn giòng kiện nghi". Hoặc xảo trá "Dù khi gió kếp mưa đơn, có ta đây cũng chẳng can cố gì!". Thế mà Kiều cũng bị lừa một cách thâm! Cho hay đến bước đường cùng, thông minh tài trí gì cũng đành bó tay!

(Còn tiếp)

THUỐC DẮNG

HUỲNH TRUNG CHÁNH



Tiếp theo

Nếu không nhờ đã luyện công tử nhỏ, Vĩnh Hào khó lòng chịu đựng nổi những trận đòn bèo đánh cho kẻ phạm trọng hình. Thân thể đầy thương tích, máu mủ ghê tởm đối lạnh thiếu thốn, lại không thân nhân tiếp tế, chăm sóc, tưởng là bất hạnh, nhưng chính khổ đau tốt cùng đó lại là toa thuốc thần, khiến mỗi tình nam nữ quần quít tưởng không bao giờ dứt được, trong khoảnh khắc bỗng nguội lạnh như đồng tro tàn. Chuyện xã hội bên ngoài, chuyện quá khứ xa gần, nhà thuốc, con bệnh... có bận tâm cũng bất lực. Do đó, Vĩnh Hào chủ trương ở tu thì cứ thuận theo hoàn cảnh tu tội mà tu. Nơi nào thì cũng có thể giữ được chánh niệm và hành được hạnh nguyện Dược Vương. Từ nhân, dù oan hay ứng, đều ở trong hoàn cảnh hoang mang, sợ hãi, khổ sở tận cùng. Họ cần được săn sóc an ủi như những đứa con thơ cần mẹ. Vĩnh Hào kể cận chia ngọt sẻ bùi với họ, rồi tùy cơ, giảng dạy họ về thuyết nhân duyên, về khổ đế... để vạch cho họ con đường tu tập.

Lần lần, Vĩnh Hào khám phá ra là chàng quả thật có nhân duyên lành, nên mới bị tu đây. Ở tu, giữ chánh niệm thật dễ, vì ngoài "cái khổ", mà kẻ tu hành coi là ban hữu nhắc nhở mình tu tập, hành giả không bị ngoại cảnh chi phối, không có danh lợi, xa hoa, phong lưu, phù phiếm quyến rũ mình.

Đến Phan Thiết, thân phận kẻ lưu đày phải lên rừng trốn cũi làm than cuộc sống lên trời gió bó. Hai năm sau, nhân lễ Vu lan Canh Ngọ, Vĩnh Hào và các bạn tù được Chúa Nguyễn Phúc Khoát ban lệnh ân xá.

Được tự do, Vĩnh Hào bây giờ, thảy không cần phải tìm chốn non cao để chuyên tu thiền định. Chàng sống bình thường không chủ định, gặp chuyện nên làm thì tùy thuận mà làm. Làm xong lại xả bỏ ngay không chất chứa giữ gìn. Do đó, khi thì Vĩnh Hào lên rừng trốn cũi, khi làm thuê làm vườn, chèo đò để lấy tiền độ nhật và giúp bà con nghèo. Chàng lại lêu lổng giao du với đủ hạng cùng đinh, kết bạn với cả bọn trộm cắp, đi điếm mà không úy kỵ chi cả.

Nhiếp thầy thuốc của Vĩnh Hào còn nặng. Gặp người bệnh, Vĩnh Hào đương nhiên phải chữa trị. Thế rồi, người này dẫn người khác, số thân chủ tăng dần, đến nỗi Vĩnh Hào khế thế lang thang không cửa không nhà được nữa.

Được sư Thiên Hạnh yểm trợ, Vĩnh Hào mở phòng mạch miễn phí tại chùa Tịnh Độ, gần khu phố Phan Thiết. Để có phương tiện giúp đỡ dân nghèo Vĩnh Hào nghiên cứu thuốc Nam, hầu có thể tận dụng được liệu dược thảo địa phương, để kiếm và rẻ tiền. Là một y sĩ phối hợp được hai nền thuốc Bắc và thuốc Nam, lại tinh thông thuật châm cứu, nên chẳng bao lâu, Vĩnh Hào nổi tiếng là thần y. Bệnh nhân từ các tỉnh lân cận, cũng đua nhau tìm đến nhờ chữa trị.

Vĩnh Hào bắt đầu truyền dạy y học cho các thầy, các chú tu sĩ, để họ tiếp tay điều trị bệnh nhân. Nhờ có người đỡ đần tạm thay phòng mạch, Vĩnh Hào có thể thư thả lang thang trong rừng, nghiên cứu được thảo. Do đó, chàng khám phá nhiều loại cây có giá trị y học, cũng như tìm được những loại thuốc dây phải nhập cảng từ phương Bắc rất đắt giá.

Đầu Xuân Quý Dậu, thừa lúc vắng bệnh nhân, Vĩnh Hào lại thông thả vào rừng. Đến bên suối Rắn, Vĩnh Hào chợt có ý nghĩ thử đi ngược lên đầu nguồn, tìm vài bụi rắng dương xỉ, tọc tiên... để làm thuốc. Vùng suối này, cây cối rậm rạp, đá đốc trơn trượt, nước chảy xiết, lại có tin đồn đó là nơi ẩn trú của cặp rắn thần, mống đỏ như mống gà, nên ít người hẻo lánh. Vách đá lồi chồm làm cho giòng nước tung toé, dưới theo nhẽ đàn bướm chấp chờn đùa giỡn, trên cành cây râm là tiếng chim riu rít vui mừng chào đón ánh sáng ban mai. Dọc theo bờ suối, những bụi cỏ dại cùng đua nhau khoe chùm hoa bé bỏng xinh xinh. Bất ngờ, Vĩnh Hào lại thấy xuất hiện gian nhà cỏ bé nhỏ, cất dựa bên tảng đá. Vì ăn sĩ vô danh nào chọn được chốn thơ mộng này để trú ngụ, quả là người biết hướng thủ thanh nhàn. Từ xa, Vĩnh Hào thoáng thấy dáng dấp một cụ già, một vị sư già, đang lom khom chăm sóc cành hoa dại. Lại quá! Vĩnh Hào dụi mắt mấy lần, mà vẫn tưởng mình đang chiêm bao, vì vị sư già đó lại là sư cụ Đạt Bồn, ân sư của chàng.

Mừng mừng, tủi tủi, Vĩnh Hào quì dưới chân thầy, nước mắt chảy dài bên má, thốt thốt:

- Thưa thầy! - Chàng nhớ mình là đệ tử bị thầy đuổi khỏi sơn môn, nên không biết phải hỏi cách nào đành lặng yên.

- Vĩnh Hào con!

- Dạ! Thấy đã tha tội con! - Vĩnh Hào lộ vẻ vui mừng.

- Thấy có từ bỏ con đâu! Thấy đợi con ở đây từ lâu.

Thấy mỉm cười, Vĩnh Hào cũng mỉm cười. Cả hai nhìn nhau thật lâu, như để thay thế cho những lời vô tận của 10 năm xa vắng.

Sư phụ nhìn cảnh vật trước mắt chăm chỉ chiêm ngưỡng như người khác lạ mới thấy lần đầu, rồi đột nhiên hỏi:

- Con thấy cảnh vật như thế nào?

Vĩnh Hào vừa thăm nghĩ phong cảnh tuy đẹp nhưng nếu bên giòng suối có thêm bụi trúc, trúc, thảo am có cụm mai vàng, thì mới hoàn toàn tuyệt mỹ, nên phát biểu:

- Thưa thầy! Đẹp lắm! nhưng nếu có được bụi trúc và cành mai thì mới hoàn toàn.

Đầu chỉ hoa vàng và trúc biếc
Rong rêu cỏ dại cũng là chân

Vĩnh Hào bống giết mình sừng sốt Pháp kệ của sư phụ ngắn mà rõ ràng. Cổ đức dạy "hoa vàng, trúc biếc" tượng trưng cho chân như, nhưng phải hiểu là vạn vật mọi loài, dù hèn mọn nhỏ nhoi: trùng, kiến, rong rêu, cỏ dại... cũng hiển lộ chân như thường hằng:

Tinh dữ vô tinh
Đống viên chúng trí

Ta đã đọc tụng hằng ngày, đã hiểu vạn vật đều ảnh hiện từ nguồn sinh động của biển chân tâm diệu minh, của a lại da thức, từ vô thù vô chung vẫn như như không khác, không sanh không diệt, không đơ không sạch không tăng không giảm. Cớ sao tại lại phân biệt phải là hoa vàng? Phải là trúc biếc? Tam thiên đại thiên thế giới bỗng nhiên rung động rồi sụp đổ tan tành để biến hiện thành biển

quang minh chói chang rực rỡ. Thời gian ngưng đọng không biết đến bao giờ, nhưng khi Vĩnh Hào từ chốn vô sai biệt trở về chốn sai biệt, thì vẫn thấy mình đứng bên thầy trước am cỏ.

Đại sư mỉm cười. Vĩnh Hào cũng mỉm cười.

- Ta trao truyền người am cỏ này. Hãy nhận lấy. Ta đi đây. - Đại sư đột ngột từ giã.

- Xin thầy cho con được theo hầu thầy. - Vĩnh Hào van nài.

- Không! Ta có duyên với miền Nam cần hành hóa. Con còn nghiệp ở đây nên ở lại.

Tôn kính thấy là bậc thần tăng, tùy thuận hành đạo, khó đoán, khó lường, Vĩnh Hào đành vâng lệnh và ngậm ngùi nhìn bóng thầy khuất dần ở rặng cây xa. Đại sư Đạt Bồn, sau đó về miền Nam hoằng hóa, đệ rất nhiều đệ tử. (Đại sư đã kiến lập ngôi chùa Thiên Trường tại Song Phố, Gia Định năm Ất Hợi, 1755).



Vĩnh Hào bàn giao lẫn lẫn trách nhiệm tại phòng mạch chùa Tỉnh Đỗ cho các tu sĩ đảm nhận, hầu thường xuyên cư ngụ tại thảo am. Thảo am "Vĩnh Hào", danh từ do các người đi rừng quen gọi, là nơi Vĩnh Hào dùng làm chỗ chứa dược thảo, do chàng vào rừng mang về, xắt, sấy công phu để cung cấp cho chùa Tỉnh Đỗ. Nơi đó, cũng là trạm dừng chân của những thợ rừng, đến xin thuốc trừ bách độc, ngựa trị rắn rít...

Tàn đồng năm Ất Hợi, trong khi Vĩnh Hào đang chăm sóc cánh sim rừng trên bàn thờ Phật, thỉnh linh Đại sư Vĩnh Tường xuất hiện. Vĩnh Hào thăm phục sư huynh, vô công thăng tiến bồi phần, khinh công đã tuyệt kỹ nên bước khoan thai trên sân nhà mục nát vẫn không gây tiếng động. Vĩnh Hào mừng rỡ đón chào, nghe chưa kịp nói gì, thì Vĩnh Tường đã lên tiếng:

- Vĩnh Hào! Ta báo tin người hay. Ta đã được Chúa thượng triệu về kinh sư thuyết pháp Kinh Lăng Già, rồi nhân dịp đó, sẽ tôn ta làm Quốc sư nước Việt.

- Kinh mừng đại sư. - Vĩnh Hào trên danh nghĩa là phạm giới tăng, đã hoàn tục, không dám xưng hô huynh đệ với Vĩnh Tường. Công nghiệp của đại sư đã làm sáng tỏ sơn môn của thầy tổ.

Ngừng một chút, chưa thấy Vĩnh Tường lên tiếng. Vĩnh Hào thưa hỏi: - Thưa đại sư đến thăm đệ tử, có điều chi dạy bảo?

- Dĩ nhiên là có việc! Vĩnh Hào! Ta cần nhờ người việc này.

- Thưa đại sư. Đệ tử sẵn sàng tuân lệnh thi hành, dù phải hy sinh tánh mạng cũng không từ nan.

- Khá lắm! Vĩnh Hào! Ta chỉ cần người chết. Người chỉ cần uống viên "Tứ hoàn đan" này là xong, hậu sự đã có ta, thay người lo mọi việc.

Đệ tử xin sẽ tuân lệnh, nhưng đệ tử xin phép được hỏi đại sư một việc. Có phải Bội Ngọc đã chết rồi chăng?

- Khá lắm! Khá lắm! Người biết rõ mọi hành vi của ta. Chuyện đi này, quả thật không ướng công. Đúng vậy, Vĩnh Hào người phải biết, ta sẽ là Quốc sư thì những người biết câu chuyện ngày trước không thể sống sót được.

Nguyện Vĩnh Tường tặng tịu với Bội Ngọc lỡ mang thai bên tim cỡ "ăn tu" để trốn tránh trách nhiệm. Trước khi đi, còn xúi tính nhân đồ vạ cho Vĩnh Hào, đồng thời cũng gợi chuyện đàm luận Luận Bào Vương Tam Muội hầu khuyến khích Vĩnh Hào nhận chịu oan ức. Vĩnh Hào bị đuổi đi. Vĩnh Tường được gọi về trụ trì. Sư phụ vừa vắn du, thì Vĩnh Tường liền tìm cách đuổi hai sư đệ Vĩnh Quang Vĩnh Minh để có thể tổ chức tu viện theo ý hướng của mình. Nhờ khéo léo biết phở trường đạo đức, tu "ôn ào hình thức" phù hợp với đám đông, lại biết dùng quyền thuật làm phương tiện cơ động, nên sớm thành công. Danh vị cao, tiền bạc lắm, đại sư rời rảnh đảm ra chạnh nhớ người tình xưa. Gặp lúc Bội Ngọc cần đấng chống vế tiến bạc, nên có cơ để tâm đầu ý hiệp lên lúc đi lại với nhau. Con chết, vừa nghĩ Vĩnh Hào xaubung không tận tình chạy chữa, vừa cũng muốn được tự do ngoại tình trọn vẹn nên theo chỉ dẫn của Bội Ngọc, Vĩnh Tường đã sử dụng khinh công tuyệt đỉnh của mình để vào dinh tri huyện trộm bầu vật vu cho Vĩnh Hào. Danh tiếng của Vĩnh Tường vang dội đến kinh sư, Vĩnh Tường được triều đình để tấn phong Quốc sư nước Việt. Tuyệt đỉnh danh vọng khiến đại sư vô cùng sung sướng. Nhưng vốn tính cẩn thận, đại sư lo nghĩ đến hành vi ngày trước, nếu bị tiết lộ thì sẽ phương hại đến thanh danh của vị đại Quốc sư, nên danh giết Bội Ngọc để diệt khẩu. Vĩnh Hào vốn tu hạnh nhân nhục, không lưu tâm đến lỗi người khác, nên không dám nghĩ đến nguyên nhân hậu quả của việc gì. Nhưng khi Vĩnh Tường báo tin được làm Quốc sư, thì tất cả các sự kiện trên bỗng hiện rõ ràng trước mắt.

- Đệ tử chết thật không ân hận, - Vĩnh Hào thở dài rồi tiếp -, nhưng Bội Ngọc thì...

- Hử! - đại sư giận dữ - Người chết không oán hận gì là phải, bởi trăm điều tội lỗi phát xuất từ nhà người.

Ta đã chắc chắn sẽ được kế vị trụ trì, thì người lại đỡ trò đạo đức nịnh bợ thấy, nên thấy loại ta để cử người. Người làm cho ta đau khổ, phải tìm quên nơi Bội Ngọc. Người đã khoe khoang học hạnh nhàn nhac, mà còn tham dâm giết vợ ta lại làm chết con ta, thì trách chỉ ta đã xuống tay độc ác.

Dù biết rõ hành động của Vĩnh Tường, lòng tôn kính của chàng đối với đại sư vẫn không suy giảm. Chàng trầm nghĩ, Vĩnh Tường đối với chàng cũng ví như một viên "THUỐC ĐẮNG", như một vị bổ tát hành động trái nghịch để tạo nghịch cảnh cho chàng tu hành. Viên thuốc đắng đó đã giúp chàng trị được các bệnh nan y: ngã chấp, ái dục... và cũng đã mở cửa ngõ cho chàng lập hạnh. Công đức của đại sư Vĩnh Tường đối với chàng thật vô biên. Vĩnh Hào trang trọng quỳ lạy Vĩnh Tường để cảm tạ.

- Thưa đại sư! đệ tử cả đời làm thuốc, bào chế, được loại trị bách độc, rắn rít trùng đều công hiệu. Xin đại sư giữ chai thuốc này để cứu người và cũng để phòng thân...
- Hử! loại thuốc vô dụng này có đáng gì để ta bận tâm.

Rời có lẽ, muốn gây áp lực tinh thần Vĩnh Hào, đại sư vẫn nội công bóp nát chai thuốc, vứt tất cả xuống giòng suối.

Thấy không còn gì để nói, Vĩnh Hào uống viên thuốc độc, rồi chấp tay ngồi kiết già, niệm Phật.

Chờ một lúc cho thuốc thấm, Vĩnh Tường an lòng rời bước. Bỗng nhiên có tiếng đại sư la lớn: "Rắn! Trời ơi! Rắn! Vĩnh Hào hiền đệ cứu ta với!". Tiếng la nhỏ dần rồi ngưng bặt.

Hạnh nguyện cứu người vẫn theo đuổi Vĩnh Hào đến giờ phút cuối cùng của cuộc đời. Dù tâm trí vẫn tỉnh táo, xác thân đã ngấm thuốc lê cứng, Vĩnh Hào không đi được, chỉ có thể lết lẩn đến cầu thang, rồi tén lẩn càn xuống đất. Cố gắng lết lẩn đến bên Vĩnh Tường, nhìn vết máu bầm sùi bệt dưới chân đại sư, Vĩnh Hào biết người bị rắn mai gấm cực độc cắn. Không còn thuốc rắn nữa, không có phương pháp nào điều trị khác hơn. Vĩnh Hào tức khắc dùng miệng nút vết thương gồm ghieóc. Nghĩ đến tánh mạng của Vĩnh Tường đang nguy ngập, Vĩnh Hào không phi phạm thời giờ quý giá nên phải nuốt chửng ngụm máu tanh hôi, để có thể nút nọc độc nhanh chóng. Bị viên thuốc độc hợp với nọc rắn tàn phá tạng phủ, nên Vĩnh Hào kiệt sức dần. Mỗi lần nút máu, chàng phải vận dụng toàn lực còn lại, làm chấn động cơ thể, cảm giác như trăm ngàn mũi dao nhọn thì nhau đâm xé ruột gan. May mắn máu lẩn lẩn tươi đỏ, rồi hết bầm bết. Vĩnh Hào vui mừng gục đầu bất động.

Hai người đệ tử của Vĩnh Tường, được lệnh chờ đợi gần đó, nghe tiếng kêu la cứu cứu của thầy, vội chạy đến. Thấy thầy nằm bất tỉnh bên cạnh một tên "ăn mày rách rưới", họ vội ôm xác thầy đem về tìm phương cứu chữa.

Vĩnh Hào tay chân cứng đờ, nhưng thần trí vẫn tươi tỉnh. Chàng mỉm cười, nghĩ đến thân xác của mình, sẽ

là một THANG THUỐC CUỐI CÙNG, một món thuốc trị đời, cũng đường cho muôn thú. Thế rồi đạo sĩ tứ trần, mà hạnh nguyện "Được Vương" bao la của Ngài muốn đời như vấn tử bị tỏa rộng. Đứng theo bản nguyện của đạo sĩ, xác thân Ngài được muôn thú xâu xé, các loại côn trùng nhỏ đục khoét phần thịt gân nhỏ nhit dính xương, rồi đến các loại vi trùng cực nhỏ cũng dự phần rứt rĩa tủy óc consốt lại. Chiếc đầu lâu rơi tòm xuống nước, trong hóc hèm sâu hoắm, cũng là nơi nương tựa một thời gian cho vài con cá nhỏ. Xương trắng saucùng rồi cũng thành cát bụi, nhưng hạnh nguyện của người vấn nguyên ven không phai.

Vĩnh Tường được đệ tử công vẽ Qui Nhơn thang thuốc. Dù được Vĩnh Hào nút vết thương, song một ít nọc độc vẫn len lỏi vào tạng phủ, khiến đại sư bị bán thân bất toại, thần trí nửa tỉnh nửa mê, rên la từng cơn. Bệnh trạng lạ lùng, nên tất cả lương y đều thúc thủ. Sau cùng, các đệ tử nghe tiếng đồn về vị thần y ngụ tại Vĩnh Hào am bên giòng suối Rắn, vội vã đưa thầy đến điều trị. Đến nơi, Vĩnh Hào am đã hoang vắng tiêu điều. Bang lúc tuyệt vọng, đại sư lại rên rỉ kêu gào khát nước. Đệ tử cho người ướn nước suối không ngờ còn đau giảm dần, thần trí tươi tỉnh, dù bệnh bán thân bất toại không thuyên giảm. Nước suối biến thành thần dược, được đại sư luôn giữ bên mình, để sẵn sàng chặn đứng những cơn đau nhức điên cuồng đột ngột xuất hiện.

Người dân bắt chước đại sư Vĩnh Tường, khi có bệnh cũng tìm đến Vĩnh Hào am, uống ngụm nước suối để được lành bệnh.

Suối Rắn, từ đó được người dân quen gọi là Suối Vĩnh Hào (5), muốn đời chuyên chở hạnh nguyện "Được Vương" của vị đạo sĩ, xả thân mình để trị bệnh cho chúng sanh.

Tháng 5/1988 - (Trích Tập san HOA SEN- tạp chí nghiên cứu Phật Giáo và sáng tác số 3 tháng 6 và 7 năm 1988. Phát hành tại Hoa Kỳ)

CƯỚC CHỮ :

- (1) Năm hạ về trước tinh chuyên giới luật, năm hạ về sau mới được phép xin học tham thiền.
- (2) Cư túc giới : tỷ kheo giới.
- (3) Mười điều tâm niệm của Luận Bảo Vương Tam Muội :
Điều 10 : Oan ức không cần biện bạch, vì biện bạch là nhân quả chưa xả.
Bối vậy Đức Phật dạy :
Lấy oan ức làm cửa ngõ của đạo hạnh.
- (4) Bồ thí Ba La Mật được phân ra tài thí, pháp thí và vô úy thí (Bồ thí cái không sờ). Tác giả dùng chữ tài được, pháp được và vô úy được, thật ra cũng chỉ nhằm ý nghĩa bồ thí tài, pháp và vô úy.
- (5) Suối Vĩnh Hào tọa lạc tại Phan Thiết, đã được Viện Pasteur phân chất công nhận nước suối thiên nhiên trong sạch có nhiều khoáng chất có giá trị y học. Một công ty hợp doanh đã khai thác nước suối để bán cho bệnh nhân sử dụng.

Hồi ký

TÔI ĐI HỌC TẬP CÁI TẠO

TÍCH CỐC

tiếp theo và hết

Nhân thùng quà mấy ngày thì được thư của con tôi gửi ra cho biết là hủ me ngào đường làm đặc biệt ăn mau không bị hư. Tôi tự hỏi, đặc biệt là đặc biệt cái gì? Có lẽ là trong hủ có giầu tiền chăng? Đã nhiều lần tôi viết thư về nhà cho biết là đừng bao giờ gửi lên tiền vì ngoài này không xài được mà còn mang họa nữa. Nhưng chợt nghĩ, thôi bỏ bớ rồi! Hủ me tôi đưa cho Thiếu tá B. nằm bên cạnh ăn rồi. Suốt ngày nóng lòng lao động không yên, chiều vừa đi lao động về tôi gặp ngay B:

- Ê, B mấy ăn hết hủ me chưa?
- Chưa, tôi mới ăn có vài miếng còn để trong ba lô.

- Lát nữa lấy đưa tao, sao hôm nay tao thèm chua quá!

Tôi nói vậy để tránh sự nghi ngờ của nó.

Vừa vô buồng là nó lấy hủ me đưa, tôi leo lên giường mở ra thì hủ me còn như nguyên. Đợi sinh hoạt kiêm thảo trong ngày xong xuôi, anh em ngủ tôi lên cầm hủ me đi vào cầu tiêu, moi trong giữa ruốt thì gặp một cuộn giấy nylon cuộn tròn rất nhỏ, mở ra có hai tờ giấy bạc 10 đồng. Thôi chết rồi! bỏ thì uổng mà giữ lại không khéo công an nó xét bắt được là có nước bì công và năm phòng tối ít nhất một tuần, làm bản kiểm điểm và bị ghép vào cái tạo viên không tiến bộ, gia đình

**SƠ ĐỨC MÃ TIỀN NHUẬN BÚT
KHUYẾN KHÍCH CHƠ BÀI
ĐƯỢC CHỌN ĐĂNG TRONG
MỤC " SÁNG TÁC VĂN NGHỆ "**

không thông suốt đường lối của cách mạng v.v...Nghĩ tới nghĩ lui mới, đồng tiến đánh liền khúc ruột mà! Ai nỡ đem liệm bỏ. Thời thì rảng giầu tới đâu hay đó. Tôi trở lại giường suốt đêm không ngủ, mở cái gối đầu nhỏ ra, bỏ tiền giầu vào trong và may lại.

Thiếu tá B. thấy tôi không ngủ, lại thấy tôi cứ mân mê cái gối đầu nó hỏi :

- Anh làm cái gì mà đêm nay lục đục hoài vậy?

- Cái gối tao sao mà nhiều tàu lặn (rệp) chui vào quá, nó cắn cả đêm không ngủ được, tao xé ra bắt giết cho bỏ ghét.

Kiếp sống trong trại cái tạo nó như thế đấy! Có nghĩa là khôn thì sống mà dại thì chết, phải biết ứng dụng thích nghi trong mọi hoàn cảnh. Khôn ở đây là tìm mọi cách để qua mắt đám công an để sinh tồn chứ không phải khôn là bợ đỡ công an, báo cáo hại anh em để kiếm chút cháo.

Qua mấy lần khám xét quần áo, cái gối tôi để ngay trước mặt đám công an như thách đố đều qua trót lọt đến ngày tôi được trả tự do.

Trời mỗi ngày mỗi lạnh vì gần Tết, đã trải qua 4 cái Tết ở trong tù! Mỗi lần Tết đến là nỗi buồn từ đầu mang đến, ngày thương vì lao động khổ sai vất vả, đói rét, bệnh tật và mãi lo tranh đấu với tù thần nên tam quên. Nhưng gần Tết nỗi buồn lại bóc khơi, buồn vì xa gia đình đã lâu không biết vợ con đã và đang gặp những khó khăn trong cuộc sống ra sao? buồn vì thấy tương lai mờ mịt, ngày về thì còn xa... mà sức khỏe thì mỗi ngày mỗi sa sút. Vượt ngục để thoát cảnh này chăng? Nhưng, trước mặt là dãy núi Trường Sơn trùng trùng điệp điệp khói mây che phủ bốn mùa, con sau lưng thì hàng rào kẽm gai 3,4 lớp, lô cốt với lỗ châu mai tua tủa. Nhiều người đã can đảm vượt ngục nhưng đã bỏ thầy trong rừng thiêng độc của miền thượng du hay đã bị bắt và bị tra tấn tàn nhẫn dã man. Nghĩ tới đó tôi chợt rùng mình quay về với thực tại và đành phó thác cho định mệnh.

Trở lại câu chuyện Tết, mới đầu tháng 12 đường lịch mà đã có thông báo là Tết năm nay sẽ có mùa lân, văn nghệ mừng xuân, tranh giải bóng đá giữa các K, đấu cờ tướng và triển lãm những sản phẩm thủ công và nông nghiệp do các K sản xuất. Các đội phải chuẩn bị tham gia. Sức khỏe tôi còn yếu nhất là chân trái còn bị tê nên tôi được miễn và được làm khán giả bắt đắc dĩ. Văn nghệ thì do một vị Tuyên úy

Công giáo điều khiển, còn mùa lân thì do anh Lộc với biệt danh là Lộc kiến càn điều khiển. Không khí chuẩn bị ăn Tết coi cũng khá nhộn nhịp. Cuối tuần nào cũng tập duyệt. Thêm nữa lại có tin đồn hành lang rằng Tết năm nay đảng và nhà nước có thả một số tù cải tạo. Dù có đúng hay sai, nhưng những con người đang sống trong sợ hãi, tuyệt vọng không có ngày mai khi nghe được tin này cũng vui mừng. Nếu không phải chính mình mà người bạn mình thì cũng bớt đi một nan nhân đang đau khổ.

Tôi nhớ vào khoảng 20 tháng chạp ta, một buổi tối sau khi sinh hoạt kiểm thảo trong ngày xong, anh đội trưởng cho biết là anh đã để cử tôi tăng cường nhà bếp để gói bánh chưng. Ngay hôm sau tôi phải xuống trình diện trưởng toán nấu ăn để đi chặt lá dong và cây giang (như cây lăm dong trong Nam) để làm lát cột bánh.

Các ban nhìn tôi như thêm muốn được như tôi. Người ta thường nói : " Giàu nhà kho, no nhà bếp". It ra tôi xuống nhà bếp cũng được no vài ngày. Anh T. dân biểu tỉnh Châu đốc nói :

- Anh P. đi làm bếp đừng quên anh em nha.

- Không quên đâu, yên chí, mỗi người sẽ được hai cái bánh chưng, tôi trả lời.

- Cái đó thì là vốn rồi, còn dài dài cái khác nữa chứ!

Trong đội tôi có 3 anh, anh T. dân biểu tỉnh Châu đốc, anh C. chánh án tỉnh Bến Tre và Trung tá T. Bộ chỉ huy tiếp vận 4 ở Căn Thờ tối nào cũng chia phiên nhau dạy hàm thụ các món ăn. Đặc biệt anh C. chánh án không biết lúc trước anh có học qua một lớp gia chánh nào không? mà khi anh dạy đến món ăn nào anh nói thật có lớp lang hẳn hoi. Một hôm anh đang dạy món ăn lươn ươm nước cốt dừa, tới đoạn đem khoanh con lươn vào đĩa và vắt nước cốt dừa vào thì có tiếng tên công an ngoài cửa chuồng hỏi vào :

- Khuya rồi, không ngủ anh lèo lỏi cái gì mà ươm ươm đó.

- Dạ, tôi dạy hàm thụ món lươn ươm nước cốt dừa cán bộ.

- Không có hàm thụ gì hết, ngủ đi.

Đa ! mọi người còn thèm ăn món hàm thụ đến đoạn chột nhưng không dám nói nữa đành im lặng và thiếp đi trong giấc ngủ chập chờn của đói và rét. Hằng ngày dù có lao động khổ sở đến đâu, tới lại cũng đành chửi ít thì giờ để đùa giỡn cho quên đi những ngày tù tội, cho vợ đi nổi niềm uất hận căm hờn.

Một con vật trước khi bị giết như có linh tính hiểu được nên kêu lên những tiếng nghe bí ai thông thiết. Con người cũng thế trước khi lìa bỏ thế giới ta bà này thường hay trần trối những lời lẽ đau thương tuyệt vọng. Đó là trường hợp của Trung tá Triệu, anh thuộc binh chủng Công Binh, anh bị bệnh suyễn kinh niên rất nặng, đứng xa anh cách 4,5 thước vẫn nghe anh thở khò khè. Bệnh này rất sợ lạnh vì mặc không đủ ấm và thiếu thuốc men. Qua 4 mùa Đông chịu đựng, lần này mỗi khi gặp tôi anh đều trần trối là chắc bỏ xác tại trại giam Tân Lập ác ôn này, không về được miền Nam để gặp lại cha mẹ, vợ con v.v... Tôi chỉ biết an ủi anh thôi chứ trường hợp tôi cũng có hơn gì anh đâu!

Hôm 25 tháng chạp còn mấy ngày nữa là đến Tết, sáng trên đường xuống nhà bếp gặp anh tôi hỏi thăm thì anh cho biết là đang lên cơn nặng quá mà không được nghỉ phải đi dọn dẹp sửa sang lại mấy cái giao thông hào chung quanh sân trại. Tôi nhìn thấy sắc mặt anh có vẻ khác lạ, hai vai như cúp xuống trên một thân hình chỉ còn da bọc xương. Tôi vội nói nhỏ đủ hai đứa nghe

- Ráng phần đầu anh Triệu. Ngày mai trời lại sáng.

- Chắc không nổi quá anh.

- Yên chí, còn nước còn tát, tôi và nó vừa đi...

Đến trưa có tin anh chết tại bệnh xá. Anh đang lao động bị lên cơn quá nặng thở không nổi khiêng vào bệnh xá một lúc sau thì hết thở, được giải thoát! Lại thêm một chiến sĩ không biết thứ mấy trăm, mấy ngàn âm thầm đến xong nợ nước!

Tết năm nay như những năm qua, chương trình được ấn định như sau:

- Chiều 30 Tết miễn lao động, lo dọn dẹp trước sân, trong chuồng để chuẩn bị đón giao thừa.

- Mồng một, mồng hai nghỉ tham dự thể thao và các trò chơi miễn cưỡng.

- Mồng ba, buổi sáng ra quân trồng cây nhớ ơn "Bác", buổi chiều nghỉ.

Ấm thực : - Mỗi người lãnh được 2 cái bánh chưng.

- Chiều 30- mồng một - mồng hai được ăn cơm trắng không dọn. Nhưng, sau Tết sẽ bị trừ lại, có nghĩa là phải ăn khoai, sắn dài dài...

Vừa sáng mồng một Tết có tin một số anh bị gọi lên ban giám thị vì trong đêm Giao thừa đã hát nhạc vàng. Anh Trung tá Y, nhà tướng số của đội đang ngồi lăm li một góc chằm tử vi coi vận mạng rùi may đầu năm. Anh cho biết thấy vậy chớ tiến hung

hầu kiết, năm nay thế nào cũng có người về, còn không về thì bị ở lại. Cả đội cười vang cho là thấy bói ba phải.

Ba ngày Tết buồn bã trôi qua, tất cả lại ế oải bắt đầu một năm mới với lao động khổ sai lưu đầy biệt xứ không có ngày về. Tôi thì bệnh chưa hết, nào là bị phù thũng, sốt vàng da cứ tái đi tái lại, chân trái bị tê mà ngày ngày cũng phải kéo lê thân hình nặng nhọc ra lao trường để trả cho xong cái nợ tội tù!

Ngày 27.2.1980 nhằm ngày 12 tháng Giêng âm lịch, như thường lệ sáng dậy tập thể dục, làm sạch sẽ cá nhân và vừa lãnh củ khoai mì, chưa kịp ăn thì có lệnh toàn trại tập họp tại hội trường. Đến nơi đã có 3-4 đội lên ngồi trước rồi. Tôi thấy chính giữa có một cái bàn dài trên trải tấm vải đỏ, hai bên hội trường một số công an vũ trang đứng gác. Tôi nghĩ bụng chà hôm nay có cái gì mà coi bộ quan trọng quá vậy? Lại xử án ai nữa đây? Tôi lấy cái nón cối bộ đội lột đi để ngồi. Lăn lượt các đội vào đầy đủ.

Khoảng 7 giờ 30, từ xa nghe tiếng hô "Đứng dậy". Ngoài hội trường tên giám thị đi đầu theo sau có mấy tên công an vũ trang tiến vào đến đứng phía sau cái bàn. Mở đầu với lời hăm dọa, tên giám thị nói:

- Mấy lúc gần đây có một số anh không thi hành nội qui của trại như hát nhạc vàng, tìm cách quan hệ với dân địa phương để đổi chác, không tiến bộ trong lao động học tập v.v... các anh đó sẽ bị đảng và nhà nước nghiêm trị. Còn các anh học tập và lao động tiến bộ đã và đang được nhà nước cứu xét cho về đoàn tụ với gia đình.

Nói tới đây tên giám thị ngừng lại để lấy hơi, xong hần mở từ từ cái cặp vải lấy ra một tờ giấy và đọc:

- Theo thông tư số :.... của Bộ nội vụ.

- Thi hành án văn, Quyết định tha số.... của Bộ nội vụ.

- Nay cấp giấy tha cho các Anh, Chị có tên sau đây:

Hội trường, cả ngàn cái tạo viên gần như đứng tim, nín thở, ngồi im phăng phắc. Ai sẽ là người được hưởng diễm phúc này? Chờ xem. Tên giám thị lăn lượt đọc tên hết người thứ nhất, sang người thứ hai v.v... Tôi nghe tiếng được tiếng mất, anh bạn kể miệng vào tai tôi nói nhỏ: "Sao toàn mấy ông già bệnh hoạn gần đất xa trời không vậy! Thà về địa phương cho vợ con lo chôn cất để đỡ tốn 3 miếng dãi 2 miếng ngắn của nhà nước chứ

gi!" Tôi ngồi gục đầu lâm râm cầu nguyện Trời Phật gia hộ có được tên mình. Bỗng có ai phía sau đập dít tôi nhủ về phía trước.

- Ông già! Có tên ông đó, ông được tha rồi!

Tôi cố quay lại hỏi. Thiết không? Tiếp liền đó tên giám thị đọc lại tên tôi lần thứ hai. Tôi đứng bật dậy như cái lò xo và hô to "Có mặt". Cả trại cười rộ lên. Nước mắt tôi tự nhiên tuôn trào ra, tôi khóc! Thật vậy, tôi khóc vì quá đổi vui mừng, vì quá đột ngột và bất ngờ mình được cái may mắn có tên trong danh sách được tha. Như người sắp chết đuối giữa dòng may vờ được phao, như chết đi sống lại lần thứ hai! Tôi ngồi lặng yên đến khi tên giám thị kêu đến người thứ 14 thì dừng lại. Y nói:

- Các anh vừa được kêu tên ở lại hội trường, còn các đội chuẩn bị đi lao động.

Mấy anh bạn bu lại bụng tôi lên, vỗ đầu bảm cổ, kéo áo để chia xẻ cái may mắn và chung vui cùng tôi. Tôi cảm ơn rồi rit và hứa nếu có ai nhận tin gì về nhà tôi sẽ cố gắng đến tận nhà để báo tin.

Hội trường chỉ còn lại 14 người và tên quản giáo trực. Y nói:

- Kể từ hôm nay các anh ăn riêng, lãnh phần ăn đem lên ăn tại đây, nhưng vẫn về đội ngủ. Chuẩn bị đồ đạc, lúc 8 giờ ngày mai tất cả tập họp tại sân trại để kiểm tra, xong qua văn phòng làm thủ tục giấy tờ.

Đội tôi có hai người được tha, tôi và Thiếu tá N. cũng bệnh như tôi. Về chuồng tôi soạn quần áo, thức ăn để tặng lại các bạn tôi. Tuy nhiên cũng không quên phòng hồ giữ lại một ít vì bao nhiêu lần người Công sản nói vậy chứ không phải vậy. Và cũng không quên mở cái gối ra lấy 20 đồng đã giấu làm tiền lộ phí sau này.

Tối hôm đó, tôi nhận một số thư của bạn bè gửi về nhà. Thư phải viết thật ngắn để tôi dễ giấu. Ngày hôm sau khoảng 9 giờ 30, chúng tôi được gọi ra sân tập họp để tên quản giáo trực khám xét quần áo, đồ đạc. Lần này hẳn không khám trong người, có lẽ là được tha nên có phần dễ dãi. Lúc này thì những người được tha của các K khác cũng lần lượt đến để cùng nhập chung một toán kéo nhau qua phòng. Lần được tha này khoảng 30 người, ai cũng bị bệnh, nặng nhất là Trung tá Châu Tứ P. thuộc Bộ Chỉ Huy Quân Vận Qui Nhơn, anh bị liệt 2 chân và mù hai mắt, phải khiêng. Đây là hậu quả của chính sách khoan hồng của đảng và nhà nước Việt cộng. Về Saigon nghe lại được tiếng nói của cha mẹ, vợ con anh xong, một tuần lễ sau anh chết!

Tại văn phòng chúng tôi phải khai lý lịch, điền vào mấy mẫu giấy và ký tên vào một tờ giấy được gọi là "Giấy ra trại" như sau:

Bộ Nội Vụ

Trại Tân Lập

Số: ____ /CRT

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

-Độc Lập Tự Do Hạnh Phúc

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số : ____ của Bộ Nội Vụ

Thi hành án văn Quyết định tha số : ____ của Bộ Nội Vụ

Nay cấp giấy tha cho Anh, Chị có tên sau đây :

Họ và tên khai sinh :

Họ tên thường gọi :

Họ tên bí danh :

Sanh ngày ____ tháng ____ năm

Nơi sanh

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt : ____

Can tội : (ghi cấp bậc và chức vụ đơn vị sau cùng)

Bị bắt ngày : (ngày trình diện học tập). An phạt : TTCT

Nay về cư trú tại : ____

Nhận xét quá trình cải tạo:

- Tư tưởng :

- Lao động :

- Học tập :

- Hăng năm xếp loại cải tạo :

Lăn tay ngón trỏ phải

Danh bản số: ____

Lập tại Quân pháp

Họ tên chữ ký

người được cấp giấy

Ký tên

Ngày ____ tháng ____ năm 19

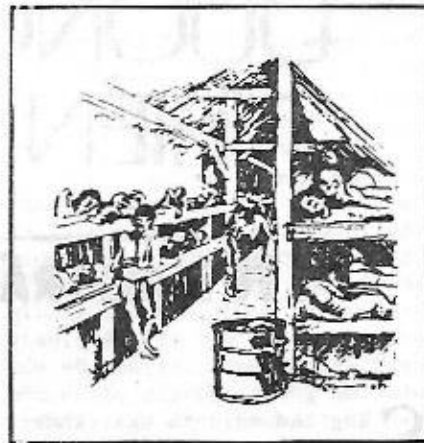
K/t Giám thị

Phó Giám thị

Chúng tôi gọi giấy này là giấy khai sanh vì coi như chết đi và được sanh lại lần thứ hai. Kỳ tên nhân giấy ra trai xong mỗi người được lãnh 48 đồng dù mua 1 vé xe lửa từ Hà nội về Saigon và 14 phiếu lương thực dự trữ cho 7 ngày đường. Ăn một bữa cơm lần cuối tại trai Tân Lập xong lên xe rời trai lúc 11giờ30 ngày 28.2.1980. Ngồi chắt như nếm nhưng thoải mái vì không có công an canh giữ và cũng không có che bat bít bùng. Tên công an hướng dẫn ngồi phía trước với tài xế. Xe băng rừng, lội suối, lên đèo khi đến phà khoảng 14giờ30 chiều, chúng tôi xin tên công an xuống mua bánh ăn và đi tiểu tiện. Lần đầu tiên sau gần 5 năm mới cầm tiền mua được 5 cái bánh lá gai màu đen ăn. Tên công an dặn đi, dặn lại là anh nào xài thâm vào 48 đồng tiền mua vé xe là bị ở lại. Đến 21giờ20 xe đến ga Hàng Cỏ Hà nội. Vừa xuống xe tên công an cho biết là coi chúng bị móc túi và đồ đạc phải giữ gìn cẩn thận kẻo bị mất cắp. Tôi nghĩ, chà! cái rún của chủ nghĩa xã hội được xây dựng bao nhiêu năm bằng xương máu của bao nhiêu triệu nhân dân mà tề trạng xã hội lại như thế sao? Đây chắc chắn không phải là tàn dư của Mỹ, Ngụy để lại, đừng có đổ lỗi. Tên công an dặn xong và cho biết là ngày hôm sau sẽ trở lại lúc 8giờ30 để lấy tiền mua vé xe lửa.

Chúng tôi tập trung lại một chỗ trong ga, cắt cử người thay phiên nhau trông coi đồ đạc và sẵn sóc anh P. Liên khi đó có tên cô mới lại ga gắm mua mền, mùng quần xi áo lon và đổi phiếu lương thực lấy bánh mì. Một cái phiếu lương thực đổi được hai 3 bánh mì nhỏ hoặc bán được 3 đồng. Kê bán người đổi cũng vui, bỗng có tên công an lạ đến hỏi bán buôn cái gì. Chúng tôi tình thiết cho biết là cái tạo viên được tha nhưng nhà nước chỉ phát có 48 đồng dù tiền một vé xe lửa, còn phiếu lương thực thì tôi rồi, tiệm ăn của hợp tác xã đóng cửa do đó phải đổi bánh mì ăn. Tên công an bỏ đi, chúng tôi lại tiếp tục, tôi bán thêm cái mền của Trung công được 12 đồng cái quần xi 17 đồng, có tiền tha hồ ăn cho đã thèm. Trước cửa nhà ga thức ăn đủ thứ được bày bán, công an đuổi chỗ này họ chạy lại chỗ khác như bắt cóc bò đũa. Đói quá làm liều cũng như bán cùng sinh đạo tặc. Sau khi ăn xong, tôi cùng vài người bạn thả bộ xem Hà nội về đêm. Phía bên kia đường trước nhà ga đóng bảo mắc võng trên rào tường ngủ la liệt. Hỏi ra

mới biết họ là những người sống vô gia cư, ngày thì vào ga xếp hàng dành chỗ để bán lại hoặc ăn cắp, móc túi những người từ miền Nam chân ướt chưa ráo ra thăm nuôi thân nhân. Nhớ có học tập cải tạo mà ngay thù đồ Hà nội mới phát sinh ra một nghề mới để nuôi sống một số người mà đảng và nhà nước bắt lực bỏ rơi! Đọc theo đường Lý Thường Kiệt là những tòa nhà của các Sở quán với cửa đóng then gài, bên ngoài công an vũ trang canh gác. Đèn đường chỗ có chỗ không, thỉnh thoảng mới thấy một chiếc xe hơi hiệu Lada của cán bộ cao cấp đang chạy vụt qua có lẽ lợi dụng màn đêm đi ăn vụng ở đâu đó trở về. Trời Hà nội sau Tết còn lạnh và mưa phùn lất phất, khi quay lại nhà ga đã hơn 1 giờ sáng. Chúng tôi không ngủ, ngồi chum vào nhau hút thuốc bàn chuyện tương lai.



Sự sinh hoạt của Hà thành bắt đầu, từ 4 giờ sáng khi chiếc xe điện cũ kỹ thời Pháp thuộc còn để lại chạy đến ngừng trước nhà ga Tôi để ý thấy trên xe có hai người, một người ngồi ở buồng lái và một người đứng bên hông xe, tay cầm một sợi dây nối liền với cái cần phía trên dính vào sợi dây điện. Khi xe ngừng, anh phải kéo sợi dây để tách rời cái cần phía trên với dây điện ra. Khi xe bắt đầu chạy anh thả sợi dây ra để cái cần chạm lại điện. Tôi nghĩ có lẽ một bộ phận nào đó trên xe bị hư mà không có phụ tùng thay thế nên mới phải làm như vậy. Tôi viết ra đây để quý độc giả đã từng ở Hà nội hình dung được sự lạc hậu, lỗi thời của xã hội miền Bắc dưới chế độ XHCN năm 1980 là như thế nào. 8 giờ sáng, tên công an đến gom tiền mua vé xe lửa, khoảng 1 tiếng sau y quay lại cho biết là mua không được vì cái tạo viên không có ưu tiên. Muốn mua

được 1 vé trên chuyến tàu suốt Thống nhất từ Hà nội vào Saigon phải có giấy phép đi chuyển và đặt trước cả tháng mới có. Chúng tôi lao nhao lên vì ở lâu lấy tiền đâu mà ăn hơn nửa anh Trung tá P. thì mỗi ngày một đau nặng thêm lên không có thuốc men gì cả. Liên đó có một tên công an khác đang giữ trật tự tại nhà ga đến đề nghị là nên đến Bộ nội vụ để trình xin can thiệp vì theo kinh nghiệm y thấy lần thả trước có đồng người cũng làm như vậy. Tên công an hướng dẫn chúng tôi đi khoảng 2 tiếng đồng hồ trở lại cho biết là Bộ nội vụ đã can thiệp với Cục đường sắt dành riêng cho chúng tôi một goong vào ngày 1.3.1980 Thế là yên chí, tôi và một vài anh bạn lên xe điện đi xem hồ Hoàn Kiếm, hôm đó nhằm ngày đóng cửa không qua thăm đền Ngọc Sơn được, lại đi qua Ba đình để xem lăng và mặt "Bác" nhưng cũng không vào được chỉ đứng xa nhìn vì cũng nhằm ngày đóng cửa. Nhưng nếu có mở cửa chúng tôi mà vào nhìn được mặt "Bác" có lẽ râu "Bác" dựng đứng lên vì tức giận Theo lời đi chúc của "Bác" trước khi đi châu Lè-nin là phải đánh cho Mỹ cút nguy nhào và nhớ cho tận gốc nguy miền Nam mà tại sao hôm nay lại có mấy thằng nguy thơ thần vào đây nhìn mặt và râu "Bác"! Đì lung tung, đi không định hướng, đi cho hết ngày, đến quá trưa quay lại trung tâm thành phố, đến một nơi nào đó tôi không rõ lắm thấy dân chúng có cả bộ đội, lớp đứng sắp hàng, lớp bu đông trước một cái nhà, chúng tôi thả lần tới coi chuyện gì, té ra là một cái tiệm bán cà rem cây của hợp tác xã. Người nào may mắn mua được một cây cà rem ra ngồi phía bên đường mút một cách rất là ngon lành. Chúng tôi cũng rá vào nỗi đuối để tìm lại hương vị của cây cà rem sau gần 5 năm vắng bóng. Bỗng có tiếng tử bên trong nói ra "Cà rem hết rồi" thế là mọi người tui nghu giải tán trong sự vừa tức giận vừa thèm thuồng. Chủ nghĩa xã hội một cây cà rem cũng phải chen nhau mua, nhưng chưa chắc gì mua được! nên mới có câu ca dao châm biếm như sau:
- Đả đảo Thiệu, Kỳ mua cái gì cũng có.
- Hoan hô Hồ chí Minh mua cây đinh cũng xin giấy.
Hà nội ngày nay với những người làm ăn lam lũ, rách rưới, đói rét triền miên. Đi cả ngày không thấy một cô mặc áo dài vì phải tiết kiệm vải cho đảng và nhà nước. Anh xích lô đạp công lưng trên tay cầm hăng ngày chớ

khách ngược xuôi cũng chưa đủ ăn. Chạy bán hàng rong chui vừa rao vừa chạy vì sợ công an tóm thâu là hết vốn! Những bà mẹ, bà vợ của cải tạo viên từ Nam ra Bắc thăm con, thăm chồng vừa đến ga Hà Nội thì bị mất cấp, bị móc túi hết tiền ngồi khóc thảm thương tại ga chờ chuyển tàu sắp tới trở về Nam bỏ dở cuộc thăm nuôi xa xuôi ngàn dặm.

Hà Nội ngày nay không còn là Hà Nội băm sáu phố phường của Thạch Lam trong Tự Lực Văn Đoàn đã viết. Hà Nội - Thăng long đã trải qua những lớp sóng phệ hừng của bao nhiêu Triều đại vua chúa, những thăng trầm của lịch sử mấy ngàn năm soi bóng trên dòng sông Nhị. Nhưng, có lẽ người dân Hà thành chưa bao giờ chịu khổ sở, tù nhục, nghèo đói, đau thương như đang sống dưới chế độ Công sản phi nhân cai trị, kềm kẹp và hà khắc hiện nay.

Ngày 1.3.1980 lúc 13 giờ, chúng tôi lên tàu để về Nam, thôi biệt người dân Hà thành đau khổ, không biết có cơ duyên nào gặp lại nữa chăng? Thôi giã từ tất cả. Tàu lúc chạy lúc ngừng, đến ngày hôm sau thì băng ngang qua cầu Hiền Lương lịch sử, tại đây đã có một thời phân chia hai miền đất nước, và cũng tại đây cầu Hiền Lương đã nổi lại hai miền đất nước bằng một cuộc xâm lăng vũ trang của Công sản miền Bắc cưỡng chiếm và đặt ách thống trị lên nhân dân miền Nam. Đến Quảng Trị tàu ngừng lại, tôi xuống tìm mua thức ăn thì gặp một người quen đang bán cơm đĩa ông này trước kia có một cái tiệm ăn lớn tại tỉnh lý, lúc xưa mỗi lần ra Đông Hà thăm một đơn vị của tôi đóng tại đó, tôi đều ghé tiệm của ông ăn trước khi về. Gặp tôi ông ta ôm khóc và cho biết là tài sản bị xung công và bây giờ phải đi bán cơm đĩa chui để sống qua ngày. Ông ta biết chúng tôi đi học tập được tha về, ông biểu luôn cả thùng cơm và thức ăn, bắt chúng tôi mang lên tàu chia nhau ăn. Cảm ơn tấm lòng vàng của ông bạn. Từ Nha Trang trở vào, tàu ngừng tại ga nào, đồng bào biết được goong của cải tạo viên từ miền Bắc vào là họ liệng đồ ăn lên tàu tới tấp ăn không hết. Tinh nghĩa Dân Quân vẫn còn đậm đà sau 5 năm xa cách.

Ngày 4.3.1980 lúc 5 giờ sáng tàu đến ga Bình Triệu, thật ngỡ ngàng từ trên tàu bước xuống đất, nhìn chung quanh mọi cảnh vật đều thay đổi. Tôi gọi một chiếc xích lô đạp để về. Đến nhà trời còn tối, tôi đứng trước cửa, ông Sáu nhà đối diện

nhìn thấy tôi, ông la to lên "Thầy Năm về, thầy Năm đi học tập về" trong nhà con tôi giết mình, chạy ra mở cửa, vợ chồng con cái ôm nhau vừa mừng vừa khóc. Bà con thân cận đến thăm mỗi lúc một đông thật là cảm động.

1715 ngày trải qua những nhà tù nhỏ từ Nam ra Bắc với lao động khổ sai, đói rét triền miên, hằng ngày đối diện với tử thần, nhưng tôi đã thắng. Bây giờ bước sang nhà tù lớn của cái chế độ được gọi là XHCN sống trong sự quản chế của công an tổ, phường và quận tôi cũng đã liên tục tranh đấu để được sinh tồn.

Kết thúc tập hồi ký này, trước hết tôi xin chân thành cảm tạ những người Tây, người Giao, người Mường, người Mán, người Mèo. Dù không quen biết nhau nhưng vì tình nhân loại đã lên lút cho tôi thức ăn, nước uống qua những lần đi lao động trong rừng sâu núi thẳm, sau là những bạn đồng đội cũng là đồng tù đã giúp đỡ, an ủi và khuyến khích tôi qua những lần bị bệnh thập tử nhất sinh. Do đó tôi mới được sống sót đến ngày nay.

Xin ghi lòng tạc dạ những tấm lòng vàng, những nghĩa cử cao đẹp đó đến suốt đời!



ĐƯỜNG SANG THIÊN TRÚC

TỬ HÙNG TRẦN PHONG LƯU

Sáng thức sáu, nhắm ngày thứ ba của chuyến đi, tôi lãnh tom góp hết bưu thiếp của mọi người, để theo Thầy H.D ra bưu điện. Nhưng Thầy để tôi lại một mình, đương đầu với các thủ tục và thực tại Ấn độ, sau mấy lời cẩn thận dặn dò, vì phải đưa anh Phước đi mua vé xe lửa.

Nhà bưu điện khu phố mà cũng rất đông người ra vào như là du khách ngoại quốc. Từ ngoài vùng ánh nắng rực rỡ ban mai bước vào, chợt thấy tối, tưởng còn quáng mắt, nhưng nhìn kỹ mới hay hàng hiên bên ngoài quá rộng ngăn gần hết ánh sáng. Cửa sổ lại được mở quá cao, thêm man nhèn bụi đóng, nên chỉ soi tỏ được khoảng giữa khu sảnh. Họ lại không bật đèn như bên Tây, bên Đức, thành thử thật khó mà viết thêm bi thư hay sửa chữa địa chỉ, tại góc bàn kê sàttướng. Cả một quầy dài đông nghẹt khách chỉ có hai người bán tem, lại làm việc rất nhón nhờ. Các ông dân bản xứ lại cả kẻ, đưa đi đổi về, thêm thêm, bớt bớt... Các khách Tây dăm lại thích hỏi han trong khi ngôn ngữ bất đồng. Nên mái hơn nửa tiếng chờ đợi, mới

tới phiên tôi đây được xấp bưu thiếp vào quầy cho cô bán tem tính toán, xé ra một năm. Nhưng tiên tôi đưa bi trả về một tấm 5 đồng vì rách ngang một chút. Thật là rắc rối! Đồng Rubis nào cũng cũ mèm, nhàu nát thế mà họ lại không nhận tiền rách! Họ làm như không biết rằng các người bán hàng thời tiến, các kẻ đổi tiền cũng là đồng hương với họ đã khéo léo nhét những đồng tiền rách này vào giữa những xấp tiền có vẻ phẳng phiu hơn, khiến người ngoại quốc nào cũng bị kẹt chuyện trao đổi mua bán. Tuy vậy, điều đặc biệt khiến cho bưu điện Ấn độ trở nên "không giống ai" là sau khi dán tem, mình còn phải tìm đến một quầy khác đứng xếp hàng dài dài để đổi ảnh nhân viên sở bưu điện đồng cho được con dấu. Nếu không một bàn tay nào đó sẽ bóc nhẹ tem đi và bưu thiếp, thư từ mình sẽ phiêu lưu lang bạt hay lẳng lẳng rơi vào sọt rác, không bao giờ tới tay người nhận! Đến đây, tôi hết ngạc nhiên về câu chuyện Thầy H.D kể: mỗi lần Thầy muốn điện thoại về Âu châu hay qua Mỹ, Thầy phải làm một chuyến

hành trình dài mất năm, sáu ngày như kẻ hành hương; Cũng đón xe Lam vượt 11km từ Bở để dạo tròng lên quận Gaya; Cũng đăng ký mua vé xe lửa chờ 2 ngày; Cũng mất một ngày đường đi chuyển để lên đến số bưu điện này; Rồi phải qua hàng loạt thủ tục đơn tử, chờ thêm bảy tiếng đồng hồ mới cầm được ống điện thoại liên lạc với thế giới văn minh Âu Mỹ. Bản vẽ cũng mất khoảng thời gian dài tương tự. Đó là đã hoạch định tính toán từ trước vì mỗi tuần chỉ có 2, 3 chuyến xe lửa. Nếu bất ngờ thay đổi chương trình, phải điện thoại ngay, hoặc cần gấp đặt trước khách sạn cho một phái đoàn qua thăm viếng Phật tích, thì Thấy thường phải chọn lối hành trình theo kiểu Tây du nghĩa là phải đi bộ, vừa ngồi xe lỏi, vừa đón xe Lam, vừa sang xe đò, vừa ngồi vắt vẻo trên mui xe hàng hoặc đeo tên ten theo xe khách, thì chuyển đi còn vất vả hơn năm bảy lần.

Sau bữa cơm trưa, vừa ngả lưng tam một chút đã nghe Thấy kêu đi chợ cũ lấy gối mền. Xướng dưới đường Thấy còn ghé qua dận tài xế Taxi, khoảng 1 tiếng sau phải lấy xe đưa các bà cùng anh Phước và chờ hành lý ra ga để kịp đi chuyến xe lửa lúc 4 giờ chiều.

Mặc dầu đã căn dặn nhiều lần hôm đặt hàng, lúc đến nơi, chúng tôi vẫn thấy anh chủ con của cửa tiệm thông thả đo hàng, cắt vải trong lúc mền, drap của mình vẫn chưa được sắp xếp ra, cột gói. Chờ người khách này ra đến bà khách kia vào một lúc lâu, không nhần nói nữa Thấy.H.D phải quát to, thúc dục nó mới chịu sai người đi qua một cửa tiệm khác cách đó vài chục thước lấy thêm số gối thiếu, rồi vừa tiếp khách vừa gói hàng. Nôn mõi hơn tiếng đồng hồ sau, mới chất được mấy kiện hàng to và mấy chục chiếc gối, ràng kỹ trên hai chiếc xe lỏi. Nhưng hai anh phu lái lỉnh nhứt định đòi giá cao gấp ba, bốn lần giá bình thường, Thấy đã kiên nhẫn trả giá gấp đôi mà họ vẫn nấn nì. Thấy nhất định tuôn hết các gói đồ xuống gói xe khác. Lần này đã được anh chủ tiệm rí tai trước, lại thấy vẻ mặt nghiêm gân của Thấy hai anh phu mới không dám đòi quá. Thế là tôi được ngồi ngất ngưỡng trên đống drap, mền chất cao cho anh phu xe ốm nhách kéo ra ga. Còn đang đảo mắt tìm chỗ hẹn anh Phước để hành lý, thì đám đồng phu khuôn vác đồng phục áo đỏ vẫn chán, đầu vẫn khăn, vai đeo bàn số chạy bu theo xe, rộn ràng hỏi han.

Thấy hỏi tên và ghi số từng người rồi giao cho ba bốn bác phu khuôn một loang hết sạch đống hành lý vĩ đại. Có bác đội trên đầu một chiếc va li nặng, hai tay xách thêm hai cái khác. Có anh đội luôn lên đầu hai va li to, một tay luôn máng thêm lên vai một túi xách và nắm giữ thăng bằng 2 vali, tay kia xách thêm một túi lớn mền, gối. Thế mà họ vẫn đi phẳng phẳng giữa đám đông hành khách chen lấn ra vào, leo lên cầu thang dài, bước xuống hàng chục nấc thang một cách nhẹ nhàng, trong khi đoàn chúng tôi chỉ xách mỗi người một túi nhỏ hay kẻ ôm máy chụp ảnh đã phải đi chuyển khó khăn, lách tránh toát mồ hôi trong không khí nóng bức của buổi xế trưa và ngọt ngọt bụi bặm tại sân ga Tân đế li. Nội việc phân công anh này lên trước trên gian dành riêng, trên toa vừa tìm được đúng số để kiểm soát lại hành lý, chị kia giúp diu bà nọ lên xe, người còn lại đứng giữ hành lý dưới bến, chúng tôi cùng thấy vất vả hơn mấy bác phu vừa khuôn những bao đồ kỉnh càng, vừa đội những va li to nặng leo lên khung cửa toa chật người, chen qua dây hành lang hẹp để đẩy được chiếc va li hay bao đồ vào dưới gầm giường nằm. Đứng hành lý nhiều đến nỗi đã nhét chặt dưới 2 gầm giường, để kín hành lang giữa gian, chất cao che gần kín khung cửa sổ nhỏ, lại còn đôn dẩy trên bốn chiếc giường, chổng đôi! Nền mạnh ai này lo kiểm soát đồ đạc của mình. Tôi chỉ đếm chung tất cả dù 21 món! Nhìn lại không thấy Thấy đâu, thấp thòm mong ngóng. Chờ mãi cho đến lúc nghe tiếng còi hú. Ai cũng mừng rỡ khi Thấy nhảy kip lên toa lúc xe vừa lăn bánh. Mới hay sau khi trả tiền phu khuôn vác, Thấy còn đưa anh Phước tìm đến toa hàng nhứt ở đầu kia, lại phải tìm cho ra số ghế ngồi và dặn dò cách liên lạc nhau. Rồi lại phải leo trở xuống bên chạy về toa thượng hạng, vì họ đã đóng kín các cửa ngăn giữa các toa để hành khách hạng nhì không leo qua toa hàng nhứt, để hàng bên dân cá kèo không héo lánh qua toa hàng ba và biệt lập hoàn toàn toa thượng hạng. Giai cấp xã hội cũng được thể hiện triệt để cả trên xe lửa. Thấy và tôi leo lên 2 giường trên. Các bà chọn giường dưới để đỡ phải trèo. Nhìn lại dây giường chống ngoài hành lang, phần đông là du khách ngoại quốc. Thêm hai tu sĩ Mỹ mặc tăng phục Ấn độ đeo chuỗi bồ đề vai mang nải hành lý nói năng, nhỏ nhẹ trong khi các ông Thụy

điền, Hòa lan, bà Mỹ khác lại oang oang bàn luận, lằng xằng đi lại. Mấy gian bên còn có các gia đình Ấn độ hạng sang hoặc các thương gia buôn bán lớn. Chúng tôi kéo màn để ngăn một gian riêng. Rồi nhìn qua khung cửa kính nhỏ đã ngả sang màu vàng vì quá cũ mà cũng vì lớp bụi đất bám bên ngoài.

Quang cảnh ngoại ô Tân đế li nhà cửa hỗn độn, đã lở mờ lụi xa, nhường lại những gò cát, những tàn cây cằn cõi, những mái tranh lụp xụp tiếp nối với những cánh đồng khô, mọc thưa thớt mấy bụi cây, với vài ba con bò thơ thẩn xa xa. Tất cả đều uể oải, vàng úa trong ánh chiều tà. Khác hẳn màu xanh um sinh động của các đợt sóng mạ trên các cánh đồng trù phú miền Nam bên đường xe lửa Saigon-Mỹ Tho năm xưa. Cũng khác với khu vườn buổi nặng trái Biên Hòa. Khác đám rừng lá Bình Tuy, dạng núi Trường Sơn trên đường xe lửa ra Trung.

Chán nhìn ngoại cảnh, tôi trở về với tạp chí trên tay, với câu chuyện trao đổi cùng Thấy và lỏi đồng gối dưới chân lên ngả lưng một tí. Mấy anh hành khách Ấn độ thông thả đến rứt mỗi người một cái gối dưới lưng tôi, tự nhiên như mượn đồ chùa, không hỏi qua ai một tiếng!

Bà bé Ấn độ gian bên cạnh ré lên át cả tiếng nói chuyện của các ông Tây, bà đầm, át luôn cả tiếng bánh xe chạy rầm rập. Thỉnh thoảng một anh Ấn độ vén màn tho đầu vào mời mua nước uống... Lát sau mới

đến ông mới mua cơm chiều. Người hỏi món chay, kẻ đòi món trứng, tôi lằng lằng ngả mặt, kêu nhỏ món cà ri gà và đậu óc hình dung ra miếng ức gà vàng hươm trên đĩa cà ri mà chỉ tôi vẫn nấu cho ăn bên Đức. Nhưng tôi phải thất vọng hoàn toàn khi giờ hộp thức ăn ra: Cũng mấy miếng bánh đập khó nhai như cơm nguội, cũng thứ sốt cà ri vừa cay vừa the, đến như miếng thịt gà thì chỉ có xương và da tẻ hơn miếng cánh hay giò chim mò nhác ở bến Bắc Mỹ Thuận. Không ngờ gà Ấn độ ốm đói đến như vậy. Từ đó sắp sau tôi dứt khoát không gọi món cà ri nữa. Ai cũng háng hái nói chuyện dù đã khuya. Chờ này mới ngưng lấy hơi một chút, dằng kia đã phát ngôn oang oang. Trong gian riêng tôi cũng chỉ mệt mỏi đưa đẩy theo câu chuyện của mấy người trong đoàn, âm ừ cho qua, rồi nín im như đang ngủ. Nhưng thực ra, tôi chỉ nhắm mắt để đó, chờ âm thanh tiếng động quá nhiều, làm sao ngủ yên cho được. Vậy mà tôi vẫn nghe vài tiếng ngáy

vang lên đầu dây. Chợt tiếng ré khốc của đứa bé gian bên lại vang lên, rồi kéo dài dang chen lẫn với tiếng ư ử oái đở dành của người mẹ ngáy ngù đã đánh thức mọi người dậy.

Thầy leo xuống nói là đi thăm anh Phước. Tôi tình nguyện đi theo cho biết các toa xe lửa Ấn độ. Các cửa ngăn giữa các toa đã mở do mọi người đã ổn định chỗ ngồi, hay do sự an ninh đã được bảo đảm hơn lúc chộn rộn khởi hành, hoặc do mấy người buôn bán mở đường tự tiện, để rao mời thức ăn.

Qua toa nhà bếp với nồi ơ, thau mùng và than củi bày hỗn độn. Vệ sinh thường thức dường như không được ai để ý ở đây. Chúng tôi đến toa hạng nhất. Đèn điện mờ sáng choang soi to đăm đống nghệt hành khách đang ngồi nhắm mắt lác lác lư theo con tàu chạy. Anh Phước cũng đang ngủ gà, ngủ gật trên ghế ngồi bọc nhựa cũ, giữa dòng hành lý của khách lảng giỡng để lẫn sang. Tôi đến để nghỉ ngơi chút, để anh có thể ngã lưng nửa đêm còn lại. Nhưng anh có vẻ an phận, không muốn mở mắt đứng dậy, đi chuyển, làm mất giấc ngủ dở dang. Chúng tôi đành quay về toa cũ để tiếp giấc ngủ.

Âm thanh đã giảm cường độ. Những tiếng nói chuyện cũng thưa thớt dần theo sự mệt mỏi của đêm dài. Nhiều ánh đèn đã tắt bớt. Nhưng thời gian như vẫn từ từ kéo nhịp lẩn rầm rập của bánh xe. Khiến tôi chợt nhớ đến mấy câu thơ tiên chiến của một thi sĩ sáng tác lúc còn theo học lớp Trung học Mỹ Tho :

"...Bánh nghiêng lẩn lẩn quá nặng nề.

*Khói phi như nghẹn nổi đau tê.
Lâu lâu còi rúc nghe rên rĩ,
Lòng của người đi rẻo kè về..."*

Bống xe chạy chậm lại rồi ngừng hẳn. Những tiếng lao xao báo cho biết đã đến ga Bénarès, thành phố hành hương của người Ấn độ. Một số hành khách bản xứ và hai tu sĩ Mỹ chộn rộn xuống xe. Một nhóm người khác ào ào leo lên. Kêu réo lảng xãng. Chỉ gây thêm những cái trở mình cầu nhàu khó chịu. Chỉ tạo dịp cho các câu chuyện mở đầu vang tiếng lại. Thấy trời sắp sáng nhiều người lục đục leo xuống lo thủ tục buổi sáng. Không biết có nên kể rõ một việc có tánh cách hơi chuyên môn "là cưỡi toa nầy họ đặt hai phòng vệ sinh không phân theo Nam, Nữ. Cũng không phân theo người lành mạnh và tàn tật như bên Tây phương. Mà một theo lối Ấng-Lê, bàn ngồi cao. Một theo lối Thổ, bàn, ngồi thấp còn dân tộc tính Ấn, thì được

thể hiện qua vòi nước đặt thấp thay cho móc móc cuộn giấy. Nên nhớ người Ấn độ ăn bốc. Dĩ nhiên họ phân rõ mỗi tay cho một việc. Vậy xin nhắc riêng quý vị sắp hành hương Ấn độ nhớ đem theo cuộn giấy "Kiss me". Chính vào lúc mình muốn được ngủ nhứt, thì mấy ông Ấn độ lại vén màn, thò đầu vào riu rít mời mua cà phê sữa, thức điểm tâm. Tôi không muốn dậy nhưng cứ phải nhận phần. Không muốn uống nhưng cứ khổ phải nhấp chút sữa. Không muốn ăn nhưng phải thanh toán gấp để lấy chỗ nằm lại. 9 giờ sáng, xe lửa đến quận Gaya. Vừa lòi đồng và li ra và góp nhặt các chiếc gói lại buộc vào dây định chuẩn bị mang xuống, nhưng Thầy ngăn lại vì đã có các Phật tử Ấn độ của Thầy tuôn lên khiêng giúp. Thế là rảnh tay, thở thơi ra cửa. Nhưng lúc giúp điu bà G. xuống xe thì chợt nghe có tiếng tò te nhạc Ấn vang vang. Ngước lên thấy đám đông dân Ấn độ quần áo chỉnh tề trưng cao biểu ngữ vải vàng, chữ đỏ :

khi Thầy cho biết cô Brigitte đi đầu mất rồi. Tôi cũng phải bung ra xuôi ngược tìm kiếm. Nhưng tìm lâu không thấy. Hành khách cũng đã xuống xe hết rồi. Đành dẫn đám rước, trống kèn có xí leo lên cầu thang qua sảnh lớn, xuống đường. Mới hay Brigitte đã ngồi sẵn trong xe. Có ta muốn tránh vòng vinh dự quang mặc. Bà G. liền phê ngay một câu: "Cái con đăm kỳ dị! làm mất công người ta lo". Đám người lại vây quanh thêm đông. Thêm những bộ mặt con nít. Thêm những khách bộ hành qua lại, ngơ ngác đứng nhìn. Trống vẫn đánh. Kèn vẫn thổi. Biểu ngữ vẫn trương lên. Chưa ai muốn lên xe dù hình đã được chụp nhiều. Dù hành lý đã lần lượt chất hết lên xe. Nhưng rồi cũng đến lúc cả người đi hành hương lẫn kẻ rước phải chia nhau lên hết trên hai xe. Cuốn cờ, đẹp trống, mở đường qua các khu phố thị sầm uất của quận ly đông hai triệu dân. Đông hơn nhiều thành phố lớn bên Âu Mỹ. Len lỏi vào những ngõ hẹp quanh



VIỆT NAM PHẬT QUỐC TỰ

"Kính mừng Thầy và phái đoàn"
Trong khi trống kèn cử nhạc, cô Diệu Ấn (một cô gái Ấn chưa ai biết tên, cùng nhau đặt đại pháp danh, cho dễ khẩu chuyện) vận quốc phục đến chào vòng hoa vạn thọ cho từng người trong phái đoàn. Mọi người mở hành lý ra lục tìm máy ảnh, quay video, bấm chớp liên hồi. Đám đông bu quanh. Hành khách lên xuống cũng dừng lại đứng xem. Một cụ già Ấn trang trọng mở gói khăn ra tặng mỗi người trong phái đoàn một cánh hoa hồng. Đoàn người hành hương Phật tích chợt thấy mình quan trọng hẳn. Nhưng niềm vui đang phồng to bỗng xẹp xuống

cô, được tạo dựng từ thời Trung cổ, với những tiệm buôn, hàng quán lụp xụp xây lẩn ra lộ. Lại thêm đường mường, nước cống đào ngay trước cửa. Ruối muối, bụi đường tung mù sau xe không làm khó chịu đám người đi bộ hay sinh hoạt buôn bán trong nhà hai bên. Đường đã quá hẹp, xe Lam xuôi ngược lại chạy giựt giựt ào ào. Đoàn xe phải vất vả lách tránh đám đông qua lại.

Ra ngoài ô nhà thưa thớt, đường có vẻ rộng. Nhưng khung trời khoáng khoáng càng bày rõ vẻ đơn độc của các mái tranh, dây bầu leo kín nóc, càng phô thêm nét trụi trụi của mấy cây kẻ khóc, mấy cây xoài bám đầy bụi. Thỉnh

**SƠ ĐỨC MÃ TIỀN NHUẬN BÚT
KHUYẾN KHÍCH CHỜ BÀI
ĐƯỢC CHỌN ĐĂNG TRONG
MỤC " SÁNG TÁC VĂN NGHỆ "**

thoảng mới gặp một xóm nhà lợp xúp vài ba cái với 1 khoảng tường rào, một mái ngói âm dương Ấn của một nhà giàu, hay của ngôi nhà làng. Nhưng trên tường gạch hay vách lá hoặc thân cây lại dán đầy các bài phân bò, còn in dấu tay, để phơi khô. Đó là chất đất cổ truyền từ mấy ngàn năm của dân Ấn. Là chất mới lửa than đá nhanh, bền như và luôn có sẵn ngay bên cạnh. Lại có những chỗ họ ngăn vách, dựng bờ lấy đất tưng khoảnh vuông, chắc là để làm gạch. Xe chạy dọc qua bờ cát trải dài của sông Ni Liên Thiên, qua xóm nhà cất gần sát nhau, dân cư đông đúc. Đến chùa Miến điện, tường cao, cổng kín. Rồi nhà của ông Bá hộ, chủ nhân của hầu hết đất đai vùng này với những bụi tre to, những cây ăn trái vượt khỏi bức tường rào cao 2,5 m. Tới bến xe lỏi nhón nhíp hành khách. Chúng tôi thực sự tiến vào khu Bồ để dạo tràng. Khu phố chợ bao quanh vùng Phật tích còn rất đông người mua bán ồn ào. Từ chỗ ngồi khiêm nhường của ông thợ sửa giày đẹp, những sạp rau quả che bố lợp xúp, những xe nước mía quay tay đến những gian tiệm vừa xây gạch vừa dựng gỗ, một hai tầng, ngổn ngang hỗn độn, bán đủ các loại hàng tạp hóa. Đều nhắc nhớ đến một ngôi chợ nhỏ miến quê Việt Nam. Thấy chỉ cho xem các cột đồ nâu của ngôi chùa Tây Tang, ba tầng nhiều màu sắc của Đức Đạt La Lạt Ma, mái chùa Nhứt Bồn dằng xà, mái ngói vàng nhiều lớp của chùa Thái Lan và ngôi chùa Tàu nhỏ hai bên đường. Qua chi ngân khố vắng người, bức tường rào của một trường học, chúng tôi đã thấy hiện ra từ xa, giữa khoảng đồng xanh mênh mông, dãy nhà 3 tầng đang xây của ngôi Pháp xá Việt Nam Phật Quốc Tự.

Xe quanh vào con đường đất. Qua xóm nhà nông dân thưa thớt. Rồi dừng trước cửa rào tạm khu đất của chùa Việt Nam. Mặc dù công trường xây dựng ngôi Pháp xá toàn công nhân Ấn độ như đang ngưng việc, hoặc tạm thời lảng công để ngó chăm bắm vào những người trong phái đoàn. Mặc dù sư Cả Miến điện đang đến coi công trường, ra đón tận thêm. Mặc dầu những ánh mắt xa lạ, trên những khuôn mặt đen da, nép mình trong những gian phòng tối len lén nhìn ra. Chúng tôi vẫn thấy thoải mái và phần khởi nữa, khi bước lên những bậc cấp và tòa nhà đang xây dở dang, như tới nhà mình vậy. Niềm vui mở rộng ra trong những lời kẻuáo, sắp xếp chụp hình, trong những lời hỏi han chung quanh và trong những cái nhìn ngấm, quan sát các điều mới lạ, vật lạ.

Tòa Pháp xá mới xây ngay sát một cạnh của khu đất rộng gồm toàn ruộng rẫy trước đây. Phía cạnh kia còn để lại một vuông nhà gạch nhỏ đã cũ, bên giếng nước trên mái lợp ngói âm dương cùng thà những dây bầu bắt đầu khô lá với những trái to. Đất tuy rộng nhưng lổ ra, lổm vào, thành nhiều góc cạnh đặc biệt. Có phần đất kéo dài ra, có chỗ thụt sâu vô bao quanh ba mặt một mảnh đất thuộc quyền sở hữu của chủ khác. Vì khu đất đã được lấp ghép từ nhiều thửa ruộng, miếng rẫy. Đã được mua từ nhiều người chủ qua nhiều thời điểm khác nhau. Giá mỗi thước vuông của mảnh này đất gấp năm, gấp bảy lần mỗi thước vuông của mảnh kia. Sở dĩ vẫn còn hai, ba miếng ăn sâu vào đất mình mà không thể nào mua nổi vì họ bắt bí. Biết mình cần, họ đòi giá đất gấp ba ngàn (3000) lần giá đất bên cạnh. Có những thửa ruộng Thấy mua rất dễ dàng vì ông chủ cần bán gấp để kịp sắm sửa hồi môn, "mua" chồng cho con gái. Mình gọi là mua vì dàn ông ở đây rất cao giá! Muốn cưới chồng có chức phận cho con gái; muốn ai nữ mình trở nên bà bác sĩ, kỹ sư, người cha phải có thật nhiều tiền và phải sẵn sàng trả giá thật cao mới mua tranh được với những đám khác; nhất là khi con gái mình không đẹp. Có những miếng đất Thấy mua rất khó khăn phải qua trung gian nhiều người tốn kém nhiều tiền. Lại có miếng vườn hai bên đều thỏa thuận hết các điều kiện đã đặt cọc chỉ chờ ngày chổng tiền, trao bằng khoán, thì đột nhiên tên chủ đất đóng cửa tiệm trốn mất, vì đất đã bán cho người khác!!! Thành thử nguyên chuyện mua đất ở đây cũng đủ xếp vào loại chuyện lạ thế giới: Như mấy ông Nhứt sang đây dự tính cất chùa, tới thương lượng với anh chủ có nhà dựng trên đất nhiều lần, kéo dài thời gian khá lâu. Đã cần thận hỏi thăm dân chúng quanh vùng, ai cũng xác nhận là đất của nó, lại thêm sự chứng nhận của một giới chức địa phương, mấy vị con cháu Thái Dương Thần nữ đã chổng tiền hàng triệu Rubis trao đổi giấy tờ mua bán có con dấu của làng xã. Đến khi sửa soạn dọn đất, đào móng thì

bỗng có một ông Ấn độ khác cầm bằng khoán đến vô ngực xung là chủ đất chính tông. Mới hay các giấy tờ trước đây đều là giả mạo! Anh chủ đất mà trước đây đã mua chuộc dân chúng quanh vùng nay đã dỡ nhà trốn mất cùng với kẻ đã tự xưng là giới chức địa phương, nơi một bản giấy ọp ẹp trong nhà làng làm sao mấy ông Nhứt có thể tìm một bộ mặt Ma giữa hơn 800 triệu dân Ấn. Còn tòa án Quận, Tỉnh địa phương lại điều tra phân xử theo lối thả trôi vì cho là thiếu bằng cứ rõ rệt. Thật không ai ngờ, đã gần cuối thế kỷ 20 rồi mà vẫn còn xảy ra chuyện "bán le le cho thặng khờ", như một truyện cổ tiểu lâm Việt Nam tại đất Phật chính những người có tâm đạo, làm Phật sự phải lãnh đủ. Không trách sao có nhiều Phật tử ngoại quốc đã gần phát điên vì cứ phải liên tục đương đầu với những tinh ma, quý quái của các loài yêu tinh trong truyện Tây Du. Ngay Thấy H.D mới khi có việc trao trả tiền bạc với họ phải luôn luôn van vái Long Thần Hộ Pháp độ trì vì không còn cách nào khác hơn. Chính sư Cả Miến Điện đã tu học và trụ trì tại chùa Miến nơi Bồ để dạo tràng từ hơn hai mươi mấy năm nay có lần đứng ra bảo đảm cho một anh chủ đất, mà sư biết rất rõ từ lúc thiêu thời. Chính sư đã thúc Thấy H.D cứ chổng tiền cho nó vì giấy tờ bằng khoán đều là giấy thật lại có chữ ký của nhiều người trong gia đình nó. Nhưng Thấy H.D vẫn vái cầu nguyện và ngăn ngừa chờ tìm hiểu thêm. Cho đến hôm Thấy sắp phải giao tiền vì nó hăm sẽ bán cho người khác, thì chuyện đổ vỡ ra: Hai người em của nó ở xa. Không mấy ai biết. Đã chổng đổi lại việc bán đất. Miếng đất rơi vào vòng tranh chấp, chính sư Cả Miến điện cũng không ngờ nó muốn qua mặt cả sư khi đến nhớ đứng ra bảo đảm. Truyện bên Tây Trúc còn dài hen kỳ sau kể tiếp.

Lời tòa soạn: Trong chiều hướng phát huy văn hóa của Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt Nam tại CHLB Đức, báo Viên Giác sẽ chọn đăng những sáng tác văn nghệ (truyện ngắn, tùy bút, hồi ký, tạp ghi,...) có nội dung lành mạnh hướng về Quê Hương, Dân Tộc, Đạo Pháp của quý độc giả bốn phương.

Bài gửi về báo Viên Giác- tối đa 4 trang đánh máy hoặc 8 trang viết tay- ngoài bút hiệu, xin quý vị ghi rõ họ tên, địa chỉ và đề mục "SÁNG TÁC MỚI CÓ TIỀN NHUẬN BÚT" để Tòa Soạn gửi tiền nhuận bút khuyến khích là 50,-Đức Mã khi bài được chọn đăng.

mái ấm gia đình

LTS: "...Bỏ lại trên quê hương những kỷ niệm gần nửa đời người, ta mang theo trên xứ lạ những nỗi tiếc, những thao thức về cội nguồn và gánh chịu hầu hết những khó khăn trong xã hội, trong công việc làm. Không dễ dàng hội nhập vào xã hội mới, không dễ dàng cảm thông với tuổi trẻ - lớn lên giữa 2 nếp sống và quan niệm Á - Âu; để rồi ta chỉ cảm thấy những mất mát, những khốn khó và quên đi "Mái Ấm Gia Đình" - một hạnh phúc tuyệt vời trong suốt cuộc đời. Xin giới thiệu đến độc giả sáng tác "Mái Ấm Gia Đình" của Mộc Vân.

Viên Giác



MỘC VÂN

không thì em đi một mình vậy...
- Hào Nhân em làm gì mà gấp quá, chờ chị thay đồ cái đã, em xuống nhà lấy sẵn dù đi, ngoài trời đang mưa đó...

Nửa tiếng đồng hồ trôi qua sau khi ra khỏi nhà. Hào Nhân hít mạnh cái không khí lạnh lạnh của mùa Đông. Mưa vẫn rơi đọng lại trên cây dù mưa hè mẹ đã mua.

- Chị cảm thấy có thoải mái không? Hào Nhân hỏi. - Riêng em có cảm giác như đã tìm được tự do...

Tôi ngắt lời :

- Không lẽ em cho gia đình mình là cái ngục tù sao Nhân? Nếu em nghĩ vậy thì thật là quá đáng lắm. Nơi xứ nầy ngoài gia đình ta ra, ta đâu còn có ai để nương tựa về mọi mặt chứ? Nhất là về mặt tinh thần. Hào Nhân cúi mặt đi không nói thêm lời nào cả. Tôi cũng không buồn hỏi đến tâm sự của em mình.

Công viên của ngày chủ nhật không thưa thớt như tôi đã nghĩ. Từng cặp vợ chồng già, từng đôi tình nhân trẻ che dù đi dưới mưa rất tình tứ thơ mộng. Mấy đứa trẻ vô tư rượt bắt nhau vòng quanh mấy cây thông già cao chót vót. Có đứa bị xô té khóc la rồi chút lại vui cười quên hết những cái té đau vừa xảy ra ban nãy.

- Vô quán kiếm gì ăn không chị Vy? Em đói quá từ sáng đến giờ chưa có ăn gì cả?

Ngoài trời mưa rơi thật nhẹ. Từng hạt mưa bám vào thân cây trụ lá lả dài xuống mặt đất và trong chốc lát chúng đã đi sâu vào lòng đất chỉ để lại một vết nước mềm nhũn cho đến khi mặt trời rọi chiếu thì hình dạng đó cũng bị xóa nhanh. Không ai sẽ đặt câu hỏi? Chúng hiện đang ở đâu hoặc mưa nhiều từ đâu đến? Trên trời...nhưng từ góc nào, chân trời nào...?! Bích Vy thở dài đi ngồi lại vào ghế học. Hôm nay là chủ nhật, ngày nghỉ dưỡng sức cho những ngày học trong tuần, nhưng đối với Bích Vy nó không có sự phân biệt nào cả.

Hôm qua sau khi tan học về, cái gì đã xảy ra mà không khí gia đình hôm nay thật nặng nề khó thở. Gia đình phân tán khắp nơi. Ba thì bỏ vào phòng khách xem tivi, mẹ khóc suốt suốt đi vào phòng ngủ, Hào Nhân, thặng em kế, chơi Computer suốt cả đêm, Hoài Sơn, thặng em út bỏ đi sang nhà bạn đến khuya mới về. Mâm cơm được dọn ra thơm phức phức mấy món ngon mẹ đặc biệt dành thời gian hết ngày thứ sáu làm để cuối tuần gia đình sum họp, không ai bận bịu với công việc trong tuần thành thời tâm sự, trò chuyện ăn uống cho vui. Vậy mà ngoài Bích Vy trên bàn cơm

cùng một số chén dĩa dọn sẵn không hình dạng nào ngồi ăn tiếp cả.

Tiếng gõ cửa ngoài phòng Vy.

- Chị Vy, chị có ở trong phòng không? Hào Nhân nè, em vào được hôn vậy?

- Vào đi Nhân, chị không có khóa cửa.

Cánh cửa đã mở ra và Hào Nhân tựa mình vào thành cửa.

- Đi dạo không chị? Em nghĩ nếu trọn ngày hôm nay mà em nhốt mình trong căn nhà nầy thì chắc ngày mai em khỏi cần đến trường mà sẽ đi thẳng vào nhà thương đi luôn quá.

Bích Vy buồn bã trả lời :- Em nói nghe sao mà quá tệ vậy, bộ...

- Chị Vy ơi còn bộ với bị gì nữa, chị không thấy gia đình chúng ta đang chết dần trong cái thiếu không khí hay sao? Nếu mà chị không đi sớm thì chị cũng sẽ bị chết ngạt.

- Em đã học hết bài cho ngày mai chưa mà rù chị đi dạo?

- Chị đừng nhắc đến chuyện học hành với em nữa. Chuyện cái gia đình hôm qua là cũng tại vì hai chữ học với hành mà thôi. Em thấy chị thật là sung sướng, không hay biết gì cả nên chị tính bỏ ngồi vào bàn học...Chị chịu đi dạo với em không? Nếu

Ó, chị cũng cảm thấy hơi đói rồi. May là hôm qua chị có ăn cơm chiều... Hào Nhân biết tôi có ý trách về sự vắng mặt của nó ngày hôm qua chẳng xuống dùng cơm nên nói lạ :

- Hôm qua tuy đói thiệt nhưng em ăn không vô?

- Chuyện gì vậy Nhân, kể chị nghe đi. Hôm qua chị hỏi ba thì ba lại quát to lên :- Hãy để cho tao yên! Vô phòng hỏi mẹ thì mẹ lại khóc nói : " Không có gì đâu con, con lên lầu học bài đi". Gặp Hoài Sơn ở ngay thang lầu chưa kịp hỏi thì nó đã nói lớn: "Chán thiệt là chán em phải vọt lên ra khỏi căn nhà này..." Bây giờ còn lại có mình em để chị hỏi, nếu em chẳng chịu trả lời thì chị chẳng biết phải làm gì nữa. Tìm một nơi nào để đi khỏi gia đình luôn à?!

Hai ly nước cam được gọi. Hào Nhân ực một hơi rồi nhìn tôi mà nói :

- Chị muốn biết lắm sao? Nếu vậy thì em kể cho chị nghe này. Hôm qua lúc ba đi làm là ba đã bức sấn rồi. Em biết chứ, một tuần đi làm đuối sức lắm nào có sung sướng gì đâu. Cộng thêm vào đó là sự chung đụng của người Đức nữa; thấy ba không biết nói tiếng Đức nhiều nên cái gì cũng tấn cho ba làm. Ai mà có nguội lạnh đến đâu có ngày cũng bốc cháy bùng nổ. Mẹ thấy thế nói ba đi tắm nghỉ ngơi một chút cho khỏe rồi đợi chị về ăn cơm luôn thể. Tự nhiên ba hơi lớn tiếng với mẹ: "- Đừng có chờ tôi ăn cơm, một gần chết ăn gì mà vô, mấy mẹ con ăn trước đi...", rồi ba bỏ đi một mạch. Thắng Sơn trong phòng khách đang xem tivi chạy ra ngó ngác nhìn mẹ, không hiểu tại sao ba lại nóng tánh như thế. Vừa thấy nó ba lại la luôn:- Còn mấy, sáng truyền hình, tối truyền hình. Phải chi mấy lo học như mấy mẹ coi truyền hình thì tao đỡ lo biết mấy."

Đây là đoạn đầu do thắng Sơn thuật lại cho em nghe. Sở dĩ em nghe được phần cuối là tại vì hôm qua nghĩ được hai giờ cuối nên em về sớm. Chưa vào nhà là em đã nghe ba la thắng Sơn còn nhiều nữa. Cho đến khi em xuất hiện thì ba mới ngừng nói quay sang nhìn em :- " Còn mấy nữa về đến nhà chẳng biết kêu ai cả, muốn đi đâu thì đi còn chừng nào về thì về phải không?" Em như trên trời rớt xuống, một lát sau mới hiểu ra là ba muốn ám chỉ đến kỳ đi dự tiệc tuần qua ngủ đêm nhà thắng bạn quen gọi điện thoại về cho nhà hay. Mẹ thấy thế mới lên tiếng: "- Ông đi tắm rửa cho khỏe trong người đi. Hôm nay cuối tuần ông đừng gầy gò mà gia đình không còn

vui nữa!" - " Phải rồi, phải rồi. Tôi sinh sự kiếm chuyện. Nhà này riết rồi không còn ai coi tôi ra gì nữa cả!!!" Và sau câu này thì ba mới chịu bỏ đi lên phòng tắm. Nước mắt mẹ sắp trào ra, thắng Sơn thấy thế an ủi mẹ: "- Mẹ đừng khóc mẹ, tánh tình ba thay đổi tại ba làm việc mệt quá thôi". Tiếp lời thắng Sơn em nói :- " Bộ một mình ba mệt sao? Mẹ tuy không đi làm mà mẹ làm việc nhà còn mệt nhiều hơn ba nữa kia. Anh em mình không mệt à, đầu sao cũng mệt về khối óc chớ... Bộ học là sướng sao? Có ngày cũng chết vì đau bao tử..." Mẹ thấy thế đã ôn tồn bảo nhẹ :- " Hào Nhân, con đừng hỗn nói bậy. Ba con nghe được ba giận thêm. Con đâu có ở vào hoàn cảnh của ba mà con hiểu, ba già rồi nên ba khó tánh chớ tụi bây đứa nào mà ông không thương. Vì lo tương lai cho tụi con nên ba khuyên phải rán học để sau này đi làm thì cũng đỡ khổ, nếu có một nghề không cần quá lao công sức.." Nhắc đến vụ học em chợt nhớ ra những bài kiểm vừa mới nhận lại rất là buồn tè chán nản. Kỳ học sắp mãn rồi, em dự định sẽ nói cho ba nghe là em không tiếp tục học nữa... Chuyện chưa kịp nói mà gia đình không yên ổn rồi thì em phải làm sao đây chớ. Đợi thắng Sơn đi trở vào phòng xem tivi em mới nói với mẹ: "- Mẹ à, kỳ này miễn khóa lớp 12 con dự định đi học nghề chớ không tiếp tục học nữa. Con nghĩ con học không nổi nữa rồi. Để con đi làm cho ba ở nhà nghỉ cho khỏe. Vậy mẹ lựa lời nói cho ba biết dùm con.." Không ngờ từ trên thang lầu đi xuống ba đã nghe hết những gì em nói, mở cửa nhà bếp vào ba lên tiếng ngay: "- Bao năm ăn học giờ còn một năm thôi mà mấy lại đòi bỏ ngang à. Gặp khó khăn là phải cố gắng thêm lên. Đi làm cu li cực lắm con ơi, không có sung sướng gì đâu mà đòi đi làm cho sớm. Tao đâu có cần tiền mà mấy định đi làm nuôi tao..." Mẹ vội tiếp lời:- "Con nó học không nổi ông phải khuyên nó rán lên, đáng này ông còn la nó thì hỏi sao nó không thôi chí? Hào Nhân ba con nói đúng đó, còn một năm nữa mà thôi con rán lên đi con. Một năm qua ẹ lắm, nhà mình nếu ba không đi làm thì cũng đủ tiền xài chớ đâu có túng thiếu gì đâu mà con đòi đi làm cho ba ở nhà dưỡng sức.." Và tiếng của ba lại tiếp tục vang lên: "- Hay mấy cặp bê cặp bạn mồi ăn chơi rồi đâm ra định bỏ học phải không? Nếu cảm thấy mình học yếu thì từ nay về sau ở nhà lo học, còn việc đi chơi chớ sau

khí lấy xong tú tài hãy tính.." - Thôi ông đi vào bàn cơm đi con Vy sắp về rồi, về chuyện học hành của con từ từ khuyên nó.." - Tôi đã nói là không ăn mà, bực trong mình mà hôm nay còn thêm bực nữa..." Vừa lúc mọi người giải tán mỗi nơi thì chị cũng bước vô nhà... Tôi ngồi ngắm nghĩ thì ra chuyện là như thế. Cũng vì nó mà gia đình tôi kém vui cả ngày qua kéo dài cho đến hôm nay.

- Hào Nhân em đừng có buồn bực gia đình nữa, vì thật ra chúng ta là những người làm nên lỗi.

Hào Nhân nhìn tôi ngạc nhiên :- " Em có lỗi gì, thắng Sơn có lỗi gì và cả ngay chị nữa?"

- Lỗi gì à? Đó là cái lỗi ích kỷ đối với gia đình mình.

Hào Nhân định mở miệng cãi nhưng tôi chặn lời :

- Em thử nghĩ coi, ba mẹ lúc nào cũng nghĩ đến chúng mình. Sự hy sinh toàn vẹn đó với thế hệ hôm nay nó không còn được coi trọng như trước nữa. Lắm lúc chúng ta cảm thấy bực bội, gàn buộc mất tự do. Ba là em bắt em phải học đó không phải là sự dằn dụa cho bản thân em đâu, vì sau này em nhờ vào chính em. Em nên nhớ, em học cho em chứ cho em thôi. Vì em sợ khó khăn nên em không tiếp tục con đường học vấn, đó không phải ích kỷ sao Nhân? Em chỉ nghĩ về em là lo sợ khổ về khối óc như em đã nói, còn ba mẹ suốt đời luôn nghĩ cho tương lai em sao em không nghĩ đến?! Hãy làm một điều gì mà ba mẹ vui và hạnh diện thì đó là em mới nghĩ đến ba mẹ. Sự việc nào cũng bắt đầu bằng muốn vạn khó khăn, nếu ta vượt qua được thì ta mới cảm thấy mình thắng được đời chớ. Nghĩ lại đi Hào Nhân, chúng ta có phúc hơn bao nhiêu người khác hiện còn lệnh trên trên biển cả hoặc ở trong các trại ty nạn, thì mình hãy nắm giữ hạnh phúc để tạo ra thêm nhiều hạnh phúc...

Hào Nhân nhìn tôi không chớp mắt - "Chị Vy biết triết lý bao giờ vậy? Cho dù em không hiểu biết những gì chị muốn nói nhưng em đã biết rằng ba mẹ và chị nói đúng. Một năm trôi qua mau lắm, nếu năm nay số em xui trượt "Vô chươi" thì sang năm em sẽ cố gắng nhiều hơn. Sự ích kỷ ngu muội của em đâu hàng trước sự khó khăn là một lỗi lầm to lớn nhất trong đời em. Bây giờ mình về nhà dùng cơm cùng gia đình đi chị. Em thấy đói là người rồi. Chắc mẹ đang chờ mình ở nhà.

Tôi vui mừng đồng ý ngay. Ngoài trời mưa đã tạnh mà hai chị em vẫn còn đi dưới dù cho đến

trước cửa nhà mới hay rời ôm nhau cười ngây ngất. Mẹ nghe tiếng vợ mở cửa ra :-"Tụi con đi đâu vậy?Đã trưa rồi bộ không đói sao? Tôi vợ trả lời ngay: -"Đói muốn run đây mẹ, chắc gia đình đã ăn xong rồi hả mẹ"

- Chưa con, ba nói chờ đông đủ rồi ăn luôn".
Bốn con mắt của tụi tui tròn xoe như chưa tin lời mẹ nói. Đùng thật ba và thằng Sơn đã ngồi vào bàn chờ đến khi tụi tôi thay đồ xuống ba mới nói :

- "Lần sau cưới tuần mấy con ở nhà chơi đừng đi nữa.Mẹ tui bây chỉ mong có cái cưới tuần".

- Ba, Hào Nhân nói :-" Con đã quyết định rồi, con sẽ tiếp tục học".
- Ba tôi ngưng đũa gấp đồ ăn :-
"Vây thì ba rất mừng, nhưng nếu sự cố gắng của con không còn nữa thì ba cũng không ép, chỉ ...

- Con cố gắng mà ba...Mẹ ngồi xuống đây nè mẹ, ngồi gần ba nè...

- Cái thằng nầy thật biết ninh bợ...

- Á, không biết anh có nói cho em nghe cái này chưa hả?

Mẹ quay sang nhìn ba :-"Nói gì anh?"

- Hôm nay em đẹp lắm và những món đồ ăn cũng thật là ngon"

- Thôi đi ông ơi, già rồi đừng làm hề con trẻ nó cưới"

Tiếng cười của gia đình tôi vang lên dù thằng Sơn chẳng hiểu gì cả. Biết đâu nó nghĩ rằng:-"Hôm qua mới buồn náo nức bây giờ lại tươi cười vui vẻ như không có gì đã xảy ra cả". Một mái ấm gia đình vô giá thật vì nó được cấu tạo, gầy dựng bằng những sự vui buồn,khó khăn của nhiều năm chung sống, bằng những giọt nước mắt rơi âm thầm lo âu của mẹ những gánh nặng xót xa của cha để các con được chìm mãi vào vùng trời hạnh phúc.

- Các Tâm Hoan Nguyễn Xuân Hòa
(Paris)

Trước hết Ban Biên Tập báo Viên Giác chúc mừng bác thọ đúng 70 vào Mùa Xuân Kỷ Ty 89; sau nữa xin ca ngợi tinh thần hoan hỷ đóng góp cho mục Sáng Tác Văn Nghệ qua bài "Mừng Tuổi" - mừng cho chính mình "thất thập cử lai hy" được sống trong hạnh phúc đoàn tụ gia đình; và cũng để thương cho người, cho bà con còn cam chịu cuộc sống đầy đọa dưới chế độ CSVN. Xin cảm ơn bác, xin cảm ơn những lời nhắn nhủ của một người Mẹ luôn hướng về tổ quốc và dân tộc VN thân yêu. Thân kính (Phù Vân)

Thương Xa

Mười năm lưu lạc xứ người,
Ai còn ai mất một đời long đong !
Từ con thuyền nhỏ xuôi dòng,
Lênh đênh biển động sóng cồn bùa vầy.
Đẫn xa tít cõi chân mây,
Một vùng hư ảo của ngày tháng Tư !
Làm sao mà phải giã tử ?
Làm sao mà bức dư đồ rách tươm ?

Đã từng với vạn ánh gương,
Lấy lòng hiền hách trời Nam rạng ngời.
Đã từng đuổi giặc tới bởi,
Hai trăm năm trước Ngọc Hồi biết tên.
Toàn dân thế quyết đứng lên,
Tinh thần quật khởi Hội Đền Lũng Nhai.
Từng trang Việt sử thanh oai
Đêm trường canh cánh, ngày dài ngóng trông...

Dâu người rở mặt anh hùng,
Nghe chẳng tiếng gọi lá rừng chiến khu ?
Toàn dân trực diện, giết thù,
Việt Nam Kháng Chiến ngàn thu lưu truyền.

(München Xuân 89)

Bích Tiên

- Mộc Vân (Hannover)

Điều đáng tiếc là Phù Vân từ nhiều năm chỉ "thấp đuốc cấu hiền" ở xa mà lại bỏ quên "tài hoa" cận kề cơ thể. Hoặc giả Mộc Vân tự mình "mai danh ẩn tích", hay tại Phù Vân chưa có nhân duyên hội ngộ, nên dù Tòa Soạn và ấn quán của báo Viên Giác xuất xứ từ Hannover, và báo Viên Giác đến tháng 6/89 này là tròn 10 tuổi mà Mộc Vân đến bây giờ mới chịu "xuất đầu lộ diện"!

Bài "Mái Ấm Gia Đình" đã cho đi trong số này. Thay mặt Ban Biên Tập, xin cảm ơn lòng hảo tâm của Mộc Vân đã ủng hộ 50DM tiền nhuận bút vào quỹ xây chùa VG, xin đều tay gửi những sáng tác và ước mong rằng 1 lần nào đó PV có duyên gặp gỡ. Đất Hannover không rộng lắm đâu ! Thân ái (PV)

- Mưa Ngâu 89:

Mưa Ngâu là bút hiệu của người đẹp, Bút hiệu nghe man mác buồn như cuộc tình của Ngưu Lang - Chức Nữ và cũng mệnh mang sấu, náo như tựa bài "Một Thoáng Áo Ảnh". Bởi tình yêu - khi chưa nhận được, vương vay một chút ray rức vẫn vương; một phiến buồn trên mây trời; một màn lệ thật mỏng khi xa nhau trong phút tiễn đưa. Tình yêu giữa khung trời Đức - Úc, chưa quá xa với để một lần nào đó tìm gặp lại nhau; chưa phải là "nghìn dặm

biên cương" để biệt chim tâm cá; còn đó những dáng đẹp, còn đó những hình hài - chưa hẳn là "Áo Ảnh" khi chưa đi vào đường tình; khi tiếng gọi của con tim chưa thốt thức quận đau; khi ta còn những e ấp, chọn lựa, cân nhắc... Thế thôi, Mưa Ngâu, như là những sợi tơ trời một sớm nào bay bổng lên cao. Xin gửi cho VG những sáng tác mới - những cuộc tình thật đẹp, thật tròn đầy hay thật lâm ly, thống thiết... Thân ái (Phù Vân).

CHÚC MỪNG

Nhận được hồng thiệp của Ông Bà Nguyễn Kim Cang (Nguyễn Ang Ca) tại Bỉ báo tin lễ thành hôn của thử nam

Cậu NGUYỄN KIM CA (Thu)
đẹp duyên cùng
Cô TÔ NGỌC THOA

Hôn lễ sẽ cử hành vào ngày 1.4. 1989 tại chùa Linh Sơn (Bỉ). Chúng tôi xin chân thành chung vui cùng Ông Bà Nguyễn Kim Cang và cầu chúc Tân Lang và Tân Giai Nhân trọn đời hạnh phúc. Chùa Viên Giác và Ban Biên Tập
báo Viên Giác
Gia Đình Phù Vân Nguyễn Hòa



Nghiã lý Phật Đản

THÍCH TỊNH TỬ

Theo truyền thống Bắc Tông Phật Giáo, bốn ngày Đản Sanh, Xuất Gia, Thành Đạo và Nhập Niết Bàn của Đức Phật đều khác nhau. Đản Sanh của Đức Phật là vào ngày rằm tháng tư âm lịch; Xuất Gia ngày mồng tám tháng hai; Thành Đạo ngày mồng tám tháng chạp và Nhập Niết Bàn ngày rằm tháng hai. Riêng ngày Đản Sanh tiếng Phạn gọi là Vesak. Theo truyền thống Phật Giáo Nguyên Thủy, Vesak lại là ngày đại lễ tam hợp cả ba duyên sự trọng đại là Đản Sanh, Thành Đạo và Nhập Niết Bàn của Đức Phật. Ngày đại lễ này từ xưa đến nay vẫn được cử hành vào ngày trăng tròn (rằm) tháng tư hàng năm.

Cũng như những tôn giáo khác có khuynh hướng thánh hóa cuộc đời của vị giáo chủ của họ, Đức Phật cũng đã được người đời sau thêm thắt nhiều chi tiết huyền bí và siêu việt về sự việc Ngài hóa sanh nơi cõi ta bà này. Như chuyện hoàng hậu Ma Gia chiêm bao thấy voi trắng sáu ngà từ trên cõi trời bay xuống, tính ra biết là đã thụ thai; khi bà vịn cành cây nơi vườn Lâm Tỳ Ni thì rơi từ hông bên phải của bà mở ra điệu môn để sanh hạ thái tử Tất Đạt Đa. Và không như những trẻ con mới lọt lòng mẹ thì nằm khóc oa oa, thái tử lại cất bước đi bảy bước, mỗi bước chân Ngài nở một đóa sen, một tay chỉ trời một tay chỉ đất thốt lên lời rằng "Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn". Bảy giờ cả vũ trụ đều rung chuyển với những ánh sáng chói rọi, thiên thần mưa

hoa xuống để ngợi mừng một đấng cứu thế vừa ra đời. Đây là những huyền thoại đẹp để nhất để thánh hóa một vĩ nhân vì chúng ta hay quan niệm cách thường tình rằng một vĩ nhân đương nhiên phải có một cuộc sống khác với người tầm thường. Cho nên những huyền thoại như thế không có tai hại gì cả, không thương tổn gì đến những dữ kiện lịch sử có thật có thể nghiệm chứng được.

Mà Giáo Pháp của Đức Phật là những lời dạy rất thực tiễn và khoa học có thể nghiệm chứng được. Ngay chính Đức Phật cũng khuyến khích đệ tử Ngài phải tự suy tư, tự xét đoán cho chính bản thân mình, dùng trí tuệ để thẩm định, phân tách và ngay cả phê bình đến những lời Phật dạy trước khi thực chứng những lời đó là đúng với sự thật rồi mới được tin theo. Những lời Ngài dạy như: "Tin ta mà không hiểu ta là hủy báng ta", hay khi Ngài nói kinh cho Kalàma nghe, là những tuyên bố mà ngày nay những Triết gia phải bái phục Đức Phật là một Người có tinh thần cởi mở và giải phóng nhất, không đặt để một giáo điều hay một khuôn thức nào để ràng buộc những đệ tử chân chánh của Ngài: "Này Kalàma, dùng vội tin một điều gì chỉ vì điều đó được người ta nhắc nhở đến luôn; đừng tin một điều gì, dù là di bút của người xưa để lại và bảo ta phải tin; đừng tin một điều gì, dù điều ấy được những ý kiến thiên vị hay một tập quán lâu đời bênh vực; đừng tin một điều gì, dù điều ấy

ở dưới mãnh lực của một ông thầy hay một nhà truyền đạo. Này Kalàma, tất cả những sự thật, theo kinh nghiệm của người và được xác nhận rõ ràng là phù hợp với lẽ phải, tạo thành hạnh phúc cho người và cho các loài, thì chính đó là sự thật, này Kalàma, và người hãy sống theo sự thật ấy".

Theo tinh thần cởi mở này, ngay cả đến những giáo lý hay luật nghi cũng được các đệ tử Ngài nghiệm xét kỹ lưỡng. Dù như ngay khi Đức Phật diệt tịch, có một vị tăng sĩ cho rằng chính ông đã được tận tai nghe được lời Đức Phật dạy như thế như thế, thì những lời tuyên bố đó sẽ phải được giáo chứng lại bởi các vị tôn túc khác, bởi vì sự ghi nhận hay ý kiến riêng thêm của ông ta không hẳn là đáng tin. Và cũng từ nơi tinh thần cởi mở đó mà Đức Phật đã được người đời nhận chân rằng Ngài là vị Thầy tôn giáo đầu tiên trong lịch sử có một giáo pháp phổ cập cho tất cả nhân loại và là sáng tỏ của một ý niệm về tôn giáo phổ hiện khắp thế giới. Lời tiên tri của đạo sĩ Asita rằng: "Đức Phật đản sanh vì sự lợi lạc cho nhân sinh" đã được xem như một sự thật của lịch sử, chứ không còn là 1 huyền thoại của sấm truyền dự đoán nữa.

Cũng thế, về những ngày cuối cùng của Đức Phật, cũng có những huyền thoại chen lẫn vào những dữ kiện lịch sử. Như trong kinh "Đại Bát Niết Bàn", có đoạn ghi rằng Đức Phật biến thể trước khi tịch diệt, cái y của Ngài rực lên, 1 vầng hào quang chói rọi vây quanh thân Ngài. Và những cành hoa trên hai cây sa-la nơi Ngài nằm quấn xuống như để hầu quạt Ngài, ta nghe chứng như là thiên nhiên cũng đang ngừng thở để cúi đầu dành lễ Đấng Thế Tôn sắp giã từ cõi thế. Ngày nay chúng ta cùng đường Đức Phật bằng cách dâng cúng hoa tươi trước tượng Ngài, có phải chăng là do từ hình ảnh những cành hoa sa-la là lướt này? Cho nên mặc dầu là Đức Phật đã dặn dò chúng ta không nên bao giờ tò lòng tôn kính Ngài bằng những sự dâng cúng như thế, chúng ta

vấn không cảm thấy đã trải với những lời dạy của Ngài khi tâm thành mang đến chùa những cành hoa tươi đẹp để cúng Phật. Giữa sự thật là những lời dạy của Ngài và thói quen thường lệ dựa trên những huyền thoại, ta đã làm tròn bốn phận của một người Phật tử thuần thành đáng ngợi. Nhưng điều quan trọng nhất vẫn là thực hành những lời Phật dạy. Khi A Nan lo lắng không biết là sẽ cử hành lễ táng của Đức Phật như thế nào, thì Ngài dạy rằng, không nên bối rối về những nghi thức tang chế cho Ngài mà phải: "Nỗ lực tinh tấn để đạt đến giải thoát" bởi vì "Như Lai chỉ là người chỉ đường".

Những lời dạy cuối cùng của Đức Phật cho ông Tu Đạt Đa (Subhadda) đang là một đề tài cho bao nhiêu nghiên cứu về sau này. Ông hỏi Đức Phật rằng, sáu người đạo sư đương thời (lục đạo ngoại sư) có thấu triệt chơn lý không. Sáu người đó là: 1) Purana Kassapa, chủ trương thuyết định mệnh, 2) Makkhali Gosala, thuyết hữu thân 3) Ajita Kesakambali, chủ nghĩa duy vật, 4) Pakudha Kaccayana, thuyết không định, 5) Sanjaya Balatthiputta (thầy cũ của Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên), chủ trương thuyết bất khả tri hay hoài nghi, và 6) Nigantha Nataputta, chủ trương thuyết tương đối và chiết trung. Thị kinh Sandatta sutta đã trả lời rằng có bốn tôn giáo giả dối và bốn tôn giáo không hoàn toàn. Tôn giáo ở đây được hiểu theo nghĩa rộng ngày nay để dùng cho tất cả những tôn giáo hữu thân và vô thân, cùng những hình thức bán tôn giáo hay phi tôn giáo khác như Mác Xít, hiện sinh, chủ nghĩa nhân đạo v.v. Bốn tôn giáo giả dối: 1) Duy vật; 2) Phi đạo đức; 3) Những tôn giáo nào mà cho rằng con người sẽ được cứu rỗi hoặc đầy đoạ bởi một đấng thần linh nào đó; và 4) Thuyết hữu thân tiến hóa cho rằng tất cả mọi việc đều đã được an bài và ai ai rồi cũng sẽ được cứu rỗi. Bốn tôn giáo không hoàn toàn là: 1) Những tôn giáo nào chủ trương rằng giáo chủ của họ là một đấng toàn năng toàn tri; 2) Những tôn giáo nào dựa trên sự mặc khải (bởi vì sự mặc khải thường hay mâu thuẫn nhau và không đáng tin); 3) Những tôn giáo nào đặt nền tảng trên sự luận lý một chiều hay lối đốn đái (bởi vì những lý lẽ đó không đủ chứng cứ và đưa tới kết luận giả tạo); và 4) Tôn giáo vô đoán dựa trên những nền tảng hoài nghi và không chân thật. Ngược lại, Phật Giáo siêu việt tất cả những tôn giáo trên vì đạo Phật rất thực tiễn và có thể nghiệm

chứng được. Thực tiễn và nghiệm chứng được chỉ vì để lý mà Đức Phật khám phá ra sẽ được áp dụng bình đẳng và đồng đều với tất cả mọi sinh vật, không phải chỉ riêng cho Phật Tử mà thôi. Sự già, sự chết, bệnh tật sẽ đến viếng thăm bất cứ người nào, từ 1 tổng thống đến đức giáo hoàng La Mã, từ một vua chúa uy quyền đến một hoa hậu tuyệt trần. Không ai có thể chối cãi được điều đó vì thế mà giáo lý của Đức Phật là một giáo lý phổ cập, không thiên vị, không hạn cuộc như những tôn giáo khác.

Trà lời câu hỏi của ông Tu Đạt Đa, Đức Phật không phán xét các chủ thuyết đó đúng hay sai, mà chỉ dạy rằng: Tôn giáo nào mà không đề cập đến Bát Chánh Đạo thì tôn giáo đó sẽ không đưa hành giả đạt đến bốn quả thánh, tức là đến cứu cánh giải thoát. Tôn giáo được xem chân chính là một tôn giáo phản ảnh được Bát Chánh Đạo, bởi vì Bát Chánh Đạo gói trọn 3 hoạt động thân, miệng và ý nơi mỗi con người chúng ta tức là toàn diện một con người sống thực. Ta hãy lấy một thí dụ về Chánh Niệm. Hành giả phải giữ ý niệm luôn luôn trong sạch và an lạc, luôn luôn nghĩ đến đạo lý vô thường và vô ngã, diệt trừ những kiến chấp mê lầm, đoạn tận những tư tưởng bất chính, không để dục vọng cuốn lối, không bị các cảm tham ái chi phối, luôn luôn nhớ nghĩ đến tâm tử bi và lòng cõi mở. Tâm niệm thì đưa đến những ý tưởng tiêu cực, ác độc, bị đắm chìm trong dục vọng mê mờ. Cho nên nếu có tôn giáo nào để xuống rãnh, người theo đạo đó có thể theo đuổi những tư tưởng tà vạy, tham dục, tiêu cực và ác độc mà lại được cứu rỗi nếu người đó cứ nhắm mắt tin tưởng mù quáng nơi giáo điều của họ, thì tôn giáo đó, theo đạo Phật, không đáng được tin. Cho nên, chỉ trong căn bản giáo lý Tứ Diệu Đế và Bát Chánh Đạo không thôi, đạo Phật cũng đã dung thông được hết tất cả mọi triết thuyết hay tôn giáo khác rồi.

Khi giác ngộ về chân lý như thế dưới cội cây Bồ Đề, sau 49 ngày trầm mặc thiền quán, là Đức Phật đã Giác Ngộ từ nội tại của trí tuệ vô phân biệt và bình đẳng tánh của Ngài, chứ không phải là một mặc khải từ ngoài tại đưa tới. Chính vì từ nội tại, cho nên Đức Phật đã cả quyết rằng Ngài là vị Phật đã thành, và chúng ta ai biết đi theo con đường mà Ngài chỉ dạy 1 cách chân chính, rồi cũng sẽ thành Phật như Ngài "Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành", ngày nay đã được tất cả các triết gia và học giả trên thế giới nhận chân

là một thông điệp về tự do và bình đẳng tuyệt đối của Đức Phật. Không có một giáo chủ một tôn giáo nào khác dám tuyên bố cho phép tin đồ của họ được trở thành ngang hàng với họ cả. Chỉ có họ là giáo chủ, còn tin đồ dù được cứu rỗi cũng sẽ chức cho phục lụy vây quanh mà thôi, tạo thành một thế nhị nguyên còn có mình có người, có chúa có tôi, có quan có dân v.v.; và như thế là vẫn chưa giải thoát. Chỉ có con đường của Đức Phật là đưa đến giải thoát, an lạc và giác ngộ hoàn toàn. Con đường đó, là con đường trực thẳng, trung dung giữa hai cực đoan hưởng thụ và khổ hạnh. Ngài đã đi qua con đường đó, và đã Giác Ngộ, Thành Đạo; nay Ngài chỉ lại cho chúng ta, nếu đi đúng con đường đó, cũng sẽ Giác Ngộ như Ngài. Ta cũng cần nhớ rằng sự Giác Ngộ của Đức Phật không phải chỉ hạn cuộc trong phạm trù Tứ Diệu Đế và Bát Chánh Đạo, nguyên lý Thập Nhị Nhân Duyên, Vô Thường, Vô Ngã hay Niết Bàn. Ta không thể đo lường được Trí Tuệ Giác Ngộ của Đức Phật. Như tỷ dụ mà Ngài dạy ta, nơi rừng Simsapa, với một nắm lá cầm trong tay, Ngài đã nói rằng Trí Tuệ của Ngài như lá trong rừng mà những lời Ngài dạy cho chúng ta chỉ như nắm lá này mà thôi. Nhưng 1 nắm lá cũng đủ tượng trưng cho toàn lá trong rừng rồi. Bởi vì chúng ta chỉ cần được dạy, biết và thực hành những điều Đức Phật chỉ dẫn cho chúng ta là đã có thể Giác Ngộ được như Ngài.

Ngày nay ta chưa tìm được lý do tại sao Bắc Tông Phật Giáo lại chia 4 ngày Đản Sinh, Xuất Gia, Thành Đạo và Nhập Niết Bàn của Đức Phật lại khác nhau, trong lúc Nguyên Thủy Phật Giáo lại tam hợp cả ba ngày trong đại nhất là Đản Sinh, Thành Đạo và Nhập Niết Bàn; tuy nhiên, dầu một hay khác ngày, chúng ta cũng đã được ăn triêm công đức vô cùng từ bi của Đức Phật khi Ngài thị hiện Đản Sinh để mang đến cho ta một giáo lý siêu việt, phổ cập và dung thông nhất trên cõi ta bà này. Ta may có nhân duyên lớn được sanh làm người, lại được nghe giáo pháp của Phật, nếu không phát tâm tu tập thì chẳng hóa ra cô phụ công đức từ bi của Đức Phật vì thương xót chúng sanh mê muội mà thị hiện nói cõi ta bà này lắm sao. Tu tập có nhiều pháp môn, mà phổ hiện nhất là Tịnh Độ cầu sanh về thế giới Cực Lạc của Phật Di Đà và Thiên định quán tưởng để thấu triệt lý tánh của vạn hữu. Pháp môn nào của Đức Phật chỉ dạy chúng ta đều đưa tới giải thoát, đó là một sự thật thế

nghiệm được, qua bao nhiêu sự tích chứng đắc của các thầy tổ và cư sĩ tu đạo chân chính trải qua bao nhiêu thế kỷ. Cho nên Ngày Phật Đản Sinh là ngày làm cơ duyên cho bao nhiêu sinh hoạt Phật giáo ngày nay, ta cứ hành Đại Lễ Phật Đản chính là để ghi nhớ công đức thị hiện của Phật vậy.

(Trích từ Tập San Nguồn Sống số 10)

ĐỨC PHẬT và NHỮNG GÌ NGƯỜI PHẬT TỬ TIN

Nguyên tác: THE BUDDHA AND WHAT BUDDHISTS BELIEVE
Tác giả : NARADA MAHA, THERA
Người dịch: PHẠM KIM KHÁNH

Đức Phật

Vào ngày trăng tròn tháng 5 DL., năm 623 trước Tây lịch trong quận Nepal (lúc bấy giờ là một phần đất của Ấn), một hoàn tử Ấn Độ dòng Sakya (Thích Ca) được hạ sinh, mà về sau trở thành vị giáo chủ vĩ đại nhất trên thế gian. Tên Ngài là Siddhatta Gotama (Sĩ Đạt Ta Cồ Đàm). Trưởng thành trên nhung lụa, hấp thụ nền giáo dục thích nghi của một hoàng tử, là người như mọi người, Ngài thành lập gia đình và có một con.

Bẩm tính suy tư và lòng bi mẫn vô biên của Ngài không để yên cho Ngài riêng mình thụ hưởng những lạc thú tạm bợ của đời vương giả. Chính Ngài không đau khổ, nhưng cảm nghe thương xót sâu xa nhân loại đang đắm chìm trong sầu muộn. Sống giữa tiện nghi và phong phú Ngài nhận thức tính cách phổ cập của ưu phiền. Cung vàng điện ngọc, với tất cả mọi thú vui trần tục, khể còn là nơi thích hợp với vị hoàng tử từ bi. Thời gian đã mùi để Ngài ra đi. Nhận thức rằng nhục dục ngũ trần không thể đem lại lợi ích, lúc ấy 29 tuổi, Ngài từ bỏ tất cả lợi danh trần thế và đắp chiếc y vàng đơn giản của một tu sĩ, đơn độc một mình không tiền của, ra đi bất định, tìm Chân Lý và Tịch Tĩnh.

Đây là sự từ khước chưa từng có trong lịch sử vì không phải Ngài khước từ cuộc sống vương giả trong lúc tuổi già sức yếu mà giữa thời niên thiếu xuân xanh, không phải trong cảnh đói rách nghèo nàn mà lúc ấm no sung túc.

Tăng Ni Phật Từ năm châu
Tịnh Thiên hóa hợp đạo mẫu
hoảng dương.
Hạnh lành khai nẻo tinh
thương
Mừng Phật giáng thế soi
đường trần gian.
(Thơ Sơn Cư)

Vào thời xưa người Ấn Độ tin tưởng rằng nếu không ghép mình vào nếp sống khắc khe khổ hạnh

thì không thể giải thoát. Ngài tận lực thực hành tất cả mọi hình thức ép xác. "Từ canh này đến canh khác và từ khổ hạnh này đến hình thức khổ hạnh khác trong sáu năm dài dằng Ngài khể ngừng gia công cố gắng một cách phi thường.

Thân Ngài chỉ còn lại bộ xương. Càng khắc khe thể xác Ngài càng rời xa mục tiêu. Cuộc sống kham khổ cùng cực và bất thành công mà Ngài đã kiên trì nỗ lực thực hành đã tỏ ra tuyệt đối vô bổ. Giờ đây xuyên kinh nghiệm bản thân, Ngài hoàn toàn xác quyết rằng lối sống ép xác khắc khe rõ ràng chỉ làm giảm suy sức lực và, từ đó, mệt mỏi tinh thần chớ không đem lại lợi ích thiết thực nào.

Sau khi đã thấu thập kinh nghiệm vô giá ấy cuối cùng Ngài quyết định đi theo một con đường độc lập, lánh xa hai cực đoan, lợi dưỡng và khổ hạnh. Lối dưỡng làm chậm trễ tiến bộ tinh thần và khổ hạnh làm giảm suy trí thức. Con đường mới mà Ngài khám phá, con đường "Trung Đạo", Majjhima Patipada, từ đó trở thành một trong những đặc điểm chính yếu của giáo lý mà Ngài truyền dạy. Vào một buổi sáng thanh bình an lạc, trong khi Ngài tham thiền và đi sâu vào tâm định, không có sự hỗ trợ hoặc sự hướng dẫn của bất luận năng lực "siêu nhiên" nào, và chỉ nương nhờ sự nỗ lực và trí tuệ của chính mình, Ngài tận diệt mọi hoặc lậu (tức những

ô nhiễm tiềm tàng ngũ ngầm trog tâm tử vô lượng kiếp), tự thanh lọc, và trực ngộ thực tướng của vạn pháp (tức thấu triệt bản chất của sự vật đúng như sự vật là như vậy), thành đạt đạo quả Phật vào lúc 35 tuổi.

Không phải Ngài sinh ra là Phật mà Ngài trở thành Phật do sự nỗ lực cá nhân của mình. Là hiện thân toàn hảo của tất cả những đức hạnh mà Ngài truyền bá, là kết tinh của trí tuệ thâm diệu vô lượng, lòng từ bi vô biên, Ngài dành khoảng đời vô cùng quý báu còn lại để phục vụ nhân loại bằng cả hai, gương lành trng sạch và nhũg lời giáo huấn vàng ngọc, không may mắn có ẩn ý vụ lợi.

Sau 45 năm trường viên mãn thành công trog cuộc hoảng dương Giáo Pháp, như tất cả mọi người, dưới sự chi phối của định luật vô thường bất lay chuyển, cuối cùng Ngài tịch diệt lúc được 80 tuổi thọ, sau khi kêu gọi chư môn đệ hãy xem Giáo Pháp mà Ngài truyền dạy là thấy.

Đức Phật là một chúng sinh trog cảnh người. Ngài sinh ra như một người, sống như một người, và chấm dứt cuộc đời như một người. Mặc dầu là người Ngài đã trở thành một người phi thường (accariya manussa, một người khác thường, một người không giống như những người khác), nhưng không bao giờ Ngài tự xưng là thần linh. Đức Phật đã nhấn mạnh vào điểm quan trọng này và không để cho bất cứ ai có thể nhầm lẫn mà cho rằng Ngài là một thần linh vĩnh cửu, bất diệt. Hữu hạnh thay, không có ai tôn Ngài là thần linh. Tuy nhiên, ta có thể ghi nhận rằng không hề có vị giáo chủ nào "phi thần linh như Đức Phật mà cũng không ai có những đặc điểm y thần linh (giống thần linh) như Đức Phật".

Đức Phật không phải là hiện thân của thần Vishnu trong Ấn Độ Giáo như có vài người lầm tưởng, cũng khể phải là vị cứu thế có quyền năng cứu rỗi kẻ khác bằng cách tự cứu lấy mình. Đức Phật thiết tha kêu gọi hàng tín đồ khể nên ý lại nơi ai khác mà hãy tùy thuộc nơi chính mình để tự giải thoát, bởi vì cả hai, thanh tịnh (trong sạch) hay ô nhiễm chỉ tùy thuộc nơi chính ta.

Để minh định rõ ràng mối tương quan giữa Ngài và hàng môn đệ và để nhấn mạnh tầm quan trọng của sự tự nhận lãnh lấy trách nhiệm và sự kiên trì nỗ lực của mỗi cá nhân, Đức Phật minh bạch tuyên bố: "Các con hãy tự mình nỗ lực. Các Đấng Như Lai chỉ là những vị đạo sư". (Như Lai = Tathagata. Tatha là như vậy, đúng vậy, thật sự. Gata là đến. Tathagata hay

Như Lai là người đã đến đúng như vậy, là một danh xưng của chư Phật, (bậc Ứng Cúng). Chư Phật chỉ vạch con đường và chúng ta phải noi theo con đường ấy để tự chúng ta trở nên trong sạch. "Tùy thuộc nơi kẻ khác để tự cứu mình là tiêu cực, nhưng dám dang lấy trách nhiệm, nương tựa nơi mình và nơi nỗ lực của mình là tích cực". Tùy thuộc nơi người khác có nghĩa là đầu hàng chấm dứt mọi cố gắng.

Đề kêu gọi chư đệ tử chỉ tùy thuộc nơi mình, trong kinh Pari-nibbana Sutta, Đại Niết Bàn, Đức Phật dạy: "Hãy là hải đảo của các con, hãy là nương tựa của các con không nên tìm nương tựa nơi ai khác". Những danh từ đầy ý nghĩa này nâng cao phẩm giá con người. Lời dạy này cho thấy rằng để thành tựu mục tiêu mong mỏi, tự mình nỗ lực một cách kiên trì quả thật là công trình thiết yếu. Tìm sự cứu rỗi nhờ một vị cứu thế trọn lành và khát khao đeo đuổi theo hạnh phúc ảo huyền trong một cuộc sống sau kiếp sống hiện tiền nhờ sự vái van nhữ thần linh tưởng tượng, hoặc nhờ những lời khẩn cầu không được đáp ứng và những lễ tế vô ý nghĩa quả thật là viển vông.

Lại nữa, Đức Phật không dành độc quyền thành đạt đạo quả Phật. Ngài không bao giờ tự hào rằng chỉ duy nhất có Ngài là Phật vì đạo quả Phật không phải là ân huệ đặc biệt dành riêng cho người tốt phước nào. Ngài tiến đạt đến trạng thái tuyệt hảo cao thượng nhất mà bất luận ai có thể ước mong thành tựu và - không có bàn tay nắm lại của một vị đạo sư (không dấu điểm hay bí truyền) - Ngài chỉ vạch con đường ngay thẳng duy nhất dẫn đến đó. Theo lời giáo huấn của Đức Phật tất cả mọi người đều có thể ước vọng tiến đến trạng thái toàn hảo tuyệt đỉnh ấy nếu kiên trì cố gắng đúng mức và đầy đủ. Đức Phật không vội lên án con người, nói rằng con người là kẻ xấu xa tội lỗi mà trái lại, dạy rằng tâm của con người trong sạch vào lúc được thọ thai, và như vậy làm phần khởi con người. Theo quan điểm của Ngài, thế gian không tội lỗi nhưng bị màn vô minh làm mờ ảo. Thay vì làm nản lòng tin đỡ bằng cách nói rằng, "các người là kẻ có tội, chỉ có ta là bậc chí tôn chí thánh" Ngài khích lệ và khuyến dụ nên noi gương và cố gắng làm cho được như Ngài, bởi vì khả năng thành Phật (Phật tính) luôn luôn tiềm tàng ngủ ngầm bên trong mọi người. Nói theo một cách, tất cả mọi người đều có khả năng thành Phật.

Người có chủ nguyện trở thành Phật được gọi là Bodhisatta (Bồ Tát, theo nghĩa uyên nguyên của danh từ, là một chúng sinh có trí tuệ). Lý tưởng của Bồ Tát, hay Bồ Tát Đạo, là cuộc sống đẹp đẽ nhất, thanh cao và tế nhị nhất có thể có trong một thế gian ngã chấp, lấy cái "Ta" của mình làm trung tâm của vũ trụ. Còn gì cao đẹp hơn một đời sống trong sạch và phục vụ bất cầu lợi.

Là một người, Ngài thành đạt đạo quả Phật và công bố trước thế gian năng lực kiến tạo và những khả năng tiềm tàng ngủ ngầm bên trong con người, trọng đại không thể quan niệm được. Thay vì dật lên trên con người một thần linh vạn năng vô hình, độc đoán kiểm soát vận mạng của nhân loại và đặt con người vào địa vị khép nép rụt rè trước một quyền năng tối thượng, Ngài nâng cao phẩm giá của loài người. Chính Ngài đã dạy rằng con người có thể tiến đến giải thoát và trong sạch bằng sự cố gắng kiên trì của mình mà không cần phải tùy thuộc nơi một thần linh ngoại lai hay một tu sĩ trung gian. Chính Ngài đã dạy thế gian vị kỷ lý tưởng cao đẹp của sự phục vụ vị tha, bất cầu lợi. Chính Ngài đã cách mạng chống lại hệ thống xã hội thối hóa, phân chia giai cấp, tuyên dạy bình đẳng giữa người và người, và cho tất cả mọi người cơ hội đồng đều để tiến triển.



Ngài tuyên ngôn rằng cánh cổng thành công và thịnh vượng đã rộng mở cho bất cứ ai - trong mọi hoàn cảnh, giàu hay thấp thánh thiện hay tội lỗi - quyết chí gia công thay đổi cuộc sống và chủ nguyện đạt đến toàn thiện.

Không phân biệt giai cấp, đẳng cấp, hay màu da Ngài thành lập cho những người xứng đáng trong cả hai phái, nam và nữ, một Giáo Hội có tính cách dân chủ gồm những vị sống độc thân. Đối với hàng tín đồ Ngài không bao giờ cưỡng bách phải nô lệ phục tùng. Ngài hoặc giáo lý mà Ngài truyền dạy, mà tất cả đều hoàn toàn được có tự do tư tưởng.

Ngài thoa dịu nỗi thống khổ của người bạc phận với những lời an ủi vỗ vờ. Ngài chăm sóc bệnh nhân mà mọi người đều xa lánh. Ngài giúp đỡ người nghèo đói bị lãng quên. Ngài nâng cao đời sống của người vô minh tăm tối, đem cuộc sống thanh cao đạo đức đến kẻ tội lỗi hư hèn. Ngài khích lệ người yếu kém, đoàn kết người chia rẽ, đem ánh sáng đến kẻ mê mờ, dịu dặt kẻ lầm đường, hướng dẫn người dốt nát, nâng đỡ người thấp kém và tăng cao phẩm giá người cao quý. Người giàu, người nghèo, người thánh thiện và người tội lỗi, tất cả đều quý mến Ngài như nhau. Những bậc vua chúa tàn bạo độc tài, những vị minh quân chính trực, nhữg hoàng tử vinh quang hiên hách và nhữg người sống cuộc đời tối tăm khố ai biết đến, nhữg nhà triệu phú giàu lòng quảng đại và nhữg vị keo kiệt bòn xén, nhữg học giả khiếm tốn và nhữg vị kiêu căng tự đắc, hạng gái giang hồ, hạng người làm nghề bẩn thỉu, hạng sát nhân, hạng người thường bị khinh bỉ - tất cả đều có hưởng nhữg lời dạy vàng ngọc đượm nhuần tử bi và trí tuệ của Đức Bốn Sư.

Giương lành cao quý của Đức Phật là nguồn gợi cảm, là niềm khích lệ cho tất cả. Tác phong đạo đức và dung mạo tự tại, vững lạng và tử bi của Ngài là sự thoa dịu mát mẻ cho người có tâm đạo. Đức Thông Diệp Hòa Bình và Khoan Hông Đại Độ của Ngài, được mọi người đón nhận với niềm hoan không thể tả, là một lợi ích vĩnh cửu cho tất cả nhữg ai có niềm phước được nghe và thực hành.

Bất luận nơi nào mà giáo lý của Đức Phật thấm nhuần, giáo lý ấy cũng in sâu vào tâm tính của dân tộc nhữg ẩn tượng không thể phai mờ. Nên văn hóa trong nhữg quốc gia Phật Giáo được tiến bộ phần lớn là nhờ Giáo Pháp cao siêu của Ngài. Trên thực tế, tất cả nhữg quốc gia Phật Giáo như Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Cam Bốt, Việt Nam, Lào, Nepal, Tây Tạng Trung Quốc, Mông Cổ, Đại Hàn, Nhật Bản v.v. đều trưởng thành trong tổ ấm của Phật Giáo. Dù hơn 2500 năm đã qua từ ngày Đức Bốn Sư nhập diệt phẩm cách độc nhất vô song của Ngài đã gieo ảnh hưởng

và cũng trong đại diện tất cả những ai may mắn được biết Ngài. Ý chí sắt đá, trí tuệ thâm sâu diệu vợi, tâm từ phổ cập đại đồng, tâm bi bao quát vô lượng vô biên, đức phục vụ vị tha, sự thoát ly chưa từng có trong lịch sử loài người, thanh tịnh toàn hảo, phẩm cách có sức thu hút mãnh liệt, những phương pháp toàn thiện mà Ngài đã áp dụng để hoằng dương giáo lý, và sự thành công cuối cùng - tất cả những yếu tố ấy đã khiến khoảng một phần năm nhân dân trên thế giới ngày nay tôn thờ Đức Phật là vị Tôn Sư tối thượng.

Để tỏ lòng tôn kính thâm sâu của mình đối với Đức Phật, Sri Radhakrishnan viết: "Nơi Đức Phật Cổ Đàm ta nhận thấy một tinh hoa toàn thiện của người phương Đông. Ảnh hưởng Ngài trong tư tưởng và đời sống nhân loại là một kỳ công hi hữu, cho đến nay không thua kém ảnh hưởng của bất cứ vị giáo chủ nào trong lịch sử. Mọi người đều sùng kính, tôn Ngài là người đã dựng nên một hệ thống tôn giáo vô cùng thâm cao huyền diệu. Ngài thuộc về lịch sử tư tưởng thế giới, Ngài là kết tinh của thiện trí, bởi vì, đứng về phương diện trí thức thuần túy, đạo đức trang nghiêm và tinh thần minh mẫn, chắc chắn Ngài là một trong những bậc vĩ nhân cao thượng nhất của lịch sử".

Trong quyển "The Three Greatest Men in History" H.G.Wells viết: "Nơi Đức Phật ta thấy rõ ràng là một con người, giản dị, có tâm đạo nhiệt thành, một minh tư lực phát huy ánh sáng tươi đẹp, một nhân vật sống, một con người như mọi người chớ không phải một nhân vật thần thoại ẩn hiện trong nhiều truyền thuyết hoang đường. Ngài cũng ban bố cho nhân loại lời kêu gọi có tính cách phổ thông. Bao nhiêu quan niệm của thế hệ tân thời đều tương hợp với giáo lý ấy. Đức Phật dạy rằng tất cả những gian lao sầu khổ và bất hạnh trong đời đều do lòng ích kỷ sinh ra. Trước khi có thể trở nên vắng lặng, con người cần phải ngừng sống cho giác quan mình, nghĩa là ngừng sống cho chính mình. Rồi từ đó, vượt lên trên tất cả mọi người, Ngài sống cuộc đời siêu phàm. Năm trăm năm trước chúa Ki Tô, xuyên qua nhiều ngôn ngữ khác nhau, Phật Giáo đã kêu gọi con người nên tự quên mình. Đứng về một vài phương diện, giữa ta (là người Âu) và những nhu cầu của chúng ta và Phật Giáo, có nhiều quan điểm gần nhau. Đối với tâm quan trọng của con người trong sự phục vụ, Ngài tỏ ra sáng suốt hơn và đối với vấn đề

trường tồn bất hoại của kiếp nhân sinh Ngài ít lung túng trong biện thuyết mập mờ hơn Chúa Ki Tô".

St. Hillaire ghi nhận: "Là gương mẫu hoàn hảo của tất cả những phẩm hạnh mà Ngài truyền dạy... Đời sống của Ngài không hề có một vết nhơ làm hoen ố".

Fausboll tán dương Đức Phật với những lời lẽ như sau:

"Càng hiểu biết Ngài tôi càng quý mến Ngài".

Một tin đồn tử tôn của Ngài sẽ nói:

"Càng hiểu biết Ngài tôi càng quý mến Ngài. Càng quý mến Ngài tôi càng hiểu biết Ngài".

Những gì người Phật Tử tin

Người Phật tử tin vào khả năng sáng tạo, tiềm tàng ngủ ngầm trong con người, như đã được thấy rõ xuyên qua đời sống duy nhất của Đức Phật Cổ Đàm (Buddha Gotama) vị giáo chủ khai sáng hệ thống triết học và đạo đức thường được gọi là Phật Giáo. Đạo quả Phật, hay trạng thái tuyệt hảo và giác ngộ tối thượng, tiềm tàng bên trong mọi người. Thực tại này là một khích lệ cho những ai giàu lòng từ bi và đức hy sinh càng mạnh tiến trong sự phục vụ kẻ khác và tự mình cải thiện. Con người là một gương máy mảnh liệt mạnh mẽ, không giống như các bộ máy thông thường, rất giản dị lúc sơ khai và trở nên vô cùng phức tạp đến nỗi lúc chấm dứt. Trong gương máy phức tạp của con người yếu tố tối trọng yếu là cái tâm vô hình, đầu ta chủ trương rằng tâm phát nguyên từ đâu.

Chính cái tâm nâng cao phẩm giá con người lên bậc siêu nhân hay hạ thấp con người xuống hàng chúng sinh bất hạnh. Cũng như điện, tâm có cả hai, khả năng xây dựng và sức tàn phá. Tâm là kẻ thù nguy hiểm nhất mà cũng là người bạn lành tốt nhất của con người. Người Phật tử tin rằng cái tâm mảnh liệt ấy là nhân vật tạo hóa và tiêu diệt con người, vừa là vị kiến trúc sư xây dựng định mệnh con người. Chính cái tâm mảnh liệt ấy đã kiến tạo thiên đàng và địa ngục trên quả địa cầu, và cái tâm vô hình ấy nằm bên trong loài côn trùng, loài cầm thú, con người, các bậc siêu nhân và các thần linh. Trong thực tế, con người tự mình là cả một thế giới.

Lý trí không làm cho người Phật tử tin có một tạo hóa độc đoán kiểm soát vận mạng con người và thưởng phạt con người vì làm hay

không làm theo ý muốn của mình trên quả địa cầu. Người Phật tử không tin có một Thần Linh toàn năng, toàn trí, toàn thiện, có mặt ở khắp mọi nơi, trên con người, mà con người phải sợ sệt, phải vâng lời và thương yêu quý mến. Đức Phật hằng khuyên nhủ hàng tin đồ không nên sợ ai, cũng không làm cho ai sợ mình. Đó là nguyên tắc đạo lý căn bản phải được trau dồi và phát triển trong thế gian năng mồi chiến tranh này, nơi mà người ta hy sinh vật quý báu nhất trên đời là sự sống, đặt mạng sống của con người lên trên bàn thờ để tế lễ thần bạo lực, và nơi mà bao nhiêu súng ống bom đạn đang gây sợ sệt, nghi kỵ, hận thù.

Người Phật tử được dạy nên phát triển phẩm hạnh diệu hiền "tâm từ" đối với tất cả, không phân biệt giai cấp, tín ngưỡng, màu da hay nam nữ. Hữu hạnh thay nếu tất cả mọi người đều có thể chung sống với nhau như những công dân của một thế giới mà không có mây may ẩn ý phân chia. Một thế gian xây dựng trên từ bi và lý trí, pha trộn lẫn nhau kiến thức khoa học của Tây Phương và trí tuệ của Đông Phương, là điều mà tất cả những bậc cao minh, nam cũng như nữ, hằng mong muốn.

Người Phật tử không có đức tin nơi sự van vái cầu nguyện một đấng thần linh can thiệp vào công việc của mình mà tin nơi tầm quan trọng của sự cố gắng cá nhân và sự hữu hiệu của pháp môn thiền định, có khuynh hướng tự chinh phục lấy mình, tự kiểm soát lấy mình, tự thanh lọc lấy mình, và tiến đến giác ngộ toàn diện. Tham thiền không phải là im lặng mơ màng mà thật sự là dùng mãnh nỗ lực một cách tích cực và kiên trì. Tham thiền là thước bố cho cả tâm lẫn trí.

Người Phật tử không tin nơi sự ban thưởng hay hình phạt của một chúng sinh siêu phàm cao cả mà tin rằng con người gặt hái những gì mà mình đã gieo trồng, và những gì mình đã gieo, mình sẽ gặt hái một lúc nào, một nơi nào. Đau khổ hay hạnh phúc mà con người chứng nghiệm là hậu quả dĩ nhiên của những gì mà con người đã làm. Điều này hướng dẫn họ đến niềm tin nơi giáo lý Nghiệp Báo (Kamma), định luật nhân quả và trách nhiệm cá nhân của Phật Giáo trong lĩnh vực đạo đức. Nghiệp Báo (Kamma), như một vài người diễn dịch, là "ảnh hưởng của hành động", tự nó là một định luật hoạt động trong lĩnh vực của nó mà không cần phải có sự can thiệp của một nguyên lý độc lập từ bên ngoài ảnh hưởng vào. Lý Nghiệp Báo không phải là

thuyết "định mệnh" cũng không phải là thuyết "tiên định", vì hai thuyết này chủ trương rằng có một năng lực bí ẩn, không được biết, áp đặt trên con người những gì mà con người hoàn toàn phải bó tay cúi đầu hứng chịu. Định luật Nghiệp Báo giải thích vấn đề đau khổ, những bí ẩn của định mệnh và tiền định của vài hệ thống tín ngưỡng, vấn đề thần đồng, và trên tất cả, những hoàn cảnh chênh lệch của nhân loại. Niềm tin nơi lý Nghiệp Báo đem lại cho người Phật tử sự an ủi, hy vọng, tự tin và dũng lạc tinh thần. Lý Nghiệp Báo nêu cao giá trị của đức kiên trì nỗ lực, nung nóng lòng nhiệt thành, làm cho người Phật tử trở nên dịu hiền, khoan hồng đại độ và tử tế ân cần vì họ thấu hiểu rằng không có người thế gian nào hoàn toàn tốt hay tuyệt đối xấu xa hư hỏng.

Nghiệp (kamma), hay hành động bắt nguồn từ vô minh và ái dục, Đức Phật dạy như vậy, và Nghiệp tạo duyên đưa đến Tái Sinh. Hành động trong quá khứ tạo điều kiện cho sự tái sinh trong hiện tại, và nghiệp hiện tại, phối hợp với nghiệp quá khứ tạo điều kiện cho tương lai. Hiện tại là con đẻ của quá khứ và đến phiên mình, trở thành cha mẹ của vị lai. Hiểu theo một lối, chúng ta như thế nào ngày hôm nay là vì chúng ta đã như thế nào trong quá khứ và chúng ta sẽ như thế nào trong tương lai vì chúng ta như thế nào trong hiện tại. Hiểu theo một lối khác, chúng ta như thế nào trong hiện tại không nhất thiết là vì chúng ta đã như thế nào trong quá khứ, và chúng ta sẽ không phải như thế nào trong tương lai vì chúng ta như thế nào trong hiện tại. Thí dụ, một người hư hèn tội lỗi ngày hôm nay có thể có cuộc sống thánh thiện trong ngày mai.

Người Phật tử không tin rằng kiếp sống hiện tại là duy nhất giữa hai vĩnh cửu đau khổ và hạnh phúc. Họ cũng không tin rằng luồng sống hiện tại sẽ hoàn toàn tiêu diệt sau khi chết. Người Phật tử tin rằng "con người chỉ là một trong chuỗi dài vô số những trạng thái chúng sinh và kiếp sống trên quả địa cầu chỉ là một giai đoạn trong nhiều giai đoạn khác". Ta phải nhìn nhận rằng giáo lý này không thể được chứng minh là đúng, cũng không thể được chứng minh là sai, qua một cuộc thí nghiệm, nhưng được chấp nhận như một sự kiện dĩ nhiên có thể kiểm nhận. Giáo lý Nghiệp Báo và Tái Sinh giải thích trường hợp các bất kỳ tài và nhữ thần đồng, trường hợp con cái trong nhà cùng mẹ

cùng cha, cùng trưởng thành trong một môi trường, thọ hưởng một giáo dục, mà khác nhau về tâm linh cũng như về thể xác, trường hợp những bậc thiên tài xuất chúng sinh ra từ những gia đình mà ông bà cha mẹ đều tầm thường trường hợp có những người mà, trước kia chưa từng gặp, vùathấy mặt thì ta đã có lòng thương hay ghét rồi, trường hợp bất đắc kỳ tử, trường hợp xuất hiện trên thế gian những vị giáo chủ như chư Phật với những đặc điểm vô song về mặt vật chất, tinh thần cũng như về phương diện trí tuệ đạo đức, v.v...

Nếu chúng ta quả quyết là có đời sống quá khứ, hiện tại và vị lai, thì tức khắc ta phải đối phó với vấn đề bí ẩn, "Nguồn gốc cùng tột của đời sống là gì?". Để cố gắng giải đáp vấn đề có luồng tư tưởng chủ trương rằng nguyên nhân đầu tiên của đời sống là một nguyên lý, một năng lực của vũ trụ, hay một Nhân Vật vạn năng. Một luồng tư tưởng khác phủ nhận một nguyên nhân đầu tiên bởi vì theo kinh nghiệm chung, trong chuỗi dài nhân và quả, nhân sinh quả và quả trở thành nhân, mãi mãi liên tục như thế. Trong vòng luân nhân sinh quả, quả thành nhân, một nguyên nhân đầu tiên không thể quan niệm được. Theo luồng tư tưởng trước thì đời sống có một khởi điểm trong khi hệ thống tư tưởng sau chủ trương không có khởi điểm.

Khoa học hiện đại, thu hình trong thế giới giác quan, chủ trương rằng ta là sản phẩm trực tiếp của tinh trùng và minh châu của cha mẹ. Nhưng khoa học không giải thích thỏa đáng phần tâm linh là phần vô cùng quan trọng hơn thế xác vật chất, trong gương máy phức tạp của con người. Các nhà khoa học, trong khi quả quyết "omne vivum ex vivo", tất cả đời sống đều do đời sống sinh ra, thì cũng chủ trương rằng tâm và sự sống được sinh ra từ chỗ không có sự sống.

Một vài hệ thống tôn giáo dạy rằng "linh hồn" (tính chất cụ thể của con người) được sinh ra do một Thần Linh, cha mẹ chỉ cung cấp cái vỏ thô sơ bề ngoài cho linh hồn. Theo quan điểm của khoa học, chúng ta được sinh ra hoàn toàn do cha mẹ, và như vậy "đời sống đi trước đời sống" (có đời sống của cha mẹ rồi mới có đời sống của con). Về nguồn gốc của nguyên sinh chất-protoplasm đầu tiên của đời sống hay "colloid" (đầu ta thích dùng danh từ nào để gọi nó), nhà khoa học không biết.

Theo Phật Giáo, chúng ta sinh ra từ cái bào thai hành động (kam-mayoni, hành động hay nghiệp của ta trong quá khứ là bào thai nuôi dưỡng và tạo điều kiện để ta tái sinh). Cha mẹ chỉ cung cấp cho ta phần vật chất. Như vậy, "chúng sinh đi trước chúng sinh" (một chúng sinh trong kiếp quá khứ có những hành động tạo điều kiện đưa đến một chúng sinh ở kiếp hiện tại). Lúc thọ thai, chính nghiệp hay hành động trong quá khứ tạo điều kiện cho thức đầu tiên làm nguồn sống cho thai bào. Chính nghiệp lực vô hình ấy phát sinh từ kiếp sống quá khứ, tạo ra những hiện tượng tâm linh và những hiện tượng của đời sống trong những hiện tượng vật chất sẵn có (tinh trùng và minh châu của cha mẹ) để gồm đủ ba yếu tố - tam nguyên - cấu thành con người. Về nguồn gốc cùng tột của đời sống Đức Phật quả quyết tuyên bố: "Khởi điểm của vòng luân hồi (samsara, luân chuyển miên) quả không thể nhận ra. Khởi thủy tột cùng của những chúng sinh bị màn vô minh che lấp và áidục trôi buộc, thành thang bất định không thể nhận ra được.

Đời sống tựa hồ như giòng nước chảy trôi vô cùng tận. Ngày nào còn tiếp nhân nước bùn của vô minh và ái dục thì giòng đời còn trôi chảy. Chỉ khi nào vô minh và ái dục hoàn toàn bị cắt đứt thì luồng sống mới chấm dứt, không còn tái sinh nữa, như trường hợp của chư Phật và chư vị A La Hán. Khởi thủy cùng tột của luồng sống ấy, không thể xác định. Nói đây, Đức Phật chỉ đề cập đến giòng đời của chúng sinh. Hãy để cho các nhà khoa học suy cứu về nguồn gốc và lịch trình tiến hóa của vũ trụ.

Ta nên phân biệt giáo lý Tái Sinh của Phật Giáo với sự chuyển sinh linh hồn và thuyết đấuthai của các tôn giáo khác, bởi vì Phật Giáo phủ nhận sự hiện hữu của một linh hồn trường cửu, hay một thực thể bất biến chuyển sinh từ kiếp sống này đến kiếp khác. Để chứng minh sự hiện hữu của một cuộc sống hạnh phúc vô cùng tận trên trời và những đau khổ cũng bất tận trong một địa ngục vĩnh cửu, cần thiết phải có một linh hồn trường cửu.

Phật Giáo không phủ nhận hoàn toàn sự hiện hữu của một cá thể hiểu theo nghĩa thông thường. Trong ý nghĩa cùng tột, Phật Giáo phủ nhận một chúng sinh không biến đổi hay một thực thể thường còn nhưng không phủ nhận một tiến trình liên tục. Giòng đời đi động chảy trôi không ngừng. Sự liên tục tiếp diễn của những hiện tượng tâm vật lý, do nghiệp lực tạo điều kiện, bắt nguồn từ

trong quá khứ vô tận mà khởi thủy không thể quan niệm được, cũng như không thể quan niệm được điểm chấm dứt của sự liên tục ấy trong tương lai, ngoại trừ bằng cách viên mãn thực hành Bát Chánh Đạo. Đó là ý niệm của Phật Giáo về một bản ngã trường tồn bất biến hay một linh hồn vĩnh cửu, không thay đổi, trong những hệ thống tôn giáo khác.

Phật Giáo tin rằng Bát Chánh Đạo - gồm Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm, Chánh Định - là con đường "Trung Đạo" duy nhất dẫn thoát ra khỏi mọi phiền lụy của đời sống, những khổ đau phiền lụy mà tất cả đều phải hứng chịu trong khi trải qua cuộc thăng thang bất định. Con Đường Trung Đạo (Majjhima Patipada) này không phải là con đường siêu hình cũng không phải con đường nghi thức, không phải tín điều (mà tín đồ phải nhắm mắt tin càng) cũng không phải hoài nghi, không phải con đường lợi dưỡng cũng không phải ép xác khổ hạnh, không phải chủ trương đời sống là vĩnh cửu cũng không dạy rằng sau kiếp sống này con người sẽ hoàn toàn tiêu diệt, không bị quan cũng không lạc quan mà thực tiễn, và không tuyệt đối tại thế cũng không hoàn toàn ở ngoài thế gian. Đó là con đường dẫn đến giác ngộ, là phương tiện để thoát ra khỏi mọi khổ đau.

Phật Giáo không lý trí hóa sự đau khổ mà chấp nhận những bất hạnh của đời sống như một thực tại rồi cố tìm ra nguồn gốc và phương pháp diệt trừ nó. Với niềm tin hoàn toàn vững chắc người Phật tử noi theo lối sống duy nhất mà Đức Bốn Sư đã thực hành và truyền dạy để thành đạt mục tiêu cứu cánh, Niết Bàn, và Niết Bàn có thể được thành tựu trong chính kiếp sống này. Đứng về phương diện luân lý Niết Bàn là hoàn toàn tận diệt tham, sân, si. Về phương diện tâm lý Niết Bàn là tận diệt "Tự Ngã", cái được gọi là "Ta". Về phương diện siêu hình đó là sự chấm dứt tiến trình trở thành (hữu) hay hoàn toàn giải thoát ra khỏi mọi hình thức đau khổ.

PHẠM KIM KHÁNH

KHOA HỌC và ĐẠO

Dr. Adam Aziz, nhân vật khá quan trọng trong "Bầy Trẻ Đêm", tác phẩm đã đưa Salman Rushdie lên địa vị một nhà văn lớn và giải Booker Prize năm 1981, là một giáo trưởng với những xung đột nội tâm nặng nề vì mất niềm tin tôn giáo, "chỉ còn lại một khoảng trống rỗng lớn trong tâm hồn". Tác giả của "Bầy Trẻ Đêm" cũng trải qua một kinh nghiệm tương tự. Sinh ra trong một gia đình Hồi giáo ngoan đạo ở Ấn, nhưng khi lớn khôn thì mỗi lúc mỗi xa dần với tín ngưỡng truyền thống, chỉ vì nên học văn "Không - Hồi giáo" nhất là những kiến thức mà ông đã thu nhận được trong thời gian học sử ở Đại học Cambridge Anh quốc. "Tôi không còn có thể chấp nhận những tín điều bất khả nghi của tôn giáo mình và đã tìm cách lấp đầy lỗ trống tâm hồn bằng văn chương..." Tác phẩm mới nhất, "The Satanic Verses - Những Đoạn Kinh của Quỷ" làm Rushdie nổi tiếng toàn thế giới, một cách ngang trái. Đó là một câu chuyện với những tình tiết, địa danh và nhân vật tưởng tượng nhưng để làm người đọc liên tưởng đến những thiêng liêng Hồi giáo, để nghĩ rằng tác giả đã mang những thiêng liêng này ra làm trò cười; và khởi tin đồn Hồi giáo đã phản ứng quyết liệt. Có bằng chứng thần thánh hay không thì những xung đột tai hại này cũng đã bắt nguồn từ chính nội tâm của Salman Rushdie.

Một người bạn của tôi, người Do Thái, sinh viên du học, từ gần một năm rồi cũng đã trải qua những khủng hoảng tương tự. Chúng tôi khác ngành (anh ta đến đây để làm luận án, một chuyên đề gì đó thuộc về Vật lý Thiên văn), quen nhau chỉ vì cùng làm việc chung trong một công trình một năm về sự phân phối năng lượng của các "hạt vi tử căn bản" trong vũ trụ. Chẳng mấy chốc mà đã trở nên khá thân thiết, những lúc rảnh chúng tôi thường hay nói về đủ thứ chuyện trên trời dưới biển và anh thường làm tôi ngạc nhiên vì những vui buồn bất chợt của mình. Dần dần tôi biết anh có những bản khoản về niềm tin. Hoàn cảnh đặc biệt của gia đình

VŨ NGUYỄN KHANG

cha là người ngoan đạo trong khi mẹ lại là kẻ vô thần - đã ghi lại trong anh những ấn tượng sâu sắc. "...trong nhà thường có những đàm luận về chính trị, tôn giáo, ... với sự tham dự của bạn bè của ba mẹ tôi - dĩ nhiên cũng chia làm hai phe... lớn lên tôi học triết, rồi thiên văn cũng chỉ vì muốn đi tìm một câu trả lời. Dần dần thiên văn học chính phục tôi hoàn toàn, còn những câu hỏi về tôn giáo mất dần ý nghĩa. Càng đi sâu vào chuyên môn càng có cảm tưởng Thượng Đế mỗi lúc mỗi thấp xuống. Bảy giờ tôi sợ rằng tôi sẽ đi tới những kết luận vội vàng". Có lần anh nói rõ hơn về những suy tưởng của mình: "Nhiều khi tôi thấy sợ. Gồm chỗ này một ít công thức, chỗ kia một ít kết quả, gộp lại để đưa ra một mô hình... người ta để có cảm tưởng làm chủ mọi sự, tưởng thế giới cũng đơn giản như những gì mình học hỏi, cuối cùng tưởng mình có quyền năng của Thượng Đế. Nhìn vào một vài mẫu xương, nhà khảo cổ có thể cho biết đó là xương người hay thú, nam hay nữ, chết bệnh hay bị giết, bao nhiêu tuổi, sống vào lúc nào... Với một số dữ kiện hiện hữu người ta có thể thiết lập một mô hình chuyển động của vũ trụ triệu năm trước và triệu năm sau. Đơn giản đến phát sợ!" Tôi vừa đùa vừa thật, rằng anh ta phải học thêm vật lý lý thuyết để biết rằng tất cả các kết quả, các công thức, lý thuyết, ... đều được xây dựng trên căn bản gần đúng, nghĩa là độ chính xác vô cùng tương đối, hoặc phải có tâm hồn Đông phương để thấy rằng người ta chỉ bắt được những phóng chiếu của thực tại, của chân lý vốn có muôn hình vạn trạng và không bao giờ biết được chính chân lý, và nên nhớ rằng vật lý nguyên lượng (quantum physics) cũng không nói khác. Kiểm lý luận "bất khả tri" của tôi dĩ nhiên không làm vừa lòng những tâm hồn rắc rối, hay đi tìm những cái vô cùng như anh. "Tin vào khoa học thì vẫn

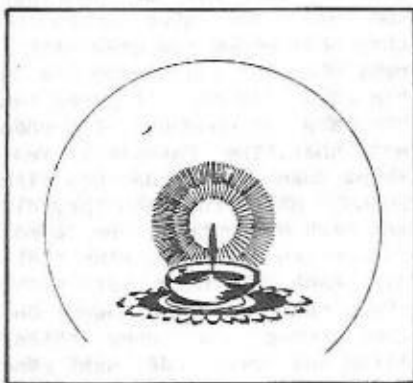
phải tin, nhưng khoa học lại không cho thấy vai trò của Đấng Sáng Tạo (!) Thượng đế tạo nên Quả Đất, cây cỏ, chim muông và thú vật, "cuối cùng" tạo nên con người để thống trị muôn loài. "Cuối cùng" và "đầu tiên" là gì theo khoa học? Vũ trụ được phát sinh theo những định luật cơ giới, cái này sinh cái kia diệt. Chẳng có gì để chắc chắn rằng chỉ có một vũ trụ duy nhất, và Quả Đất cũng có thể chỉ là một trong vô số những tinh cầu có sự sống trong một vũ trụ. Con người cũng chẳng được tạo dựng cách đặc biệt mà là kết của một chuỗi các quá trình tiến hóa bất tận có tính xác xuất (may rủi), cũng chỉ là một sinh-vật-với-một-thần-kinh-hệ-phức-tạp-hơn-những-con-vật-khác..."

Những suy nghĩ loại này tôi đã thấy trong các tác phẩm của những khoa học gia có tâm hồn triết học. Quả đã có những xung đột lớn giữa khoa học và tôn giáo ở Tây phương và thường thì chúng dẫn con người đến chỗ hoặc từ bỏ tôn giáo, kể cả những giá trị cao đẹp mà tôn giáo mang lại, hoặc khinh bỉ và chối từ tất cả những sáng tạo của lý trí. Đạo đức và luân lý được tạo dựng trên những liên đới giữa người và người nhưng thường được gán ghép cho thần thánh nên đã có nhiều nền văn hóa suy tàn theo cái chết của những vị thần. Cổ Hy Lạp sau khi Socrates hạ bệ thần linh là một trong nhiều thí dụ. Khá nhiều người đã từ bỏ tôn giáo của mình vì các giáo hội không còn thỏa mãn các nhu yếu thời đại, hoặc vì một số tín điều đã bị khoa học chối bỏ và không ít người đã từ bỏ luôn các giá trị đạo đức cũ. Xã hội dĩ nhiên trở nên hỗn loạn nếu các giá trị mới không đủ sức thay thế. Những cơn sốt về trộm cướp, giết người, tự tử, bệnh tâm thần, loạn luân, ... trong các bảng thống kê làm ta sờn lòng... và người ta lại kêu gọi trở về với tôn giáo hoặc kết tội khoa học. Có thể đúng, vì cho đến bây giờ khoa học vẫn chỉ được hiểu qua những thành tựu kỹ thuật mà phần lớn chỉ phục vụ cho những tham muốn vô bờ và kỹ nghệ vũ khí...

Người bạn của tôi đang sợ phải lựa chọn giữa khoa học và tôn giáo, vì như anh nói, càng đi sâu vào khoa học càng gặp nhiều mâu thuẫn khoa học tôn giáo. Tôi nghĩ rằng anh quên một điều: những mâu thuẫn này thực ra đã làm sự hiểu biết về tôn giáo của người cao và đẹp thêm. Ngày nay ít ai (?) còn hiểu Thượng đế như một vị thần với tay chân

mắt mũi, có những buồn thương giận ghét như con người nữa. Những bản khoán của anh đời lúc cũng làm khổ tôi không ít; vì có khi anh không đến trường hoặc đến cho có lệ, và tôi phải một mình làm tất cả công việc của hai người: những bài tính dài lê thê, những ghi chép tỉ mỉ, những thí nghiệm rắc rối... Giáo sư hướng dẫn cũng đã để ý đến, ông dọa sẽ trình lên Hội Đồng Nghiên Cứu... Và tôi phát cáu.

Tôi tin cho rằng có hay không có một Đấng Tạo Hóa không phải là vấn đề đối với tôi, con người có là một sinh vật với một thần kinh hệ phức tạp cũng chẳng sao. Đạo đức là nhân tạo hay có tính cách thiên khai thì chẳng có mấy ai thực sự đạo đức, người ta chỉ nói về đạo đức... Như bao nhiêu người khác, tôi và anh cũng chẳng có chút tiến bộ về tâm linh nào, dù những khuôn mẫu đạo đức cao đẹp nhất đã được thành lập từ bao nhiêu ngàn năm trước chỉ thay thế những cuộc tế thần với đầy đủ các nghi thức huyền



bí, đã man bằng những trò chơi mới, những cuộc hòa nhạc, những buổi đá bóng trên truyền hình. Những thần núi, thần sông xưa được thay thế bằng những ca sĩ nhạc rock, những tài tử điện ảnh... Con người vẫn ở trong trạng thái "lên đồng", hồn phách bị thu hút trong những nhịp điệu, khi các thần tượng xuất hiện trên sân khấu, trên màn ảnh. Chiến tranh vẫn xảy ra liên tục, với cùng một mức độ dã man như thời con người còn man rợ; chỉ có những phương tiện chém giết là thay đổi, tinh vi hơn... Thế thì đây là những thay đổi, những tiến bộ về đạo đức?... Điều làm tôi bận tâm là làm thế nào để tôi - khi đang ba hoa về một chiếc xe mới mua, khi đang yên lặng và hài lòng trong sự cầu nguyện, khi đang thỏa mãn trong việc tìm quên một nỗi buồn già tạo nào đó bằng men rượu, ... vẫn còn có thể nghĩ được rằng ở đâu đó trên mặt Đất có vô số người

đang đói khổ và chết thảm... Điều chưa chắc là trong lúc tôi và anh đang ngồi đây nói những điều tưởng như hay ho lắm, thì người thân của tôi đang bận tâm về việc kiếm sống, việc làm sao để sống cho tới ngày mai!...

Dường như những gì tôi nói đã phần nào xoay sự suy nghĩ của anh ta về một hướng khác. "Nghĩ được như thế thì làm sao?" Anh hỏi như thế mấy hôm sau, "con người nhỏ bé làm sao có thể thay đổi mọi sự!" Tôi cũng chẳng biết làm sao. Vì tôi vẫn còn nghĩ như một kẻ bàng quang, chưa như - một với những gì mình nghĩ, chưa đau được cái đau của người... Chợt liên tưởng đến những người cùng lứa tuổi đang âm thầm trong công việc làm của họ ở các trại tỵ nạn, trên những chiếc tàu vượt người, và những người suốt đời bôn ba tranh đấu cho một lý tưởng cao đẹp nào đó...

Điều chắc chắn là đã đến lúc anh nên đọc một vài quyển sách, khởi đầu là "The Tao of Physics" - quyển sách nổi tiếng của Frit-jof Capra. Vị giáo sư, học giả, nhà vật lý lý thuyết lừng danh nay đã từng thao thức, từng bản khoán và khởi sự đi tìm. Ông đọc các sách về Thiền, khởi đầu bằng sự tò mò trí thức, sau đó dùng chính bản thân để thực nghiệm: ngày làm công việc nghiên cứu và giảng dạy, đêm đến tập Thái cực quyền, học Thiền, sinh hoạt chung với những người trẻ có cùng một thao thức. Trong "The Tao of Physics", ông đem những thành tựu lớn lao của vật lý hiện đại so sánh với Đạo học Đông phương (Phật, Lão và những tinh túy của Ấn giáo) để từ đó cho thấy những tương đồng kỳ diệu. Điều này không có gì mới lạ, vì trước Capra đã có nhiều nhà khoa học lỗi lạc nhận thấy và đề cập đến, họ chỉ không đưa ra một so sánh toàn diện và có hệ thống như ông đã làm mà thôi. Người ta cũng dễ đi đến một kết luận dễ dàng là "nếu vậy thì chỉ cần theo con đường khoa học!". Kết luận của Capra thì không dễ dàng, vì - như ông đã cho thấy trong "The Tao of Physics" - khoa học chỉ cho ta những mảnh vụn của Thực Tại, của Chân lý, trong khi Đạo học cho ta cái toàn thể và Đạo lại không thể đạt qua sự học hỏi sách vở hoặc lòng tin đơn thuần, nó phải được thực chứng. Capra viết về Đông phương cho người đọc Tây phương nhưng ở điểm này ta thấy đó cũng là một lời nhắc nhở cho những người Đông phương biết mình có kho tàng tuệ giác nhưng đã quên rằng sự thực chứng là chìa khóa duy nhất để mở kho

tàng. (Dường như tôi cũng biết khá nhiều về Phật giáo, có thể nói chỉ li ti mĩ, thí dụ, về Bát Chánh Đạo, và cũng chỉ biết nói!). Có một nhà khoa học lấy làm phiền lòng vì Fritjof Capra không tiếc lời ca ngợi các truyền thống Đạo học Đông phương hoặc viết những câu để gây dựng chạm đến tự ái văn hóa, tự ái tôn giáo như khoa học hôm nay phải là con đường dẫn đến sự giác ngộ" (nguyên văn : "lead us to the Buddha", ấn bản lần thứ 2) nên gần đây đã "cà khịa" nhẹ nhàng trên tạp san khoa học - hình như là Physics Today thì phải. Thực ra thì ông cũng thỉnh thoảng để niềm tin "huyền bí" của mình vượt lên sự khách quan khoa học; như sử dụng triết lý Phật giáo để "doán mò" rằng phải có một liên hệ không-giống-cũng-không-khác (phi nhất phi di) giữa các lý thuyết vật lý được xem là hoàn toàn khác biệt. Đây là một "vấn đề lớn", làm khổ các nhà khoa học mấy mươi năm, không thể nói vấn đề ở đây... Điều đáng nói là ông đã đoán đúng!

Hai Quốc Độ

Có bao nhiêu quốc độ? Câu hỏi thật bất ngờ mà chắc bạn và tôi không ai có thể giải đáp được. Tuy nhiên nếu nhìn theo khía cạnh hiểu biết hạn hẹp của thế gian, thì người ta có thể đếm được chính xác bao nhiêu quốc độ hiện đang có mặt trên quả địa cầu này từ trong năm lục địa: Á châu, Âu châu, Phi châu, Úc châu và Mỹ châu. Còn xét bao trùm, ta không thể nào biết đích xác có bao nhiêu quốc độ ngoài cái quốc độ địa cầu này. Trong kinh Phật, Ngài vẫn thường nói có vô số quốc độ nhiều như số cát sông Hằng, tóm lại tựu chung trong mười phương tám hướng, mà chỉ có Phật biết được vì Ngài có Phật nhãn nên mới nhìn thấy được. Điều này, ngày hôm nay đã được khoa học xác nhận là đúng, vì ngoài cái quốc độ địa cầu mà con người sinh sống, bây giờ người ta đã khám phá ra được biết bao các quốc độ xa lạ, xa ngoài địa cầu và đang được thám hiểm với hy vọng là trong tương lai con người có thể lên đó sinh sống được. Như vậy ta thấy rằng Đức Phật không những là một nhà tôn giáo vĩ đại, mà còn là một khoa học gia tài ba, vì lời nói của Phật bao giờ cũng xác thực cả!

Ở đây tôi xin mời bạn hãy cùng tôi thử tìm xem một số quốc độ gần ta nhất, mà tôi xin trình bày sau đây: đó là quốc độ thanh tịnh và quốc độ bất tịnh! Đọc tới đây, bạn đừng la hoảng lên là chưa bao giờ nghe thấy hai cái tên quốc độ kỳ lạ này, và tự hỏi nó nằm ở đâu, trên trời dưới đất? Xin thưa là nó chẳng ở đâu xa xôi, mà nó ở ngay chính bên ta mỗi ngày đây, nó hiện rồi nó biến, nó tăng nó giảm là cũng chính do mình điều khiển chứ không ai khác. Bạn hãy thử tĩnh tâm suy nghĩ sau một ngày tàn, những gì ta làm và chứng kiến trong ngày, thì bạn sẽ thấy cái quốc độ thanh tịnh và bất tịnh, nó hiện ra trùng trùng lớp lớp như từng làn sóng dập dờn trong tâm hồn bạn. Nếu một ngày, bạn gặp toàn những chuyện may mắn, thuận theo ý bạn, và bạn vui vẻ với mọi người, bạn làm nhiều điều tốt đẹp cho nhiều người



● PHÚC THỊNH

xung quanh bạn, là ngày đó dù sau một ngày làm việc mệt mỏi, mà bạn vẫn cảm thấy vui lạ thường, đó là bạn đã có được một quốc độ thanh tịnh trong lòng bạn rồi đó. Còn ngược lại? Nếu bạn gặp toàn chuyện xui xẻo, đi làm bị chủ rầy la, rồi bực bội lây với người đồng sở, dâm vệ nhà cáu kính cả với người thân, thì ngày đó bạn đã tạo cho mình một quốc độ bất tịnh rồi đó. Cái quốc độ bất tịnh này, đáng tiếc là nó lại hiện hữu thường xuyên hơn cái quốc độ thanh tịnh kia, nó rất nguy hiểm vì nó hành hạ ta, làm cho ta hao mòn thể lực và tinh thần và dễ xui khiến ta chuốc lấy những phiền toái vô ích.

Còn tôi, trước đây cũng thường xuyên gặp hai loại quốc độ này cũng giống như bạn hiện giờ, và tôi đã cho là chính môi trường sống đã đem lại cho tôi, vui sướng hay đau khổ! Nhưng thực sự là chính mình tự tạo cho mình 2 quốc độ này đó bạn. Không tin tôi chẳng? Vậy bạn hãy làm thử theo phương pháp sau đây, mà tôi đã thử áp dụng và thấy có hiệu nghiệm, để tạo cho mình luôn luôn có một quốc độ thanh tịnh! Tôi cố gắng nghĩ và làm một điều thiện, không phải chỉ có sự liên hệ giữa con người mà lan tràn ra đến cả loài cầm thú. Nếu gặp điều trắc trở, bực bội, phiền toái, tôi áp dụng câu nhân nhục, cố gắng giải quyết cho êm đẹp, để tâm hồn mình không "đắt băng dậy sóng" là tôi đã chặn đứng được cái quốc độ bất tịnh, chỉ chờ cơ hội là xuất hiện trong tâm hồn. Tôi nhận xét là, cứ mỗi lần đi chùa dự khóa lễ cầu kinh, là tôi cảm thấy cái quốc độ thanh tịnh của tôi nó tràn lan vô bờ bến, mà rất tiếc là ở



VIÊN GIÁC

Tạp chí của Kiều bào và Phật tử Việt nam tỵ nạn tại Cộng Hòa Liên Bang Đức

CÓ GÌ LẠ???

SƠ ĐỨC MÃ NHUẬN BÚT

Gửi gáp truyện ngắn, hồi ký, tùy bút... về Viên Giác

c/o Pagode VIÊN-GIÁC
Eichelkampstr.35a, 3000Hannover81
☎ 0511 - 86 46 38

Lá thư trang thiếu nhi

*Nếu hỏi rằng em yêu ai
Rằng em, rằng em yêu má nè
Rằng em, rằng em yêu ba nè
Yêu chị, yêu anh, yêu hết cả nhà
Nhưng yêu nhất là chị vú cơ...*

Bài hát ví von kia làm chị nhớ đến buổi thuyết pháp của Thầy cách đây đã lâu. Hôm đó Thầy hỏi quý đạo hữu thương gì "nhất"? Mọi người nhìn nhau cười vì khó trả lời quá. Một em bé lên tiếng "thương mẹ nhất". Đầu đó vang nhỏ nhỏ "thương tiên nhất". Cuối cùng một vị lớn tuổi, bèn lên trả lời "thương mình nhất". Chao ôi! mới nghe qua thật là ích kỷ, nhưng hình như là vậy đó. Cái "mình" không lớn, không to sao được, khi mà mọi người đều điều đứng phục vụ, cung phụng cho nó. Ăn phải ngon, mặc phải đẹp. Ai khen mình thì tươi như hoa nở, nhưng lời chê bai nào lọt vào tai thì sân si đứng đùng nổi dậy, tưởng có thể phá được cả những thành quách đồ sộ, kiên cố.

Các em nhỏ yêu mẹ, yêu cha. Thế mà thương nhất vẫn là chị vú. Tại sao nhỉ? Phải chăng chị vú là người cho em dòng sữa ngọt. Đây các em thấy không, cũng là phục vụ cho cái mình đó chứ. Tình yêu của mình có lúc gò bó trong dòng sữa ngọt. Khi thì vị kỷ đòi hỏi đối tượng yêu là sở hữu riêng. Như Nguyễn Bình thẳng thắn nói :

Cô là tất cả của riêng tôi

Hoặc ngần ngại như làn khói, loảng tan vào không gian không định hướng.

Làm sao định nghĩa được tình yêu

Có nghĩa gì đâu một buổi chiều

Sở dĩ chị nhắc ra đây những tình yêu nhỏ bé, để thấy một tình thương bao la, vĩ đại mà Thái Tử Tất Đạt Đa đã mang theo đi tìm đường giải thoát cho nhân loại. Ngài cũng như chúng ta, thương cha, mẹ, vợ, con và "mình". Nhưng những cái yêu thương kia gom góp cũng không sao đề nổi một tình thương nóng hổi, bao trùm tất cả chúng sanh. Dùng vậy, Ngài đã sinh ra từ hạnh nguyện tử bi, để rơi lớn lên lia bỏ cung vàng điện ngọc tầm đao giải thoát cũng vì tình



**Vài nét về cố
Huynh Trưởng
Cấp Dũng
Tâm Chánh
Hoàng Thị Kim Cúc**

Quyển Trưởng Ban Hướng Dẫn Trung Ương Gia Đình Phật Tử tại Việt Nam.

Huynh Trưởng Cấp Dũng TÂM CHÁNH Hoàng Thị Kim Cúc, sinh ngày 5 tháng 12 năm 1913 tức ngày 8 tháng 11 năm Quý Sửu tại Thừa Thiên. Thân phụ của Chị là Cụ Hoàng Phùng là một nhà Nho rất thanh liêm và rất sùng Đạo Phật; Thân mẫu Chị Cụ bà Tôn Nữ Kim Huế, xuất thân từ một gia đình Hoàng Tộc. Thừa hưởng được nền giáo dục Nho phong, quý phái và đầy đủ về đạo đức, Chị lớn lên với rất nhiều đức tính. Sau khi tốt nghiệp xong chương trình Trung học Pháp, Chị đã đảm nhận những chức vụ :

- Giám thị trường Nữ Trung Học Đồng Khánh Huế.
- Giáo sư Nữ công gia chánh Trường Nữ Trung Học Đồng Khánh Huế.

yêu cao đẹp ấy. Để theo gương Ngài, chị nghĩ mình phải lánh xa những ý niệm yêu thương vị kỷ, mà yêu phải là cho vui và cứu khổ.

Nếu em là Oanh Vũ thì nhớ đến điều luật thứ ba :

- Em thương người và vật
- Là một thanh thiếu niên thì đừng quên điều thứ hai trong năm điều luật :
- Phát từ mở rộng lòng thương và tôn trọng sự sống.
- Hãy thực hành hạnh Tứ Bi để đón mừng Đản Sanh đấng Từ Phụ.

Tâm Bạch

- Phụ tá Hiệu trưởng Trường Nữ Trung Học Đồng Khánh Huế.
- Tiếp tục dạy Nữ công gia chánh cũng tại Trường Nữ Trung Học này.
- Chị đã viết rất nhiều sách về nghệ thuật nấu ăn và cách nấu chay và măn đã được xuất bản và phát hành trên toàn quốc. Sách của Chị rõ ràng, dễ hiểu và rất được sự ham mộ của đa số Phụ nữ Việt Nam.
- Riêng đối với tổ chức Gia Đình Phật Tử, Chị không những là người có công rất lớn trong việc khai mở, xây dựng và nuôi dưỡng với một tinh thần phục vụ tuyệt đối. Cuộc đời Chị đã gắn liền với tổ chức từ ngày thành lập; Chị đã vui buồn theo sự thịnh suy của Tổ chức. Có thể nói rằng Chị là Nữ Huynh Trưởng rang rỡ nhất về mặt đạo đức trong hàng ngũ Nữ Huynh Trưởng Việt Nam. Chị không những để lại một tấm gương sáng cho toàn thể Tổ chức.

- NHỮNG ƯU ĐIỂM LỚN TRONG CON NGƯỜI CHỊ :

- 1- Trầm lặng, bình tĩnh và kín đáo.
- 2- Thương yêu Anh, Chị em đồng sự như Anh, Chị, Em ruột thịt của mình. Điển hình trong mùa Pháp nạn 1963, thời gian này Chị đang đảm trách chức vụ Phó Trưởng ban Ngành Nữ Ban Hướng Dẫn Trung Phần, mặc dù bị bắt và được thả ra trong thời gian ngắn nhưng Chị cũng cùng chia sẻ "nỗi lao tù" của Anh, Chị, Em bằng cách tự nguyện ăn chay cho đến khi nào Huynh Trưởng cuối cùng ra khỏi nhà tù và hạn chế giao thiệp với mình ngoài việc đi dạy, và tự tay đẩy mình trong con đường từ nhà đến trường, Chị đã không đi đến bất cứ nơi nào.
- Năm 1966, thêm một lần Pháp nạn. Một số Anh, Chị em Huynh Trưởng phải lẩn trốn sự truy lùng của Chính quyền. Chị vẫn lên lút tìm cách giúp đỡ các Anh, Chị, Em cùng gia đình của họ và Chị lại tiếp tục ăn chay cầu nguyện. Trong thời gian này Chị cũng đã cương quyết từ chối những đặc ân của nhà

Trưởng đàn cho Chí với mục đích được gần gũi Anh, Chị, Em trong cũng như ngoài tù. Nhưng những đặc điểm nổi bật nhất của Chí vẫn là: - Dám đương đầu và dám hy sinh trong những lúc khó khăn hiểm nghèo và cam go nhất của Tổ chức. Chí là người luôn luôn can đảm nhận lấy trọng trách, cụ thể Chí đã nhận Trưởng Ban Hướng Dẫn Trung Phần vào năm 1963 và Quyền Trưởng Ban Hướng Dẫn Trung Ương Gia Đình Phật Tử Việt Nam năm 1975. Chí là linh hồn của Tổ chức sau năm 1975, những sinh hoạt công khai không còn nữa. Các buổi họp Đoàn được đổi thành những buổi học Phật, những ngày Tu bát quan trai. Những hội họp là những gặp gỡ trong các khóa lễ Cầu an, Cầu siêu hay các ngày Vía Phật...Chị đã không quản ngại tuổi già, sức yếu đường xa xa xôi, cách trở. Chị đã lặn lội đến thăm các đơn vị xa xôi hẻo lánh của những vùng kinh tế mới nơi rừng thiêng nước độc. Chị đã đi chuyển bằng tất cả mọi phương tiện từ máy bay, xe đò, xe gắn máy đến máy cày, xe đạp và cũng đã lội bộ hàng chục cây số đường đất để thăm viếng, để khích lệ tinh thần và cũng để được nhìn tận mắt những Đoàn viên trung kiên của Tổ chức và Chị đã ngộ nạn khi đi chuyển trên xe gắn máy trên đường đến thăm các Anh, Chị, Em Huynh Trưởng cao niên tại Sài Gòn. Đây là điểm đặc biệt biểu lộ cá tính trầm tĩnh, cương quyết và thâm trầm của Chí: Năm 1963 được tự do đi lại Chí đã quyết định tự tù đầy để san xẻ "nỗi lao tù" của Anh,Chị em: Năm 1975 sự đi lại rất hạn chế, phương tiện rất khó khăn, Chị lại quyết định đi khắp đó đây, để thăm viếng để giữ vững tinh thần của Tổ chức dù biết nguy cơ hiểm nghèo đến với Chí bất cứ lúc nào...

- Bảo tồn kỷ cương của Phụ Nữ Việt Nam. Chủ trọng đưa ngành Nữ Gia Đình Phật Tử đi vào nề nếp căn bản đạo đức. Đào tạo Nữ Phật Tử sống đúng cung cách của một Phụ Nữ Việt Nam hoàn toàn. Mặc dù theo Tây học nhưng chị không hề bị một chút ảnh hưởng nào của nền văn hóa nước này, điển hình trên cung cách phục sức và trang điểm của Chị.
- Trong khóa hội thảo toàn quốc năm 1965, Chị đã mạnh dạn tách rời sinh hoạt Ngành Nữ để có một hệ thống sinh hoạt ngang hàng nam và nữ trong tổ chức.

- NHỮNG CHỨC VỤ CỦA CHỊ TRONG TỔ CHỨC GIA ĐÌNH PHẬT TỬ VIỆT NAM :

- Đoàn Trưởng Đoàn Nữ Phật Tử Liên Hướng.
 - Phó Trưởng Ban Ngành Nữ Ban Hướng Dẫn Tỉnh Thừa Thiên.
 - Trưởng Ban Hướng Dẫn Tỉnh Thừa Thiên.
 - Phó Trưởng Ban Ngành Nữ Ban Hướng Dẫn Trung Phần.
 - Phó Trưởng Ban Ngành Nữ Ban Hướng Dẫn Trung Ương Gia Đình Phật Tử Việt Nam.
 - Quyền Trưởng Ban Hướng Dẫn Trung Ương Gia Đình Phật Tử Việt Nam.
- Đặc biệt tất cả những khóa hội

thào Ngành Nữ, trại họp ban Ngành Nữ, đại hội Ngành Nữ... hoàn toàn do Chị chủ trì.Chị đã đảm nhận vai trò Trại Trưởng cho rất nhiều trại nổi tiếng ở Việt Nam, tiêu biểu :
- Trại Trưởng Trại Họp Bạn Ngành Nữ Thừa Thiên Huế.
- Trại Trưởng liên trại Huấn Luyện Miền Vạn Hạnh: Lộc Uyển, A Dục và Huyền Trang, tổ chức tại Đà Nẵng.
- Trại Trưởng Huấn Luyện Huynh Trưởng A Dục và Lộc Uyển Tỉnh Bình Định.
- Trại Trưởng Huấn Luyện Huynh Trưởng A Dục và Lộc Uyển Tỉnh Ban Mê Thuột.
- Trại Phó Nội Vụ Họp Bạn Miền Vạn Hạnh.
- Trại Phó Ngành Nữ Trại Họp Bạn Ngành Thiếu 5 Tỉnh Trung Phần tổ chức tại Đồi Thiên Ân Quảng Ngãi. Gần 60 năm trong vai trò làm trưởng với nhiều chức vụ quan trọng, Chị đã phục vụ tổ chức với tinh thần "DẪN THẦN BẤT THỐI CHUYỂN" và với ý niệm "UY VỮ BẤT NẰNG KHUẤT", Chị thật sự là một ngôi sao sáng trên vòm trời của Tổ chức Gia Đình Phật Tử Việt Nam.Một hình ảnh bất diệt trong lòng của những Huynh Trưởng đàn em và đặc biệt là tấm gương rực rỡ cho toàn thể Nữ Huynh Trưởng hướng về. Chị đã mệnh chung ngày 3 tháng 2 năm 1989 tức 27 tháng Chạp năm Mậu Thìn.

Tâm thành truy điệu Chí tức là tâm thành nhắc nhở làm thế nào xứng đáng là đàn em của Chí: Yêu thương nhau như ruột thịt và đoàn kết bất khả phân để xứng đáng là những người được xếp vào hàng ngũ Trưởng của Tổ chức mà không hổ thẹn với chính màu áo mình đang mặc. Thương tiếc Chí, hãy nung chí phục vụ Tổ chức GDPT Việt Nam trong cũng như ngoài nước.Tiếp tục con đường ngàn dặm chông gai để tìm về Chân Thiện Mỹ như lời giáo huấn của đấng Từ Phụ Như Lai và làm sáng ngời mục đích bất biến của Tổ chức. Đó là nền hương là vòng hoa truy điệu cao cả nhất mà Anh, Chị, Em trong đại Gia Đình Áo Lam chân thành trao về linh hồn Chị **TÂM CHÁNH HOÀNG THỊ KIM CÚC. NAM MÔ TÂY PHƯƠNG GIÁO CHỦ ĐÀI TỬ ĐÀI BI TIẾP DẪN ĐẠO SƯ A DI ĐÀ PHẬT.**
(Arlington ngày 10.2.1989 Tâm Hùng Đoàn Thị Bướm viết)

Giọt nước mắt cho Chị

Tin đưa đến như có mang theo vài hạt bụi, đã bám vào mắt em thật xốn xang. Giòng nước mắt theo đó mà tuôn tràn, chảy dài trên má,tự nhiên như đôi ăn, khát uống. Sự xúc động bất ngờ nhưng mãnh liệt, đã làm nghẹn ngào đứng im trong buổi lễ cầu siêu. Một thanh nam đã chóc em "Trông nhỏ con mà cái gì cũng dư dả, nước mắt đâu có sẵn nhiều thế!"
Tâm Chánh Hoàng Thị Kim Cúc.Chỉ có thế thôi! Biết về chị vẫn không hơn sáu chữ mang tên họ kia. Thế mà tin chị qua đời, bỏ lại đàn em áo Lam gây cho em nhiều xúc động. Chị biết không, dù chưa một lần gặp mặt, hoặc chỉ bằng hình ảnh, vậy mà chị trong em đã thật thân quen. Sự hy sinh, sự gắn bó với đoàn của chị là tấm gương sáng để chúng em, nhất là đoàn thiếu nữ noi theo. Chị ơi! chị ra đi thật ra chỉ bằng thân xác. Vì chị vẫn còn đó, mãi mãi còn đó bên đàn em áo Lam. Như hôm nay trong chánh điện, chúng em đã quỳ bên nhau tụng niệm, cầu hương hồn chị sớm tiêu điều về miền Cực Lạc, trong nghiêm trang và thành khẩn.Có cả những em Oanh Vũ mới vừa bốn tuổi,kể ra cũng hơn bảy mươi năm cách biệt, đã lẫm thẫm phụng nguyện cho người chị đầu đàn.
Đôi ba dòng viết. Gởi chút tình thân đến người chị vừa khuất núi, không để thờ than núi cao, núi lớn đã che khuất chị,mà chỉ để lòng mình hướng về con đường chị đã đi.

● Thiếu nữ áo Lam

PHÂN ƯU

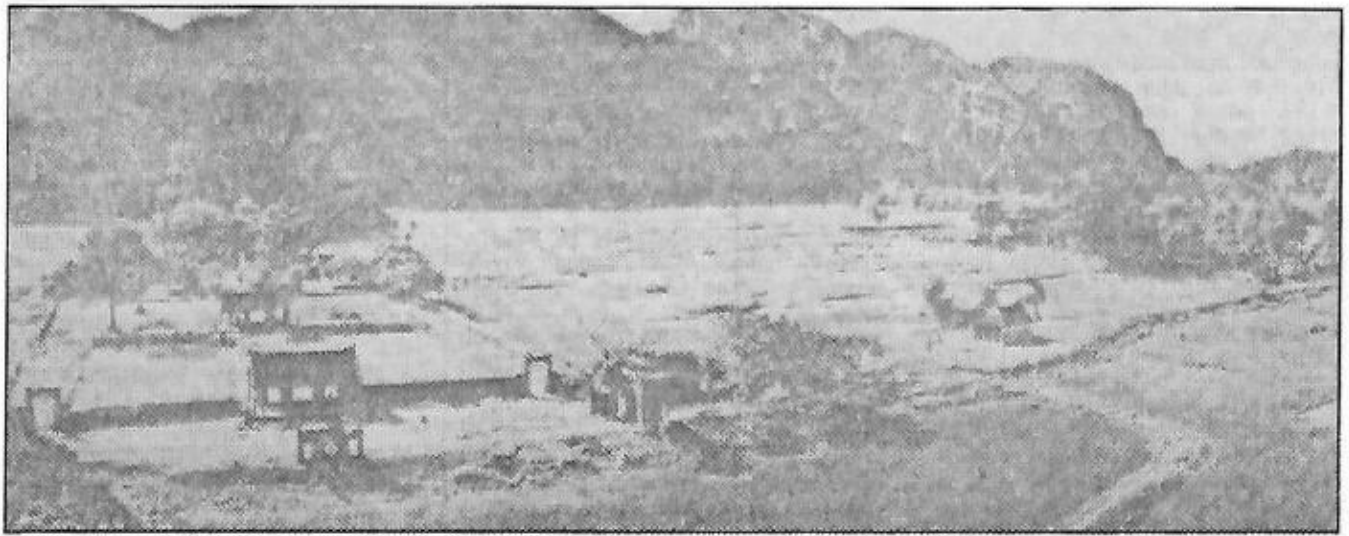
Được tin buồn

Cố Huynh Trưởng Cấp Dũng
Tâm Chánh Hoàng Thị Kim Cúc
sinh ngày 12 tháng 8 năm 1913 tại Thừa Thiên đã mệnh chung ngày 3 tháng 2 năm 1989,tức ngày 27 tháng Chạp năm Mậu Thìn, tại Việt Nam.

Thay mặt cho Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Tây Đức, chúng tôi thành kính chia buồn cùng tang quyến và nguyện cầu hương linh người quá cố sớm vắng sanh về Cực Lạc quốc.

Ban Huynh Trưởng
Gia Đình Phật Tử VN tại Tây Đức





Đền thờ Đinh Tiên Hoàng và Lê Đại Hành (Hoa Lư, Ninh Bình)

SỬ

Nhà Tiền Lê (980 - 1009)

Lê Long Việt

Năm 1004 vua Đại Hành qua đời và ngài đã lẫm như vua Đinh là bỏ con trưởng lập con thứ ba là Long Việt lên làm thái tử (đáng lẽ địa vị này thuộc về Ngân Tích). Long Đinh là con thứ năm cũng xin được tôn lập. Vì thế khi vua Đại Hành vừa năm xuống, các hoàng tử: Đông Thành Vương Ngân Tích, Trung Quốc Vương Long Kính, Khai Minh Vương Long Đĩnh, Ngũ Bắc Vương Long Ngân... nổi lên tranh giành ngôi vua. Mỗi 8 tháng sau, thái tử Long Việt mới thực thụ lên ngôi vua được.

Long Việt làm vua chưa quá 3 ngày thì bị Long Đĩnh thuê người trèo tường vào cung hạ sát. Cung đình lúc ấy hoàn toàn rối loạn, quan quân bỏ chạy hết. Duy chỉ có quan Điện Tiền chỉ huy sứ Lý Công Uẩn ở lại ôm thái tử trèo mà khóc (Long Việt mất lúc bảy giờ mới 23 tuổi, sau được truy đặt tên Thụy là Trung Tông Hoàng Đế).

Lê Long Đĩnh (1005 - 1009)

Giết anh xong, Lê Long Đĩnh tự xưng làm vua; các hoàng tử Long Ngân, Long Kính chiếm cứ vùng Hải Dương, dấy binh chống lại; ở Thanh Hóa, có giặc Cử Long nổi lên cướp phá. Long Đĩnh phải thân chinh đem quân đi đánh dẹp, mãi đến năm 1006 mới được yên.

Đẹp giặc xong, Long Đĩnh cho

sửa đổi quan chế văn võ; tăng đạo và triều phục đều bắt chước theo kiểu mẫu của nhà Tống.

Để giữ mối bang giao với Trung Hoa, Long Đĩnh cho em là Long Xương đem lễ vật sang triều cống nhà Tống, và xin được chín kinh (Dịch, Thi, Thư, Lễ, Xuân Thu, Hiếu Kinh, Luận Ngữ, Mạnh Tử và Chu Lễ); về kinh Phật thì xin được kinh Đại Tạng (chữ Phạn là Maha-Tripitaka). Hết thầy đều được vua Tống ưng thuận. Năm 1007 nhà Tống phong cho Long Đĩnh làm Giao Chỉ Quân Vương và cho đúc ấn sai sứ đem sang.

Ngoài một vài việc lợi ích kể trên, Lê Long Đĩnh là một ông vua nổi tiếng hiếu sát trong lịch sử nước ta. Long Đĩnh bày ra nhiều hình phạt quái gở và dã man: kết tội tử hình ai, Long Đĩnh sai lấy rom quần vào tội nhân rồi châm lửa đốt, kẻ xấu số gần chết, Long Đĩnh cho cắt những mối rom để tội nhân không chết ngay được; để làm thú tiêu khiển, Long Đĩnh bắt tù nhân leo lên ngọn cây rồi bắt người cưa gốc; lại có khi Long Đĩnh cho

róc mía trên đầu nhà sư rồi giã lờ tay hạ dao vào đầu cho chảy máu... Trong những buổi chiều có một tên hề đứng bên pha trò hay nhái lại để làm rối các việc các quan tâu rồi. Triều đình bấy giờ y như là một sân khấu.

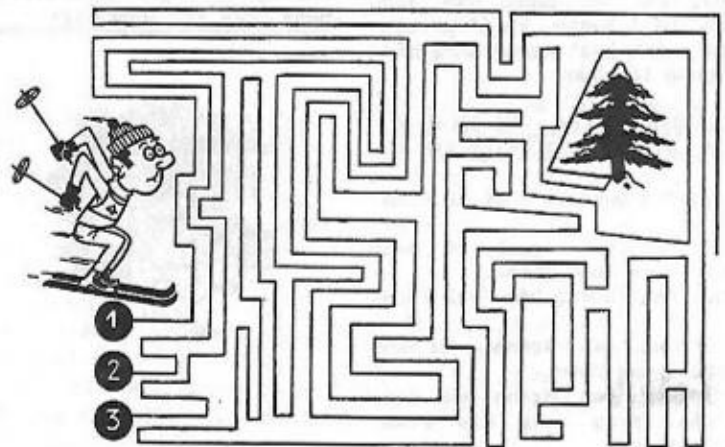
Long Đĩnh cũng là một vua hoang dâm, tâu sắc nên mắc bệnh ngồi không được. Những buổi làm triều thường phải nằm, nên bị gọi là Lê Ngoa Triều.

Long Đĩnh làm vua được 4 năm thì mất, thọ được 24 tuổi.

Trong 4 năm trị vì, Long Đĩnh quá coi thường sinh mạng của nhân dân, nên tử quan đến dân đều đem lòng bất mãn và oán hận. Vì vậy khi Long Đĩnh mất rồi, các quan đồng lòng phế bỏ Hoàng tử và tôn Điện tiền chỉ huy sứ Lý Công Uẩn lên làm vua Nhà Tiền Lê mất ngôi, truyền được ba đời vua, trị vì được 29 năm.

(còn tiếp)

Thiện Hạnh



Chỉ có 2 con đường mà người trượt tuyết không bị đụng cái cây. Đó là những con đường nào, các bạn hãy tìm xem nào ?

cuộc đời Đức Phật

● Chùa KHÁNH ANH

tiếp theo

16.

Đi tìm một tôn giáo chân chính, Thái Tử Tất Đạt Đa đến gặp một số các học giả. Mọi học giả nổi tiếng thời đó ở quanh vùng, đón tiếp Ngài niềm nở.



17.

Không đâu tìm ra được trí tuệ chân thật. Thái Tử quyết định tu khổ hạnh. Kiến thức trong sách vở không làm Ngài thỏa mãn. Ngài ngồi kiết già dưới một gốc cây, không ăn không uống. Vì khổ hạnh quá sức, Ngài chỉ còn là bộ xương.

18.

Một hôm có mấy cô gái ca hát đi vào rừng. Bài nhạc có đề tài là "Dừng căng dây đàn quá sức vì dây đàn sẽ đứt, cũng đừng để chùng dây đàn bởi nó sẽ không phát nhạc". Thái Tử học được một bài học từ bài ca này rằng để giải thoát, phải trón lặn nửa khổ, nửa sướng mới đúng cách chứ không phải khổ hạnh quá sức. Ngài từ bỏ khổ hạnh và chấp nhận con đường giữa (trung đạo).



19.

Ngài bỏ nơi đó và đến ngồi dưới gốc cây Bồ Đề. Một người đàn bà tên Su Già Ta (Sujàtā) đã hứa với thần cây rằng nếu bà sinh được một người con trai bà sẽ cúng cơm với sữa để dâng lễ tạ. Thấy Thái Tử dưới gốc cây, bà cho rằng đó là thần cây hiện ra, bà cung kính dâng cúng cơm, sữa.

20.

Sau khi ăn xong bữa cơm do Su Già Ta (Sujàtā) cúng, Thái Tử thấy một Bà La Môn đi đến với một bó cỏ lau. Ngài xin người Bà La Môn cho Ngài cỏ lau. Vì Bà La Môn cung kính dâng lên.

(còn tiếp)



Sư Tử mê gái

Thơ ngụ ngôn của
La Fontain

Xưa,thuở vật biết nói,
Sư tử, trong muôn loại,
Muốn cùng người kết giao,
Ấu cũng được chữ sao!
Giống nòi chúng thuở ấy
Có kém người chi mấy?
Cùng dùng cảm, tinh khôn,
Và cái sỏ cũng tươm.
Truyện xưa xin kể lại:

Một Mãnh sư quý phái,
Qua đồng cỏ làng bên,
Gặp một chị chăn chiên,
Lấy làm ưng ý lạ,
Muốn hỏi nàng làm vợ.
Ông bố, nói thực tình,
Chỉ muốn kén rể lành,
In ít phần hung dữ.
Gả con cho Sư tử,
Kể cũng ưc, cũng phiền.
Chối từ, chừa chắc yên,
Chối được, còn lo sợ
Biết đâu sáng nào đó
Chẳng xảy cưới vụng thắm:
Bối gái đẹp chủ tâm
Thích tấm chông kiêu hãnh,
Thuyền duyên e cũng tính
Sánh quân tử dài bờm,
Ông bố muốn tử hôn,
Không dám ra mặt đuổi,
Bèn lựa câu khéo nói:
"Con gái lão yêu đào (1)
Chỉ sợ vượt nhọc cào
Khi chông môn trốn vợ
Vạy xin anh bỏ quá
Cho gọt xén vượt đi.
Còn cái bộ nanh kia,
Đồng thời cho mài giũa,
Chông hôn, đỡ khổ vợ
Chàng lại thêm khoái tình,
Vì nàng chả khiếp kinh
Ái ân không biết chán"
Đầu óc bị mù quáng
Sư tử cũng thuận tình,
Mất hết cả vượt, nanh
Như lầy thành phá đổ
Người thả vài con chó.
Sư đành chịu chết thôi!

Tình! tình! đã bập vào ai
Người ta thường bảo:
"Si thời hết khôn"

(1) Xinh đẹp, yêu điệu

Tùy bút của THIỆN CẦN

Hàng năm cứ vào cuối thu là ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỷ niệm hoang mang của buổi tựu trường. Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như những cánh hoa tươi mím cười giữa bầu trời quang đãng... Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh, mẹ tôi âu yếm nắm lấy tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp. Con đường này tôi đã quen đi lại lắm lần, nhưng lần này tôi tự nhiên thấy lạ. Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: - *Hôm nay tôi đi học...* Đó là áng văn tuyệt tác của nhà thơ Thanh Tịnh đương thời với Huy Cận, Xuân Diệu, Lưu Trọng Lư, Thạch Lam, Hồ Dzếnh... trong nhóm Tự Lực Văn Đoàn và "Em đến Chùa" của Dương Thiệu Hiệp:

"Một hôm, một hôm mừng một đến Chùa. Em đi, đi với mẹ mua vài hoa sen. Đến Chùa, đến Chùa dâng cả hồn em, lên trên, trên Đức Phật lòng em kính thành..."

Đây giờ tôi không còn là một Oanh Vũ, một tuổi thơ mà bây giờ tôi là một thiếu niên hay thời gian chẳng còn bao xa nữa, tôi sẽ trở thành thanh niên rồi. Tôi đang đi giữa mùa hạ, một sớm tinh sương về vườn Lâm Tỳ Ni dự những ngày họp bạn. Tôi biết rồi, bởi vì những ngày ấu thơ đi một mình đến nơi nào tôi không dám, lòng sợ sệt, đắn đo, lo ngại, dù rằng nơi ấy tôi sẽ gặp được niềm vui, chuyện mừng... Tất cả mọi sự tôi cần có mẹ mới an tâm, vì mẹ tôi là bức tường kiên cố đủ cho tôi nép vào tránh mọi chuyện bất lành. Vâng! Lúc này tôi đang là thiếu niên, không còn nhỏ dại, đang bận chiếc áo màu lam, ngày hôm qua tôi đã lo chuẩn bị ừ nó thúng nẹp đăng hoàng, cấp hiệu cầu vai với tua xanh, trắng 2 vàng thặng nẹp, bóng láng, tên gia đình, huy hiệu Hoa Sen, đầu đó đầy đủ. Tự cho như một người quân đội về thủ đô dự kỳ đại hội. Sự cho mình đó chỉ là cảm giác của tôi lúc thiếu thời.

Viết cho những ngày trại họp bạn thời thiếu niên đó và cũng để nói lên cho trại Liên Hoa, Thiện Minh, Lộc Uyên hôm nay.

Vườn Lâm Tỳ Ni, nơi Đức Bốn Sư ra đời đã 2000 năm có lẽ, nhưng với tôi cùng những người anh em mang chiếc áo cùng màu xem như nó ở trước mắt mình hay ở đâu đây không xa lắm, tôi đang nhắc lại.

Vào sớm mai mùa hạ, ngày đã bãi trường, có thể nắng lên trong một vài giờ nữa để tràn ngập lên những cành phượng nở đỏ ối trên cây. Nghe tiếng chim kêu mà lòng cảm thấy nôn nao, tôi đang nghĩ đến anh em ta về họp mặt.

Tôi góp mặt cùng họ trên nẻo đường quê hương về Tỉnh hội, cái tỉnh hội phố buôn Faifo (Hội An) ngày xưa ấy nơi danh khố đầu cho nền thương mại của quê hương mình với các nước Âu Tây.

Về với nhau, sống ở đây, máchùa, bên hàng dừa và hàng phượng vĩ quanh sân, quanh rào cỏ mọc, chỉ có mấy ngày dưới bóng Phật đài, trong tình thân ái. Thời gian có chất chống đi qua chẳng nữa, khó quên, để rồi trong tâm mãi mãi vẫn là người mang niềm tin hướng về ba ngôi báu đó.

Tôi không nhớ nhạc sĩ nào đã sáng tác ra bản nhạc, nhưng tôi vẫn còn nhớ nó. Bài hát mang tên: *Cung Đàn Du Tử*: "*Sơ sanh ta khóc tử trong nôi, như biết đời chông gai đang đón trên ngàn lối. Đôi khi ta cũng cười vô tư, môi sửa lành thơm tho trong cánh tay mẹ hiền. Mai sau khôn lớn thành nam nhi, trên bước đường lưu ly không nản chí. Hoa râm đôi mắt quầng ưu tư, trên trán hấn gian lao, sương gió hoes tà áo..."* Để rồi năm xuống, ngôi mộ quanh hiu bên đường tro sỏi đá, mong người đi qua đốt cho một nén nhang lòng tưởng niệm.

Không! Ngày hôm nay trên nẻo đường xa quê hương vạn lý, tôi còn lại gì? Phải chăng đó là niềm tin Phật pháp vô biên, hướng con người đi vào đường thiện, như ngày xưa mẹ tôi thường bảo: *Con hãy thương người!*... Và vườn Lâm Tỳ Ni, dưới cành hoa Vô Ưu đó, chính là nơi phát xuất một con người, suốt cuộc đời hiến thân cứu khổ vạn vật, sanh linh để thời gian biến đổi, mùi thơm vẫn tỏa muôn phương, ánh danh vẫn chói rạng ngôi...

Bên giòng sông Ems tháng 4/89

Dao Phật đến với tôi êm đềm bình dị. Không vội vàng gấp rút. Không bồn chồn gò bó. Nó tự nhiên như người ta ăn và thở.

Tôi còn nhớ hồi còn nhỏ, theo bạn bè sinh hoạt trong GDPT (Gia Đình Phật Tử) Long Thơ ở Đà Nẵng được các huynh trưởng hướng dẫn tụng kinh, lễ Phật... Nhưng rồi sau đó thời cuộc đổi thay, lòng tôi thay đổi theo bóng hình thời gian mà quên dần câu Kinh, tiếng Kê. Dầu vậy, lúc nào dao Phật cũng ở trong tôi... Qua tới xứ người, đứng trước những luồng tư tưởng mới lạ và nên vẫn mình rục rờ của Tây Phương, tôi mới đem nghiền ngẫm trở lại những giá trị tư tưởng của dân tộc mình. Thấy được sự bế tắc của nền văn minh Phương Tây, mà Konrad-Lorenz, Biologe und Verhaltensforscher, gọi là "point of no return", nhớ gặp những quý nhân như GS Nhật Định ở Jülich, người đã hỏi học tôi học Phật, cũng như những thầy người Đức của tôi, họ đã khám phục đến khiếp đảm mỗi khi nhắc đến Buddha, đến Meister Kung, đến Tao (Phật, Khổng, Lão), đã khiến tôi quyết định phải học Phật, qua đó phát huy và gìn giữ truyền thống dân tộc. Tôi nguyện sẽ đóng góp công sức mình, nếu nhu cầu đòi hỏi.

Gia đình thành lập

Ngày 25.9.88, GS Sơn, tôi thường gọi đùa là một Buddhistischer Pastor, rủ tôi tới Niệm Phật Đường họp. Hôm nay là ngày thành lập GDPT/QTẢ, Sư cô trụ trì cùng quý Bác, anh chị trong ban hộ trì có mặt đông đủ. Tôi được đề nghị làm Liên Đoàn Trưởng. Ngỡ ngàng, tôi cố từ chối vì thấy mình thiếu khả năng. Tôi chỉ mới bắt đầu học Phật, kinh nghiệm diu dắt các em chưa có, làm sao tôi càng đáng nhờ? Nhưng Sư cô và hầu hết mọi người có lẽ thấy tôi đã biết ăn chay kỳ, niệm Phật, nên cố ép tôi phải nhận lời. Thế là không cách nào từ chối được.

Những khó khăn

Sau khi nhận lời rồi, về nhà vắt tay lên trán, tôi mới dậm hoang. Làm thế nào gánh vác được một công việc mới mẻ, đòi hỏi một khả năng tháo vác có thể nói là mâu thuẫn với tâm



THEO BƯỚC CHÂN GIA ĐÌNH QUÁN THỂ ÂM

tĩnh lẫm li, ít nói của tôi? Việc diu dắt các em thành những mầm non ưu tú hầu sau này đóng góp nhân sự cho Đạo Pháp, Dân Tộc là một nhiệm vụ quá to lớn. Làm sao để lôi kéo, tạo hấp lực để các em vui vẻ sinh hoạt, trong khi tuổi đời đã cao, những chấn chương ề hề đã làm tôi thụ động cơ rút... Càng ngẫm nghĩ, tôi càng ề âm thân tâm.

Thêm vào những khó khăn nội tại là những khó khăn từ bên ngoài. Những chống đối dè dặt, dèm pha, ganh tị. Cái bệnh "ăn không được thì đạp đổ" là tâm lý muôn đời của nhân loại. Trước những khó khăn ngút ngàn đó, tôi chỉ còn biết tụng kinh cầu nguyện cho tài qua nạn khỏi để thuyên thuận theo gió lành về được bến mơ.

Những phép nhiệm màu

Sự hăng say và cầu nguyện của tôi đã có kết quả nhanh chóng làm tôi không ngờ. Chắc ngoài tôi ra, còn có nhiều người khác nữa cũng cầu nguyện. Sau này, tôi được biết đó là nhi vị Sư cô và bác Sơn gia trưởng... Chính nhờ những phép màu nhiệm này mà tôi có thêm nghị lực để leo lái con thuyền QTẢ trong bước đầu đầy sóng gió. Tôi xin được liệt kê ra đây:

1. Trai Chúng Trưởng Thiện Minh: Phép màu nhiệm thứ nhất.

Trai Thiện Minh được tổ chức vài tuần sau ngày thành lập Gia Đình đã giúp tôi giải tỏa phần nào ngộ bí tôi đang gặp phải. Tôi xin dành nhiều thì giờ để tường thuật chi tiết trại này. Sau khi Gia Đình sinh hoạt được 3,4 kỳ, lần nào cũng ề ọp, đi dần vào buồn nản; tôi bắt đầu dậm lo không biết phải làm sao,

thì trại Chúng trưởng T.M được tổ chức vào ngày 21 đến 23.10.88. Đó là trại đào tạo cán bộ sơ cấp (Đội Chúng trưởng) cho GDPT.

Tôi đề nghị tất cả Ban Chấp Hành đi dự. Lúc đầu ghi tên được 9 em, nhưng sau đó còn có 5 chúng tôi phải kêu thêm 3 em khác, cộng thêm sự tham dự đồ lri của quý cô, và các bác phụ huynh đi cho biết Berlin, tổng cộng là 14. Chúng tôi thuê 1 xe buýt nhỏ và 1 xe du lịch.

Đường đi Berlin xa với vợ, lại thêm chớ chực ở biên giới Đông Đức, gian nan lắm điều. Trước đó tôi đã bị cảm, nay đi đường xa, mệt không chịu nổi. Mới hay, đường lên xứ Phật không phải là dễ đi. Khi tới nơi rồi, phần vì xa lạ, phần trời tối, chúng tôi phải chạy quanh quẩn tìm đường, qua lại gần địa điểm tổ chức mấy lần mà không hay. Gần 9 giờ đêm chúng tôi mới tới nơi khởi hành tại Aachen 9 giờ sáng 12 tiếng đồng hồ cấn cho đoạn đường dài 700Km. Ban tổ chức ân cần tiếp đón chúng tôi, mời ăn tối. Nhưng chúng tôi phần vì mệt phần vì đã dùng thức ăn dọc đường do sư cô và quý bác mang theo, nên còn no, chẳng ai ăn thêm được nữa. Thấy chúng tôi mệt mỏi quá, ban tổ chức đưa chúng tôi về nơi ngủ ngay, khỏi qua thủ tục ghi danh và đợi sáng ngày hãy hay.

Thành phố Berlin rộng lớn, có vòng đai Peripheri tương tự như Paris. Xe chạy một vòng dài trên đó, rồi quẹo qua một đường nhỏ, dẫn vào căn nhà 2 gian của Hồng Thập Tự. Ở đó, chúng tôi sẽ ngủ qua 2 đêm. Căn căn nhà này là Niệm Phật Đường Linh Thư.

Về đến nơi quảng đồng hành lý xuống là chúng tôi nhẹ người. Anh Sơn Berlin đem mền và nệm

cho chúng tôi. (Anh Sơn là người rất tốt, có đạo tâm, đã lo lắng cho chúng tôi đầy đủ, anh đã đánh thức chúng tôi dậy, đưa đón chúng tôi, và sau khi mãn khóa học anh cũng đã đưa chúng tôi tham quan thành phố). Trái nệm ra ra xong, chúng tôi ai nấy tưởng là sẽ được ngủ lưng êm ái, nhưng cô Minh Loan lại đến chỉ bài cho chúng tôi ngày mai thi. Thấy cô vui vẻ cười mở, anh em chúng tôi chăm chú học. Chúng tôi 8 người, có đề nghị chỉ nên dự thi 2,3 người thôi, cho chắc ăn, rồi hỏng thì quá lắm! Nhưng cuối cùng, thấy chúng tôi học hành được có thể đậu, nên cô cũng liều mà cho chúng tôi thi hết cả 8 người. Khoảng 12 giờ khuya chúng tôi mới ngã lưng. Năm xuống là ngủ như chết.

Sáng ra, mới 5 giờ, anh Sơn đã đến đánh thức chúng tôi dậy. Nếu không có anh, chắc chúng tôi sẽ không thể nào đến địa điểm họp đúng giờ được. Có anh lo lắng như thế, mà đến nơi chúng tôi vẫn bị trễ. Với ăn ngấu nghiến tô phở chay rồi vào tập họp.

Ban tổ chức do huynh trưởng Mai và Sau hướng dẫn, chia lại đội đoàn. Anh em chúng tôi phải phân tán mỗi người một nơi, hòa tan vào với các trai sinh khác. Thật là đẹp mắt, khi tổng số trai sinh Nam và Nữ xếp xỉ bằng nhau. Mỗi bên được chia làm 4 đội. Bên Nam gồm có đội Sen Trắng, Sen Vàng, Sen Hồng, Sen Xanh, bên Nữ cũng tương tự.

Đang lui cui gắn phù hiệu Hoa Sen có ghi ám số - vừa được huynh trưởng Mai phát - lên trên túi áo, tôi bỗng giật mình khi nghe gọi đến tên tôi: "Anh Ng.H. là người lớn tuổi nhất, để nghị anh lên giữ chức Liên Đoàn Trưởng Nam". Thế là một lần nữa, tôi lại nhận lãnh trách nhiệm mới.

Khi đứng trước các em, nhìn xuống 4 hàng thẳng lối, tôi bỗng lặng người, bởi hồi nghĩ đến những ngày tháng xa xưa. Những năm tháng lặn lội, miệt mài, ra oai, hò hét đó tôi đã hầu như quên đi, nay bỗng dưng sống lại. Tôi nhìn các em đội trưởng lên báo đội sinh mà lòng không khỏi ngậm ngùi...

Chị Liên Đoàn Trưởng Nữ nhỏ người mà giọng hò rất tốt! Phòng thi chật, tiếng chị hét to át cả tiếng tôi nói. Tôi thầm khen chị đã đạt được đức tính của người chỉ huy.

Với chỉ số khoảng 100 người, chúng tôi học như những người lính ở quân trường học với huấn luyện viên: Ngồi xếp bằng dưới đất, tay cầm bút ghi chép. Thời gian quá eo hẹp, nếu cô đọng lại thì chỉ còn vón vện đúng 1,5

ngày. Trong một ngày rưỡi đó, chúng tôi phải làm tất cả mọi việc: Nhồi nhét kiến thức giáo lý, chuyên môn, tập hát, thi lý thuyết, thi chuyên môn, tiếp đón quý thầy, cô... Chính vì thế nên các huynh trưởng hướng dẫn cứ mãi lo chạy đua để cố bắt kịp thời gian. Đôi lúc có nhiều đề tài cần phải tán rông ra, hoặc các huynh trưởng đang cao hứng, bỗng nghe tiếng còi "nhức nhối" của huynh trưởng Sáu thổi bên tai để nhắc nhở là đã hết giờ. "Khoan, xin cho tôi thêm vài phút nữa", một vài huynh trưởng đã thốt ra như thế, trong lúc hết hoảng vì thời gian quá ngắn đã khiến chúng tôi phải bật cười.

Ngồi dưới, vừa nghe giảng, vừa đưa mắt nhìn lên bàn thờ Phật đặt sát tường, ngay chính giữa. Nét mặt Phật hiền từ nhìn chúng tôi như nhấn nhủ, hãy tinh tấn lên, cố gắng vượt trở ngại, gian khổ đã làm cho lòng tôi thêm chút yên ổn. Lá Quốc Kỳ và Phật Kỳ được treo trước mặt, sát hai bên biển đề: "Trại đội chúng trường Thiên Minh". Hàng chữ này và bản nhạc cùng tên đã được anh Trại Trưởng nhét vào đầu chúng tôi, rất khó phai nhòa. Nào cùng vẽ dây Bá Linh kết đoàn. Dự trại Thiên Minh rù nhau cùng đi... Vai mang Balô theo tàu lửa hoặc bằng xe... Dem hương hoa lam về dưới dài sen... ..Bạn cùng tôi về xây mái nhà lam...

Khẩu hiệu "Còn Dân Tộc, còn Đạo Pháp" được treo xéo ở tường bên trái, đã làm cho một bác phụ huynh thắc mắc: "Phải nói là: còn Đạo Pháp, còn Dân Tộc mới đúng". Tôi cũng thấy đầu óc ở Việt Nam như vậy, nhưng qua đây, có lẽ vì hoàn cảnh hiện tại, nên được sửa lại như thế, cho nó

"dễ coi" chút xíu. Tôi trả lời bác như vậy, không biết có đúng không, xin ban tổ chức chỉ dạy. Đang lắng tai nghe giảng, tôi bỗng giật mình đánh thót người khi nghe tiếng hò của huynh trưởng Mai. Sen Xanh! Đừng... Ngồi...Đứng...Ngồi, (5 lần như thế). Chúng tôi lăm lăm liếc nhìn nhau thăm hỏi không biết có chuyện gì. Sau đó, được biết là vì đội Sen Xanh ngồi kể tướng, các em sợ mỗi lưng, nên dựa vào tường cho đỡ mỏi, trông mất trật tự, không ngay hàng thẳng lối. Khiếp, huynh trưởng nghiêm quá! Sau đó, các em không dám ngồi nghiêng ngả nữa. Và cũng từ đó tới cuối trại, không thấy có đội nào bị phạt nữa. Có lẽ một phần các em đã biết tôn trọng kỷ luật, một phần các huynh trưởng cũng thông cảm cho các em phải làm việc cực nhọc.

Chiều tối, trước khi thi lý thuyết, là phần Đối Chứng Tự Trị. Tôi vì còn mệt, nên để cho các đội sinh hoạt riêng với nhau. Trong đó, các em ôn giáo lý để chút nữa thi; Có em tuổi còn nhỏ mà đã thuộc lòng bài vở. Hình như em ở Gia Đình Berlin hay Hannover thì phải. Chị LĐT Nữ thì cho sinh hoạt chung, ôn bài chung với nhau. Sau đó có chơi trò chơi nhỏ. Tinh thần chỉ hăng say như vậy, và biết cách sinh hoạt, nên vào cuối cuộc trại, chị được đặc cách lên Huynh Trưởng thực thụ (chỉ đã sinh hoạt rất lâu trong GDPT, từ hồi còn ở VN). Phần thi giáo lý abc khoanh nên cũng đỡ khổ. Có nhiều câu không cần thuộc lòng hoặc nhớ may may cũng đoán ra được. Có một câu hỏi làm tôi suy nghĩ mãi, cuối cùng đành khoanh câu c: "không có chuyện đó". Chính câu này, khi chấm bài tại chỗ, đã gây sóng gió dữ dội, nên cuối cùng



Lễ thọ tang cho HT Tâm Chánh Hoàng Thị Kim Cúc của HT GDPT Tây Đức tại Nordeich ngày 25.3.1989

ban giám khảo quyết định bỏ, nhân khuyết điểm.

Đó có lẽ là cái "khuyết điểm duy nhất" tôi nhận thấy trong kỳ trại. Dĩ nhiên bên cạnh đó có thể có những khuyết điểm khác thuộc về kỹ thuật, mà điều này hầu như không thể nào tránh được, nhất là trong bước đầu thiếu thốn và số trai sinh quá cao. Nhưng ưu điểm thì nhiều, nhiều vô kể, tôi xin được nêu lên ở cuối bài. Ban tổ chức đã có tinh thần cầu tiến, khi phân phát cho chúng tôi những tờ giấy, yêu cầu ghi hết những cảm tưởng, ưu khuyết điểm. Về điểm này, vào cuối khóa học đã được đúc kết và công bố ra. Có những nhân xét rất đi dôm, mà tự nhiên đúng. Như là: *Món cay nấu quá cay, các em ăn chảy nước mắt!* - Bác Đành. Gia Trường Berlin, thì cho là: *nấu cay để các em ăn cho tỉnh táo mà học!* - Ôi quý hóa thay một tấm lòng!; Như là: *Chúng em không có ghế, ngồi mỏi lưng quá! Chúng em học nhiều quá, thi giờ lại quá ít!*... Chắc là ban tổ chức thế nào cũng lưu ý các đề nghị để cải tiến cho các kỳ sau.

Tối hôm nay, Thấy đến thăm chúng tôi thật khuya. Các huynh trưởng lắng xắng lui tới tổ chức đón tiếp. Liên Đoàn Nam 4 đội và LD Nữ 4 đội đứng hai bên, chưa ở giữa lối đi. Khi Thấy đến, huynh trưởng Châu hai tay bưng đèn trịnh trọng đi trước. Vừa thấy bóng Thấy, từ đằng xa, chỉ Tâm Bạch bắt bài "Kính mến Thấy". Giọng ca trầm hùng và cảm động dâng lên. Tôi cảm thấy chưa bao giờ được hát hay như vậy. Huynh trưởng Mai mới Thấy ban đạo từ: *"...Chúng con rất vui mừng được Thấy đến với chúng con. Chúng con xin Thấy ban đạo từ cho chúng con..."*. Giọng Thấy ấm và nhỏ vừa đủ nghe. Lòng tôi bỗng se sắt lại. Một cái gì đó vừa len lỏi vào lòng tôi. Sự thốn thức của một tin yêu, kỳ vọng, mong chờ. Đây đây những tâm hồn son trẻ. Đây đây một khối keo sơn cùng hướng về một nẻo. Tổ quốc đang trông chờ. Ánh đạo vàng từ đây tỏa sáng khắp bốn phương, để rồi một ngày nào đó hội tụ trên quê hương yêu dấu. Đó là ánh hào quang, là động cơ thúc đẩy chúng tôi vững tiến là câu trả lời cho sự ngạc nhiên này: Tại sao chúng tôi, đa số còn rất trẻ, bị làm việc mệt nhọc, ăn chay ngồi đất, thức khuya dậy sớm, mà vẫn theo đuổi khóa học đến cùng, không bỏ một ai.

Ngày hôm sau thì chuyên môn. Sau khi nhận tin hiệu từ huynh trưởng Mai xong, chúng tôi theo mật mã xuống đường, trong bài đất rộng thì tiếp. Bãi đất này

là nơi nhóm chợ của dân địa phương ở đây. Ngày hôm nay chủ nhật chợ không nhóm, nên chúng tôi có bãi đất rộng mênh mông này sử dụng. Tôi thấy ban tổ chức lựa địa điểm này rất hay. Phần chuyên môn gồm có: Cách nhận các tín hiệu, cách phát tín hiệu, các loại gút, dấu đi đường, vấn đáp... Phần thi giáo lý nhanh chóng bao nhiêu thì phần thi chuyên môn rườm rà bấy nhiêu. Từng người một được gọi ra khảo hạch. Hết cửa ái huynh trưởng Mai, tới cửa ái HT Sáu, HT Sơn, HT Châu.

Gần 11 giờ mới xong. Chúng tôi kéo lên trên phòng xoay vòng tròn, chơi chung với nhau các trò chơi nhỏ. Niềm vui vỡ òa ra khi chúng tôi được biết kết quả đậu 100%. Thế là bao gian khổ, mệt nhọc đã trôi qua. Khuôn mặt ai cũng tươi vui, hớn hờ. Các em vui chơi với nhau tự nhiên, thân tình như người trong một nhà, như đã quen biết với nhau từ lâu. Vui nhất là cái màn hát đối giữa hai bên Nam và Nữ, mà bên Nam, với bản thánh "Galăng" sẵn có, đã "nhường" phần thắng về cho bên Nữ - như một em Nam đã phát biểu như vậy !.

Sau đó chúng tôi sắp hàng chỉnh tề để đón quý Thấy, quý Cô đến dự lễ mãn khóa, trao bằng. Khi lên lãnh bằng, chúng tôi được tặng cuốn "Đồng Phương màu nhiệm" của thầy Thích Bảo Lạc. Ngoài ra Thấy còn tặng cho mỗi người tấm phù hiệu "nhánh bồ đề" để đeo lên tay áo; Thấy còn tặng cho mỗi GD 150DM để làm lộ phí. Thấy cũng không quên địa phương Berlin, đơn vị đã đứng ra tổ chức, lo ăn thực và chỗ ngủ... Ôi quý hóa thay lòng ưu ái của Thấy.

Ánh đèn sắt nhọn đến nhức mắt của các bác phó nhóm nháy lên liên hồi, khi chúng tôi ngồi quây quần bên Thấy và Quý Cô chụp chung tấm ảnh lưu niệm. Chụp mãi. Chụp gần chụp xa, chụp xiên, chụp thẳng... các máy ảnh cứ thi nhau mà bấm, để cố giữ lại những hình ảnh khó phai mờ. Khoảng 1 giờ trưa chủ nhật, khóa học chấm dứt, chúng tôi hồi hả lo về, để ngày mai còn phải đi cày. Vì lần đầu tới Berlin, chúng tôi cũng không quên yêu cầu anh Sơn dẫn cho tham quan. Anh đưa chúng tôi thăm bức tượng ô nhục dòng sông giáp giới với Đông Đức... Khi chúng tôi về đến nhà là đã 2 giờ sáng.

Nay ghi lại những giòng này, hồi tưởng 2 ngày quá quá ngắn ngủi, mà tiếc nhớ không nguôi. Chưa bao giờ tôi được dự một khóa học, hồi thảo nào đây dù ý nghĩa như vậy. Ban tổ chức làm việc đàng hoàng. Giờ giấc rõ ràng, giờ

nào việc nấy. Ban giảng huấn có trình độ, chuẩn bị chu đáo. Ban tiếp đón niềm nở, ân cần, thăm đượm tình đạo. Ban trai soạn lo ăn thực chu đáo, ngon. Địa điểm lý tưởng... Tinh thần kỷ luật của trại sinh rất cao. Các em có trình độ, có giáo dục. Chưa một nơi nào trên xứ lạ này lại có thể tìm thấy một không khí hoàn toàn Việt Nam, nồng ấm tình người như thế. Tôi tiếc hùi hụi cho những em không được đi dự. Tôi tiếc cho các con tôi đã bỏ lỡ dịp may.

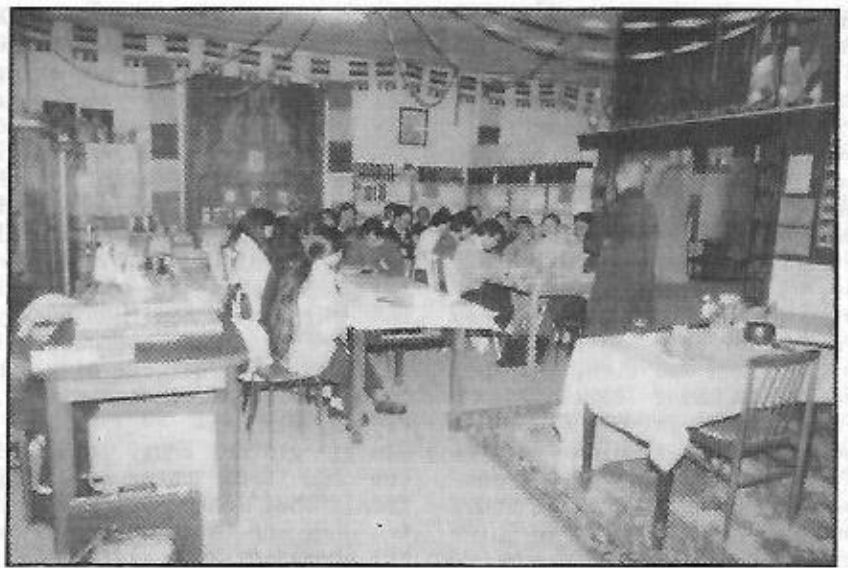
2.- Thấy từ Pháp qua thăm: Phép mẫu nhiệm thứ 2:

Dự trại Thiện Minh về được 2 hôm, trong người chưa tỉnh hẳn, tôi nhận được tin Hòa Thượng Thích Thiện Định từ Pháp qua thăm, phải chuẩn bị tiếp đón. Tôi tập họp các em trước đó 2 tiếng để tập hát bài "Kính mến thầy". Các em tới đông đủ. Sinh hoạt thoải mái, không gò bó như trước. Một luồng gió mới đang thổi qua tươi mát. Niệm Phật Đường chật hẹp, không đủ chỗ cho các em sắp 2 hàng. Tuy nhiên, khi Thấy đến, tiếng hát cất lên rộn rã từ những tâm hồn non trẻ đã làm cho cuộc đón tiếp thêm đậm đà trang nghiêm. Sau khi mọi người lễ Thấy xong, Thấy nói chuyện với Bác gia trưởng. Bác giới thiệu tôi với Thấy, được Thấy tặng cho một huy hiệu lá cờ PG để đeo lên túi áo. Sau đó, Thấy tán dương Bác gia trưởng, Thấy trao cho Bác cảnh hoa sen GDPT và nói: "Trước đây (khoảng 20 năm) ở Việt Nam, thầy đã trao cho Huỳnh trưởng cái huy hiệu này. Nay ở hải ngoại, Thấy lại trao đóa sen năm xưa, để nhớ kỷ niệm cũ và mong rằng bác sẽ tiếp nối con đường hoằng dương Đạo Pháp". Thấy đã ban những lời lẽ tốt đẹp, làm món hành trang cho GD chúng tôi trên chặng đường gian nan.

3.- Lễ vía Đức Quán Thế Âm: Phép mẫu nhiệm thứ 3

Niềm vui được đón Thấy còn đọng lại trong chúng tôi chưa tan, thì ngày lễ vía Đức QTẢ được tổ chức cách 1 tuần sau đó tại hội trường. Hôm đó GD chúng tôi được tăng cường thêm các GD bạn. Anh em đông đủ nên không khí càng thêm vui. Tôi hăng say tập các em hát. Lần đầu tiên được tôi hướng dẫn sắp hàng, hồ khẩu hiệu các em bờ ngỡ thích thú. Khi cuộc lễ sắp bắt đầu, tôi cho các em sắp hai hàng, dài từ sân khấu xuống tới quầy bán thức ăn, khoảng 20 mét. Quý Thấy và

Quý Cô đến đông đủ. Chúng tôi hát bài Kính Mến Thầy, và sau đó là bài Trăm Hương Đốt. Trong khi hát bài THĐ, mỗi em được phát một cây hương nghi ngút khói. Sau đó, chúng tôi lên sân khấu hát bài Quốc Ca và Phật Giáo Việt Nam. Có một điểm vui là khi hát bài QC, ban nhạc bắt lộn bài Việt Nam Việt Nam, nên sau đó chúng tôi được lệnh của Sư cô, phải lên hát lại. Thấy Minh Phú, chủ lễ ban đạo từ. Thấy ngó ý khen ngợi GBPT Quan Thế Âm. Nghe Thầy nói đùa: Aachen thành lập Niệm Phật Đường sau Mönchenglachbach mà có GBPT trước, vậy là Cô Diệu Ân hơn Thầy rồi đó, ai cùng cười. Thấy khuyên chúng tôi hãy tinh tấn để khắc phục khó khăn.



4.- Trại Lộc Uyển GD I: Phép mẫu nhiệm vụ tư

Đối với GB chúng tôi, thi ba phép mẫu nói trên cũng tam đủ để sinh hoạt và tạo sinh khí. Tuy nhiên, cấp trên đã nhìn thấy những khó khăn mà chúng tôi sẽ gặp phải, về lâu về dài, nhất là nếu GB muốn phát triển thêm ra. Vì vậy, trại Lộc Uyển giai đoạn I đã được tổ chức vào ngày 20 - 22.1.88 tại Hannover để đào tạo huynh trưởng từ sơ cấp đến thực thụ.

Mặc dù với tiết trời đông giá, chúng tôi cũng mò về tới Hannover với lòng hăng say, kẻ tâm đạo, người mang hoài bão thỏa chí thanh niên, sống đời lý tưởng.

Tổng số 30 trại sinh, kỳ này nữ ít hơn nam thấy rõ. GB/QTÁ đi 3 huynh trưởng, chưa kể bác Gia Trưởng, cũng là cán bộ Trung Ương. Kỳ này gần Thầy, gần chùa nên chúng tôi phải giữ ý tứ cẩn thận, nhất là tổng số so với Berlin ít hơn, nên không khí trầm mặc hơn.

Thành phần giảng huấn chúng tôi thấy thiếu huynh trưởng Tâm Cừ. Tuy nhiên, một phần thưởng lớn cho chúng tôi, là đã được Thầy chính thức hướng dẫn phần giáo lý. Thấy giảng ngắn, gọn, nhưng dễ hiểu, dễ kịp với thời gian. Thấy bảo, nếu lấy một phần nhỏ trong đề tài Thầy đang giảng ra nói một ngày cũng không hết, (nhưng Thầy chỉ có, 1 giờ cho cả một đề tài!). Chúng tôi thích thú được đi sâu vào thế giới Phật Pháp, với những đề tài rõ ràng và thực tiễn, như: Lý nhân quả, Lý luân hồi, Ngũ giới, Thập thiện, Tứ ân, Tứ nghiệp pháp, Tâm điều giác ngộ... Mỗi câu hỏi thắc mắc đã được Thầy trả lời tường tận.

Đề tài khảo hạch giáo lý: Niệm tin của người Phật tử, đã được

các chuẩn Huynh trưởng bóp trán tự viết ra, sẽ công vào điểm thi kết quả vào cuối kỳ trại ở giai đoạn II, sẽ được tổ chức ở Nürnberg vào cuối tháng 4. Sau khi viết xong, nộp bài, được Thầy trao cho hai đề tài Phật pháp (trong các phần mà tôi đã tạm kê trên), để về nhà soạn học, kỳ sau lên thuyết trình.

Phần kiến thức gồm có: Kiến thức tổng quát, Kiến thức về GBPT, Kiến thức về quản trị và điều khiển. Các Huynh trưởng chia nhau dạy. Kỳ này có chỉ Tâm Bạch nguyên Đoàn trưởng Nữ khóa Berlin được đặc cách lên Huynh trưởng - với đề tài: Phật giáo và tuổi trẻ, rất hào hứng.

Phần hoạt động thanh niên bao gồm: Gút (HT Sáu), mật mã, truyền tin, dấu đi đường, đội hình hàng ngang, hàng dọc, chữ U, hình tròn. Đêm văn nghệ lửa trại trong chánh điện đã tăng thêm không khí đầm ấm, thân tình, trong khi ngoài trời giá buốt! Các Huynh trưởng đã có sáng kiến đốt những ngọn đèn cây, và mỗi trại sinh cầm một ngọn, là ánh lửa lòng mình đem cắm vào chung với nhau trong một bồn rộng lớn ở giữa chánh điện. Thấy mở đầu chương trình với phần ngâm thơ, một bài thơ tán dương Đức Thế Tôn. Sau đó, chúng tôi được tự do, mỗi đội đóng góp một màn. Xen kẽ là các tiết mục đơn diễn, các trò chơi, chọc cười thoải mái. Sau bữa cơm trưa chủ nhật, chúng tôi theo Thầy kéo nhau ra sân chụp hình lưu niệm, vì sợ trời mau tối. Sau đó, trở về chánh điện dự lễ mãn khóa. Sau phần đạo từ của Thầy là Ông Hội trưởng Hội PT, Đại diện quan khách Bác Gia Trưởng Đảnh, Huynh trưởng. Tất cả đều nhấn nhủ chúng tôi cố gắng tu học, đem kiến thức, tâm hồn phục vụ Chánh Pháp và Dân Tộc.

Chỉ Tâm Bạch đức kết tình hình tài chánh trong kỳ trại (mỗi

trại sinh nộp 10DM tương đương!) Sau khi trừ chi tiêu, còn dư lại khoảng 300DM, xin dâng trình Thầy, để gọi là. Thấy đã ưu ái trao tặng số tiền này lại cho Ban Huynh Trưởng Tây Đức. Thấy còn tặng cho mỗi GB 50DM tiền xe (kể cả GB Hannover!), là bố đề từ Phật Quốc, cuốn sách 10 năm Phật Giáo tại Tây Đức. Ông Hội Trưởng tặng cuốn băng "Định chấp ngữ", đã giúp chúng tôi thật nhiều trong việc tu học. Với lòng nhiệt thành chuẩn bị cho kỳ trại tối, chúng tôi chia tay nhau trong tình thân mật thấm thiết.

Lời kết

Tính đến nay, chúng tôi đã vượt qua giai đoạn đầy khó khăn. Gia Đình bắt đầu đi dần vào nề nếp, cứ hai tuần sinh hoạt một lần, trong đó các em được hướng dẫn về giáo lý, chuyên môn, tập hát... Đặc biệt, trong thời gian này tôi phải chuyên chú tập các em hát những bài ca của GDPT để các em sau đó sinh hoạt. Có nhiều em cố gắng tập mà cũng chưa hát được, vì vốn liếng tiếng Việt còn quá ít. Với các em đó, khi thuộc một bài hát tiếng Việt, là đã đi được một đoạn đường khá xa về gần lại với quê hương. Đọc, hiểu và hát. Âm điệu sẽ giữ mãi những giọng chữ, câu văn trong lòng các em, để mãi mãi các em còn tự hào mình là người Việt Nam. "Chim có tổ, người có tông" là vậy! Cuộc đời muốn mặt, với nhiều cạm bẫy!

Chúng sanh vô lượng nên Phật mới có vô lượng Pháp môn vì vô lượng căn cơ. Có người đã ra đi (!), có người mới đến, ngược xuôi theo dòng đời phiêu bạt! Và chúng tôi thì lúc nào cũng giữ vững tinh thần BI, TRÍ, DŨNG của GDPT, nhất là GDPT Quan Thế Âm.

Việt Nhân

đọc bản tin của hãng thông tấn Reuter do phóng viên Chris Peterson đánh đi từ Hà Nội ngày 6.3.89 vừa qua, người ta không khỏi thắc mắc về "hậu ý của tác giả" !

Nếu người đọc cố gắng tìm trong bản tin những cái gì mới chop phù hợp để tựa có vẻ hấp dẫn: "Những người Cộng Sản VN muốn gia tăng tốc độ cải cách" thì rất cuộc chỉ tìm được thất vọng! Vì trong bản tin gồm sáu đoạn ngắn dưới hình thức Telex, mỗi đoạn 10 dòng, thì tin cũ đã chiếm hết một đoạn: "Việt Nam 15 năm sau khi thống nhất đất nước và chiến thắng siêu cường Hoa Kỳ vẫn là một trong những quốc gia nghèo nhất thế giới với lợi tức bình quân mỗi đầu người một năm vào khoảng 120 Dollar, nan lam phát phi mã lên đến mức 1000%". (Đoạn 2). Đó là những tin mà hầu hết các báo chí ngoại quốc đều đã đăng tải cách đây hơn cả năm rồi.

Những "cái mới" đọc được trong bản tin là :

- Theo sự tiết lộ của một chuyên viên kinh tế cao cấp thì Ủy ban Trung ương Đảng sẽ triệu tập một cuộc họp trước cuối tháng ba để đánh giá những bước tiến bộ và nhất là bằng cách giảm thiểu những thủ tục hành chính để khắc phục những khó khăn trở ngại kể từ Đại hội Đảng lần thứ 6 hồi tháng 12 năm 1986. (Đoạn 1). Ngoài ra để có vẻ trung thực người đưa tin cũng không quên nhắc đến sự xung đột giữa phe nhóm cải cách của Nguyễn Văn Linh và phe giáo điều bảo thủ của Bộ trưởng Nội vụ Mai Chí Thọ.

- Cũng trích lời của người cán bộ trên, người ta được biết trong năm 1989 nhà nước cố gắng chặn đứng vật giá leo thang ở mức 300%. (Đoạn 3).

Nhưng ông cũng không quên ca bài ca con cá sống vì nước: "Sự viện trợ của các nước Tây phương đã không còn nữa kể từ khi bộ đội VN đem quân sang nước láng giềng Campuchia năm 1979. Ngoài ra năm 1988 ở miền Bắc bị nạn đói đe dọa". (Đoạn 3).

Thôi biết rồi khổ lắm nói mãi !
- Ngoài ra ông "cán" cũng cho nhà báo ta biết rằng sẽ có sự thay đổi công việc ở các bộ phủ và các xí nghiệp của nhà nước. Trung ương Đảng cũng muốn đơn giản hệ thống thuế khóa và có thể sẽ ban hành thuế trị giá gia tăng. (Đoạn 5).

KHI NGƯỜI TÂY PHƯƠNG BÌNH LUẬN VỀ VIỆT NAM

- Một cái mới nữa mà ông gọi là sự tiến bộ là tin ông thu thập từ giới ngoại giao ở Hà Nội: "Có thể con số của các bộ phủ hiện nay là 22 sẽ bị cắt giảm".

Giảm bao nhiêu thì không thấy nói và như để chứng tỏ cho người ta thấy rõ rằng chính quyền VN đang dồn nỗ lực để cải cách nên ông nhắc thêm: "...cho tới tháng 2/88 VN có đến 9 Phó Thủ tướng! (Đoạn 5).

Điều đáng nói không phải là tin cũ hay tin mới, lại cũng không phải CSVN mới thay đổi nhân sự một vài bộ phủ, hay sửa đổi bộ máy thư lại nặng nề hoặc sửa sai nền kinh tế lạc hậu mà chàng phóng viên đã tuyên bố là "nhà nước ta" đang ráo riết tiến hành đường lối cải cách (Vietnams Kommunisten wollen Reformen vorantreiben) mà ở đây chỉ để cập đến những lời bình luận trong bản tin.

Ngoài sự đăng tải những lời của nhân vật mà ông nhà báo gọi là chuyên viên kinh tế cấp Đảng về "Sự quyết tâm về mặt nhân sự : một số nhỏ không có khả năng cho sự tiến hành công cuộc cải cách sẽ bị loại bỏ, Trung ương Đảng sẽ đơn giản hệ thống thuế khóa nhằm hợp lý hóa việc thu thuế và để bài trừ tệ nạn tham nhũng". (Đoạn 5); người ta còn đọc được những ý kiến của ông nhà báo trong bản tin như :

- "Những sự cải cách, công việc quan trọng nhất trong lịch sử Việt Nam (sic!), sẽ dựng chạm đến lãnh vực chủ thuyết và ý thức hệ, và hầu như ảnh hưởng đến tất cả mọi người". (Đoạn 3).

- "Nhưng VN sẽ phải đứng vững, vì nếu không có sự cải cách thì nền kinh tế của VN có lẽ càng tới tệ hơn nữa". (Đoạn 6).

Nếu ngay từ đầu người viết không nói rõ đây chỉ là bản tin của hãng thông tấn Reuter thì bạn đọc có thể tưởng mình đang đọc những tin này trên tờ NHÂN DÂN của Hà Nội.

Thiện Hữu

Thưa ông nhà báo, ở xứ tự do ai cũng có quyền hành xử quyền tự do ngôn luận để phát biểu ý kiến kể cả việc tuyên truyền cho một chủ trương hay đường lối của 1 chính phủ. Nhưng khi đề cập đến lịch sử của một quốc gia thì nên thận trọng đề đạt. Người ta không hiểu ông nhà báo có đọc hay nghiên cứu lịch sử VN chưa, ông có biết chủ nghĩa Cộng Sản được du nhập vào VN dưới bối cảnh lịch sử nào không, đồng bào cả hai miền Nam Bắc có ai muốn chủ nghĩa này đề lên đầu lên cổ họ không, mà để đến hơn 50 năm sau những thù phạm của nó mới công nhận sai và kêu gào sửa sai.

Không phải cho đến nay CSVN mới thật sự thấy những sự thất bại và sai lầm của họ. Từ năm 1982 và trước khi khai mạc Đại hội Đảng lần thứ sáu, lần lượt từ Nguyễn Khắc Viện, Võ Văn Kiệt rồi đến Phạm Văn Đồng, Trương Chinh dưới hình thức này hoặc hình thức khác cũng đã thừa nhận những sai lầm trong chánh sách và đường lối lãnh đạo của Đảng đã đưa đến sự lầm than cơ cực của đời sống 60 triệu đồng bào VN hiện nay.

Sau 15 năm nắm quyền sanh sát trong tay, CSVN đã đi từ thất bại này sang thất bại khác nên ngày nay họ bắt buộc phải thay đổi, phải làm bộ mặt nhân đạo cho phù hợp với mỹ từ "cải cách" với mục đích duy nhất là để tự cứu nguy và để tự tồn. "Đổi mới hay là chết" bây giờ trở thành phương châm mà các nhà lãnh đạo Cộng Sản ở Điện Cẩm Linh hay ở Bắc Bộ Phủ phải thuộc nằm lòng. Với cặp mắt khách quan của các nhà báo Tây phương đứng đắn và các chuyên gia về Việt Nam, chế độ XHCN ở VN chắc chắn sẽ bị thay đổi trong tương lai. Nhưng thay đổi như thế nào lại là vấn đề khác.

Riêng người dân VN sống dưới chế độ CS đã thử kinh nghiệm với những trò gọi là cải cách của họ. Điển hình là sau cuộc "cải cách ruộng đất" năm 1953 ở Bắc Việt, Hồ Chí Minh cũng đã tự thú sự sai lầm sau khi hàng vạn nạn nhân của chính sách cải cách bị đem ra đấu tố và bị chôn sống 1 cách tàn nhẫn trong khi Trương Chinh chỉ mất chức Tổng bí thư Đảng. Thí dụ 2, từ năm 1975 đến nay tại VN đã xảy ra ba lần đổi tiền (nếu từ tiếng Đức "Währungsreform" thì nên dịch là sự cải cách tiền tệ). Cứ mỗi lần như vậy là mỗi lần đời sống nhân dân VN thêm khốn đốn, hàng hóa trước đó vài ngày bỗng đột nhiên vắng bóng trên thị trường hoặc nếu có đi nữa thì người mua cũng phải trả với giá gấp đôi, gấp ba. Đó là chưa kể sau mỗi lần "cải cách tiền tệ" như thế thì đồng bạc VN càng bị mất giá một cách thảm. Và gần đây nhất, trước năm 1986, trước khi Nguyễn văn Linh công bố chính sách đổi mới nạn lạm phát khoảng 500%, năm 1987 lên đến 700% và năm 1988 nhảy vọt tới 1000%. Đây là con số lạm phát kỷ lục mà có lẽ trên thế giới chỉ có nhà nước CSVN đạt được.

Như vậy cái gọi là đổi mới hay cải cách hay dù CS có dùng Mỹ từ gì đi nữa cũng chỉ đánh lừa được những người chưa nếm mùi Cộng Sản như ông nhà báo này, hoặc các phong trào ngây hòa phản chiến, những người thuộc cánh tả Tây phương và dĩ nhiên cũng phải kể thêm những người mang danh nghĩa ty nạn nhưng mới mặt nộp tiền cho họ để được về VN.

Kể từ khi Gorbatschow tung ra chủ trương Glasnost và Perestroika, cả thế giới như có vẻ hồi phấn khởi, phụ họa hoặc đánh bóng theo, nên người ta cũng khờ lạ gì khi báo giới Tây phương dành nhiều thì giờ và cột báo nói về chính sách đổi mới của Nguyễn văn Linh được công bố trong kỳ Đại hội Đảng lần thứ 6 (1986). Báo Time năm 1987 mới đầu chỉ đề cập đến trong một bài vài trang, sau đó dâng một loạt bài liên tiếp trong nhiều số, đến cuối năm dành nguyên một số đặc biệt nói về vấn đề này, trang đầu là chân dung của Nguyễn văn Linh với vẻ mặt hơn hớn thần thiện.

Ở đây Chris Peterson cũng muốn pha thêm một tí màu sắc cho chính sách đổi mới của Nguyễn văn Linh, nên khi ông "cán" ở Hà nội cho ông biết tình hình hiện nay có vẻ không êm thấm vì "những sự thay đổi cực đoan không phải đơn giản", ông "cán" tiếp: "Thật

đau lòng khi thấy con đường còn nhiều chông gai. Một số người đã không sẵn sàng chấp nhận dự án mới này, thật đơn giản mà họ không chịu hiểu", thì anh chàng bèn viết: "Các nhà ngoại giao Tây phương cho rằng Bộ trưởng Nội vụ Mai Chí Thọ và Bộ trưởng Quốc phòng Lê Đức Anh sẽ là những kẻ ngăn cản đường lối cải cách kinh tế vì lý do ý thức hệ". Nghe nói Nguyễn văn Linh đang bị ung thư, năm ngoài mới đi Nga chữa bệnh, nếu nay mai được điếm phục về châu bác Hồ thì có lẽ anh chàng này được dịp đỡ thừa vì Nguyễn văn Linh chết trước khi sự cải cách hoàn tất nên kinh tế VN mới xuống dốc thảm hai như thế!

Thưa ông nhà báo, khi ông nghe người VN không mơ tưởng đến một sự cải cách như các ông thấy mỗi lần có sự thay đổi của chính quyền CSVN, có thể ông sẽ đặt câu hỏi: Thế thì người dân VN sống dưới chế độ CS hiện nay

muốn gì?

Xin hãy để nhà thơ Nguyễn Chí Thiện, người đã trải kinh nghiệm máu xương với Cộng Sản bằng cả cuộc đời tù tội của mình, trả lời một cách chắc nịch thay cho chúng tôi:

Đảng tắt thở cuộc đời mới thở
Đảng còn kia bát phở hóa thành

mơ.
Cuộc đời ở đây không chỉ riêng là cuộc đời của một nhà thơ đời lập mà là cuộc đời của cả 60 triệu người dân VN đang sống dưới ách thống trị của chế độ Cộng Sản.

"Đảng tắt thở cuộc đời mới thở" đối với sự nhạy cảm của người làm báo Tây phương có thể là một sự nguyên rủa, nhưng đối với dân tộc VN là cả một sự thật.

Rất tiếc Chris Peterson không phải là người Việt Nam để hiểu được sự thật đau lòng đó.

" TRONG ĐAU KHỔ KHÔNG LỜI PHỤC SẴN TOÀN SẴN SÉT "

Bài tường thuật buổi ra mắt tập thơ song ngữ Việt Đức "Tiếng vọng từ đáy vực" của Nguyễn Chí Thiện

Lý do nào thúc đẩy dịch giả đem thơ Nguyễn Chí Thiện (NCT) phổ biến cho người ngoại quốc? Lý do thứ nhất rất giản dị là vì dịch giả yêu thơ NCT và tin rằng với một tác phẩm đầy ắp chất liệu văn chương và chan chứa tình tự dân tộc NCT sẽ được dành một địa vị quan trọng không những trong nền văn học nước nhà mà cả trên văn đàn quốc tế. Lý do thứ hai cũng không kém phần quan trọng: dịch giả xem việc dịch thơ NCT như một sứ mạng và muốn đáp ứng một lời kêu gọi, một thông điệp mà NCT đã gửi đến tất cả những người được may mắn đọc ông: phổ biến thơ ông thật rộng rãi để thế giới bên ngoài được biết thêm sự thật về cộng sản Việt Nam.. Đó là lời tâm tình đầu tiên của dịch giả.

Tiến sĩ Bùi Hạnh Nghi trong buổi ra mắt tập thơ song ngữ Việt Đức NCT vào ngày 1.10.1988 tại Frankfurt.

Lời tâm tình của ông vang lên trong căn phòng đông đầy thính giả, tất cả gần như lặng đi trong niềm xúc động bởi hơi khi họ liên tưởng đến nỗi bất hạnh lớn lao đã đeo đuổi



NCT gần 30 năm qua mà ngay giờ phút này nhà thơ vẫn còn bị "tù" đầy, cướp, vổ, cùm, kẹp, đau đớn hơn mẹ... "trong trại tù miền Bắc dưới tận cùng đáy vực. Tuy phải sống vất vả đau thương trong cảnh khốn cùng, tuy phải lê tấm thân tàn bệnh hoạn đói khổ dưới chế độ cộng sản NCT vẫn luôn can trường bất khuất và khẳng định với lòng mình:

*Có ai đi rừng gặp loài dã thú
Lại mở mồm kêu xin chúng thươngtha*

Sau lời mở đầu dịch giả đã ngỏ lời cảm ơn Luật sư Trần Thanh Hiệp, Chủ tịch Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, đã viết bài tựa cho tập thơ và đã không quản ngại đường xá xa xôi đến nói chuyện về Nguyễn Chí Thiện và cảm ơn ông Nguyễn Thủy, nhà họa sĩ tài hoa đã vẽ hình bìa và phụ bản cho cuốn sách. Dịch giả cũng cảm ơn tất cả các thân hữu xa gần đã khuyến khích và ủng hộ tinh thần trong công việc khó khăn này. Tiếp đó dịch giả trình bày vài nét sơ lược về công tác dịch thuật: Vì lý do kỹ thuật (sách quá dày) và tài chánh (phí tổn ấn loát phải trả cho nhà xuất bản Fischer quá cao) nên dịch giả không thể cho xuất bản toàn bộ tác phẩm Nguyễn Chí Thiện mà chỉ chọn dịch 100 bài trong đó có bài "Đồng Lầy" dài gần 500 câu và 69 đoạn "ghi chép vụn vặt" dựa trên những tiêu chuẩn:

- những bài thơ hoặc những đoạn tiêu biểu nhất cho tư tưởng và bút pháp NCT.

- những bài mà dịch giả cho rằng có thể gây tác dụng trên độc giả người Đức vì hợp với thị hiếu và cảm quan của họ.

Dịch giả không xem việc dịch thơ Nguyễn Chí Thiện là một thú tiêu khiển văn chương mà là một sứ mạng truyền bá phổ biến thông điệp của NCT đến những người yêu chuộng tự do trên nước Đức. Vì thế ông dặt dích thật sát, mặc dầu vẫn cố gắng dịch thể nào để vừa trung thành với ý tưởng và âm hưởng câu văn trong nguyên tác vừa phù hợp với cảm quan ngôn ngữ của người Đức.

Sau lời mở đầu của dịch giả là phần thuyết trình của LS Trần Thanh Hiệp về đề tài "NCT và thơ của ông". Thuyết trình viên nhấn mạnh rằng NCT trước hết là một nhà thơ và với tài nghệ của ông, ông đã tạo được một hệ thống vũ khí vô cùng sắc bén để chống lại bạo quyền đang dùng mọi biện pháp để tiêu diệt ông. NCT là một trong những nhà thơ hiếm hoi của miền Bắc còn bảo tồn được những truyền thống thi ca của dân tộc. Ông đã mang trong Ông cả lịch sử thi ca Việt Nam và đã có công sáng tác ra những tên gọi mới của Tội Ác, của Đọa Đày, của Khổ Nhục, của Hy Vọng. Thơ Ông là chất liệu của văn học Việt Nam từ đời hậu bán thế kỷ thứ hai mươi và đã phản ánh một cách điển hình và linh động thời đại ông. Không những thế thơ ông còn dự phóng tương lai để tìm đường đưa tới giải thoát.

Nhiệm vụ của chúng ta là phải tìm đủ mọi cách phổ biến thơ NCT nhất là trong giới độc giả ngoại quốc. Dịch thơ NCT ra ngoại ngữ là một việc làm rất đáng ca ngợi vì đã đáp ứng nguyện vọng của NCT. Mặt khác chính chúng ta phải đồng tâm hiệp sức để tạo một thị trường tiêu thụ các tác phẩm được dịch ra ngoại ngữ để các nhà xuất bản ngoại quốc

nhận xuất bản các dịch phẩm giới thiệu nền văn học của ta mà không đòi hỏi những điều kiện tài chánh quá khó khăn.

LS Trần Thanh Hiệp cho hay ông không muốn lặp lại những gì ông đã viết về đề tài thuyết trình trong bài đề tựa mà chỉ muốn để cử tọa được trực tiếp nghe những lời NCT đã viết ra. Do đó ông đã tóm lược phần thuyết trình của ông rất ngắn gọn và dành thì giờ để đọc lên những bài thơ đặc sắc nhất của NCT. Bằng một giọng nói chậm rãi truyền cảm, ông đã cho thính giả có cảm tưởng ông đang thay mặt NCT kể về những nỗi niềm tâm sự vô vàn đau thương, để người nghe hòa mình vào niềm thông khổ vô biên qua những lời thơ chân thành mà vô cùng kỳ diệu.

Sau phần thuyết trình của Luật sư Trần Thanh Hiệp, Tiến sĩ Bùi Hạnh Nghi đã nói chuyện về đề tài: Tác dụng đấu tranh trong thơ NCT. Ông đã mở đầu với hai nhận xét:

- Tác dụng đấu tranh của một tác phẩm không chỉ tùy thuộc vào tư tưởng sắc bén, lập luận vững vàng, mà còn ở phẩm chất văn chương của nó. Thơ của NCT hội tụ cả hai ưu điểm vừa nói, hai ưu điểm này gắn liền vào nhau và bổ xung cho nhau vừa hòa hợp vừa chính xác.

- Với tư cách là một chính nhân trung thực khi nói về Đáy vực, Địa ngục cộng sản Việt Nam, NCT đã lấy cả cuộc đời tù tội của mình làm bằng chứng, những bằng chứng hùng hồn và xác thực nhất. Mỗi giòng thơ ông là một giòng tâm sự bằng máu lệ. Ông là một nhân chứng đầy quả cảm, vì lý tưởng đấu tranh, vì tương lai dân tộc ông đã bất chấp mọi cực hình và xem thường cái chết. Đó là điều chúng ta cần lưu tâm khi đọc NCT và cần nhấn mạnh khi giới thiệu với người ngoại quốc.

Để hiểu và cảm nhận thơ NCT chúng ta phải mang trong lòng niềm căm hơn và nỗi đau đớn vô biên của hàng vạn NCT và của cả dân tộc.

Một đặc điểm nữa mà thuyết trình viên đã đề cập đến là lối hành văn độc đáo, đơn sơ, bình dị nhưng vô cùng thâm trầm súc tích. Giọng văn của NCT rất hòa hợp với mọi tình huống: khi mỉa mai, khi phẫn nộ, khi chua xót, khi căm hờn, khi gặt gao, khi thúc giục. Sở trường độc đáo của NCT là dùng lời mỉa mai nhẹ nhàng, nhưng sâu sắc để giáng lên đầu kẻ thù mình những nhát đòn chí tử, (Ví dụ bài "Xưa Lý Bạch", bài "Khi tới nhà ông" và bài "Tôi thường đi qua phố")

Để làm nổi bật cái khủng khiếp của chế độ CS, NCT đã dùng lối so sánh để kết luận:

Địa ngục diêm vương còn "ít nhục hình hơn dương thế", ách thực dân êm ả, nhẹ nhàng hơn "nanh vuốt của lũ thú rừng", thời phong kiến thời nát bất công ngày xưa chỉ là mun lũ

ngoài da còn chế độ CS mới thực là ung nhọt tử nội tạng.

Để tố cáo sự bịp bợm gian manh của chế độ, NCT đã vạch trần những thực tế phũ phàng ẩn nấp sau những danh từ tuyên truyền khoác lác như "độc lập, tự do, hạnh phúc" như "danh chủ tiến bộ"... Câu "không có gì quý hơn độc lập tự do" đã được NCT làm dẹt tài cho một bài thơ dài với những giòng nguyên rủa nặng nề không ngần ngại, dùng những chữ cộc cằn sống sượng. Hầu hết tất cả những luận điệu tuyên truyền của CS ("lãnh đạo sáng suốt" "vĩ đại" "chính sách khoan hồng") đều được ông tận tình chiếu cố như một ngọn đèn "gậy ông đập lưng ông" "bán xe lịch sử" mà CS mang ra để xi và những người "phản động" chỉ là một cuộc hành trình thoái hóa từ "người xuống vượn" và chiếc bánh vẽ "thiên đường hạnh phúc" chỉ là con đường khốn cùng đi vào sa mạc hoang vu, con đường được lót bằng chết chóc, tù lao, máu lệ ...

Nhờ vào mảnh khố tuyên truyền tinh vi xảo quyệt CS đã lừa dối được nhiều người mê muội, ngay nhà thơ cũng đã thú nhận sự lấm lẩn của mình lúc ban đầu bằng hai bài thơ "Thật là cay đắng":

"Mối lăm lăm một mảnh lòng rạn vỡ"
và "Đau đớn lắm cái lăm to thế kỷ"

*
* *

Sau khi trình bày những nhận xét về bút pháp NCT thuyết trình viên đã lần lượt đi sâu vào các điểm "Quan niệm của NCT về thơ đấu tranh", "Bản Cáo trạng rút ra từ bức tranh địa ngục và lời kết án chính sách phi nhân" và "Con đường giải thoát"

Qua hai bài "Thơ của tôi không phải là thơ" và "Thơ của tôi không có gillà đẹp", NCT đã trình bày thực chất của tác phẩm ông và lưu ý độc giả không nên hiểu thơ ông theo quan niệm thông thường (tiếng nói của tình của mộng của những gì cao đẹp mỹ miều) mà thơ ông chỉ là "tiếng cuộc đời nức nở" tiếng cuộc đời sống dờ chết dờ, tiếng của tù đầy đời rét bệnh hoạn trong sự kềm kẹp bạo tàn của "Đảng, đoàn, lãnh tụ trung ương". Ông đã vẽ trong thơ ông một bức tranh địa ngục, nhằm tố cáo chính sách phi nhân gian ác của một "Lũ quỷ đũa đường" với tất cả khí phách và niềm tin mãnh liệt "ngay trong những đờ nát hoang tàn" "Thơ vẫn bản và thừa dư sức đạn" (Bài "Khi Mỹ chạy").

Một trong những bài đặc sắc nhất là: "Đàng đây tôi trong rừng" NCT cho rằng dụng tâm của Đàng là dùng mọi cực hình dã man nhằm tiêu diệt những thành phần chống đối như ông nhưng đã đạt được kết quả trái ngược: trong hoàn cảnh tuyệt lộ ông đã tạo ra những văn thơ đấu tranh mà sức công phá như là "bom nguyên tử".

Ngoài ra thơ của NCT vang lên giữa thế giới tự do như một bản cáo trạng vạch trần tất cả tội ác tày trời của CS trước công luận với một nội lực đấu tranh hùng hậu và một kỹ thuật bút pháp tinh vi để không ai còn có thể nghi ngờ về tội trạng, tội nhân CS không còn phương chối cãi và thẩm phán của tòa án lương tâm nhân loại phải kết án và trừng phạt đích đáng.

Ngoài ra thuyết trình viên đã đề cập đến vài khía cạnh nổi bật khác trong thơ NCT như: Niềm khao khát được làm người. Trong hoàn cảnh mà con người chỉ còn dám "Mơ ước được no bằng con vật" khi những nhu cầu thiết yếu và chính đáng như tự do và no ấm đã "Trở thành huyền mộng" thì giấc mơ làm người chỉ là một niềm khao khát ray rứt, triển miên và cả cuộc đời gồm quá khứ hiện tại tương lai công lai chỉ là "số không cay đắng (Bài "ngày qua là đẹp sáng chan hòa" và bài "Hiện tại mở hội chùi xóa nhẵn")

Gần 30 năm với kiếp sống tù đày ông đã "rong ruổi" không biết bao nhiêu trại tù miền Bắc, ông đã nếm bao nhiêu trận đòn hành hạ, traxhào nên thơ ông đã nói lên những sự thật rùng rợn, kinh hoàng mà thế giới bên ngoài khó mà hình dung được: "cùm nhay lở loét", báng sừng nện vào mặt "tóc máu vều môi", "Sắt thép đưa vào đầu đôn hén mẹ", "mở hội hòa máu phổi". Khi tả "kiếp sống lấm than" NCT không chỉ nói về mình mà là phát ngôn viên của toàn dân tộc.

Đọc thơ ông ai cũng cảm nhận trong đó lòng yêu nước nồng nàn của những nhà chí sĩ cách mạng, nỗi đau đớn tận cùng vì thấy CS đưa dân tộc vào thoái hĩa suy vong: "Lão đảo vībuồn đói, xanh xao cả giống nòi, rốngtiên thành mọi rợ..." và tràn đầy những ưu tư khắc khoải về quốc gia dân tộc.

Bên cạnh những lời tố cáo giáng tiếp bằng cách phơi bày vạch trần những sự thật, NCT còn xử dụng nhũg giọng thơ của mình để tố cáo trực tiếp, lên án, luận tội chế độ CS "Tội ác chất từng pho" NCT đã nói to cho cả thế giới biết thủ phạm của mọi hành động phi nhân là lá cờ đỏ sao vàng: Nó lệ hóa, hành hạ, tra tấn, làm đảo lộn cả luân thường đạo lý, phá hoại, chà đạp văn hóa và truyền thống dân tộc...

Từ những kinh nghiệm đau thương NCT đã rút ra một kết luận tất yếu: Con đường giải thoát, con đường duy nhất, là tiêu diệt ngay cái nguyên nhân đưa đến thảm họa cho toàn dân tộc: "CS đánh gục, đời mới hết nhục" "Đàng tất thờ cuộc đời mới thờ" Muốn cứu lấy đưochiến tại, tương lai phải "Kiểu trừ quân CS": vợ con có thể bỏ, cha mẹ có thể tử, CS thì sinh tử mới thoát và tự do".

Bao năm dài tù tội là chõng chắt bấy nhiều hơn cảm phần nộ trong lòng. Với một giọng văn danh thép quyết liệt ông đã diễn tả sự căn thiết tiêu diệt CS bằng những hình ảnh

"Đánh toang đầu con rắn đỏ vô cùng hung hiểm"
"Đánh phọt óc con rắn hồng độc hại"
"Sẽ thiếu tất lũ bay thành tro xám"
"Xác lũ bay ngập đường ngập phố"
"Máu lũ bay hoen ố cả nền trời"

Xin đừng vội vã buộc tội những lời lẽ trên là quá khích, hiểu chiến, sắc máu mà hãy nghe ông trả lời: "Có sống trong lòng CS nhiều năm, mới muốn vậmbám chúng ra vạn mảnh" NCT tin rằng nếu tất cả mọi người đồng tâm nhất trí "Mở con đường máu" thì thắng lợi cuối cùng là chuyện đương nhiên. NCT tin tưởng vào sức đối kháng của mọi tầng lớp nhân dân "Sức bật lật nhào tung hết" và tin tưởng vào vạn nước. Để nhắc nhở chúng ta thêm, ông nhấn mạnh: Đã đến lúc không phải ngồi chờ vạn nước xoay vần mà phải tích cực đấu tranh cho chính nghĩa, phải ý thức và phải dùng ngòi bút, mọi phương tiện để tố cáo tội ác ngập trời của CS "Vi ấu tri, u tối, ngu si mới đưa đến thảm họa", phải dẫn thân ("thờ ơ" "tiếc máu xương" "lo hường lạc" là nơi giáo cho giặc), phải hy sinh dù là mạng sống, nếu cần phải chấp nhận tất cả đổ nát do cuộc chiến chống bạo quyền đem lại cho đất nước "Tôi không tiếc sẵn sàng đập nát mảnh đất này để cứu lấy tương lai"

Trước khi chấm dứt đề tài nói chuyện dịch giả đã đọc hai đoạn thơ đặc sắc trong bài "Đồng lý"

GIỚI THIỆU TÁC PHẨM MỚI

Trong thời gian qua Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt Nam tại Tây Đức thuộc chùa Viên Giác vừa cho xuất bản một tác phẩm mới của Tác giả Hồ Trường An tựa đề là "Lúa Tiêu Ruộng Biển".

Đây là một tác phẩm rất có giá trị về văn học, đặc biệt nói về thôn quê Việt Nam trong thời thanh bình của đất nước. Các độc giả đã say sưa theo dõi các truyện Lớp Sóng Phế Hùng, Phấn Bướm, Hợp Lưu, Nửa Chợ Nửa Quê, Đêm Chong Đèn v.v... của Tác giả Hồ Trường An thì không thể nào thiếu Tác phẩm này được.

Bìa in 2 màu, sách dày 232 trang, giá 16DM kể cả cước phí gửi trong nước Đức và Âu châu. Quý vị nào muốn có sách xin liên lạc về chùa Viên Giác Hannover hoặc qua địa chỉ Tác giả tại: 5 rue Auguste Renoir, 10.000 Troyes, France.



tiêu biểu cho ý thức đấu tranh và niềm tin tất thắng của NCT.

Để kết thúc bài thuyết trình dịch giả gửi đến người nghe một lời nhắn nhủ :

Thơ NCT là một thông điệp, vừa là một lời thách đố, vừa là lời kêu gọi của non sông mà mỗi người trong chúng ta phải tìm câu trả lời xứng đáng.

Trong suốt bài nói chuyện, dịch giả vừa trình bày những nhận xét, những ưu tư cũng như nỗi xúc động của mình về NCT, vừa đọc lên nhiều bài, nhiều đoạn thơ và bình giải tỉ mỉ, khiến người nghe chăm chú theo dõi và cảm thấy như đã đi sâu vào thế giới thơ NCT để cảm nhận một cách sâu sắc những lời tâm sự và những tiềm lực đấu tranh mãnh liệt, hùng hậu trong thơ ông.

* * *

Đóng vai trò tuy ít ỏi nhưng rất nổi bật trong tập thơ song ngữ Việt Đức, NCT là nét cọ tài tình và linh động của họa sĩ Nguyễn Thủy. Trong 8 bức tranh góp phần tô điểm cho giá trị của cuốn sách ông đã lột trần được tất cả những hình ảnh bị thương hùng tráng của thế giới thơ NCT. Ở trang bìa họa sĩ gửi đến độc giả hình ảnh của một người đàn ông chỉ có khuôn mặt tiêu tụy, danh thép vươn người ra từ trong vùng bóng tối ở dưới hồ sâu đen thẳm thăm: Đáy vực. Với tất cả sức lực tiềm tàng, với tất cả ý chí mãnh liệt tập trung vào đôi tay, cái miệng mở rộng, cái đầu : khối óc trắng và nặng hồng: Thế giới tự do. Đó là thực trạng đau thương của nhà thơ bất hạnh NCT. Trong suốt mấy chục năm tù đầy đặng đặng ông đã tận dụng tất cả khípách can trường bất khuất của mình vào :

- Khối óc để nảy sinh ra những lời thơ bị thương hùng tráng
- Vào đôi tay để cầm bút như một vũ khí tinh vi sắc bén, mạnh mẽ.
- Vào cái miệng để nói to, gào to cho toàn thế giới biết thêm sự thật về "đàng, đoan, lãnh tụ, trung ương"

Nhờ vậy mà ngày hôm nay chúng ta mới may mắn đọc được thơ ông, những giòng thơ đi vào lòng người với những xúc động chân thành nhất:

Trong bức tranh mở đầu ở trang 1, họa sĩ cho độc giả thấy khuôn mặt một người dầm ông xương xẩu, tóc rử rụi, đôi mắt nhắm nghiền, cái cổ ốm và vươn ra thật dài, miệng mở thật lớn, tất cả cứ chỉ như đang thu hết tàn lực trong cơ thể vận chuyển qua cuống họng để tống ra ngoài những tiếng gào thét thật to, căm hờn, thất thanh, đau đớn. Song song với hành động ấy, một bàn tay rần rỏi vươn thẳng từ "trong bóng đêm đê nghệt" ra ngoài vùng ánh sáng, bàn tay như vận dụng hết tất cả tiềm lực nắm chắc cây bút trong tư thế một người đang cực kỳ phấn nộ nắm chắc con dao nhọn và

sắn sàng đâm mạnh xuống kẻ tử thù. Bức tranh đã thể hiện được những tiềm lực đấu tranh trong thơ NCT, những căm hờn sục sôi trong tận đáy lòng ông. Ông gào to cho nhân loại nghe chưa đủ. Ông còn phải sử dụng đến ngòi bút của mình như một thứ vũ khí được tôi luyện trong những năm tháng dài tù đầy, đối khổ bệnh hoạn, tra tấn. ngòi bút trong bức tranh nhọn cứng và thẳng, tượng trưng cho khí phách can trường của nhà thơ thế xác yếu hèn mà tâm hồn dũng mãnh, không bị bẻ gãy, không bị uốn cong bởi những đàn áp bạo tàn. Bức tranh đã nói lên trọn vẹn ý chí đấu tranh của NCT: "Tôi muốn kêu to trong căm lộng đen dày. Cho thiên hạ trăm miền nghe thấy" và ông mong ước cây bút của ông biến dạng thành những lời thơ bay ra ngoài ánh sáng, "bay khắp địa cầu, kêu cứu nhân gian trừ cộng sản".

Trong một bức tranh khác phụ bản cho bài "Được nghe bà kể khổ" trang 156, họa sĩ mô tả cảnh đấu tố trước một tòa án nhân dân mà công tố viên và thẩm phán là những con sen thẳng ở đã được CS xách động tuyền truyền xâm vào người những hận thù sặc máu còn bị cáo là những cha mẹ, bạn bè thân quyến hoặc là những ân nhân trước đây đã từng đùm bọc thương yêu họ. Bức tranh vẽ lên nét mặt sợ hãi khổ đau của một bà già ốm yếu, hai tay run rẩy chấp lại, quỳ bệt dưới đất như cầu khẩn van xin một sự thương xót trước con thịnh nộ xia xói của chính con mình, còn phía sau lơ nhỡ những đám người đã mất hẳn nhân tính. Họ reo hò há hê thỏa mãn trước vẻ bi hài kịch rùng rợn. Bức tranh đã nhắc lại lời tố cáo của NCT trước công luận về sự đảo lộn luân thường đạo lý, về sự chà đạp lên nhân phẩm và tình người mà thủ phạm là Bác, Đảng và tòng phạm là miếng thịt, củ khoai, tem phiếu, tán đường.

Chúng ta ở đây những người kém may mắn vì không được sống nốt quãng đời còn lại của mình trên mảnh đất chôn nhau cắt rún, không được trực tiếp chia xẻ niềm vui nỗi buồn theo mệnh nước dẫy dụa, nhưng chúng ta có được một niềm phúc lớn lao mà gần cả cuộc đời mình NCT vẫn hằng mong ước đó là được sống, được thở bầu không khí tự do mà do ở quyền tối thượng của nhân loại là quyền làm người được triệt để tôn trọng. Vậy bốn phận của chúng ta phải chung vai góp sức, quên đi những bất đồng chính kiến, những dị biệt cá nhân, ngồi lại gần nhau tận dụng tất cả mọi phương tiện, mọi hoàn cảnh phổ biến bản thông điệp của ông đến tất cả nhân dân yêu chuộng tự do trên thế giới, nối tiếp lời kêu gọi thông khổ đau thương của ông đến bên bạn khắp năm châu. Để cho nhân loại nhìn biết chính xác sâu xa hơn sự thật về CS, để thức tỉnh những ai còn mê muội tin theo tà thuyết vô luân vi :

*"Thử sinh thành tử tử tri ngu si
sự hiểu biết sẽ là mớ hủ diệt"*

Có như thế chúng ta mới rút ngắn được ngày về, có như thế giấc mộng ngày quang phục của chúng ta mới sớm được thành sự thật và có như thế NCT nhà thơ của thế kỷ sẽ không còn phải đớn đau ngày lại ngày.

"Văn âm thắm mai lệ viết thành thơ"

Tháng 10/88

● PHẠM THỦY NGUYÊN

Hai Quốc Độ Tiếp theo trang 63

cái xứ này khi mà giờ phút được đếm trên đầu ngón tay, tôi khó có dịp thường xuyên và chừa thì lại quá xa, để có thể đến thương xuyên và tự mang cho mình một quốc độ tốt đẹp này. Bởi vậy tôi tự tạo cho mình có được một thói quen là luôn có được cái quốc độ thanh tịnh trên băng cách suy nghiệm ở trên để đối phó với mọi phiến toái, bực bội trong môi trường xã hội, mà nó chỉ là phương tiện để thúc đẩy sự tái sinh của quốc độ bất tịnh, còn chính mình mới là nguyên nhân động lực để làm cho quốc độ nào trong hai quốc độ trên hiện hữu trong ta. Trên đây là tôi trình bày với bạn những nguyên nhân động lực, nó là ý nghĩ, việc làm tốt hay xấu để tạo ra hai quốc độ trên, đó là thuộc phạm vi tư tưởng, cư xử và hành động. Ngoài ra còn một phạm vi khác mà hai quốc độ có thể xuất hiện trong đó, đó là phạm vi ăn uống, nói chung là phép dưỡng sinh của mình, để tạo cho mình có một trong hai quốc độ trên. Bạn không hiểu ư? Không có gì khó hiểu đâu bạn ạ, này nhé, bạn thử tưởng tượng xem, lúc bạn say rượu bạn cảm thấy gì trong tâm hồn bạn? Có chăng, chỉ là những tư tưởng rối loạn, đen tối và không nhận biết một sự vật gì chung quanh, và từ đó sẽ dẫn bạn tới việc nói càn, làm bậy. Một con người như thế, đương nhiên chỉ có cái quốc độ bất tịnh trong tâm hồn. Còn một người tỉnh táo, đàng hoàng, sẽ biết phải trái để cư xử tốt đẹp mọi đàng, sắc diện lúc nào cũng tươi thắm thì chắc chắn cái quốc độ thanh tịnh đàng ngự trị trong tâm hồn con người này. Cũng vậy, người nào đã biết ăn chay rồi cũng rất khác xa với kẻ còn

TÌM HIỂU THẾ GIỚI NGÀY NAY

thích sát sanh hại vật để ăn thịt, người ăn chay tâm hồn họ bao giờ cũng có lòng từ bi, tình thương nhạy cảm hơn người ăn mặn, mà tâm hồn của người ăn mặn bao giờ cũng nóng nảy, ích kỷ và có vẻ xung động hiếu chiến. Bởi vậy các bạn chắc cũng thấy các bậc Giác Ngộ như Phật, Bồ Tát suốt đời trường chay, thử hỏi tình thương từ bi bao la của các Ngài có gì so sánh cho được? Như vậy ta thấy rất rõ, cái môi trường dưỡng sinh cũng rất quan trọng để tạo cho mình có được một quốc độ thanh tịnh hay không, bên cạnh cái ý nghĩ, tư tưởng và sự cư xử của mình. Bởi vậy, Đức Phật mới chế ra luật trường chay cho những ai muốn cầu tái sinh về cõi Cực Lạc, thì trước hết phải tự tạo cho mình có được một quốc độ thanh tịnh ngay trong cuộc sống nơi cõi Ta bà này, thì cái quốc độ thanh tịnh Di Đà kia mới có thể đạt được sau này. Cũng vì lý do ý nghĩa này mà các đệ tử của Ngài khi đã xuất gia là đã chay trường, thì ít hay nhiều, họ cũng đã có được trong tâm hồn họ cái quốc độ thanh tịnh này rồi. Còn tôi và bạn, ta đã có được cái quốc độ nào rồi? Câu hỏi này chỉ có chính mình là người có đủ thẩm quyền để xác định, quốc độ nào mà ta có nhiều hơn cả: thanh tịnh hay bất tịnh? mà thật ra, nó chỉ dựa vào chính bạn mà thôi, không ai khác ngoài bạn; chính tôi và bạn là người quyết định cái quốc độ nào hiện hữu hoặc mất, tăng hoặc giảm, phải không bạn?

Sự Thống Nhất Khối Ả Rập ? Một ảo Tưởng !

Năm 1988, Quốc Vương Hussein xứ Jordan đã nói: "Tình trạng không đoàn kết, chia rẽ là 1 con bệnh làm hủy hoại cơ thể của khối Ả Rập". Thật vậy, những quốc gia nói tiếng Ả Rập từ Maroc đến Iraq có chung cùng một tổ tiên, một ngôn ngữ và một tôn giáo, nhưng sự thống nhất các quốc gia Ả Rập lại còn xa vời và là một ảo tưởng.

Tại Libanon, những người Ả Rập đánh nhau đó là một thí dụ điển hình cho sự chia rẽ.

Ở Viễn Tây, một phần đất của thế giới Ả Rập, Maroc đang đánh với du kích quân Saharan ở Sa mạc. Quân Saharan được sự hỗ trợ của Algeria. Nhưng Maroc đang rõ ràng thắng trận; vì Algeria và Maroc đã nối lại sự liên hệ ngoại giao. Do đó sự tiếp trợ của Algeria cho du kích quân Saharan không còn nữa. Mặc dù những nhà lãnh đạo Bắc Phi đã hết sức cố gắng tìm mọi cách để tiến đến sự hợp tác, nhưng những sự dị biệt sâu xa vẫn còn tồn tại. Trong cuộc họp thượng đỉnh của liên đoàn Ả Rập vừa qua, Đại tá Mo'ammur Quadhafi lãnh tụ quá khích mà thế giới còn gọi là người khủng của xứ Libya đã đeo găng tay với cố ý là tránh chạm tay với quốc vương Maroc Hassan II; vì vị quốc vương này đã bắt tay với Thủ tướng Do Thái.

Ai Cập, một quốc gia đông dân nhất của khối Ả Rập không được mới vào cuộc họp thượng đỉnh vì bị Liên đoàn Ả Rập khai trừ từ năm 1979 sau khi Ai Cập đã ký hòa ước với Do Thái. Chỉ khi nào Ai Cập quay trở lại với Liên

đoàn, thì khối Ả Rập mới xét lại vấn đề. Nhưng đến bao giờ? Chưa ai tiên liệu được.

Sự xung đột với Do Thái là một tiềm lực trở ngại to lớn cho sự thống nhất khối Ả Rập; mặc dù những nhà lãnh đạo trong cuộc họp thượng đỉnh đã thảo luận về việc giúp đỡ tài chánh cho Palestin nhưng không thành công. Để đi đến sự đoàn kết, liệu những người lãnh đạo khối Ả Rập có vượt qua được những sự khủng hoảng trầm trọng đã xảy ra vì những sự nghi ngờ, dò xét lẫn nhau không? Hãy chờ xem...

BERMUDA Thịnh Vượng Nhất Theo Danh Sách Của Ngân Hàng Thế Giới

Theo thống kê mới nhất của ngân hàng thế giới thì nhân dân của một hòn đảo nhỏ tên là Bermuda thuộc Anh Quốc nằm ở Đại Tây Dương gần bờ biển phía Tây Hoa Kỳ được hưởng một lợi tức cao nhất thế giới. Sự định giá được căn cứ vào tổng sản phẩm quốc gia thu nhập mỗi đầu người (per capita gross national product (GNP), và được tính bằng đồng Mỹ kim.

Sau đây là 10 quốc gia đứng đầu trên thế giới :

Sống Vô Gia Cư

Sống vô gia cư, chết vô địa táng Câu nói này trước kia tôi tưởng chỉ dành riêng cho những người dân bạc phước sống ở những nước nghèo đói, kém mở mang. Nhưng không, ngay đến những quốc gia giàu có Tây Âu nơi hội tụ của nền văn minh khoa học kỹ thuật hiện đại nhất cũng có cả triệu người sống vô gia cư. Họ lang

Chủ đề

Viên Giác số 51 mang chủ đề:

" Kỷ niệm 10 năm Báo Viên Giác "

Bài xin gửi về trước ngày 15.5.1989

Tòa soạn

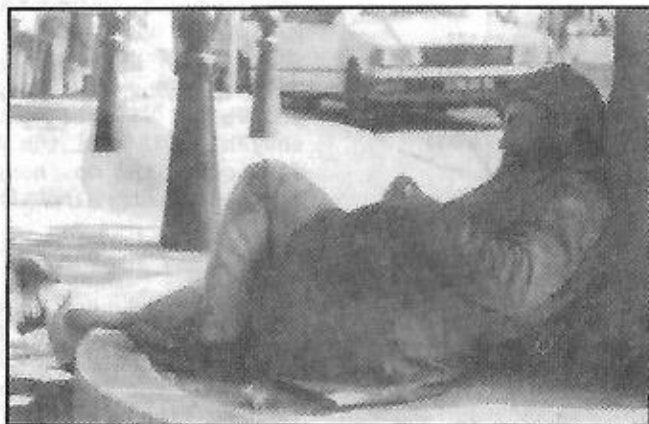
Cáo lỗi

Vì vấn đề sức khoẻ và công việc gia đình. Trang thời sự thế giới tạm vắng mặt 1 thời gian trên Viên Giác. Hẹn tái ngộ cùng độc giả trong thời gian tới đây.

Vì lý do kỹ thuật "Vườn thơ Viên Giác" xin tạm gác một kỳ để chăm bón tiếp. Kính mong quý độc giả niệm tình hy thứ cho.

Tòa soạn Viên Giác

Bermuda	\$26.420
Switzerland	\$17.840
United States	\$17.500
Luxembourg	\$15.460
Norway	\$13.390
Ireland	\$13.400
United Arab Emirates	\$13.210
Canada	\$11.700
Xuân	\$13.990
Japan	\$13.970



thang nay đây mai đó, màn trời chiếu đất, ngày ở công viên, tối ngủ vỉa hè. Hiện nay người ta phỏng đoán có khoảng 1/5 dân số trên thế giới không có một mái nhà thích hợp để che mưa, núp nắng, tránh tuyết, trốn sương. Theo sự tiết lộ của những cơ quan tử thiện, xã hội thì các quốc gia Tây Âu sau đây có số người sống vô gia cư.

- Anh quốc có khoảng 80000 người dưới 25 tuổi.
- Cộng Hòa Ái Nhĩ Lan khoảng 10.000 người.
- Ý Đại Lợi (Italy) khoảng 100.000 người.
- Hòa Lan khoảng 120.000 người.
- Tại thành phố hoa lệ Paris khoảng 10.000 người.

Còn Việt Nam thì đang dần dần thế giới về nghèo đói và sống vô gia cư. Trên 13 năm bị thống trị, dưới sự lãnh đạo của đám cán bộ bảo thù, già nua và ngu dốt, đã và đang đưa nhân dân từ ngày 2 bữa ăn có nhà ở đến còn ngày 1 bữa đôi khi không có bữa nào, sống ở xó chợ gầm cầu! Tình trạng này kéo dài đến bao lâu? Và khi nào mới chấm dứt? Khi mà chủ nghĩa Mác Lê bị chôn vào nghĩa địa và đám môn đệ cuồng tín bị cho về vườn đuổi gà giữ lợn.

Ba Quốc Gia Đứng Đầu Thế Giới Về Ngoại Thương

Trong 2 năm 1986-1987 Tây Đức đã đứng đầu thế giới về xuất cảng. Nhưng bây giờ thì ngôi vị này bị lung lay; bởi vì trong năm 1988 Hoa Kỳ đã vượt lên và chiếm hàng đầu. Trong 10 tháng đầu năm 1988 trị giá xuất cảng của Hoa Kỳ tăng 28% so với cùng thời gian năm trước và tổng số cuối năm là 325 tỷ Mỹ kim. Trong năm 1988 vì đồng đô la bị sụt giá nên ảnh hưởng đến ngành ngoại thương của Tây Đức. Tuy nhiên từ 294 tỷ trong năm 1987 đã tăng lên 320 tỷ trong năm 1988 chiếm hàng thứ nhì. Nhật Bản, một nước ở Á Châu có lẽ nhờ ánh sáng của Thái Dương thần nữ rơi vào nên 18 năm qua vẫn đứng vào hàng thứ ba.

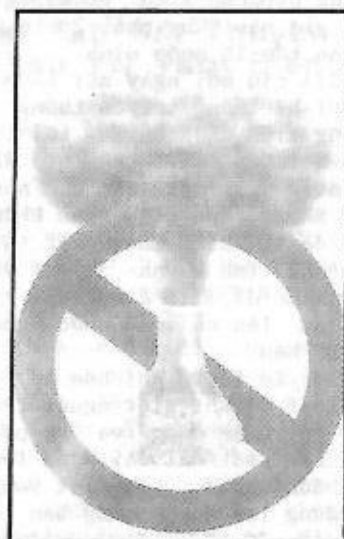
Vũ Khí Hóa Học

Một cách giết người tàn nhẫn vô nhân đạo không kém gì vũ khí nguyên tử đó là vũ khí hóa học đang được các nước trên thế giới xử dụng. Những nhà lãnh đạo Hoa Kỳ, Liên Xô và các nước khác đang tìm cách chặn đứng sự phát triển loại vũ khí độc hại này.

Vũ khí hóa học còn được gọi là "Vũ khí nguyên tử của những quốc gia nghèo" vì nó rẻ tiền, sản xuất không tốn kém và dễ dàng di chuyển. Nó được xử dụng rất nhiều trong các cuộc chiến tranh trên thế giới trong hai năm qua. Quân đội Liên Xô dùng hơi độc trên chiến trường A Phú Hãn để tiêu diệt kháng chiến quân. Quân đội Việt Cộng dùng bom đạn hóa học để loại ngoài vòng chiến giải phóng quân Campuchia v.v.. Đáng chú ý nhất là sự xử dụng vũ khí hóa học của Iraq trong cuộc chiến với Iran. Đặc biệt là cuộc dội bom ở Halabja miền Đông Bắc Iraq.

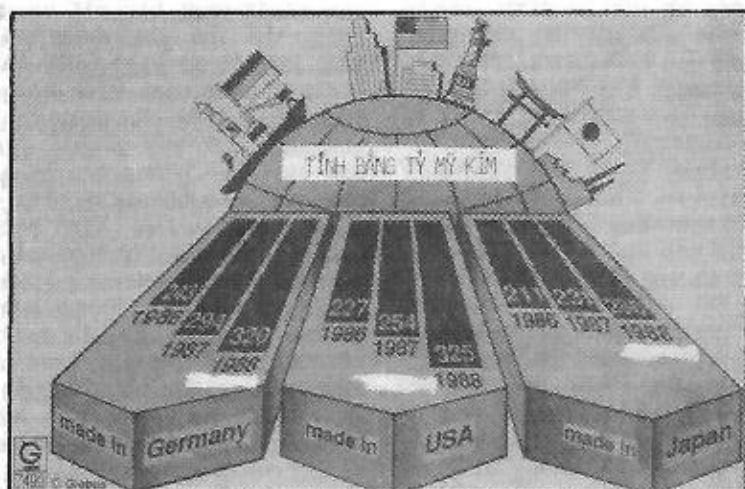
Sau khi quân đội Iran chiếm thành phố, Iraq đã dội bom hơi cay, Xyanua và hơi làm tê liệt xuống Halabja giết chết hơn 4 ngàn thường dân của mình và hàng ngàn người khác bị thương cùng với quân đội Iran không biết bao nhiêu mà kể.

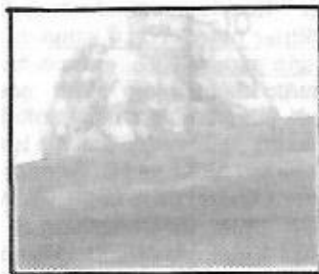
Iraq và Iran là hai nước Hồi giáo láng giềng, là hội viên của nghị định thư 1925 Geneva, đã chấp thuận và ký kết cùng với 106 quốc gia khác. Cấm dùng tất cả các loại hơi độc, vì trùng trong chiến tranh.



Sự xử dụng vũ khí hóa học của Iraq đã bị Liên Hiệp Quốc lên án nhưng không có biện pháp ngăn chặn; do đó lên án thì cứ lên án, Iraq dùng cứ vẫn dùng dài dài!

Cái mâu thuẫn của nghị định thư là mặc dù cấm xử dụng hơi độc trong chiến tranh nhưng được phép sản xuất, tồn trữ và được phép xử dụng trong những cuộc rối loạn trong nước như đàn áp các đám biểu tình quá khích bằng lưu đạn làm cay mắt v.v... Một quốc gia sản xuất được phân hóa học hay thuốc trừ sâu họ có thể sản xuất được vũ khí hóa học. Theo sự ước lượng của Ông





GORBATSCGOW Khởi Quạt Lên Cái Chủ Nghĩa CS Thời Nát, Hay Ngày Tàn Của Chế Độ

công điển công thổ Sô Viết, máy móc bị rỉ sét và hàng năm 1/3 mùa màng bị hư thối. Tại sao? Tại vì không ai trông nom coi sóc và tại vì thiếu phương tiện chuyên chở. Nói tóm lại, công điển công thổ do nông dân làm ăn tập thể không có sinh lợi mà chỉ có hại.

Hoàn toàn khác hẳn so với những miếng đất tư hữu nhỏ phía sau nhà của những công nhân tại Kolchoso. Nơi đó họ được phép trồng trọt cho riêng mình. Kết quả không thể tưởng tượng được là diện tích chỉ có 1,3 phần trăm của toàn thể diện tích trồng trọt của Liên bang SôViết mà họ sản xuất được 1/3 tổng số ngũ cốc của toàn Sô Viết! Đó là một thí dụ điển hình. Sự thật là như thế, do đó những người công nhân ở Kolchoso nên được tiếp tục giữ những miếng đất này và bên cạnh đó những ruộng đất của những nông trường tập thể thuộc công điển công thổ cũng nên cho những nông dân tự lãnh canh trong vòng 50 năm hay lâu hơn nữa để họ có một trách nhiệm cày cấy trồng trọt và giữ gìn. Nhưng, đối thủ của ông Gorbatschow là Jegor Ligatschow cho kế hoạch này là "Một sự phản bội lại nguyên tắc của Chủ nghĩa tập sản".

Chính chống chín, trước đại hội Gorbatschow đã chống lại và tuyên bố :

- Sự cưỡng bức tập sản hóa dưới thời đại Stalin là một sự sai lầm trầm trọng nhất của chủ thuyết Lenin đã để lại. Một sự kém hiểu biết, u mê về định luật kinh tế đã làm tăng thêm sự tổn thất to lớn cho đất nước. Ông đòi hỏi một học thuyết mới cho nền kinh tế Sô Viết. Nhưng ai sẽ thắng ai? Gorbatschow hay Ligatschow?

Theo nhận định của người quan sát tình hình thì ngày 15.3.89 tại điện Cẩm Linh, Gorbatschow đã đưa chủ nghĩa Cộng Sản lên bàn mổ để phơi bày cái ung nhọt thối tha nó đã, đang làm hủy hoại xã hội Sô Viết. Đây là một tiếng chuông cảnh tỉnh, một hiệu lệnh khởi điểm cho ngày tàn của chế độ.

Còn Việt Nam, những tên lãnh đạo già nua bệnh hoạn, chỉ biết trùm chần, bịt mắt thi hành một chủ nghĩa lối thời, đầy dân hại nước. Thỉnh thoảng các ông tuyên bố đổi mới, sửa sai. Nhưng sửa thì cứ sửa mà sai thì vẫn sai! Hãy mở rộng tầm mắt nhìn xem những nước láng giềng như Tân Gia Ba, Đài Loan, Nam Hàn v.v... Nơi đó không có hợp tác xã, không có nông trường tập thể mà sự phát triển thịnh vượng của các nước đó như thế nào? người dân được ăn no hạnh phúc ra sao?

Tình trạng khan hiếm lương thực thực phẩm ở Liên Sô, nhân dân phản đối mỗi ngày một lan rộng đã dẫn đến sự đóng cửa để sửa sai.

Ngày 15.3.89, tại điện Cẩm Linh với cửa đóng then cài, bên trong một đại hội của Ủy ban lãnh đạo Trung ương của Cộng đảng SôViết với 300 đảng viên tại to mật lớn đã được khai mạc.

Điểm chính của chương trình nghị sự là: "Chánh sách điện địa". Thật ra đằng sau lưng của chương trình nghị sự là một cuộc đụng độ tay đôi giữa nhà nông học Michail Gorbatschow với đối thủ có quyền hành ở điện Cẩm Linh là Jegor Ligatschow, thuộc Bộ Chính trị, Thứ ký Trung ương Đảng đặc trách về nông nghiệp.

Trước đại hội Gorbatschow đã công bố về "Biện pháp cực đoan" của chủ nghĩa. Ông ta khởi quật lên cái chủ nghĩa lối thời, mục nát đó, ông quay lại bánh xe lịch sử coi như là một đường lối sai lầm sỉ nhục đã in dấu trên mình tội nhân. Do đó đã giết chết hàng triệu triệu người dân vô tội. Trước kia Stalin đã cưỡng bức 15 triệu nông dân ở Kolchoso và ở Sowchoso, và hàng triệu đại diện chủ giàu có bị xua đuổi, trục xuất, lưu đày và bị giết chết. Từ đó tới nay Liên Sô không đủ khả năng để tự nuôi sống cho 281 triệu dân mình!

- Mỗi năm điện Cẩm Linh phải chi tiêu khoảng 30 tỷ Đức Mã để mua ngũ cốc của thị trường thế giới.

- 24 người nông dân Sô Viết sản xuất chỉ bằng sản lượng của 4 người nông dân Mỹ trong một năm.

- Một con bò của Sô Viết cho 2500 lít sữa một năm, trong khi đó một con bò của các nước trong khối thị trường chung Âu Châu cho 6000 lit.

Gorbatschow hỏi: Tại sao? tại sao? tại vì... Nhưng, thưa ông Gorbatschow, ông đừng hỏi những đồng chí bào thù giáo điều của ông, họ không trả lời đâu. Ông cứ hỏi bất cứ một trẻ em nào từ 5 tuổi trở lên của nước ông hoặc các nước chư hầu của ông, chúng nó sẽ trả lời là :

- Tại vì... tại vì nông trường tập thể, tại vì hợp tác xã, và tại vì cha chung không ai thêm khốc!

Ông tiếp, trên những cánh đồng

phụ tá Bộ trưởng Quốc phòng Hoa Kỳ thì hiện giờ có khoảng 22 quốc gia có vũ khí hóa học và hơn 100 quốc gia khác có khả năng sản xuất loại vũ khí độc hại này.

Chiến tranh hóa học không phải chỉ giết người mà còn hủy diệt được những cơ sở khoa học kỹ thuật, những vũ khí tối tân và những hệ thống phòng thủ hiện đại.

Hoa Kỳ đã và đang kêu gọi một hội nghị quốc tế để bàn thảo về một hiệp ước đình chỉ sản xuất VKHH và kêu gọi các quốc gia nào có tồn trữ loại vũ khí này hãy tự hủy bỏ. Nhưng, một hiệp ước như thế nếu được ký kết cũng sẽ kéo dài nhiều năm và chắc gì đã ký kết rồi mà thi hành như trường hợp của Iraq. Vì sao? Vì quốc gia nào cũng phải lo tự vệ để bảo tồn Tổ quốc mình.

Quả địa cầu mỗi ngày mỗi thu hẹp lại vì hệ thống truyền thông và phương tiện di chuyển tối tân hiện đại. Con người trên quả địa cầu mỗi ngày mỗi đến gần nhau hơn. Nhưng, đến gần nhau không phải để tìm hiểu nhau, kết thân nhau như tình huynh đệ, mà đến gần nhau để đặt ách thống trị lên đầu lên cổ các nước nghèo và lạc hậu.

Bom nguyên tử, vũ khí hóa học và các loại vũ khí giết người trong chớp mắt đã, đang và sẽ phát minh sản xuất dài dài. Nhân loại đang đứng trước hố diệt vong, hãy dừng lại hồi những bàn tay lông lá để tể giết người! Nếu không, một ngày nào đó không xa trái đất này sẽ là một bãi tha ma, chừng đó sẽ không có người đứng ra ký hiệp thương hay hiệp ước hòa bình mà chỉ còn lại những hình thù quái đản người không ra người mà vật cũng không ra vật!

Hồi các lãnh tụ các quốc gia Đông cũng như Tây, hãy nắm chặt tay nhau kết giây thân ái bao trùm năm châu bốn bể, hãy vì nhân loại hơn vì chủng tộc và màu da, và hãy lấy tình thương trang trải những hận thù. Vì chỉ có tình thương mới đem lại hòa bình thịnh vượng và hạnh phúc cho 5 tỷ người sống trên trái đất nhỏ bé đầy đầy tai họa đau thương này!

Hãy trả lại cái gì của dân cho dân. 13 năm trước nhờ mị dân mà cướp được chính quyền, 13 năm sau để lòi đuôi cáo, dân sẽ quyết khởi đầu tranh lật đổ bạo quyền giải phóng quê hương.

Tin Sau Cùng

Vòng đầu M.Gorbatschow đã thắng khi ông đưa ra một chính sách nông nghiệp mới nhằm chống lại Ligatschow, và sau đó trước Trung ương Cộng Sản đảng Liên Xô gồm có 641 đảng viên nông cốt của chế độ qua cái gọi là nhân dân đại hội đã tin nhiệm ông với 629 phiếu thuận chỉ có 12 phiếu chống trong đó có Ligatschow.

Nhưng tiếp sang vòng hai liệu Gorbatschow có vượt qua được không? Hay sự cải cách và chính sách cởi mở (Perestroika) của ông bị thất bại. Đó là một ẩn số to lớn của tình hình chính trị thế giới. Hãy chờ xem !!!

Hội Chợ Kỹ Nghệ Quốc Tế

Hãng năm từ 5.4. đến 12.4. một hội chợ kỹ nghệ quốc tế lớn nhất thế giới được tổ chức tại Hannover thủ phủ của tiểu bang Niedersachsen thuộc Cộng Hòa Liên Bang Đức.

Sau đây là những con số được nêu lên để quý độc giả hình dung được sự vĩ đại của hội chợ Khu hội chợ được thành lập từ năm 1947 với tên phi xây cất đầu tiên là 924 triệu Đức Mã. Diện tích toàn thể là 2,1 triệu thước vuông. Có 24 gian hàng chiếm một diện tích là 400.000 thước vuông.

Bãi đậu xe chung quanh hội chợ có 50.000 chỗ được trang bị bằng hệ thống điện tử để hướng dẫn lối vào.

Bãi đất trống có trang bị đầy đủ điện nước có khả năng tiếp nhận 220 xe rở một lớn làm nhà ở (Wohnwagen hay housetrailer) Một văn phòng quan thuế có 28 nhân viên trông lo về thông quan hàng hóa trị giá 150 triệu Đức Mã.

Một cái tháp cao 74 thước, trên có biểu tượng của hội chợ, có thang máy đưa lên tận cùng để xem toàn thể khu hội chợ.

Hai trạm cứu hỏa với 1.900 bình cứu hỏa, 5.500 vòi phun nước.

Để phục vụ bao tử cho người đi xem hội chợ, có 41 nhà hàng với 15.000 chỗ ngồi.

Một trung tâm hội họp nhà nóc hình bán cầu diện tích 5.000 thước vuông, trong có một trung tâm báo chí, những ngân hàng và gian hàng buôn bán, một phòng hội đàm được tự động điều chỉnh tại chỗ.



HANNOVER
MESSE 89
INDUSTRIE

Di chuyển : Dự trù mỗi ngày có khoảng 40.000 chiếc xe hơi đến hội chợ, từ 70.000 đến 80.000 người vào xem. Ngoài những chiếc tàu điện thường xuyên hằng ngày hòa xa Đức tăng cường thêm 12 đoàn xe lửa đặc biệt cứ 3 phút có một chuyến khởi hành từ ga chính Hannover đến hội chợ.

Từ phi trường đến hội chợ khoảng cách đường chim bay độ 17 cây số đi bằng trục thẳng giá 85 DM Quốc gia tham dự : Có 48 quốc gia tham dự với 6.010 món hàng gồm có xe cộ, máy móc, dụng cụ kỹ nghệ tối tân nhất thế kỷ được trưng bày. Từ máy đóng nút chai đến chú rô bô (người máy) làm hồi bàn, sơn xe, hàn điện v.v.. Thuê mượn chỗ trưng bày: Từ 180 đến 225 Đức Mã cho mỗi thước vuông.

Giá vé vào cửa : Vé ngày 24 Đức Mã, vé dài hạn (suốt hội chợ) 58 Đức Mã.

Tổng số mẫu dịch (những đơn đặt hàng ngay tại hội chợ) :

- 1987 : 224 triệu Đức Mã,
- 1988 : 213 triệu Đức Mã và
- 1989 : dự trù 250 triệu Đức Mã

Một Đám Mây Mờ Chính Trị Bao Phủ Hội Chợ

Tháng 3/89 vừa qua cũng tại khu này một hội chợ trưng bày máy móc điện tử được tổ chức. Trong những nước tham dự có Trung Cộng và Đài Loan. Thông thường nước nào có tham dự hội chợ đều được treo quốc kỳ của nước mình. Nhưng lần này đại diện Trung Cộng khiêu nài với hội đồng tổ chức và chính quyền Bonn là Trung Hoa chỉ có cờ của Trung Cộng mà thôi, còn cờ của Đài Loan thì đẹp bỏ. Có một điều là Trung Cộng chỉ có 2 món hàng trưng bày. Còn Đài Loan thì có 163. Rất cuộc hội đồng tổ chức hội chợ quyết định đây là một cuộc triển lãm có tính cách thương mại không có chính trị xen vào nên tất cả các quốc kỳ của các quốc gia tham dự đều không được treo mà chỉ có quốc kỳ của Cộng Hòa Liên Bang Đức nước tổ chức và quốc kỳ Ấn Độ quốc gia hội viên (Partnerland) được treo mà thôi.

Kỳ hội chợ quốc tế kỹ nghệ lần này Trung Cộng cũng diễn lại màn cũ là khiêu nài về quốc kỳ của Đài Loan. Lần này Trung Cộng chỉ trưng bày có 3 món hàng! Và hội đồng tổ chức cũng đi đến sự quyết định là Quốc gia nào có hơn 30 món hàng trưng bày mới được treo quốc kỳ. Làm cho những quốc gia tham dự có từ 30 trở xuống phải ngậm ngùi hạ cờ. Và đau đớn thay trong đó có cả Trung Cộng. Buồn năm phút! Đứng là gậy ông đập lưng ông. Do đó hội chợ kỹ nghệ năm nay chỉ có 17 quốc kỳ của 17 nước được bay phất phới trên kỳ đài.

Hải Tặc Thái Lan Lại Tàn Sát Thuyền Nhân VN Vượt Biển

Nếu có ai hỏi tôi trong thế kỷ 20 này chuyện gì quan trọng và đau thương nhất đã và đang xảy ra trên quả địa cầu thì tôi không ngần ngại và khẳng định xin thưa rằng: HẢI TẶC THÁI LAN HÂM HIẾP, BẮT CỐC ĐÀN BÀ VÀ TÀN SÁT THUYỀN NHÂN VIỆT NAM TỰ NẠN TÌM TỰ DO.

Thật vậy, không có cảnh rừng rợn mọi rợ dã man nào hơn là cảnh hải tặc Thái Lan hâm hiếp vợ, con trước mặt chồng, cha của nạn nhân và sau đó tàn sát tập thể liêng xuống biển khi trong tay của những nạn nhân không có phương tiện để tự vệ. Một lần nữa lịch sử về thuyền nhân Việt Nam tự nạn lại ghi thêm một tội ác dã man và ghê tởm hơn bất cứ một tội ác nào đã xảy ra trong thế kỷ này của bọn hải tặc Thái Lan. Dân tộc Thái Lan lại mang thêm một điều sỉ nhục vì những đứa con là hình người nhưng hung bạo dã man hơn loài thú vật.

Tháng 3 vừa qua một nguồn tin từ chính quyền Kuala Lumpur cho biết là hải tặc Thái Lan đã tấn công một thuyền vượt biển tàn sát 45 thuyền nhân và bắt cóc khoảng 12 người đàn bà. Chỉ còn sống sót lại một người lớn và 1 thiếu niên. Chúng dùng dao đâm nát thân nạn nhân, quăng thây xuống biển, xong bọn hải tặc lấy

tàu chạy tới chạylui trên người nạn nhân để chắc chắn rằng không ai còn sống.

Nhưng hai người được sống sót vì đã trốn dưới những miếng ván thuyền trôi bèo bồng dưới nước. Sau đó họ trôi đến giàn khoan dầu trước bờ biển Mã Lai, tại đây 2 người được côngnhân khoan dầu vớt và đưa đến bệnh viện Trengganu ở Kuala cách 290 cây số về phía Đông Bắc Kuala Lumpur.

Theo lời nhân viên giúpdỡ người ty nạn ở Kuala Lumpur cho biết đây là một cuộc tàn sát dã man nhất trong năm vừa qua. Ngày nay bọn hải tặc mỗi lần tấn công thuyền nhân để cướp của, hãm hiếp bắt cóc đàn bà chúng tàn sát hết những người còn lại hầu không còn nhân chứng để tố cáo bọn chúng sau này.

Vì hai chữ tự do mà đã có biết bao nhiêu người Việt Nam bỏ xác trên biển cả, bao nhiêu người bị hãm hiếp và bị bắt cóc bởi bọn hải tặc dã man Thái Lan.

Cảnh tượng đau thương nấy bao giờ mới chấm dứt? Ngày nào dám lãnh đạo Cộng Sản phi nhân vô thần còn thống trị ViệtNam ngày đó vẫn còn thuyền nhân ty nạn. Mặc dù ra đi là biết 9 phần chết chỉ có 1 phần đến được bờ tự do. Nhưng, người Việt Nam chúng ta hay mau quên lắm, quên dĩ vãng đau thương, quên những ngày trôi bèo bồng trên biển cả. Khi bước chân lên được bến bờ tự do chúng ta có khi nào tự hỏi chúng ta đã và đang làm gì để xứng đáng với sự hy sinh cao cả đó hay chỉ biết hưởng thụ, xa lánh cộng đồng, ngồi không chỉ trích và đôi khi còn tiếp tay cho kẻ thù là Cộng Sản.

THỊ TÂM

Vị Tăng Sĩ người Nhật có quốc tịch Việt Nam đã về Nhật

Kể từ năm 1975 cho đến nay đã bị nhốt giam trong trại Cải tạo và ngày 20 tháng 1 năm 1989 vừa qua đã được phóng thích. Đó là Thầy Yoshida người Nhật, có quốc tịch Việt Nam (65 tuổi). Thầy xuất thân từ Hokkaido (Bắc Hải Đạo - Nhật Bản) đã có thời làm nghi viên thành phố. Buổi sáng sớm ngày 24 tháng 1 năm 1989 đã đến phi trường Narita bằng hàng không Nhật Bản sau 14 năm bị giam cầm. Trong thời gian bị giam Thầy Yoshida đã bị thiếu dinh dưỡng; nên sau khi đến phi trường đã được xe nhà thương chở vào bệnh viện tại Yokohama để trị liệu.

Người con gái của Thầy (trước khi đi tu tại Việt Nam, Thầy đã lập gia đình ở Nhật) đã chở Thầy tại phi trường từ 6 giờ sáng cho đến chiều tối để gặp mặt thân phụ mình.

Nhìn nét mặt Thầy vẫn còn tươi tỉnh; nhưng vì sống trong tù thiếu thốn mọi bề, nên Thầy đã bị bại (đang ngồi trên xe lăn). Khi được hỏi cảm tưởng của Thầy lúc trở lại Nhật, Thầy cho biết rằng: "Rất vui mừng; nhưng trong mười mấy năm trường đã khổ nhọc rất nhiều, thân thể trở nên yếu đuối" và kể từ đây Thầy vẫn còn khổ tâm; nhưng Thầy đã sống trong một thế giới tự do. Điều đó đáng quý hơn cả.

T.Như Điển dịch từ báo Nikkei ngày 24.1.89



Ấn Tống Kinh "Thiền Môn Nhật Tụng"

Trong thời gian tới Chùa Viên Giác sẽ ấn tống Kinh "Thiền Môn Nhật Tụng" loại chữ lớn để đọc, gồm 500 trang. Giá in thành mỗi quyển là 12 Đức mã. Quý vị nào phát tâm ấn tống quyển Kinh trên, xin liên lạc về Chùa Viên Giác và cho biết số lượng muốn ấn tống để ghi tên vào "Phương Danh Ấn Tống" trên trang sau quyển Kinh. Xin thành thật cảm ơn Quý vị trước

Chùa Viên Giác

THÔNG BÁO

Cúng dường định kỳ xây Chùa VIÊN GIÁC, kính xin Quý vị đến nhà Bank của Quý vị làm đơn chuyển tịnh tài theo lối:

DAUERAUFTRAG

vào trương mục của Chùa như sau:

Congregation der Vereinigten
Vietn. Buddh. Kirche e.V.
Deutsche Bank Hannover
Bankleitzahl: 250 700 70
Konto-Nr.: 8657470 01

Xin cảm tạ Quý vị.

Chùa VIÊN GIÁC -Hannover.

TIN TỨC



TIN TRẠI TỶ NẠN

Trại Site 2 South ở Thái Lan bị đốt thành tro bụi

Trong Viên Giác số 49 chúng tôi có đăng tin về trại Dongrek Platform. Sau đó chúng tôi nhận được văn thư

của Vietnamese Land Refugees Platform ngày 4.3.1989 nói về tình trạng bi thảm của đồng bào VN tỵ nạn tại trại site 2 south. Viên Giác xin đăng lại nguyên văn bức thư để độc giả xa gần rõ và cùng chia sẻ nỗi thống khổ của đồng bào tại đó.

Kính thưa quý vị

Chúng tôi nhận được tập san Viên Giác của Hội người Việt tại Cộng Hòa Liên Bang Đức, chúng tôi vô cùng cảm kích trước sự nhiệt thành và lòng ưu ái của Hội đã đăng bản tin về tình hình của trại tỵ nạn đường bộ Việt Nam Dongrek Platform. Nay chúng tôi xin phúc đáp trình bày về thảm trạng của chúng tôi từ ngày 6.12.1988 có cuộc biểu tình bất bạo động cho đến nay.

Kính thưa quý vị

Chúng tôi là những người tỵ nạn đường bộ Việt Nam đã đến từ năm 1982, đã trải qua vô vàn đau khổ, tang thương trên đường tìm đến bến bờ Tự Do. Hẳn quý vị đã một lần đến thăm trại chúng tôi cũng đã biết qua về trại tỵ nạn đường bộ site 2 south. Thưa nay đã biến thành tro bụi hoàn toàn vì đã bị lực lượng D.P.P.U (Displacedperson protection unit) của Thái Lan đốt sạch với ý đồ đẩy chúng tôi vào trại Banthad, từ Ban Dai Diem đến nhà đồng bào đều trở thành một đồng tro tàn. Tất cả các nguồn cung cấp lương thực đều bị cắt đứt từ phía cơ quan UN/BRO.

Chúng tôi đang sống trong cảnh màn trời chiếu đất, hơn 1000 đồng bào tỵ nạn VN mỗi ngày phải đi xin từng hạt gạo của đồng bào Khmer cùng

chung cảnh ngộ. Bảy giờ trại của chúng tôi đã bị thúc ép di chuyển về hướng đông của trại VNLR platform cũ, cách biên giới Thái-Cambodia hơn 200 mét (hai trăm), bất kỳ giờ phút nào chúng tôi đều có thể hưởng thụ dàn pháo kích và sự tấn công của Cộng Sản. Tất cả trẻ em sinh bệnh không một viên thuốc uống, không một nguồn dinh dưỡng nào của các cơ quan từ thiện, các cụ già đang trong cơn hấp hối, các phụ nữ mang thai không một sự dinh dưỡng nào cả.

* Một điều khẩn thiết và cấp cứu là chúng tôi đang bị đe dọa cùng cực là biến chúng tôi trở thành những người Khmer kháng chiến. Chúng tôi đang kêu gọi vang lên từ vực thẳm của bến bờ Tự Do cuối đường cùng của kẻ tỵ nạn.

Thưa quý vị

"Máu chảy ruột mềm". Chúng tôi kính xin quý vị tiếp xúc và liên lạc khẩn thiết với những cơ quan hữu trách về người tỵ nạn, đồng thời kêu gọi lòng nhân đạo của các đệ tam quốc gia cứu vớt chúng tôi và tái định cư trong bất kỳ quốc gia thứ ba nào.

Tất cả đồng bào tỵ nạn đường bộ Việt Nam cầu xin Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ban ơn lành đến quý vị trong toàn Hội Phật Tử Việt Nam tỵ nạn tại Cộng Hòa Liên Bang Đức và đồng bào Việt Nam ở hải ngoại.

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Tất cả đồng bào tỵ nạn đường bộ Việt Nam Site 2 South

(VIETNAMESE LAND REFUGEES PLATFORM
P.o.Box 76 Aranyaprathet,
Prachunburi 25.120, THAILAND)



Trại Site II bị đốt cháy

PHẬT SỰ TRONG TÂY ĐỨC

Trong tháng 2 và tháng 3 năm 89 vừa qua chùa Viên Giác cùng như Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo đã tổ chức 2 khóa Thiện cho người Đức lớn tuổi vào ngày 15 tháng 3 và 1 tháng 4. Đồng thời các lớp học sinh Đức Trung Học và Fachhochschule tại Hannover cũng đã đến chùa vào các ngày 22 tháng 2; ngày 3 và 8 tháng 3 năm 1989. Mỗi lớp trung bình từ 15 đến 30 học sinh. Các học sinh và sinh viên này thay vì học tại trường các giờ thuộc về Tôn giáo, họ đã đến chùa để tham gia học hỏi cùng như thực tập Thiện Thượng Toa Thích Như Điển đã trực tiếp hướng dẫn các lớp học này cùng với sự trợ lực của chủ Thiện Tin và Đạo Hữu Thi Chơn Ngô Ngọc Diệp.

Các học sinh Đức thường hay nêu ra những câu hỏi rất đơn giản; nhưng thực tế vô cùng trong môi trường sống tại đây. - Ví dụ như tại sao người Phật tử ăn chay? - Ăn chay để làm gì? - Thế nào là luân hồi? - Sau khi con người chết, theo đạo Phật thì sẽ đi về đâu? - Thế nào là truyền thống của Nam Tông Phật Giáo và Bắc Tông Phật Giáo? Ý nghĩa của màu cờ Phật Giáo như thế nào? Tại sao người Tăng sĩ lại mặc chiếc y vàng, đầu cạo nhẵn? - Người tu Phật Giáo có được thành lập gia



Học sinh Đức chụp ảnh lưu niệm sau khóa học Phật Pháp tại Chùa Viên Giác

định không? - Người Phật tử quan niệm như thế nào về vấn đề xã hội? - Đạo Phật đã đến Âu Châu từ lúc nào? v.v.. rất nhiều câu hỏi được đặt ra; nhưng tất cả đều được giải đáp cặn kẽ và các học sinh Đức rất vui vẻ thoải mái trong các giờ học nói trên.

Sau giờ học là giờ cơm trưa, các học sinh Đức dùng cơm Việt Nam và tập cắm đĩa. Đây cũng là một hình ảnh văn hóa trong nghệ thuật ăn uống, đã được nhiều học sinh và giáo sư Đức thích thú học hỏi cũng như thưởng thức.

Vào ngày 25 tháng 3 năm 1989 qua Niệm Phật Đường Tâm Giác tại München đã làm lễ An vị Phật tôn tượng Đức Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni mới thỉnh từ Đài Loan về, dưới sự chứng minh của T.T. Thích Như Điện và sự tham dự đông đảo của bà con Phật tử quanh vùng.

Trước buổi lễ Tây trấn an vị Phật, Đạo Hữu Nguyễn Thanh Liêm, tân Chi Hội Trưởng Chi Hội Phật Tử VN ty nạn tại München đã giới thiệu thành phần Ban Chấp Hành Chi Hội nhiệm kỳ 89-90 đến với quý vị hiện diện trong buổi lễ. Sau buổi lễ An vị là phần phát lộc đầu Xuân cho quý Phật tử và tiếp theo Thượng Tọa Thích Như Điện đã thuyết giảng về sự Thị Hiện của Đức Bốn Sư qua việc tương trình về chuyến đi Ấn Độ vừa qua.

Ngày 3 và 4 tháng 3 năm 89 Chi Hội Phật Tử Việt Nam ty nạn tại Münster đã tổ chức 1 khóa giáo lý ngắn hạn cho các Phật tử tại đây và một buổi lễ Phật đảnh kỷ dưới sự hướng dẫn của T.T. Thích Như Điện. Đạo Hữu Nguyễn Thông Vô Hữu Xán đã tuyên bố lý do, khai mạc buổi học và sau đó T.T. Thích Như Điện đã giảng về: Bốn phần của người Phật tử cũng như ý nghĩa của Nghi Lễ. Cả 2 buổi giảng đã quy tụ được một số đông Phật tử tham dự.

Ngày 4 và ngày 11 tháng 3 năm 89 vừa qua Gia Đình Phật Tử Tâm Minh đã tham gia 2 lần trình diễn

các điệu vũ dân tộc và múa lân tại Realkauf-Altwarmbüchen Hannover, nhằm giới thiệu cái hay cái đẹp của dân tộc chúng ta cho người Đức thương ngoạn. Các màn vũ và múa lân đã được nhiệt liệt hoan nghênh.

Tại Recklinghausen lần đầu tiên đông bào Phật tử đã tổ chức buổi lễ Phật vào lúc 10 giờ sáng ngày 11 tháng 3 năm 1989 vừa qua dưới sự chứng minh của T.T. Thích Như Điện và đã có rất đông đồng bào Phật tử quanh vùng về tham dự lễ này.

Sau lễ cầu an là buổi thuyết giảng của T.T. về ý nghĩa vô thường, đã đưa thính chúng về với những gì đã và đang xảy ra trong cuộc sống hằng ngày. Tiếp đó là phần cơm chay thân mật do sự đóng góp của các Phật tử hữu tâm tại địa phương.

Tháng 2 âm lịch mỗi năm là tháng có nhiều ngày vía Phật và B&Tát nhất - ngày mùng 8 tháng 2 nhằm ngày 15 tháng 3 là vía Đức Bốn Sư xuất gia; rằm tháng 2 tức 22 tháng

3, vía Đức Phật Nhập diệt; 19 tháng 2 tức 26 tháng 3, vía Đức Quan Thế Âm Bồ Tát và 21 tháng 2 tức 28 tháng 3 năm 1989 vía Đức Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát. Tại chùa Viên Giác đã cử hành lễ kỷ niệm và tụng kinh cũng như thuyết giảng về ý nghĩa của các ngày vía này.

Tại trại tam cư Norddeich cứ 3 tháng có tổ chức 1 lần lễ Phật đảnh kỳ cho Phật tử hiện ở tại trại cũng như quanh vùng. Lần này T.T. Thích Như Điện đã về đây vào ngày 17 tháng 3 và vào sáng 18 tháng 3 có một buổi nói chuyện thân mật với gia đình Phật Tử Minh Hải và buổi chiều cùng ngày các Phật tử đã tham dự buổi lễ Phật công cộng. Đặc biệt trong lần lễ Phật này số Phật tử trẻ đi tham dự đông hơn là những vị lớn tuổi.

Nhân kỷ lễ Phục Sinh năm nay từ 24 đến 26 tháng 3 vừa qua GDPT Chánh Niệm tại Berlin đã đi thăm viếng thân hữu GDPT Minh Hải tại Norddeich, nhân cơ hội này đại diện Ban Huynh Trưởng GDPTVN tại Tây Đức đã ngồi lại với nhau để thiết lập chương trình sinh hoạt cho kỳ trại Huấn luyện sơ cấp Huynh Trưởng vào cuối tháng 4 sắp tới tại Nürnberg.

Trong những ngày trên GDPT Quan Thế Âm tại Aachen cũng đã đón tiếp GDPT Tuệ Giác tại Liège Bỉ về Aachen tham dự lễ vía Quan Thế Âm tại Niệm Phật Đường Quan Thế Âm dưới sự chủ trì của Sư Cô Thích Nữ Diệu Ân. Buổi lễ được đặt dưới sự chứng minh của chư Đại Đức Tăng Ni trong Chi Bộ và đã quy tụ được một số đông Phật tử về tham dự lễ này.

Tại chùa Viên Giác cứ mỗi tháng 2 lần vào chủ nhật thứ nhất và chủ nhật thứ 3 đều có buổi lễ Phật đảnh kỳ và thuyết giảng giáo lý. Tại Hamburg chùa Bảo Quang Ni Tự cũng tổ chức lễ đảnh kỳ cho các Phật tử quanh vùng vào chủ nhật thứ hai và chủ nhật thứ tư trong tháng. Mong quý Phật tử xa gần về chùa tham gia các khóa lễ trên.



Thượng Tọa Thích Như Điện thuyết pháp sau buổi lễ cầu an ngày 4.3.1980 tại Münster

Vào ngày 8 tháng 4 năm 1989 vừa qua T.T. Chi Bộ Trưởng, ĐH. Hội Trưởng Hội Phật Tử VNTN tại Tây Đức, cùng với một số Phật tử đã về Schwalbach để dự buổi lễ Phật và bầu Ban Chấp Hành của Chi Hội Phật Tử tại vùng Saarland. Buổi lễ đã quy tụ được rất đông bà con Phật Tử quanh vùng và đây là lần đầu tiên tại địa phương này chính thức thành lập Chi Hội Phật Tử.

Vào lúc 15 giờ chiều ngày 23 tháng 4 năm 1989 tại chùa Viên Giác có tổ chức buổi họp để phân công trong việc tổ chức Đại Lễ Phật Đản 2533 vào ngày 20 và 21 tháng 5 sắp đến. Cũng như những lần trước, các Phật tử hiện diện trong buổi họp đã vui vẻ nhận lãnh phần trách nhiệm của mình và nguyện cố gắng đóng góp tích cực để cho buổi lễ được thành công.

THÔNG BÁO

● Cao ủy ty nạn Liên Hiệp Quốc cần 1 thông dịch viên thiện nguyện người Việt Nam, thông thạo tiếng Việt và Anh ngữ để làm việc cho người ty nạn và viết những bài tường thuật bằng tiếng Anh tại trại ty nạn Pulau Bidong ở Mã Lai.

Điều kiện cần thiết là phải tốt nghiệp Đại học, đã làm việc xã hội 4 năm và biết tâm lý quần chúng. Lương 1 năm là 24.000,00 US đô la. Đơn tử và lý lịch cá nhân xin gửi về 2 địa chỉ sau đây :

UNHCR, P.O.Box 10 185, 50706 Kuala Lumpur, Malaysia.

(Attention : Mr. Jean Marie Fakouri)

hoặc :

UNHCR, Case Postale 2500, CH-1211 Genève 2 Dépôt, Switzerland (Attention: Mr. John Williamson)

● Đại lễ Phật Đản 2533 sẽ được tổ chức tại chùa Viên Giác Hannover vào ngày 20 và 21 tháng 5 năm 1989. Đêm văn nghệ Phật Đản sẽ được tổ chức tại Stadthalle Hannover vào lúc 19 giờ ngày 20 và chương trình văn nghệ sẽ được sự đóng góp của các nghệ sĩ tên tuổi đến từ Hoa Kỳ như Thanh Thủy và Thanh Tuyền cùng sự đóng góp của các Chi Hội PTVNTN, cũng như các GDPTVN tại Tây Đức. Ngoài ra một số cá nhân thiện chí cũng sẽ cộng tác trong chương trình văn nghệ này. Giá vé vào cửa phần A phía trước 20 DM và phần B phía sau giá 15 DM. Vé sẽ có tại chùa vào cuối tháng 4. Quý vị nào muốn có chỗ ngồi tốt, xin liên lạc về chùa trước để nhận vé.

● Từ 22.5.89 (tức 18.4 âm lịch) đến 16.8.89 (tức 15.7 âm lịch)

chùa Viên Giác sẽ tổ chức cắm túc an cư và năm nay thay vì tổ chức khóa giáo lý như hằng năm tại Hannover, (chùa sẽ tổ chức lễ Vạn Phật (khoảng 11.000 lay) trong mùa An cư này. Mỗi tối lay khoảng 200 lay. Quý vị nào muốn tham gia, xin tự động về chùa trong thời gian trên.

● Từ ngày 23 đến 25 tháng 6 năm 1989, Chi Hội PTVNTN tại Frankfurt và Wiesbaden sẽ cộng tác chung để tổ chức 1 khóa học Phật Pháp ngắn hạn trong 3 ngày trên cho các Phật tử nào muốn tìm hiểu về giáo lý căn bản của Đạo Phật. Mọi chi tiết xin liên lạc về ĐH. Nguyễn Biên Trần Hữu Lượng tại Usingen, Tel. 06081-15261 và ĐH. Châu Thành Lợi tại Wiesbaden, Tel. 06121-423833 để biết thêm chi tiết.

● Khóa học Phật Pháp Âu Châu kỳ II năm nay sẽ được tổ chức tại Hòa Lan trong 10 ngày kể từ ngày 14 đến 23 tháng 7 năm 1989. Khóa học này sẽ được hướng dẫn bởi chư tôn Thượng Tọa, chư Đại Đức Tăng Ni có mặt tại Âu Châu và điều kiện để học khóa này là

các Đạo Hữu cũng như các Phật Tử đã đậu các khóa giáo lý căn bản tại các nước địa phương nơi mình cư ngụ. Nhân cơ hội này, dưới sự chứng minh của chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni tại Âu Châu, các Huynh Trưởng trong các GDPTVN tại Âu Châu sẽ ngồi lại với nhau để bàn thảo một số công việc Phật sự chung cho tương lai.

Mọi chi tiết xin liên lạc về chùa Khánh Anh (Pháp), Tel. 1-4655-8444. Chùa Viên Giác Tây Đức, Tel. 0511-864638 và Niệm Phật Đường Niệm Phật tại Hòa Lan Tel. 02290-39478 hoặc Ban Đại Diện Phật Tử các nước địa phương nơi quý Phật Tử đang cư ngụ.

● Mỗi khi quý vị thay đổi địa chỉ mới, xin cho chùa biết tên họ, cả địa chỉ mới lẫn địa chỉ cũ để văn phòng để làm việc. Xin cảm ơn quý vị trước.

● Đại Lễ Vu Lan năm nay sẽ được chùa Viên Giác tổ chức từ 18 đến 20 tháng 8 năm 1989. Kính mong quý vị chuẩn bị thời giờ để về chùa tham gia, lễ bái nguyện cầu.

TIN SINH HOẠT CỘNG ĐỒNG

● Khắp nơi mừng Xuân Kỷ Ty
HEIDENHEIM: Buổi lễ mừng Xuân Kỷ Ty 89 tại Heidenheim đã được tổ chức vào ngày 21.1.1989 và đã gặt hái được thành quả tốt đẹp. Buổi sinh hoạt truyền thống này đã gây được nhiều cảm tình và tin tưởng nơi người Đức cũng như chính quyền tại địa phương. Mặc dù số người Việt ty nạn CSVN cư ngụ tại đây quá ít, nhưng với tinh thần đoàn

kết và tương thân tương trợ, tất cả mọi người đã hỗ trợ đóng góp một cách thiết thực nên buổi lễ đã thành công ngoài dự tính.

HAMBURG: Khoảng 900 quan khách Việt Đức đã hân hoan đến tham dự buổi lễ mừng Xuân hướng về Quê Hương và Dân Tộc vào lúc 15 giờ ngày 4.2.89 tại Hamburg. Buổi lễ này do Hội Người Việt TNCS tại Hamburg phối hợp tổ chức với các hội đoàn, tôn giáo tại địa phương và đã thành công.

RHEIN-RUHR: Hội Xuân Dân Tộc với chủ đề "Kỷ Niệm 200 năm Chiến



Một màn vũ điệu lễ Kỷ Ty tại Heidenheim

Thăng Đống Đa" đã được các Hội Đoàn Vùng Rhein-Ruhr tổ chức tại Pädagogischen Hochschule-Essen vào ngày 4.2.89. Khoảng 1000 đồng bào đến tham dự. Chương trình bắt đầu lúc 15 giờ và chấm dứt lúc 23 g 30 cùng ngày. Các tiết mục văn nghệ mang chủ đề nói về Chiến Thắng Đống Đa đã làm cho mọi người hành động về Tổ Tiên của mình.

SOLINGEN: Lần đầu tiên một buổi họp mặt mừng Xuân Kỷ Ty đã được tổ chức tại Solingen vào ngày 11.2.89. Có khoảng 150 quan khách Việt Đức tham dự trong tinh thân hữu. Chương trình gồm có trà đàm và văn nghệ mừng Xuân. Từ năm 1979 có khoảng 200 người Việt TNCS đến đây cùng, đến nay cuộc sống đã ổn định và hầu hết đều có công ăn việc làm.

MÜNCHEN: Vào lúc 15 giờ ngày 11.2.89, MTOQTGPVN thuộc chi bộ München đã khai mạc buổi lễ mừng Xuân Kỷ Ty mang chủ đề "Kỷ Niệm 200 năm Chiến Thắng Đống Đa". Địa điểm tổ chức là hội trường trường trung học Siemens. Ngoài những trò chơi Xuân, chương trình Văn Nghệ do đoàn Văn Nghệ Đồng Tiến trình diễn qua các tiết mục ca vũ nhạc đã nói lên tinh thần đấu tranh chống ngoại xâm dành độc lập của Dân Việt. Phần đố vui đố học, để tái Chiến Thắng Đống Đa, đã có rất nhiều trẻ em ghi tên tham dự.

Hội Ái Hữu
Được Sĩ Việt Nam tại Québec Một buổi họp khoảng đại của Hội Ái Hữu Được Sĩ VN tại Québec đã được triệu tập lúc 11 giờ ngày 15.1.1989 tại nhà hàng Chateau VN. Có 28 Được Sĩ VN tham dự. Đây là buổi họp Đại hội thường niên của Hội, nhiệm kỳ 88-89. Thành phần Ban chấp hành mới nhiệm kỳ 89-90 như sau: Chủ tịch: A. Nguyễn Xuân Duyệt, Phó Chủ tịch: C. Cổ Thị Ruồng, Tổng Thư Ký: A. Chu Việt Tâm, Thủ Quỹ: C. Đỗ Thị Kim, Cố Vấn Danh Dự: C. Bùi Thị Mùi và các trưởng nhóm Ngoại Giao: C. Lê Thị Diệp; Báo chí-Liên lạc-Thông Tin: C. Lê Thị Bạch Nga; Học tập và Hành nghề: C. Cổ Thị Ruồng.

Địa chỉ liên lạc: Hội Ái Hữu Được Sĩ VN tại Québec, 515 Blvd Lacombe, Legardeur, Québec, J5Z 1P5, Tel.: 582-6545/654-5466.

Được biết Hội Ái Hữu Được Sĩ VN tại Québec hợp tác và yểm trợ tích cực "Ủy Ban Bảo Trợ Người Việt Ty Nạn Vùng Montréal". Mục tiêu của Ủy Ban này là: 1. Vận Động Chính Quyền Canada cũng như Quốc Tế: * Nhận thêm người ty nạn, * Bảo vệ tinh mạng và nhân quyền của đồng bào tại các trại ty nạn; 2. Vận động và hợp tác với các hội từ thiện khắp nơi để gia tăng hoạt động và nhận thêm người ty nạn Đổng Dương; 3. Gây quỹ và làm các thủ tục để bảo lãnh đồng bào ty nạn còn tại các trại tạm cư.

Địa chỉ liên lạc: Ủy Ban Bảo Trợ Người Việt Ty Nạn vùng Montréal, 5497A Victoria, Suite 220, Montréal, Québec, Canada H3W 2P9, (514) 733-8250 và 340-9630.

Đại Hội Thống Nhất
Việt Nam Quốc Dân Đảng
Đã được tổ chức trong hai ngày 10

và 11.2.1989 tại California Hoa Kỳ và đạt thành công rực rỡ. Với tuyệt đại đa số, các Đại Biểu tham dự đã đồng thanh biểu quyết thống nhất Việt Nam Quốc Dân Đảng và lấy tư tưởng Dân Tộc của Cố Đảng Trưởng Danh Dự Sào Nam Phan Bội Châu làm căn bản. Đại Hội này được tổ chức nhân dịp kỷ niệm 59 năm Tổng Khởi Nghĩa Yên Bái, ngày 10.2.1930, và 200 năm Đại Thắng Đống Đa Xuân Kỷ Dậu của Quang Trung Đại Đế, đã qui tụ các đại biểu đại diện cho tất cả các khuynh hướng, "hệ phái", bộ phận của VNQD Đảng. Một Văn Phòng Thường Vụ được thành lập với Tổng Thư Ký là Ô. Nguyễn Tường Bá, nguyên Luật Sư Tòa Thượng Thẩm Sài Gòn, Phó Tổng Thư Ký là O. Phan Kỳ. Hầu hết các thành viên khác của Văn Phòng Thường Vụ thuộc giới trẻ.

(Trích bản tin của Văn Phòng Thường Vụ, Việt Nam Quốc Dân Đảng, PO Box 580858, ORLANDO, FLORIDA 32858-0858, USA)

Lễ Giỗ Tổ Hùng Vương
Lễ kỷ niệm Quốc Tổ Hùng Vương và Quốc Khánh 1989 đã được một số Tổ chức và Hội đoàn thực hiện như sau:
Tại PARIS: vào ngày thứ bảy, 06 tháng 4 năm 1989, tại Hội trường ASIEM, 6 Rue Albert De Lapparent 75007 PARIS. Ngoài chương trình lễ kỷ niệm còn có lễ Cất Bàng KhaiMac, Triển Lãm 200 năm chiến thắng Đống Đa vào lúc 12 giờ. Những họa phẩm triển lãm được họa sĩ Đức Am công phu thực hiện nhằm tuyên xưng người Đại Anh Hùng Dân Tộc Quang Trung Hoàng Đế và chiến thắng Đống Đa oanh liệt năm 1789.

Tại Tây Đức: Cùng nhân dịp này, các Tổ chức và Hội đoàn Quốc Gia tại TD đã tổ chức 1 giải Thể Thao và Đêm Văn Nghệ Dân Tộc vào ngày thứ bảy 15.4.1989 tại Clauberg Halle, Kampstr. 23, 4100 Duisburg-Hamborn.

Cũng trong cùng ngày (15.4.89), Liên Hội Người Việt Ty Nạn tại TD đã tổ chức lễ giỗ tổ Hùng Vương tại Bürgerhaus-Reisholz, Kappeler Str. 231, 4000 Düsseldorf-Reisholz. Ngoài nghi thức lễ, văn nghệ,... chương trình còn có phần triển lãm dụng cụ âm nhạc cổ truyền VN. Có rất đông đảo người Việt ty nạn tham dự các buổi lễ nói trên.

Ủy Ban Quốc Tế Yểm Trợ
VN Tự Do nói chuyện tại TD.

Để tài "Biến chuyển của tình hình thế giới và Vai trò của UBQT/YT/VN Tự Do trong công cuộc tranh Đấu Tự Do cho Quê Hương" đã được Giáo Sư Nguyễn Ngọc Huy thuyết trình tại Wiesbaden ngày thứ bảy 8.4.89, nhân chuyến công tác Âu Châu của phái đoàn Trung Ương UBQT/YT/VNTD ghé thăm TD. Phái đoàn này do chính G.s Nguyễn Ngọc Huy hướng dẫn. Có rất đông đồng bào và đại diện các tổ chức bạn đến tham dự buổi nói chuyện này. Buổi nói chuyện này đã được Hội Người Việt Ty Nạn Chính Trị tại Wiesbaden và Phong Trào Tham Gia UBQT/YT/VNTD tại TD phối hợp tổ chức.

Ngày 30.4.1989
tại Tây Đức.
Năm nay, Liên Hội Người Việt Ty Nạn tại CHLB Đức sẽ tổ chức một cuộc biểu tình, nhân ngày tưởng niệm 30.4.75, như sau:
Địa điểm: trước Sở quân VC tại Konstantinstr. 37, Bonn - Bad Godesberg.

Thời gian: từ 11 giờ đến 16 giờ ngày chủ nhật 30.4.1989
Ngoài ra, chương trình sẽ được tiếp tục sau buổi biểu tình là Đêm hội thảo và Văn nghệ đấu tranh. Địa điểm sẽ được ban tổ chức thông báo sau.
Ngoài ra Tổ Chức Việt Nam Tự Do cũng sẽ thực hiện ngày Việt Nam Đấu Tranh tại Schiessplatz-Stuttgart lúc 10 giờ ngày 29.04.1989
Địa chỉ liên lạc: Tổ Chức VNTD, Postfach 1550, 7312 Kirchheim/T.

Đại Hội Thể Thao và Văn Nghệ Hùng Vương 1989
Đại Hội Thể Thao và Văn Nghệ Hùng Vương 1989 sẽ được Tổ Chức Sinh Hoạt Của Người Việt Ty Nạn tại CHLB Đức thực hiện: từ ngày 30.7.89 đến 05.8.89 tại Bundesleistungszentrum - Hannover.
Để chuẩn bị cho việc tổ chức, Tổ chức SHCNVTN tại TD đã mời đại diện các tổ chức và hội đoàn địa phương tham dự một phiên họp vào ngày 1.4.89 tại Chùa Viên Giác Hannover để thảo luận về kỹ thuật tổ chức Đại Hội này.

GIỚI THIỆU

Một quyển sách vừa mới được Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt Nam thuộc Chùa Viên Giác xuất bản, mang tựa đề là "LỬA TIÊU RUỒNG BIỂN" của tác giả Hồ Trường An. Một cây bút quen thuộc đã làm say mê độc giả qua các truyện: Lốp Sóng Phê Hùng, Đêm Chong Đèn v.v... Lần này Đạo Hữu Hồ Trường An sẽ đưa quý vị về cảnh sống của thôn quê Việt Nam qua các nhân vật quen thuộc của đời sống dân giả; nhưng khê ghê trong ngòi bút điêu luyện ấy. Sách được phát hành tại Đức Pháp, Úc và Hoa Kỳ. Sách dày 232 trang; giá sách 16 DM kể cả cước phí bưu điện hoặc 8 Mỹ kim. Tại Đức xin quý vị liên lạc về chùa Viên Giác để có sách.

Chùa Pháp Bảo tại Úc vừa cho phát hành quyển "LUẬN ĐẠI THỪA BẢO YẾU" của T.T.Thích Bảo Lạc dịch từ Đại Tang Kinh thuộc quyển 32 trong 100 quyển; số 1635 từ trang 49 đến trang 75. Sách dày 120 trang, chữ in rõ ràng trang nhã; dịch giả dịch rất thoát văn và có thể mang nhiều lợi lạc đến cho những ai muốn tìm hiểu về Phật Học. Đây là một

trong những công trình phiên dịch quan trọng của PGVN tại Hải Ngoại ngày nay từ những bản văn chữ Hán ra tiếng Việt. Quý vị nào muốn có sách xin liên lạc về chùa Pháp Bảo CNR Edensor & Bibbys Rd. Smithfield 2164 NSW Australia.

● Trong mùa An cư kiết hạ năm 1988 vừa qua, T.T. Thích Như Điển cũng đã hoàn thành 1 quyển sách song ngữ Việt Đức nhan đề là "HÌNH ẢNH SINH HOẠT 10 NĂM PGVN TẠI TÂY ĐỨC". Sách do Trung Tâm VHXHPG ấn hành, dày 330 trang. Bìa in 3 màu rất trang nhã. Sách xuất bản dưới sự bảo trợ của Bộ Nội Vụ Cộng Hòa Liên Bang Tây Đức. Tuy nhiên việc ủng hộ tem thư, cước phí xin quý vị tùy tâm. Quý vị nào muốn có sách, xin liên lạc về chùa.

● *Lớp nữ công gia chánh miễn phí do Đạo Hữu Minh Thiện tốt nghiệp Đại Học Bách Khoa Phú Thọ hướng dẫn.*

● *Lớp Hội Họa miễn phí do Đạo Hữu Trịnh Quang Khánh tốt nghiệp Cao Đẳng Mỹ Thuật hướng dẫn lý thuyết, phần thực hành do Bé Ngân Tuyển phụ trách. Xin liên lạc qua số điện thoại: 02361-36292.*

NHẮN TIN

□ Đặng Cao Phong tìm em ĐẶNG THI MƯỜNG mất liên lạc từ năm 1972. Có ai biết xin liên lạc về địa chỉ : Hauptstr. 22, 1000 Berlin 65. Tel. 030-4655934

□ LÊ QUANG THÀNH, trước ở tại Rheingutstr. 32-414, 7750 Konstanz, gia đình ở gần trường Phan Đình Phùng Saigon, liên lạc gấp với chị Huỳnh thị Thu Mỹ, chị của Huỳnh Ngọc Đức, để biết tin tức gia đình, theo địa chỉ: Weissenhof 22, 2000 Hamburg 72. Tel. (040)-6438908.

□ Gia đình chúng tôi vừa nhận được thơ của người láng giềng ở Việt Nam; có thân nhân vượt biên tìm tự do đã rời Việt Nam ngã sông Cổ Chiên năm 1985 đến nay không có tin tức về nhà. Thân nhân gồm có :
- Con trai Lê Đình Dẫn
- Cháu gái Lê thị Nhớ
- Cháu gái - Lyna (lai Mỹ)

Bà con ai biết được tin tức những người kể trên kính xin báo tin cho Ông Lê Văn Diệp thơ sửa máy may, số nhà 1/1 Trần Quốc Tuấn Phường 2, Thị xã Trà Vinh tỉnh Cửu Long - Việt Nam. Đa tạ muôn vàn .

HỘP THỎ VIÊN GIÁC

Trong thời gian qua, Viên Giác đã nhận được những thư tín, tin tức, tài liệu và bài vở của quý vị và tổ chức hội đoàn dưới đây. Viên Giác xin chân thành cảm tạ. Riêng những sáng tác của Văn, Thi Hữu gửi về, chúng tôi đã chuyển đến Ban đọc và chọn đăng. Xin cảm ơn và mong đón nhận thêm những sáng tác mới.

Phan Công Thành (Sweden), Nguyễn Hòa (Hamburg), Hoài Việt (Paris), Phạm thị Bích Vân (Quakenbrück), Sabine Menhardt Schwerin (Körber Stiftung, Hamburg), Trịnh Quang Khánh (Recklinghausen), Chùa Khánh Anh (Paris), Lâm Mộc Lan (Hannover), Nguyễn Viết Thường (Duisburg), Nguyễn Quý Đại (München), Nguyễn Hữu Huân (Hamburg), Nguyễn thị Phìn (Neuss Holzheim), Hà Phước Thảo (München), Nguyễn Kết (Đan Mạch), Lê thị Bạch Nga (Canada), Lý Vương Đạo (Dorsten), Phạm Hồng Sáu (Lingen/Ems), Mai Tiến Tiêm (Wiesbaden), Từ Ngọc Phong (Hamburg), Lê thị Bích Tiên (München), Bùi Văn Bảo (Canada), Thủy Trúc (Miami), Phương Hà (Bi), Vũ Duy Thanh (Münster), Phong Hưng Lưu Nhơn Nghĩa (Úc), Phan Xuân Khang (Koblenz), Nguyễn Anh Tuấn (Düsseldorf), Nguyễn thị Nhiên (Lingen/Ems), Phạm Công Hoàng

(Bremen), Nguyễn Ang Ca (Bi), Trần thị Văn Nga (Hamburg), Nguyễn Minh Thiện (Recklinghausen), Đỗ Cao (Pháp), Trần Nguyễn Huyền Đan (Berlin), Lê Nguyễn Thái (Hamburg), Thích Trí Chơn (Mỹ), Phan Quang Đán (Mỹ).

Ngoài ra trong thời gian qua, chùa Viên Giác đã nhận được những kính, sách, báo chí của các chùa, các tổ chức, hội đoàn khắp nơi gửi về biểu. Viên Giác xin thành thật cảm tạ và xin trân trọng giới thiệu đến quý độc giả xa gần.

Tây Đức : Woche im Bundestag Nr.2+3+4+5+6, Kháng Chiến số 84+85+86, Độc Lập 1+2+3/89, Lotusblätter Nr. 3, Tây Đức Kiểu Báo số 187+188, Bản Tin Tây Đức 2+3/89, Hướng Việt số 5, Vượt Sóng số 1+2/89, Nguồn Thật số 11, Entwicklung und Zusammenarbeit 1+2/89, Das Beste 3+4/89, Độc Lập Zentrum, Bản Tin Cap Anamur 2+3/89, Dân Chúa Âu Châu số 80+81, Giao Diêm số 13, Thông Tin ViDi số 1+2/89, Việt Nam Diêm Báo số 4, Rundbrief Nr.10/89, Sinh Hoạt Cộng Đồng 2+3+4/89, Développement et Coopération Nr.1/89, Tibet. Zentrumsnachrichten Nr.2/89, Tập San Thi Ca số 11, Tịnh Tâm số 11, Der Mittlere Weg Nr.2, Development and Cooperation Nr.1/89.

Pháp : Thông Luận số 13+14, Xuân Kỳ Ty 89 Nhân Bản, Chiến Hữu số 42 Quang Phục số 14, Diêu Pháp số đặc biệt, Nhân Bản số 144, Quê Mẹ số 99.

Hoa Kỳ : Chân Trời Mới số 27+28+29 Tự Do Dân Bản số 37+38+39, Người Việt Xuân Kỳ Ty, Chấn Hùng số 13, Bản Tin Liên Hội PGVN trên thế giới số 1, Đuốc Tỳ Bi số 32+33, Lịch âm dương đối chiếu TXMBQ, Ch'an Newsletter số 70, Tia Sáng số 31, Nguồn Đạo số 20, Lá Thư Pháp Luân, Chính Nghĩa Dân Tộc 2/89, Nguồn Sống số Đỉnh Bản 16 và 17.

Canada : Thiên Tôn số 6, Niệm Giám Thương Mai và Dịch Vụ, Phụ Nữ, Nội San Dược Sĩ số 2, Hành Trình số 9.

Bỉ : Vượt Sóng số 73+74+75, Tuệ Giác số 13, Bản Tin Linh Sơn số 1.

Úc : Pháp Báo số 22. **Anh :** Giác Quang số 7. **Đan Mạch :** Bản Tin HPG Aarhus. **Đài Loan :** Trung Ngoại số 392+393, Hiện Đại Phật Giáo số 93+94. **Hòa Lan :** Việt Nam Nguyệt San số 60. **Nhật :** Sen Trắng số 7.

Kinh, sách : Niệm Tin Đạo Hạnh (Diệu Thái - USA), Proceedings fourth International Congress World Buddhist Shanga Council (Đài Loan), Ngũ Bách Công Đức (Pháp), OX Herding at Morgan's Bay (Hoa Kỳ) Đưa vào việc khảo cứu triết học Vasubandha (Lê Mạnh Thát), Luận lý học trên chiếu tuyệt đối (Thích Tuệ Sỹ), Nhìn về Đông Phương (Hội Bảo Tôn và Phát Triển Văn Hóa VN-München), Hối Dương Nhân Quả (Úc), Luận Đại Thừa Bảo Yếu (T.T. Thích Bảo Lạc - Úc).



VIÊN GIÁC

Tap chí của Kiều bào và Phật tử Việt nam ty nan tại Cộng Hòa Liên Bang Đức

CÓ GÌ LẠ???

SƠ ĐÚC MÁ NHUẬN BÚT

Gửi gập truyện ngắn, hồi ký, tùy bút... về Viên Giác

c/o Pagode VIÊN-GIÁC
Eichelkampstr.35a, 3000Hannover81
☎ 0511 - 86 46 38

PHƯƠNG DANH CÙNG DƯỜNG

(Tính đến ngày 11.4.1989)

TAM BẢO

ĐH. Lê Thị Thanh (Berlin) 30DM. HHLĐH Nguyễn Văn Mau. DH Luá Thi Ben (Gronau-Epe) 20DM. DH Nguyễn Đình Trán (Plochingen) 30DM. DH Nguyễn Văn Đông (Essen) 50DM. DH Lý Thanh (Sweden) 50DM. DH Lý Thanh Hoa (") 100DM. DH Phong See Kim (") 29,41DM. DH Huỳnh Ba Thúc (USA) 20US. Chùa Diệu Quang (") 10GAS. DH Nguyễn Thị Huệ (Suisse) 30DM. DH Chi Mã (Münster) 20DM. DH Nguyễn Văn Thịnh (Essen) 50DM. HHLĐH Phan Thị Loan pđ Diệu Hiền. DH Trần Đăng Thành (Karlsruhe) 7DM. DH Nguyễn Thị Kim Dung (Freiburg) 5DM. DH Trần Thị Thiên (") 10DM. DH Nguyễn Bán (") 4DM. DH Hồ Thị Kiều & Văn Công Trán (Münster) 30DM. HHLĐH Lê Thị Bông. DH Đặng Văn Trọng (Mainhausen) 100DM. HHLĐH Đặng Văn Niên. DH Nguyễn Văn Lý (Tennenbronn) 50DM. DH Lý Vĩnh Cương (Berlin) 30DM. DH Trần Sang (Würesburg) 50DM. DH Diệu Giác & Diệu Cam (Berlin) 100DM. DH Nguyễn Thị Nhut (Suisse) 34,95DM. DH Minh Đạt Ông Tân Thi (Hamburg) 10DM. NPR Quan Thế Âm (Aachen) 100DM. DH Dương Thị Phước (") 20DM. DH Nhan Kim Diệp (") 20DM. DH Vũ Bình Hải (Neustadt) 50DM. DH Huỳnh Văn Hồng (Stadthagen) 40DM. DH Nguyễn Thị Tuyết Anh (") 40DM. DH Ông Thi Hia (Oldenburg) 50DM. DH Thiên Ý (Hannover) 50DM. DH Helene Antony Bô (Düsseldorf) 50DM. DH Bình Quang Lưu 20DM. DH Ngọc Ân (USA) 30US. DH Trần (Bruchköbel) 20DM. DH Nguyễn Thị Toàn (Schorndorf) 50DM. DH Hồ Thị En (Norden) 20DM. DH Tuy Nga (Sigmaringen) 7DM. GĐH Lý & Bành (Hannover) 200DM. DH Tăng Quý Hòa (Hamburg) 50DM. DH Thiên Vũ & Nguyệt Hà (Hannover) 20DM. DH Diệu Cao (Hamburg) 50DM. Cô Diệu Nhứt (") 100DM. DH Diệu Anh (") 20DM. DH Diệu Ninh (") 50DM. DH E. Kamuel 24DM. DH Giảng Phước Lợi (München) 20DM. DH Trần Thị Lệ Na (Denmark) 100Kr. DH Nguyễn Thị Kim (Münster) 20

DM. DH Hà Tống Giang (") 50DM. DH Nam & Thiên Bình (Berlin) 100DM. DH Nguyễn Thị Đợi (") 60DM. DH Lâm Văn Tôt (Laatzten) 200DM. HHLĐH Trần Thị Phung. GĐH Nhơn (Münster) 400DM. HHLĐH Nguyễn Thị Thuần. DH Minh Ân (France) 500FF. DH Sue Yuen (Laatzten) 40DM. DH Trần Văn Biều (Münster) 20DM. DH HHLĐH Trại Bưu Huỳnh Văn Ngà. DH Lâm Văn Nam (Berlin) 200DM. DH Trần Ngọc Hy (Onasbrück) 20DM. PT Hannover 30DM. DH Mỹ & Luyện (Göttingen) 20DM. DH Trần Tô Tú (Onasbrück) 30DM. DH Thanh (Aachen) 10DM. DH Lâm Đạo Khắc (Speyer) 20DM. DH Quách Phụng Nghĩa (Höchberg) 50DM. DH Trần Mỹ Liên (Pforzheim) 50DM. DH Phạm Văn Ken (Neuenstein) 20DM. Trường Trung Học Đức (Hannover) 50DM. DH Phan Thị Tron (Reutlingen) 20DM. Cô Diệu Niên (Hannover) 1.000DM. HHLĐH Huỳnh Văn Ngà pđ Trí Bửu. DH Nang Kim Liễu (Sweden) 100Kr. DH Võ Thị Long (Heidenheim) 100DM. DH Trần Thị Eo (Aalen) 20DM. GĐH Nguyễn Thị Hải (Reutlingen) 1.000DM. HHLĐH Nguyễn Hữu Bà. DH Trần Thị Giàu (Bergisch Gladbach) 100DM. DH Vương Mỹ Linh (Levekusen) 100DM. DH Đỗ Thuần Phát (Hannover) 100DM. HHLĐH Trần Thị Phung. DH Barbel Lüddecke (Bonn) 20DM. DH Diệu Hiền (Laatzten) 50DM. DH Nguyễn Bàng Hải (Ostfildern) 100DM. DH Nguyễn Thị Bua 10DM. DH Phạm Thị Bích Vân (Lillenthal) 50DM. DH Phạm Hữu Lợi (Dorsten) 20DM. DH Giảng Mới 100DM. DH Từ Thị Mui (Hamburg) 20DM. DH Lê Thị Minh Thủy (Holland) 25Guld. DH Nguyễn Văn Phương (Bremervörde) 20DM. DH Nguyễn Thị Biền (") 10DM. DH Nguyễn Thị Thuần 10DM. DH Lý Trung Phan 50DM. DH Trương Phúc Hào 20DM. DH Lý Diệu Anh & Lý Ai Khanh & Lý Thu & Lý Tuyết Khanh & Lý Bội Khanh & Huỳnh Mỹ Phước (Rottenburg) 100DM. DH Trường Toàn Thúc 10DM. BH Lý Mười Mạt 30DM. DH Ngô Mỹ Châu (Bad Iburg) 100DM. DH Ngô Thoại Bình (Hannover) 1.500DM. DH Tăng Thị Hai 20DM. DH Vương Thiệu Vi & Trần Tuy Phương & Vương Yến Đình 10DM. DH Vương Yến Mỹ & Hồ Thị Quý 10DM. DH Vương Vinh Sanh (Göttingen) 20DM. DH Huỳnh Văn Bi & Đỗ Kim Sen (Hannover) 50DM. DH Nguyễn Thanh Tung (Konstanz) 30DM. DH Quon Ky (Pforzheim) 100DM. HHLĐH Quan Thuần An. DH Huỳnh Thị Kim Chi (Brüggen) 15DM. DH Quách Bích Liên (Löhren) 50DM. GĐH Phan Thị Liễu (Berlin) 400DM. HHLĐH Nguyễn Văn Thành. DH Trần Hải Vinh (Bochum) 40DM. DH Nguyễn Hữu Thị Mừng Chi (Oberhausen) 20DM. DH Vũ Thị Minh Hồng (Karlsruhe) 100DM. DH Lưu Ngọc Tâm (Krefeld) 30DM. DH Vi Phương (Wiesbaden) 50DM. DH Võ Văn Sanh (Reutlingen) 50DM. DH Nguyễn Tài Phin (Neuss) 20DM. DH Trần Ồ Tao (Saden) 100DM. DH Nguyễn Thị Thu (Wilhelmsaven) 30DM. IGS Roderbruch (Hannover) 38DM. DH Cao Xuân Liễu (Suisse) 100FS. HHLĐH Cao Triều Trúc. DH Bình Thị Lanh (Pfaffenhöfen) 20DM. GĐH Thị Chánh Trương Tấn Lộc & Thiên Tâm (Laatzten) 100DM. DH Trương Thị Mạnh (France) 50DM. NPD Tâm Giác (München) 300DM. DH Giảng Phước Lợi (") 100DM. GĐH Lâm (") 50DM. DH Kxa Keng (") 100DM. DH Thiên Hồng Nguyễn Văn Lô (Neu-Ulm) 100DM. DH Hòa Văn Sáu (Itzehoe) 20DM. DH Võ Thị Sáu (Nettetal) 20DM. DH Nguyễn Đăng Thiên (Rheine) 50DM. HHLĐH Nguyễn Bàng Phong. DH Huỳnh Ty 20DM. DH Huỳnh Kỳ Dương (Bielefeld) 200DM. DH Huỳnh Thị Diệu Bình (") 20DM. DH Huỳnh Thị Chín (") 20DM. DH Khuê Thị Ngát (") 20DM. DH Bà Phước Minh Thảo (Hannover) 10DM. DH Thái Hà 100DM. DH Hồng Nghiênn Bình 10DM. DH Phan Văn Hách (St. Augustin) 40DM. DH Lê Khắc Tùng (Augsburg) 40DM. DH Lương Thị Tuy Nga (Sigmaringen) 50DM. DH Vsr. Sary (France) 57,80DM. DH Nguyễn Bàng (Suisse) 55FS. DH Hồ Thị Em (Norden) 40DM. DH Hoàng Ngọc Thịnh (Gerulstein) 20DM. DH Hedwig-Neyl-Schule (Hannover) 60DM. DH Reinhard Ludwig (Hannover) 30DM. CH Hội PTVN (Münster) 200DM. DH Diệu Hiền Trương Thị Diệu (Laatzten) 50DM. DH Triệu Thành (Hannover) 50DM. DH Quảng Quý (Hannover) 10DM. DH Diệp Thị

Phước (Konstanz) 50DM. HHLĐH Trần Văn Chúc. DH Mech Thị Phương (Friedrichshafen) 20DM. DH Nguyễn Thị Huyền (Darm) 40DM. DH Trần Văn Nhi (Bochum) 20DM. DH Hà Thị Đào (Canada) 50Can. DH John Gormican (Filderstadt) 50DM. DH Lý Philipp (France) 57,80DM. Humboldt Schule (Hannover) 60DM. DH Võ Ngọc Thanh (Norden) 50DM. DH Nguyễn Thị Giới (Bf) 50CFF. DH Trương Mai Thanh Phương (Rottershausen) 20DM. DH Nguyễn Thanh Bình (Denmark) 50Kr. DH Tăng Bích Phan (Lingen) 20DM. HHLĐH Dương Thị Đậu. DH Nguyễn Thị Thu Thảo (Freiburg) 50DM. DH Trinh Quang Khánh (Recklinghausen) 30DM. DH Phan Hào Tân (") 20DM. DH Phan Văn Quý (") 20DM. Quý Phát Từ tại Recklinghausen 100DM. DH Phạm Quốc Việt (") 50DM. DH Đỗ Thị Phái (") 50DM. DH Bùi Hồng Văn (") 20DM. DH Trần Hữu Tô (") 10DM. DH Trần Đức Vương (") 20DM. DH Hồ Tu Đức (") 10DM. DH Nguyễn Văn Phý (") 10DM. DH Nguyễn Đình Văn (Dortmund) 20DM. DH Võ Pierre (France) 50DM. DH Mai Văn Tân (Lüdenscheid) 20DM. DH Triệu Thị Hào (Holland) 25Guld. DH Phan Thị Nghĩa (M'gladbach) 20DM. DH Trần Bình Tuyền (Pforzheim) 260DM. HHLĐH Đặng Tông & Huỳnh Thị Hiếu. DH Tô Thang (Dingolfing) 20DM. DH Diệu Giác Lê Thị Tâm (Berlin) 3.000DM. Ông Hồ mua đầu lân. DH Trần Mỹ Liên (Pforzheim) 50DM. DH Tô Khải Đức (Schweinfurt) 20DM. DH Quảng Ngô Hở Chuyên (Laatzten) 50DM. HHLĐH Nôi tồ, thân phụ và thục phụ. DH Tăng Bích Phan (Lingen) 140DM. DH Trần Thái Sơn 30DM. Cô Diệu Thái (Laatzten) 100DM. DH Thái Tu Hà (Dillingen) 50DM. DH Van Pen Chaldon 100DM. DH Sauer 20DM. DH Darunnee Möller (Frankfurt) 200DM. DH Lương Vĩnh Quyên 10DM. DH Trinh Trọng Nghĩa (Paderborn) 50DM. DH Trần Quốc Minh (Dillingen) 100DM. Cô Diệu Thái (Laatzten) 100DM. DH Diệu Minh (Giessen) 700DM. DH Diệu Bích (Canada) 1.000FF. DH Trần Văn Biều (Münster) 60DM. DH Trang Tuấn Kiệt (Langen) 50DM. DH Diệp Thị Phước (Konstanz) 30DM. DH Trần Quý (Lichtenstein) 100DM. BH Trần Mên (") 50DM. HHLĐH Trần Lý. DH Hành Trung Hiền (") 50DM. DH Viên Văn Quang (Koblenz) 100DM. DH Lữ Mỹ Hạnh (Hannover) 100DM. DH Nguyễn Phi Hùng (Dorsten) 20DM. DH Nguyễn Thị Quý (") 500DM. HHLĐH Nguyễn Văn Úc. BH Lu Cấn Hồng (Freiburg) 20DM. DH Lý Văn Sanh (Sweden) 10DM. DH Lương Văn Khoa (Bielefeld) 20DM. DH Sembacutiaratchy (Hattersheim) 50DM. DH Lương A Sau (Singapore) 20DM. DH Bình & May 5DM. DH Ung Châu Mỹ Cường 50DM. DH Lê Văn Phong 40DM. DH Bùi Thị Trâm (Dielefeld) 20DM. DH Huỳnh Nhuận Kinh (Paris) & Huỳnh Cao Vinh (Dielefeld) 100DM. HHLĐH Huỳnh Hữu. DH Đặng Thị Oanh (Holland) 100Guld. 669R. LD Ngọc Diệp (France) 300DM. HHLĐH Huỳnh Văn Ngà pđ Trí Bửu. DH Thiên Luân Hà Phước Minh Thảo (Hannover) 50DM. DH Trần Hoa Lê (Sindelfingen) 30DM. Quý Phát Từ tại Recklinghausen 50DM. DH Từ Sánh (Aachen) 60DM. DH Phạm Hữu Phước (Bergisch Gladbach) 50DM. HHLĐH Mai Thị Quyên. DH Nguyễn Thị Châu (Stuttgart) 50DM. DH Lâm Văn Nam & Nguyễn Thị Phung (Berlin) 250DM. HHLĐH Lâm Quốc Tuấn Lưuá Quý tương. DH Chu Oai (Duisburg) 100DM. DH Nguyễn Văn Huỳnh (Heilbronn) 20DM. DH Xiết (Berlin) 50DM. DH Từ Tú Mui (Laatzten) 50DM. DH Nguyễn Xuân Lang (France) 100FF. DH Đỗ Thị Minh Nguyệt (Suisse) 10FS. DH Bùi Quang Hát (USA) 20US. DH Trần Vĩnh Cam (Münster) 30DM. HHLĐH Trần Văn. DH Lâm Huy Chung (Wuppertal) 50DM. DH Đoàn Thi Hòa (France) 100FF. GĐH Hồ Lý (Hannover) 100DM. DH Đinh Quang Lưu 20DM. DH Lu Bạch Tuyết (Oldenburg) 20DM. DH Lâm Chí Hằng (Dillingen) 30DM. DH La Thanh Khiêm (Drückköbel) 20DM. DH Kim Hên (Bad Kunznach) 20DM. DH Trần Huy Bàng (Saarbrücken) 50DM. DH Trương Thị Thu (") 20DM. DH Lý Kiên Cường (") 20DM. DH Huỳnh Văn Hiên (") 20DM. DH Trần Thị Thu Thủy (Saarburg) 20DM. DH Dương Thị Nhân (Lebach) 50DM. DH Đặng Thị Xứng (") 50DM. DH Lê Anh Müller (") 50DM. DH Trần Thị An (Wittlde) 50DM. DH Đức Thị Hòa (Neuenkirchen) 50DM. DH Nguyễn Thanh Tâm (Herzig) 50DM. DH Huỳnh Thanh Hng (Ludweiler) 50DM. DH Đức Thị Hòa 30DM. DH Đặng Thị Xứng 10DM. DH Trần Phong Lưu 10DM. DH Tiểu Chi Trưng 10DM. DH Tuyết Bambusch 10DM. DH Trần Thị Thủy 10DM. DH Lưu Văn Nghĩa 10DM. DH Trần Quý Quý 10DM. DH Huỳnh Văn Liễu 20DM. DH Lê Thiện Phong (Frankfurt) 100DM. DH Trần Thị Nô (Laatzten) 20DM. DH Như Thân Hà Phước Nhuận (Hannover) 50DM. HHLĐH Mạc Thị Hòa pđ Như Hiệp. DH Nguyễn Thị Diệp Thanh (Stuttgart) 30DM. DH Ngô Thị Nhi (Telgte) 20DM. DH Đặng Văn Trọng (Mainhausen) 20DM. Cô Diệu Thái (Hannover) 50DM. DH Trần Quốc Thành 20DM. DH Đặng Quyên 20DM. DH Nguyễn (Stadthagen) 20DM. DH Po Wing Hok 20DM. DH Trương Mỹ Bành (Minden) 10DM. DH Nguyễn Thị Sáu (Bremervörde) 20DM. DH Huỳnh Hương (Unterhausen) 10DM. DH Nguyễn Thị (France) 200FF. HHLĐH DH Nguyễn Xuân Trinh. DH Long Yến Bình pđ Thiên An & Long Bích Phương 200DM. Cầu an bốn mạng.

Ấn Tống Kinh "Thiên Môn Nhật Tung"

Trong thời gian tới Chùa Viên Giác sẽ ấn tống Kinh "Thiên Môn Nhật Tung" loại chữ lớn dễ đọc, gồm 500 trang. Giá in thành mỗi quyển là 12 Đức mã.

Quý vị nào phát tâm ấn tống quyển Kinh trên, xin liên lạc về Chùa Viên Giác và cho biết số lượng muốn ấn tống để ghi tên vào "Phương Danh Ấn Tống" trên trang sau quyển Kinh.

Xin thành thật cảm ơn Quý vị trước

Chùa Viên Giác

BẢO VIÊN GIÁC

BH Ngô Thanh Tri (Sigmaringen) 20DM. BH Lê Thị Thanh (Berlin) 20DM. BH Trần Văn Minh (Memmingen) 20DM. BH Nguyễn Tấn Hổ (Konstanz) 20DM. BH Bùi Tấn Lan (München) 10DM. BH Võ Thành Khai Thịnh (Y) 10DM. BH Đặng Hữu Hổ (BF) 500FB. BH Nguyễn Thế Châu (M'gladbach) 20DM. BH Lê Chàng (Düsseldorf) 20DM. BH Phạm (Koblenz) 20DM. BH Đỗ Chiến Cang (Herford) 20DM. BH Võ Thị Nhân (Y) 20.000Lire. BH Mai Xuân Lập (Kreuztal) 100DM. BH Trần Hà (Landshut) 100DM. BH Giang Lăng Hĩa (Nürnberg) 30DM. BH Nguyễn Hoàng H. (USA) 50US. BH Hồ Đâu (Uc) 20Uckin. BH Nguyễn Ngọc Hoa (Suisse) 30FS. BH Nguyễn Văn Lã (Neu Uin) 50DM. BH Huỳnh Bá Thuận (Ralingen) 10DM. BH Huỳnh Hữu Hồng (Canada) 25Can. BH Đặng Văn Trọng (Mainhausen) 30DM. BH Phạm Văn Dũng (Hildesheim) 20DM. BH Võ Thành Nhân (Suisse) 50DM. BH Phương Thế Ngọc (Denmark) 100Kr. BH Vũ Ngọc Huệ (Filderstadt) 30DM. BH Đặng Ngọc Trân (Reutlingen) 20DM. BH Dương Tường (") 20DM. BH Bùi Quang Đức (Hamel) 20DM. BH Ngô Đình Lâm (Goslar) 20DM. BH Võ Quang Châu (Bremen) 20DM. BH Trần Văn Các (") 20DM. BH Nguyễn Văn Minh (Steinfurt) 30DM. BH Lý Hoàng Dũng (Hamburg) 25DM. BH Vũ Văn Nam (Kamen) 20DM. BH Lê Đức Khiêm (Laatzten) 30DM. BH Nguyễn Việt Nhân (Bielefeld) 50DM. BH Đặng Hữu Nam (Nürnberg) 20DM. BH Huệ Lộc (France) 100FF. BH Lâm Minh (Ranberg) 20DM. BH Nguyễn Hữu Đoàn (Canada) 50Can. BH Thiện An & Chi Pháp (") 50Can. BH Lê Thị Bê (France) 100FF. BH Nguyễn Văn Kiêu (") 200FF. BH Trần Quý Thiềm (") 200FF. Restaurant les Roches (") 100DM. BH Trương Thị Minh Thu (Denmark) 200Kr. BH Trumet Patrick (") 100FF. BH Cao Ngọc Lang (W.E.V) 20DM. BH Phạm Văn Diệu (Regensburg) 30DM. BH Lý Huệ Lan (Wittmund) 20DM. BH Diệu Cao (Hamburg) 30DM. BH Nguyễn Thị Hồng Nhung (Essen) 20DM. BH Lai Văn Phối (Wuppertal) 15DM. BH Phan Tuy (Solingen) 20 DM. BH Phan Thị Liên (Bergamen) 10DM. BH Nguyễn Ngọc Dê (Hamburg) 20DM. BH Trần Văn Búp (Berlin) 10DM. BH Quách (BF) 40DM. BH Trần Thị Vân (France) 100FF. BH Hồ Văn Lộc (Brüggen) 20DM. BH Đỗ Trinh (Aalen) 20DM. BH Trần Đăng Thanh & Ngô Minh Huệ (Karlsruhe) 50DM. BH Nguyễn Khắc Cẩn (München) 50DM. BH Huỳnh Thị Kim Như (Essen) 20DM. BH Trần Thị Nguyễn (Konn) 20DM. BH Nguyễn Thanh Phong (Schwalmtal) 20DM. BH Trương Quang Phục (Moschheim) 10DM. BH Phan Thị Nhiêu (Holland) 20Guld. BH Trần Hổ (Sweden) 100Kr. BH Nguyễn Thanh Sơn (France) 200FF. BH Trần Văn Hải (Holland) 50DM. BH Nàng Kim Liễu (Sweden) 200Kr. BH Nguyễn Duy Lân (Neuenstadt) 50DM. BH Huỳnh Hữu Hải (Neuy) 50DM. BH Nguyễn Thị Kim Chi (Nienburg) & Trần Anh Xuân (Bonn) 20DM. BH Lê Văn Tiệt (Köln) 50DM. BH Huỳnh Thị Kiêm (München) 20DM. BH Nguyễn Thanh Tùng (Konstanz) 20DM. BH Trần Hữu Phúc (Koblenz) 50DM. BH Trần Hải Hoa (Spaichingen) 20DM. BH Diệp Kim Hoang (Dingolfing) 50DM. BH Quan Ngô (M'gladbach) 20DM. BH Đặng Quốc Khanh (Berlin) 50DM. BH Nguyễn Vang Thị Tuyết Hồng (Frankfurt) 50DM. BH Ưông Minh Trọng (Arolsen) 20DM. BH Phù Thị Bào (Denmark) 200Kr. BH Trương Thị Minh (Cloppenburg) 20DM. BH Ngô Văn Út (Ibbenbren) 10DM. BH Nguyễn Ngọc Châu (Wiesbaden) 20DM. BH Lâm Vĩnh Phong (Schweinfurt) 10DM. BH Đinh Thị Xuân Thảo (M'gladbach) 20DM. BH Vũ Thị Tâm (München) 100DM. BH Nguyễn Kim Anh (Düsseldorf) 50DM. BH Huỳnh Kim Thu (Berlin) 50DM. BH Bại Văn Nĩa (Hamburg) 10DM. BH Đặng Văn Đoc (Köln) 20DM. BH Đinh Trọng Nghĩa (Freiburg) 20DM. BH Trần Bình Khải (Schnege) 100DM. BH Trương Bình Phong (Canada) 50US. BH Nguyễn Đăng Thiên (Rheine) 50DM. BH Phan Văn Hách (St. Augustin) 60DM. BH Nguyễn Việt Đoàn (BF) 1.000FB. BH Huỳnh Văn Hiếu (Neuss) 20DM. BH Trần Nhứt Quan (Ibbenbren) 20DM. BH Đỗ Khắc Hùng (Suisse) 20FS. BH Nguyễn Thanh Bích (BF) 50DM. BH Lê Thị Bích Minh (München) 20DM. BH Đinh Thị Thu Nam (Köln) 20DM. BH Nguyễn Ngọc Hùng (Denmark) 100Kr. Nguyễn Thị Kim Liên (BF) 50DM. BH Lê Thị Đình (BF) 1.000FB. BH Phạm Văn Mai (Holland) 25Guld. Restaurant Asia (Leer) 100DM. BH Nguyễn Đăng (Suisse) 50FS. BH Từ Thị Quế (France) 200FF. BH Hồ Văn Nguyễn (") 100FF. BH Lai Kim Loan (") 100FF. BH Đoàn Thị Thanh Tú (") 100FF. BH Đỗ Thị Nga (USA) 20US. BH Lê Goff (France) 200FF. BH Nguyễn V.D. (Holland) 25Guld. BH Thiên Nhân Nguyễn Thị Chinh (Paderborn) 50DM. BH Lê Thị Bạch Nga (Canada) 20Can. BH Kim Huệ (France) 200FF. BH Nguyễn Văn Sơn (Erkrath)

20DM. BH Nguyễn Thị Thủy Trang (Holland) 10DM. BH Võ Bá Tông (Zweibrücken) 20DM. BH Cao Thiên Quy (Nürnberg) 50DM. BH Nguyễn Ngọc Anh (Hamburg) 20DM. BH Tiệt Quốc Kiệt (Holland) 25Guld. BH Roãn Thị Luân (Berlin) 10DM. BH Nguyễn Văn Hiên (Cuxhaven) 50DM. BH Dương Cảnh Hà (Krefeld) 20DM. BH Từ Vĩnh Thời (France) 200FF. BH Hòa Thị Mân (Canada) 20US. BH Đinh Thị Hoi (Aachen) 50DM. BH Đỗ Thị Lan (Aô) 300Sch. BH Lê Khắc (France) 100FF. BH Nguyễn Quốc Thông (Essen) 10DM. BH Phan Văn Đức (Hamburg) 50DM. BH Nguyễn Kim Chương (Köln) 50DM. Ni Sư Thích Nữ Diệu Từ (USA) 100US. BH Trinh Đoàn (USA) 40US. BH Nguyễn Thị Phương (Schorndorf) 20DM. BH Nguyễn (France) 300FF. BH Đỗ Trọng Chu 50DM. BH Lý Thanh (Sweden) 50Kr. BH Nguyễn Thị Thu Hương (Emden) 20DM. BH Minh Ân Nguyễn Thị Long 700FF. BH Trần Thị Đức (München) 10DM. BH Nguyễn Văn Thục 10DM. BH Lê Công Kiệt (France) 200FF. BH Phạm Thái (Saarbrücken) 20DM. BH Diệu Đỗ Trương Thị Phong (Uc) 89.12 DM. BH Trần Phú Sen (France) 144.92DM. BH Tâm Anh (Canada) 20US. BH Khuê Văn Văn (Künzelsau) 20DM. BH Ngô Thị Thu Anh (Düsseldorf) 50DM. BH Dr. Heinz Braum (Göttingen) 60DM. BH Bùi Liên (BF) 500FB. BH Diệu Thanh (") 500FB. BH Nguyễn Thị Giới (") 1.000FB. BH Dương Hoàn (Schwutzingen) 20DM. BH Thanh Leuchweis (Würzburg) 50DM. BH Nguyễn Hào Nghĩa (Uc) 50Uckin. BH Từ Thị Cù (France) 200FF. BH Nguyễn Thị Lan (Sweden) 50Kr. BH Phạm Hữu Hùng (Regensburg) 20DM. BH Dương Trí Quang (France) 50DM. BH Phan Thị Sâm (USA) 20US. BH Phan Văn Phong 30DM. BH Phạm Văn Kiên (München) 50DM. BH Lê Văn Tú (Münster) 20DM. BH Lê Văn Thuận (") 20DM. BH Nguyễn Bach Tuyết (München) 20DM. BH Phạm Đình Cường (Holland) 10DM. BH Trần Văn Phái (Berlin) 20DM. BH Nguyễn Kim Vinh (Nürnberg) 20DM. BH Lê Thị Tú (Koblenz) 20DM. BH Ngô Thị Khi (Teigte) 20DM. BH Trần Văn Đức (Canada) 20US. BH Hồ Đâu (Uc) 20 Uckin. BH Nguyễn Kim Hoàng (Lippstadt) 30DM.

ĂN TỐNG KINH THIÊN MÔN NHẬT TỤNG

BH Phạm Thị Mai (Moschheim) 50DM. BH Trương Thị Linh (") 50DM. BH Trương Kim Nam (") 50DM. BH Lý Thanh (Sweden) 50DM. BH Quách Uy Trung (Berlin) 50DM. BH Minh Đạt Ông Tân Thái (Hamburg) 60DM/5 cuốn TMNT. BH Thiên Ý (Hannover) 50DM. BH Nguyễn Thị Càng (VN) 120DM/10 cuốn TMNT. BH Thị Tâm Ngô Văn Phát (Laatzten) 120DM/10 cuốn TMNT. BH HHLBB Phạm Văn Thông - Trần Thị Liễu - Ngô Văn Nhi. DH Mac Chiêu Phó (Wittmund) 10DM/5 cuốn TMNT. BH Mac Thiên Cường (") 60DM/5 cuốn TMNT. BH Văn Vinh (Boppard) 60DM/5 cuốn TMNT. BH Văn Công Trâm Hổ Tuy Kiêu (Münster) 20DM. HHLB Thân phụ Tr Hổ Vinh Giang. BH Nguyễn Thị Phi (") 20DM. BH HHLB Trí Bửu Huỳnh Văn Ngã. BH Võ Hưu Xang (") 20DM ("). BH Văn Công Trâm & Hổ Thủy Kiêu (") 20DM ("). BH Trần Văn Biêu (") 20DM ("). BH Quách (BF) 10DM. BH Trương Mỹ Anh (Münster) 60DM/5 cuốn TMNT. BH Huệ Lạc Cao Thị Yến (Berlin) 120DM/10 cuốn TMNT. HHLBB Cao Văn Tân. Thư Viện Aarhus (Denmark) 200Kr. Cô Tâm Quang (Hannover) 60DM/5 quyển TMNT. GHHB Thị Chánh Trương Tấn Lộc (Laatzten) 60DM/50 cuốn TMNT. HICA bổn mạng & gia quyến. BH Thiện Giác Hổ Vinh Giang (Hannover) 300DM/25 cuốn TMNT. HHLBB Hổ Vinh Trang. BH Nguyễn Thị Tuyết Hồng (B.O.I) 10DM. BH Nguyễn Thị Hộ (Liederbach) 10DM. BH Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp (Garbsen) 72DM/6 cuốn TMNT. BH Ngô Cornelia (") 72DM ("). BH Ngô Kim (") 72DM ("). BH Ngô Jan (") 72DM ("). BH Bửu Thọ (BF) 1.000FB/4 cuốn TMNT. HCHCT 2 họ Châu Văn & Nguyễn Phước. BH Nguyễn Phước Vĩnh Tiệt (") 1.000FB/4 cuốn TM NT. BH Nguyễn Phước Vĩnh Toai (") 1.000FB/4 cuốn TMNT. BH Phạm Văn Mọc (Langen) 20DM. BH Thiên Ý Lê Thị Ty (Hannover) 120DM/10 cuốn TMNT. BH Diệu Thảo Phạm Thị Sáu (Reinscheid) 120DM/10 cuốn TMNT. Cộ Diệu Thái (Laatzten) 60DM/5 cuốn TMNT. BH Minh Thành (") 24DM/2 ("). BH Quảng Ngô & Diệu Hiền (") 120DM/10 cuốn TMNT. BH Trương Thị Hai (Weil an Rhein) 25DM/2 cuốn TMNT. BH Huỳnh Say Châu (BF) 1.000FB/4 cuốn TMNT. HHLB Ngô Mỹ Phương. BH Huỳnh Pênh Hui (") 1.000FB/4 cuốn TMNT. Hê cho tú thân phụ mẩu. BH Lê Nguyệt Duyên (Pforzheim) 50DM/4 cuốn TMNT. BH Lê Nguyệt Thuỳên (") 20DM/1 cuốn ("). BH Đỗ Thị Giới (BF) 1.000 FB/4 cuốn TMNT. BH Thái Hoach (") 1.000FB/4 TMNT. HHCĐ cho thân mẩu. BH Thị Nhiêu. BH Lý Mỹ Quỳnh (Hannover) 60DM/5 cuốn TMNT. BH Lý Thanh Hùng (") 60DM/5 ("). BH Lý Mỹ Phương (") 60DM/5 ("). BH Lý Mỹ Linh (") 60DM/5 ("). BH Diệu Minh (Giessen) 120DM/10 cuốn TMNT. BH Võ Thị Mỹ (Nürnberg) 120DM/10 cuốn TMNT. BH cho

cha mẹ còn tại. Húc.Cô Diệu Niềm (Hannover) 60DM/50 cuốn TMNT. HHLBB Trí Bửu Huỳnh Văn Ngã. BH Nguyễn Thị Lan (Sweden) 100Kr. TMNT. BH Neang Kim Liên (") 100Kr. TMNT. BH Tống Thị Lê (") 100Kr. TMNT. BH Nguyễn Hào Nghĩa (Uc) 50 Uckin. BH Ân danh (Speyer) 12DM/ TMNT. BH Trương Thị Liễu (USA) 20US. TMNT.

TẾT - RẪM THĂNG GIỀNG

BH Trần (Pforzheim) 60DM. BH Dương Hùng Dung (Saarland) 20DM. BH Nguyễn Đức Khánh (Oberhausen) 50DM. BH Trương Văn Tào (Erlangen) 50DM. BH Võ Thị Huyền (Hannover) 20DM. BH Trương Đức Sung (Euskirchen) 20DM. BH Nguyễn Thị Cẩm Vân (Mannheim) 10DM. BH Đỗ Đình Thâm (Stuttgart) 100DM. BH Châu Ái Hương (Münster) 50DM. BH Chánh Ngọc (Binnen) 30DM. BH Lê Thị Thanh (Berlin) 70DM. HHLBB Nguyễn Văn Mau. BH Nguyễn Thị Tường Linh (Holland) 100Guld. BH Trương Hương Kết (Suisse) 30FS. BH Quách (BF) 1.000FB. BH Thâm Say Va (Bochum) 100DM. BH Hoàng Hổ Tuấn Mai (Holland) 100Guld. BH Nguyễn Tấn Hổ (Konstanz) 20DM. BH Từ Hương (Lünen) 20DM. BH Dương Thị Gấm (Stuttgart) 30DM. BH Trương Thị Su (Maineschaft) 30DM. BH La Nam Trung (Hamburg) 20DM. BH Lý Thanh Đức (Leverkusen) 50DM. BH Nguyễn Thị Giới (BF) 500FB. BH Lê Thị Nô (") 800FB. BH Anh Thi Nelson (Kaiserslautern) 50DM. BH Chung Thế (W.E.V) 20DM. BH Nguyễn Đức Thanh (Neuss) 100DM. BH Lê Chàng (Düsseldorf) 40DM. BH Trương Văn (Una) 30DM. BH Trần Thị Á (Wittmund) 20DM. BH Trương Chanh (Priesoythe) 20DM. BH Hoàng Công Chu (Onesbrück) 20DM. BH Giang Lăng Hĩa (Nürnberg) 50DM. BH Giang Liên (") 50DM. BH Huỳnh Hiếu Thảo (München) 50DM. BH Vũ Thị Vàng (M'gladbach) 50DM. BH Nguyễn Văn Phong (Paderborn) 50DM. BH Trần Phong Lưu (Hannover) 20DM. BH D.H. Đỗ (Sindelfingen) 100 DM. Ni cô Diệu Niềm (Hannover) 500DM. GDĐH Trần (Frankfurt) 40DM. BH Hứa Tích Chung (Metzingen) 20DM. BH Nguyễn Văn Lô (Neu Uin) 50DM. BH Lê Văn Mỹ (Karlsruhe) 20DM. BH Mai Hoanh Thiên (Köln) 10DM. BH Mai Kim Mỹ (G' Mrienhitte) 20DM. BH Huỳnh Bá Thuận (Ralingen) 20DM. BH Trần Thị Soan (Kiel) 10DM. BH Lý Ất (Seevetal) 20DM. BH Lê Thị Ngo (Saarland) 30DM. BH Phạm Thị Bưởi (Düsseldorf) 30DM. BH Ngô Thị Thảng (Frankfurt) 50DM. BH Lâm Kim Khánh (M'gladbach) 20DM. BH Nguyễn Văn Tú (Berlin) 30DM. BH Đỗ Văn Lợi (Düsseldorf) 20DM. BH Quách Uy Trung (Berlin) 50DM. BH Ngô Đình Lâm (Goslar) 30DM. BH Từ Thị Muội (Laatzten) 100DM. BH Diệu Hiền (") 20DM. BH Nguyễn Văn Minh (Steinfurt) 74 DM. BH Quảng Phước (Minden) 10DM. BH Thanh Bình (") 10DM. BH Thanh Hương (") 20DM. BH Vũ Văn Nam (Kamen) 50DM. BH Mai Ngọc Sang (Hamel) 20DM. BH Ngụy Bửu Thu Ngọc (Berlin) 50DM. BH Nguyễn Việt Nhân (Bielefeld) 50DM. BH TSang Lam (") 50 DM. BH Lương Văn Khoa (") 20DM. BH Lương Ngọc Phách (") 20DM. BH Nguyễn Văn Sơn (Bad Iburg) 20DM. BH Trinh Thị Cù (Bremen) 20DM. BH Nguyễn Đình Thành (") 40DM. BH Kha Tiên (") 20DM. BH Lương Bà Truyen (") 50DM. BH Nguyễn Thị Lạc (Braunschweig) 10DM. BH Hàn Thị (") 100DM. BH Châu Ngọc Lan (") 20DM. BH Đỗ Văn Kiên (") 30DM. BH Ngô Quế Chi (") 40DM. BH Trương Quý Thiềm (") 20DM. BH Trần Tú Phụng (") 20DM. BH Trần Buyệt Như (") 20DM. BH Quan Long Thanh (Celle) 10DM. BH Lôi Công Thành (") 50DM. BH Nguyễn Phước Sinh (Medel) 50DM. BH Quan Muội (Celle) 10DM. BH Bình Dung (Düsseldorf) 10DM. BH Antony Bình Thị Toàn (") 40DM. BH Helene Antony Đỗ (") 50DM. BH Bình Hoa (") 50DM. BH Jachim Antony (") 20DM. BH Phạm Thị Bưởi (") 50DM. BH Phương Tuong Bany (Hannover) 10DM. BH Quảng Niềm (Hannover) 50DM. BH Việt & Tuyết (") 20DM. BH Tái (") 90DM. Ni cô Diệu Niềm (") 100DM. BH Cang Kỳ (") 100DM. BH Lương Thuồng (") 40DM. BH Lê Thị Liễu (") 200DM. BH Võ Phước Lưu (Laatzten) 40DM. BH Nguyễn Minh Công (") 10DM. BH Phạm Biền (") 50DM. Cô Diệu Thái (") 50DM. BH Diệu Muội (Bad Iburg) 20DM. BH Tạ Ngọc Hoa (Hamburg) 50DM. BH Bình Minh Thanh (") 50DM. BH Tạ Ngọc Phương (") 50DM. BH Lý Hoàng Dũng (") 50DM. BH Nguyễn Đức Thảng (Holland) 20DM. BH Dương Sang (Heinstedt) 10DM. BH Trương Thị Lê (") 10DM. BH Phạm Văn Dũng (Hildesheim) 30DM. BH Phạm Thị Kim Ganh (") 10DM. BH Phạm Thị Mai (") 10DM. BH Dương Văn Dương (Essen) 20DM. BH Nguyễn Thị Nhiếp (") 30DM. BH Vương Văn Tuyết (Göttingen) 20DM. BH Nguyễn Thị Thuận (") 20DM. BH Thị Liêng Thảng (") 50DM. BH Vương Vinh Sanh (") 20DM. BH Vương Thiệu Lập (") 20DM. BH Vương Khải Hưng (") 10DM. BH Davong (Hofgeismar) 20DM. BH Davong V. (") 20DM. BH Trần Thị Hoa (") 50DM. BH Khangehof (") 10DM. BH Lâm Chi (Burgdorf) 20DM. BH Vương Khắc Vũ (") 10DM. BH Mach Ganh (") 10DM. BH Phong Sek

Ping(*)10DM. BH Mac Kim(*)10DM. BH Mach Bao Hang(*)10DM. BH Trương Quang Phục(Moschheim)30DM. BH Trương Quang Bình(*)20DM. BH Trần Văn Hôn(M Gladbach)40DM. BH Đặng Như Nam(Nürnberg)20DM. BH Thi Yên Lê(Recklinghausen)20DM. BH Ha Chung Phi(*)20DM. BH Hô A San(*)10DM. BH Ta Văn B(Pforzheim)50DM. BH Lữ(*)50DM. BH Đoàn Văn Thời(*)20DM. BH Chang A Sang(*)50DM. BH Nguyễn(Stadthagen)50DM. BH Quan Bích Liên(Lübeck)100DM. BH Giang Xan(Salzburg)10DM. BH Phong Văn Thanh(Stuttgart)50DM. BH Lý Thanh(Oldenburg)20DM. BH Nguyễn Ngọc Đăng(Minden)20DM. BH Henry Wong(Hamel)20DM. BH Lee(Rellingen)100DM. BH Dương Chí Kiên(Helmstedt)10DM. BH Dương Cảnh Hồng(*)10DM. BH Huệ Lộc(France)400FF. HHHLEH Huệ Đức và HLBH Huệ Quỳ. BH Nguyễn Văn Thành(Willich)20DM. BH Bùi Kim Huệ(Alrzen)20 DM. BH Lâm Ngân(Nordenham)50DM. BH Quách Hưng(*)20DM. BH Long & Châu(*)20DM. BH Trần Thị Bồng(*)40DM. BH Lâm Hương Hưng(*)50DM. BH Trịnh Quốc Phong(Cloppenburg)20DM. BH Lu Chi Hen(Ludwigshaven)20DM. BH Ta Thu Kiều(Nienburg)100DM. BH Khuê Nhan(*)100DM. BH Lê Hồng Nieberding(Oldenburg)20DM. BH Dương Cầm Mầu(Braunschweig)20DM. BH Châu Văn Dương(Neustadt)20DM. BH Darunec Moller(Frankfurt)100 DM. BH Lê Thị Kim Phương(Ulzen)20DM. BH Ngọc Phương Antony(Langefeld)20DM. BH Dương Thị Bé Tư(Neustadt)20DM. BH Trịnh Khả Thắng(Barntrup)20DM. BH Thái Thị Thu(Hamel)50DM. BH Lý ĐG Mui(Aachen)10DM. BH Lạc Chấn Hưng(Achim)20DM. BH Giảng Sĩ(Salzburg)10DM. BH Huệ Kiệt-An Dũng+Thiên Báo(Kassel)100DM. BH Capt Huệ Lộc & An Huỳnh. BH Hôi Ngũ Tài 20DM. BH Tô Cầm Trinh 10DM. BH Hà Diệu Phát 10DM. BH Lữ Ang 50DM. BH Vương Mỹ Yên 20DM. BH Diệp Liên Hào 30DM. BH Lưu Đình 20DM. BH Vương Kỳ Thuần 10 DM. BH Châu Hoàng Hữu(Neuss)50DM. BH Khang B, 39DM. BH Quách Bích Liên 100DM. BH Xu Long An 10DM. BH Lâm Bình Phong 50DM. BH Vương Thiệu V 10DM. BH Trần Thị Sơn 100DM. BH Trần Quang Vinh 20DM. BH Vương So Minh(Lingen)50 DM. BH Nguyễn Thị Lan 10DM. BH Ngọc Diệp 20 DM. GBHB Hứa 50DM. BH Trương Chánh 20DM. BH Trần Quang Dinh 10DM. BH Nguyễn Thị Đức 20DM. GBHB Chung 50DM. BH Phan 5DM. BH Lê Thị Hên 1DM. BH Lôi Vinh Hoa 10DM. BH Nguyễn Văn Nam 40DM. BH Vương Tuyết Bàng & Nguyễn Ngọc Thống 10DM. BH An danh(Sindelfingen)100DM. BH Thái Hoach(BI)1.000FF. BH Kiều Công Hai (Lichtenstein)50DM. BH Lê Thị Bửu(France)100 FF. BH Nguyễn Văn Kiều(*)200FF. BH Nguyễn Thị Kim(*)100FF. BH Trần Quỳ Thiên(*)200FF. BH Huỳnh Lý Xương(Münster)40DM. BH Tô Tô Ái(Dan Mark)40DM. BH Nguyễn Hào Hưng(Hannover)20DM. BH Diệu Nữ(Stadthagen)50DM. GBHB Tăng & Nguyễn(Berlin)100DM. GBHB Trần Quang(*)50DM. BH Tăng Quốc Việt(*)20DM. BH Tăng Quốc Hải (*)20DM. BH Trần Việt Hùng(*)20DM. BH Hồng Nghiêu Bình 20DM. BH Kỳ Kinh Chi(Helmstedt) 20DM. GBHB Lưu & Khuê Mỹ Anh(*)100DM. BH Huỳnh Sơ Khanh(*)50DM. BH Văn Nai Tường & Lưu Thiên Hương(*)200DM. BH Lưu Khai Tinh & Lưu Khai Thuận(*)20DM. BH Lưu Ngọc Hương(*) 10DM. BH Ô Thị Hải(Haren)30DM. BH Châu Thị Châm(Darstadt) 50DM. BH Nguyễn Văn Minh (Köln)20DM. BH Trần Văn Quý (Hamburg)40DM. BH Bành Quốc Hoa(Sweden)100Kr. BH Trần(Schwutzingen)20DM. BH Nguyễn Khoa Tuấn(Danmark) 200Kr. BH Nguyễn Thị Hoàng Liên(Aachen)20DM. BH Chung Thái An(Konstanz)40DM. BH Sophocle Phiapkaldy+Nguyễn Thị Lucy & Nguyễn Thị Văn (Gannetzingen)100DM. BH Trần Ngô(Schorn-dort)50DM. BH Ngô Văn Lý(Suisse)30PS. BH Vương Kim An(*)20PS. BH Nguyễn Thị Hồng Nhung(Essen)20DM. BH Bùi Thụy Hoàn(Holland) 100FF. BH Phan Tuy(Solingen)10DM. BH Hàng Ngọc Hoa(Münster)20DM. BH Lý Trần Châu(*)20 DM. GBHB Tô Vinh Hòa(Marienhefe)50DM. BH Trần Như Sơn(Hannover)50DM. BH Phan Thị Liên (Bergkamen)20DM. BH Trần Minh Hà(Wuppertal) 20DM. BH Quảng Ngộ & Diệu Hiền(Laatzten)50DM. BH Châu Nam(Spaichingen)20DM. BH Na Kim (Holland)25Guld. BH Nguyễn Xuân Quang (Danmark)300Kr. BH Lê Văn Thanh(BI)500FB. BH Vương Ngôfa(Köln)20DM. BH Trần Huệ(Oldenburg)20DM. BH Nguyễn Thị Nhân(Hamburg)20DM. BH Trần Minh Phan(Ludwigshaven)50DM. BH Vương(Göttingen)20DM. BH Võ Bàng Tài(*)20DM. BH Mai Thị NÚ(Bad Ibarg)20DM. BH Huỳnh Thị Cón(France)200FF. BH Vương Kế Châu(*)100FF. BH Đổ Trinh(Aalen)50DM. BH Hà Văn Tu(Aachen) 30DM. BH Chung Vinh & Ngô Minh Đương(Canada) 50DM. BH Ngô Thăng & Mã Thị Mai(Karlsruhe) 50DM. BH Lê Đức Trọng(Erkraht)50DM. Cồ Diệu Hiếu(Laatzten)100DM. BH Nguyễn Hùng Cường (Oberhausen) 20DM. BH Trương Quang Phục (Moschheim)20DM. BH Thái Kim(Koblenz)20DM. BH Phạm Thị Nhiều(Holland)40Guld. BH Trần Hô (Sweden)100Kr. BH Quách Quý Dương(Trostlurg) 40DM. BH Trần Đức Xuân(Schüttorf)50DM. BH Nguyễn Thị Bày(Krefeld)20DM. BH Lý Át(See-

vetal)20DM. BH Đỗ Thuận Phát(Hannover)100DM. HHHLDH Trần Thị Phùng. BH Nguyễn Thị Kim Chi (Nienburg) & BH Trần Anh Xuân(Bonn)10DM. BH Hà Phước Minh Thảo(Hannover)20DM. BH Lê Nhất Hiền(Maintal)20DM. BH Trần Hải Hòa(Spaichingen)50DM. BH Helene Antony ĐG(Düsseldorf) 50DM. BH Trương Triệu Bắc(Albstat)20DM. BH Trần Vĩnh Thái(Sweden)1.000Kr. BH Hồ Văn Nguyễn(France)100FF. BH Đoàn Thị Thanh Tú(*) 100FF. BH Tu(*)100FF.

PHẬT ĐẢN

BH Ung Thị Mai(Danmark)200Kr. Cồ Diệu Thái (Hannover)50DM.

XÂY CHÙA

BH Trần Đức Quang(Keppen)200DM. BH Qui Vu Qin(Münster)100DM. BH Qui Thị Diễm(*)200DM. BH Chu Gia Minh(Mühlacker)100DM. BH Hồ Vĩnh Kỳ(*)100DM. BH Võ Thị Nhân(*)20.000lire. BH Vũ Ngọc Huệ(Filderstadt)120DM. BH Nguyễn Văn Tu(Berlin)20DM. BH Nguyễn Thị Tú(Burgdorf)10 DM. BH Huệ Lộc(France)600FF. HHHLDH Huệ Đức & HLBH Huệ Quỳ. Quy & BHT Chùa Viên Giác (Hannover)1.642DM. phát hành bánh nhân tết Nguyễn Đán Kỳ Ty. BH Nang Kim Liễu(Sweden) 100Kr. BH Chung Diệu Sắc(Konstanz)200DM. BH Phan Văn Diệu(Regensburg)40DM. Cồ Tiên Quảng (Hannover)50DM. BH Nguyễn Thị Kim Liên(Regensburg)150DM. BH Châu Lê Anh(Sweden)1.000 Kr. BH Phạm Phú(Holland)220Guld. BH Tiểu Văn Cường(Konstanz)50DM. NPE Tam Giác(München) 450DM. BH Đinh Thị Thu Nan(Köln)50DM. Restaurant Asia(Leer)300DM. BH Le Goff(France)300 FF. BH Hứa Thị Khoa(Monheim)20DM. BH Cao Văn Hoa(Regensburg)30DM. BH Trần Thị Tuy(Dort-mund)100DM. BH Hồ Thị Thu Hà(Münster)50DM. BH Lê Nguyệt Thuý(Fforzheim)30DM. BH Lý Quốc Bính(Brüchsaal)100DM. BH Biền Thị Mai(Hamburg) 40DM. BH Minh Ân Nguyễn Thị Long 3.000FF. BH Trương Tường Phát(Hürth)100DM. BH Đoàn Kim Chi(Egelsbach)200DM. BH Lê Thanh Hải(Oberhaus sen)70DM. BH Phạm Văn Móc(Langen)1.000DM. BH Tống Văn Huy(Wuppertal)50DM. BH Cấn(Speyer) 100DM. BH Nguyễn Văn Trung(Bremmerhaven) 5.000DM. BH Nguyễn Hữu Tinh(Hannover)100 DM. BH An danh 30DM. BH Trần Pou(Karlsruhe) 40DM. BH Phạm Mai Sơn(Anh)10Anhkinh. BH An danh(Göttingen)1.000DM. BH An danh(*)1.000 DM. BH Lê Thị Tâm(Berlin)4.000DM. BH Khai Lập Sôi(AB)50DM. BH Nang Kim Liễu(Sweden)500Kr. BH An danh(Mannheim)40DM. BH Chiêm Tuấn Khán (*)20DM. BH Lộc(*)20DM. Loto Tết Kỳ Ty tại Mannheim 500DM. GBHB Lê Ngọc Diệp(France) 3.000FF. BH An danh(*)500FF. BH Nguyễn Ngọc Lan(Sweden)100Kr. BH Huỳnh Xương Tài(Speyer) 20DM. BH Huỳnh Nai Khay(*)20DM. BH Huỳnh Lương Quyền(*)10DM. BH Huỳnh Văn Khả(*)30DM. BH Huỳnh Quốc Phục(*)50DM. BH Huỳnh Thanh Tâm(*)5DM. BH Huỳnh Mỹ Lê(*)20DM. BH Phan Bình(*)20DM. BH Phan Giang An(*)50DM. BH Phan Giang Huệ(*)5DM. BH Trần Muội(*)20DM. BH Trần Mỹ Hào(*)200DM. BH Lâm A Ty(*)20DM. BH Lâm Minh Bót(*)150DM. BH Trinh Đông Pha(*) 20DM. BH Đặng Ngọc Hải(*)20DM. BH Đặng Kiều (*)20DM. BH Michael Scheib(*)25DM. BH Lương Bình(*)20DM. BH Trần Thị Thu Hà(Hamburg)50DM. BH Nguyễn Thị Vinh(*)50DM. BH Trần Văn Mầu (Lübeck)1.000DM. BH Châu Ái Hương(Münster) 400DM. BH Nguyễn Thị Phi(*)500DM. BH Châu Văn Nô(Westerstede)100DM. BH Minh Ân(France)500 FF. BH Huỳnh Anh Mỹ(Dorsten)40DM. BH Mỹ Hạnh Smiley(USA)100US. BH Triệu Vong Nương(Regens burg)50DM. BH Nguyễn Thị Hạnh(Frankfurt)50DM. BH Lâm Thuận(*)20DM. BH Quách Văn Tài(*) 100DM. BH Diệu Dược(Langen)100FF. BH Trần Hữu Lương(Usingen)1.000DM. BH Lưu(Hamburg)100DM. GBHB Ung Đức Dương(Pforzheim)1.000DM. GBHB Quý You Qin(Münster)1.250DM. - DH Thái Kim Huệ(Duisburg)200DM. BH An danh(Sindelfingen) 400DM. BH Lâm Đào Tú(Speyer)120DM. BH Nguyễn Tiên Vinh(Schramberg)50DM. BH Huỳnh Hương (Unterhausen)40DM. BH Roland Berthold(Ber- lin)1.200DM. BH Bửu Thị(BI)500DM. BH Hoàng Tôn Long(Frankfurt)1.000DM. GBPT Tam Minh (Hannover)1.000DM.

Hội thiện (Xây Chùa)

BH Nguyễn Minh Hưng(Hannover)1.000DM. BH Nguyễn Hiền(Aachen)1.000DM. BH Võ Bá Tông (Zweibrücken)1.000DM. BH Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp(Garbsen)2.000DM. BH Dương Văn Quang (Grenzach)1.000DM. BH Quảng Ngộ Hô Chuyển

(Laatzten)1.000DM. Cồ Diệu Thái(*)1.500DM. BH Thị Chánh Trương Tấn Lộc(*)1.000DM. BH Phan Thị Út(Langen)1.000DM. BH An danh(Hamburg) 10.000DM. BH Lê Thị Lan(Berlin)6.000DM. BH Lê Thị Tâm(*)10.000DM. BH Phan Thị Khai(Suisse) 1.000DM. BH Ty Thu Muội(Laatzten)1.000DM. BH Đặng Thị Oanh(Holland)1.000Guld. BH Nguyễn Thị Chinh(Paderborn)2.000DM. BH Phan Phu (Holland)1.000DM. BH Nguyễn Văn Anh(*)1.000 DM. BH Diệu Hương Võ Thị Lý(Erlangen)1.000DM. BH Phạm Hữu Lợi(Dorsten)1.000DM. BH Diệu Nhụy Phan Thị Nhi(Laatzten)1.000DM. BH Hà Tống Giang(Münster)1.000DM. BH Võ Hữu Xán (*)1.000DM. BH Nguyễn Hữu Dũng(*)1.000DM. BH Nguyễn Thị Thế(*)500DM. BH Phùng Ngau(Mer- stetten)1.000DM. BH Lai Khánh Văn(München) 1.000DM. BH QuảngNiệm Lê Gia Tuyền(Hannover) 1.000DM. BH Phùng Thị Hiền(*)1.000DM. BH Phan Văn Thành(Laatzten)1.000DM. BH Huệ Phương Knöchel(Göttingen)1.000DM của BH Đặng Muội. BH Nguyễn Thị Danh(Reutlingen)1.000DM. BH Thị Te & Nguyễn Văn Phong(Spaichingen)1.000 DM. BH Lưu Văn Nghĩa(SaarLouis)1.000DM. BH Lý Kiến Cường(Saarbrücken)1.000DM. BH Trinh Hy (*)1.000DM. BH Huỳnh Phú Cường(Leer)1.000DM. BH Võ Phát Triền(Konstanz)100DM/Bot.I. BH Cao Văn Hoa(Bremen)1.000DM. BH Lê Thị Tường Linh (Holland)1.000DM. BH An danh(München)500DM/ Bot.I. BH Diệu Ngọc Huỳnh Thị Chi(Berlin) 1.000DM. BH Tân Hải Tâm(*)1.000DM. BH Trần Hùng Minh(*)1.000DM. BH Thiên Tinh Lâm Ngọc Thanh & Trinh Kim Yên(*)1.000DM. BH Ân danh (Frankfurt)5.000DM/5 phần. BH Trần Thị Anh Đào(Münster)1.000DM. BH Nguyễn Thị(France) 1.000DM.

Hương linh kỹ tự (Xây Chùa)

BH Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp - Ngô Cornelia- Ngô Kim - Ngô Jan(Garbsen)600DM. HLBH Ngô Văn Nhi và HL Trần Thị Liễu. BH Trần Phong Lưu (Saarburg)300DM. HL Trần Văn Hy pđ Minh Quang. BH Nguyễn Thị Ngọc Loan(Babenhausen) 300DM. HLBH Nguyễn Thanh Hùng. Cồ Diệu Niên (Hannover)900DM. HLBH Trí Bửu Huỳnh Văn Ngã - Nữ Châu Nguyễn Thị Ngọc & Minh Kế Đổ Trọng Sanh. GBHB Lê Ngọc Diệp(France)2.000FF. HLBH Lê Ngọc Diệp pđ Huệ Đức và HLBH Lê Ngọc Túy Sang pđ Huệ Quỳ. Hô Phùng Ngau (Merstetten)300DM. HLBH Huỳnh Quan Khoan. BH Diệu Thiện Tiểu Thị Thi(Erlangen) 300DM. HLBH Thái Tây. BH Phạm Văn Thành (Laatzten) 300DM. HLBH Phạm Văn Tở. BH Diệp Vũ Cầm (Paderborn)300DM. HLBH Trần Hiền. BH Võ Thị Đậu(Aachen)500DM. HL- thờ tại chùa. BH Phạm Minh Phương(Danmark)300DM. HLBH Phạm Kim Châu. BH Trần Siêu Yên(Duisburg)300DM. HLBH Trần Thế Nương.

Mua hậu cho người sống (Xây Chùa)

BH Thục Giác(Bremen)1.000DM. BH Bùi Hữu Chương(Edewecht)1.000DM. BH Đỗ Thị Dung (Frankfurt)1.500DM. Cồ Tam Quảng. BH Nguyễn Thị Goong(Neustadt)1.000DM. Vũ Thị Thanh. BH Lê Cư Huỳnh Thị Hồng Xuân(Nürnberg)1.000DM. BH Cồ Diệu Niên(Hannover)1.000DM. BH Huỳnh Thành(Nürnberg)1.000DM. BH Nguyễn Thanh Thị Thường(Holland)1.000DM. BH Nguyễn Thị Nguyệt(Völklingen)1.000DM. BH Nguyễn Quang Châu. BH Nguyễn Tiên Cường(Frankfurt)1.000DM. BH Trần Thị Nhật. 1.000DM.

Mua hậu cho người quá vãng (Xây Chùa)

BH Trịnh Thị Cư(Bremen)1.000DM. HLBH Lý Văn Bình. BH An danh(Sindelfingen)1.000DM. BH An danh(*)1.000DM. BH Soukaseun Teng(Köln)1.000 DM. HLBH Soukaseun Nang Thy. BH Lê Thị Lăng (Brenervörde)1.200DM. HLBH Nguyễn Văn Tông. GBHB Hồ Lý(Rottenburg)1.000DM. HLBH Lý Tường. BH Diệu Hương Võ Thị Lý(Erlangen) 1.900DM. HLBH Phạm Thị Liêng pđ Diệu Huỳnh. BH Chung Tú Phan(Laatzten)1.200DM. HLBH Chung Chí Lương. BH Chu OW(Duisburg)1.000DM. HLBH Lý Đàm. BH Diệu Thiện Tiểu Thị Thi(Erlangen) 1.000DM. HLBH Trần Thị Biệt. BH Nguyễn Thị Goong(Neustadt)1.200DM. BH Phạm Thị Nhiều (Holland)1.000DM. HLBH Lữ Đức Thái. BH Lữ Huệ Muội(Wittmund)1.000DM. HLBH Giang Tô Phùng. BH Đặng Văn Trọng(Mainhausen)1.000 DM. HLBH Đặng Văn Niên. BH Thiên Niên Hà Văn Tu (Aachen)1.000DM. HLBH Thiên Liên Lê Thị Huệ. BH Dương Hy Dung(Quierschied)1.000DM. HLBH Trịnh Đăng.

Báo Viên Giác (Xây Chùa)

BH Trần Thị Tô Ngo(Münster)150DM. BH Trinh Trong Hiếu(Emden)200DM. BH Vũ Văn Lang(Saarbrücken)200DM. BH Trinh Thị Cư(Bremen)200DM. BH Võ Phước Lầu(Laatzten)200DM. BH Lê Thị Ngọc Tuyết(München)200DM. BH Bùi Hữu Chương (Edewecht)200DM. BH Nguyễn Hiền(Aachen)150DM. BH Trần Văn Sơn(Berlin)200DM. BH Lưu Ngọc Minh(Hamburg)100DM. BH Hoàng Văn Hiệp (Holland)200DM. BH Ưông Minh Trung(Arolsen) 200DM. BH Vũ Văn Phước(Berlin)200DM. BH Huỳnh Văn Minh(Speyer)50DM. BH Nguyễn Đình Long (Hamburg)200DM. BH Trần Quang Vinh(M'gladbach)200DM. BH Lâm Hồng Nguyễn(Bad Soden) 200DM. BH Ân danh 100DM. BH Nguyễn Văn Thìn (Düsseldorf)100DM. BH Dương Văn Quang(Grenzach)100DM. BH Phan Đình Du(Mannheim)200DM. BH Nguyễn Văn Long(Freiburg)150DM. BH La Văn Thăng(Nordhorn)200DM. BH Lâm Đạo Tử(Speyer) 200DM. BH Ngô Quan(M'gladbach)200DM. BH Bô Như Lạc(Dortmund)200DM. BH Lê Cư Huỳnh Thị Hồng Xuân(Nürnberg)100DM. BH Phạm Văn Phụng (Hildesheim)200DM. BH Chung Thị Hằng(Laatzten)200DM. BH Ân danh(Hildesheim)200DM. BH Phạm Thị Khai(Suisse)200DM. BH Soukaseum Teng(Köln)200DM. BH Ngô Đình Lâm(Goslar) 200DM. BH Nguyễn Văn Lộc(Holland)200DM. BH H.H. Đặng(Nürnberg)200DM. BH Lương Văn Khoa (Bielefeld)200DM. BH Trịnh Thị Liên(France) 200DM. VGGAT. BH Đông Văn Tiến(Möbis)50DM. BH Lương Thị Búp(Böckhus)200DM. BH Từ Sánh(Aachen) 200DM. BH Diệu Hương Võ Thị Lý(Erlangen)200DM. BH Phạm Hữu Lợi(Dorsten)200DM. BH Huệ Lạc Cao Thị Yên(Berlin)200DM. BH Nguyễn Thị Châu(Stuttgart)200DM. BH Ngô Trương Pháp (Münster)200DM. BH Phùng Ngau(Merstetten) 200DM. BH Võ Thị Mai(HG)200DM. BH Lại Khánh Văn(München)200DM. BH Võ Bá Tông(Zweibrücken)200DM. BH Nguyễn Kết(Danmark)250DM. BH Nguyễn Thị Bích Hương(BT)2.000FB. BH Diệu Tiên Thị Thi(Erlangen)200DM. BH Nguyễn Văn Lập(Neustadt)200DM. BH Võ Thị Lăng(Heidenheim)200DM. BH Hoàng Thủy Hương(Hamburg) 200DM. BH Lưu Huệ Mùi(Wittmund)200DM. BH Lê Thị Bạch Mai 200DM. BH Hồ Văn Trung(Meer-misch)200DM. BH Hoàng Tôn Long(Frankfurt)200 DM. BH Vương Chân Quối(France)200DM. BH Nguyễn Việt Nhân(Bielefeld)200DM. BH Huỳnh Thị Xuân Hương(Wiesbaden)200DM. BH Huỳnh Văn Liễu(Saarbrücken)200DM. BH Tiêu Chí Chung (St. Ingbert)100DM. BH Nguyễn Quang Châu (Saarbrücken)300DM. BH Vũ Thị Dấu(Aachen) 200DM. BH Nguyễn Mạnh Hùng(Pattensen)200DM. BH Đoàn Kim Chi(Egelsbach)200DM. BH Nguyễn Thị Kim Phương(Hameln)200DM. BH Ân danh(München)200DM. BH Trương Vung & Huỳnh Thị Ngọc Hoa(Landshut)100DM. -

MỘT THUỐC ĐẤT XÂY CHÙA

BH Lý Thanh Phụng(Rottenburg)140DM/1m2. BH Nguyễn Văn Hạ(Seelze)140DM/1m2. BH Trang Thị Phụng(Aalen)270DM/2m2.

CHÙA VIỆT NAM

BH Đỗ Thị Giới(BT)500FB. BH Cô Tâm Quảng (Hannover)100DM. BH Trần Thị Tuyết Phương "Mý Liên"(Hamburg)100DM. BH Nguyễn Thị Bạch Ngọc(Köln)40DM. Cô Diệu Như(Berlin)340DM. Nhóm PHTT(Berlin)200DM. BH Diệu Năng Đỗ Thị Giới(BT)500FB. BH Nguyễn Triền Nguyễn Từ Trần Hữu Khiếu(Usingen)400DM. BH Nguyễn Thị Ngọc 50DM. BH Nguyễn Thị Thu Hà 50DM.

TRẠI MŨ-TRẠI CŨI

BH Thiên Chung(Hamburg)10DM. BH Diệu Năng Đỗ Thị Giới(BT)500FB. BH Đỗ Thị Bạch Yến(Hamburg)50DM. BH Vương Văn Hiệp(Hamburg)20DM. BH Quảng Phước(Minden)20DM. BH Thiên Hào(")50DM. BH Đỗ Thị Giới(BT)500FB. BH Cô Tâm Quảng(Hannover)100DM.

TRẠI TỶ NẠN

BH Đỗ Thị Giới(BT)500FB. BH Huỳnh Văn Khả (Speyer)20DM. BH Lâm Đạo Tử(")15DM. BH Đặng Ngọc Hải(")50DM. BH Mạc Sáu Căn(")10US.

TÔN TƯỢNG QUÂN ẨM

BH Ân danh(Lübeck)50DM. BH Châu Ái Hương (Münster)100DM. BH Ngô Thị Nhi(Teigtte)20DM. GDBH Thị Minh Văn Công Trâm + Thị Văn Hồ Thy Kiều(Münster) & GDBH Nguyễn Đạo Văn Công Tuấn + Thị Chấn La Phần (Hamburg) phát tâm cúng dường 2 tượng Hộ Pháp và Tiểu Điện đại sĩ.

ĐÌNH KỶ HẰNG THẮNG XÂY CHÙA

Số tình tài ủng hộ đình kỷ xây chùa Viên Giác của Quý vị qua ngân hàng bằng lối chuyển Dauerauftrag hoặc Lastschrift cũng như tiền mặt, chúng tôi sẽ lần lượt đăng tải danh sách của Quý vị để Quý vị để theo dõi. Đứng thời để đơn giản hóa vấn đề giấy tờ chúng tôi xin được phép chỉ đăng tải tên của Quý vị chỉ một lần trong suốt thời gian hồ sơ xây chùa. Vay kinh mong Quý vị thông cảm cho. Tiếp theo Viên Giác số 41+42+42+44 +45+46+47+48+49).

1001 Lê Thị Minh Tân	10DM	1/89
1002 Băng Ngọc Minh	10DM	2/89
1003 Nguyễn Ngọc Diệp	10DM	2/89
1004 Cao Kim Mỹ	10DM	2/89
1005 Nguyễn Châu Bình	11DM	1/89
1006 Nguyễn Văn Lập	10DM	2/89
1007 Lê Văn Tín	15DM	2/89
1008 Đặng Tông + Huỳnh Thị Hiếu(Ô.Bà Ngoại của Trần Bình Tuyên	10DM	1/89
1009 Kang Leng	500DM	89
1010 Huỳnh Thị Thảo Trang	10DM	2/89
1011 Nguyễn Thanh Hải	100DM	2/89
1012 Trương Thị Sự	25DM	1/89
1013 Trương Minh	10DM	3/89
1014 Trương Đạt An	20DM	1/89
1015 Nguyễn Thị Hương	10FB	1/89
1016 Thanh Châu Phan	20DM	4/89
1017 Nguyễn Vũ Hào	30DM	4/89

Chúng tôi thành tâm kêu gọi Quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần hỗ trợ chùa bằng cách đóng đình kỷ hàng tháng qua ngân hàng lối Dauerauftrag để việc thực hiện xây chùa có thể khả quan hơn.

Khi chuyển tình tài cúng chùa, xin Quý vị vui lòng ghi vào nơi(Verwendungszweck = mục đích chuyển cho mục gì) để văn phòng dễ làm việc.

Quý vị ở xa ngoài nước Đức cũng có thể gửi tiền mặt hoặc Check trong bao thư, có thể gửi thường hoặc bảo đảm về chùa. Riêng Quý vị tại Pháp, xin gửi Mandat hoặc tiền mặt thì tiện hơn. Vì Check của Pháp không nhận ở Ngoại Quốc một cách dễ dàng được. Kính mong Quý vị lưu tâm cho.

Tết có moi sự cúng dường đình kỷ hay bất thường hoặc những lễ lạc khác cho chùa. Quý vị đều có thể lấy giấy khai thuế lại(bằng tiếng Đức)để cuối năm Quý vị có thể khai khấu trừ thuế với chính phủ. Quý vị nào cần, xin liên lạc về chùa bằng thư hoặc bằng điện thoại, chúng tôi sẽ gửi giấy trả đến Quý vị.

Quý vị chuyển tình tài việc xây chùa xin chuyển vào sốkonto như sau :

Congr. d. Verein. Vietn. Buddh. Kirche e.V
Konto Nr. 865 74 70 01. BLZ 250 700 70
Deutsche Bank Hannover

Quý vị chuyển về chùa trong những mục khác, xin chuyển về một trong 2 số Konto sau đây:
Congr. d. Verein. Vietn. Buddh. Kirche e.V
Konto Nr. 865 74 70. BLZ 250 700 70
Deutsche Bank Hannover

Hoặc:

Pagode Vien Giac:Konto Nr. 865 02 28
BLZ 250 700 70. Deutsche Bank Hannover

Ngôi chùa thành tựu và phát triển được hay không vẫn nhờ vào sự hỗ trợ từ vật lực cũng như tinh thần của Quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần. Vì thế chúng tôi xin kêu gọi Quý vị hoan hỷ đóng góp phần mình vào việc chung trên, để ước nguyện của chúng ta sớm thành tựu.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát.

CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi chân thành cảm tạ

- Thấy Thích Thiện Tâm chùa Khánh Hòa,

- Thấy Bửu Trí chùa Phật Tổ Thích Ca Luzern,

- Ban Chấp Hành Hội NVTN tại Freiburg,

- Quý thân bằng quyến thuộc, bạn hữu gần xa đã điện thoại chia buồn phụng điệu, cũng như đã tiễn đưa hương linh của chúng,cha chúng tôi là

TRẦN VĂN CHỨC
Pháp danh Minh Đức

mãn phần ngày 23 tháng 2 đl. 1989 đến nơi an nghỉ cuối cùng. Trong lúc tang gia bối rối có điều chỉ sơ sót kính mong quý vị niệm tình tha thứ.

Vợ Diệp thị Phước
các con Trần Minh Nhựt
Trần Minh Đức
Trần thị Minh Nguyệt

GÁO PHÓ

Chúng tôi rất đau đớn báo tin buồn đến thân bằng quyến thuộc xa gần được rõ. Thân mẫu chúng tôi là

Cụ Bà TỬ QUANG HÀM
nhũ danh Trương thị Tích

vừa mãn phần tại Việt Nam, hưởng thọ 82 tuổi, ngày 7 tháng Giêng năm Kỷ Ty (12.2.1989). Lễ thọ tang đã được cử hành tại Bào Quang Ni Tự-Hamburg ngày 18.2.1989.

Thử nam Tử Ngọc Phong
tức Hoài Khê, Người Làm Vườn và vợ là Nguyễn Kim Chi cùng các cháu nội đồng khếp báo.

PHÂN ƯU

Châu võ cùng đau buồn được tin

Chủ TRẦN VĂN CHỨC
Sinh năm 1940 (VN).Bố thất lạc vào ngày 23.2.89 (dương lịch) tại Tây Đức(Konstanz).Hưởng dương 50 tuổi.

Gia đình cháu thành kính chia buồn Thâm cùng các em. Cầu nguyện hương hồn Chủ sớm về cõi Phật.

Gia đình Đỗ-Trần
Cùng toàn thể gia đình thân quyến thuộc, tỉnh Ibbenbüren.

CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi xin chân thành cảm tạ

- Thượng Tọa Thích Như Điển, trụ trì chùa Viên Giác Hannover,
- Đại Đức Thích Minh Phú, trụ trì Niệm Phật Đường Thiện Hòa Mönchengladbach,
- Sư Cô Thích Nữ Diệu Ân, trụ trì Niệm Phật Đường Quan Thế Âm Aachen vì bản Phật sự không đến được, nhưng đã giúp đỡ và chỉ dẫn gia đình chúng tôi trong lễ an táng,
- Sư Cô Thích Nữ Minh Loan đã thân hành chủ lễ cầu siêu và hộ niệm,
- Ông Đại diện và Cộng Đồng Người Việt Ty Nạn tại Trier và vùng phụ cận,
- Quý Cu, quý Ông, quý Bà cùng thân bằng quyến thuộc gần xa đã điện thoại, chia buồn, phúng điếu cũng như đã cầu nguyện, hộ niệm và tiến đưa hương linh con chúng tôi là

HOÀNG THI KIM YẾN

sinh năm 1968 tại Saigon, đã mãn phần tại Bonn ngày 19.2.1989 và được an táng tại nghĩa trang Waldfriedhof Gerolstein ngày 25.2.1989 đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Trong lúc tang gia bối rối, có điều gì sơ suất, kính mong quý vị niệm tình lượng thứ cho.

Gia đình Hoàng Ngọc Thịnh Gerolstein

PHÂN ƯU

Được tin buồn thân mẫu của anh Từ Ngọc Phong là

Cụ Bà **TỬ QUANG HÀM**
nhũ danh Trương thị Tích

đã thất lạc vào ngày 12.02.89 tức là ngày mùng Bảy tháng Giêng năm Kỷ Ty tại Hà Nội Việt Nam, hưởng thọ 82 tuổi.

Chúng tôi xin chân thành phân ưu cùng gia đình anh chị Từ Ngọc Phong và thành kính cầu nguyện hương hồn Cụ Bà sớm tiêu diêu miền Cực Lạc.

Chùa Viên Giác
Gia đình Vũ Ngọc Long
Gia đình Phù Văn Nguyễn Hòa

PHÂN ƯU

Được tin thân phụ của anh Nguyễn Hữu Vui và đạo hữu Nguyễn Hữu Mừng Chi

Cụ **NGUYỄN HỮU HOÀN**
mệnh chung ngày 2.3.1989 tại Sài-gòn Việt Nam. Hưởng thọ 73 tuổi.

Thay mặt cho Hội NVTNCS/Oberhausen chúng tôi xin thành thật chia buồn cùng tang quyến. Nguyên cầu hương linh Cụ sớm vắng sanh về miền Cực Lạc.

Hội NVTNCS/Oberhausen
Hội Trưởng Nguyễn Ích Hiến

PHÂN ƯU

Được tin buồn thân phụ của Ni Cô Diệu Niên

Cụ **HUỲNH VĂN NGÀ**
Pháp danh Trí Bửu

Ta thế ngày mùng 2.1. năm Kỷ Ty (tức 7.2.89) tại Việt Nam. Hưởng thọ 91 tuổi.

Thành kính phân ưu cùng Ni Cô và gia quyến. Xin nguyện cầu hương linh Cụ sớm siêu sinh Lạc Quốc.

Rất đau buồn sự ra đi của Phật tử

TÔN NGỌC ĐỊNH
Pháp danh Từ Thiện

đã tạ thế ngày 28 tháng Giêng năm Kỷ Ty tại Bergedorf Hamburg thọ 63 tuổi.

Xin thành thật chia buồn cùng tang quyến. Nguyên hương hồn Đạo Hữu siêu sinh tịnh độ.

Được tin buồn thân mẫu anh chị Từ Ngọc Phong (Thị hữu Hoài Khê người làm vườn báo Viên Giác)

Cụ Bà **TỬ QUANG HÀM**
nhũ danh Trương thị Tích

đã tạ thế tại Hà Nội(VN) ngày mùng 7 tháng Giêng năm Kỷ Ty (tức 12.2.89). Hưởng thọ 82 tuổi.

Cụ Bà **PHẠM VĂN TUY**
nhũ danh Trần thị Thà
pháp danh Chơn Nghi

là thân mẫu của Đạo Hữu Phạm Trọng Nguyên, Phạm thị Trúc đã tử trần ngày 26.2.Kỷ Ty (tức 2.3.1989) tại Phan Thiết Việt Nam. Hưởng thọ 77 tuổi.

Thay mặt chùa Báo Quang kính cầu nguyện hương linh Cụ Bà sớm siêu sanh miền Tịnh Độ và thành kính chia buồn cùng tang quyến.

Báo Quang Ni Tự
Ban Hộ Trì Tam Bảo và
Chi Hội PTVNTNCS tại Hamburg

PHÂN ƯU

Được tin buồn thân mẫu của anh chị Phạm Trọng Nguyên, nhạc mẫu của anh Huỳnh Thế Mỹ

Cụ Bà **PHẠM VĂN TUY**
Nhũ danh Trần thị Thà
Pháp danh Chơn Nghi

đã tử trần ngày 26 tháng Hai năm Kỷ Ty tức là ngày 02.04.1989 tại Phan Thiết - Việt Nam. Hưởng thọ 77 tuổi.

Chúng tôi chân thành phân ưu cùng 2 gia đình anh chị Nguyễn - Mỹ và thành kính nguyện cầu hương linh Cụ Bà sớm được tiêu diêu miền Tịnh Độ.

Tòa soạn Viên Giác
Quý Đạo Hữu Chùa Viên Giác
GD. Nguyễn Hòa
GD. Từ Ngọc Phong
GD. Vũ Ngọc Long

CÁO PHÓ

Gia đình chúng tôi đau đớn báo tin

Ông **NGUYỄN HỮU HOÀN**
là chồng, cha, ông của chúng tôi đã mệnh chung ngày 2.3.1989 (25. tháng Giêng Kỷ Ty) lúc 21g10'40 tại VN. Hưởng thọ 73 tuổi.

Bà quá phụ Nguyễn Hữu Hoàn
Nhũ danh Lê Thị Thái

Trưởng Nam Nguyễn Hữu Vui
vợ và các con tại Tây Đức

Trưởng Nữ Nguyễn Hữu Mừng Chi
chồng và các con tại Tây Đức

Thứ Nam Nguyễn Hữu Sung
vợ và các con tại Việt Nam

Thứ Nam Nguyễn Hữu Điển
vợ và các con tại Việt Nam

Thứ Nữ Nguyễn Hữu Thị Hoa
chồng và các con tại Mỹ

Thứ Nữ Nguyễn Hữu Thu Trung
chồng và các con tại Việt Nam

Thứ Nam Nguyễn Hữu Hiền(T.Đức)

Thứ Nữ Nguyễn Hữu Tố Nga
chồng và các con tại Việt Nam

Thứ Nữ Nguyễn Hữu Lệ Hằng
chồng và các con tại Việt Nam

Thứ Nữ Nguyễn Hữu Thu Hương
chồng và các con tại Tây Đức

Thứ Nữ Nguyễn Hữu Mộng Ngọc
chồng và các con tại Việt Nam

Thứ nữ Nguyễn Hữu Trà Mai
chồng và các con tại Việt Nam

Thứ Nữ Nguyễn Hữu Thủy Linh (VN)
Tang gia đồng khắp báo.

PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn

Anh **TRẦN VĂN CHÚCH**
Cựu Đại úy Quân Lực VNCH đã tử trần ngày 22.2.89 tại Konstanz.

Chúng tôi xin thành thật chia buồn cùng gia quyến. Nguyên cầu hương hồn anh Chূch sớm được tiêu diêu nơi miền Cực Lạc.

Chi Hội PTVNTN tại Freiburg
Cộng đồng NVTN tại Freiburg

PHÂN ƯU

Vô cùng đau đớn được hung tin hai bé gái, cháu ngoại của anh chị Nguyễn Thanh Bích tức nhà thơ Phương Hà (Bruxelles)

VƯƠNG BÍCH TRÂM 11 tuổi
VƯƠNG TUỒNG NHI 6 tuổi
đồng tử nạn vì Gas xì nơi phòng tắm, chiều ngày 25.2.1989.

Xúc động chia buồn cùng gia đình anh chị Phương Hà, nhất là vợ chồng cháu Vương Nền.

Nguyên cầu hương linh hai cháu Bích Trâm, Tường Nhi được về nơi Phật Quốc.

Tòa soạn báo Viên Giác
Ô.Bà Phạm Ngọc Dành (Berlin)
Ô.Bà Huỳnh Văn Vân (Liège)
Ô.Bà Nguyễn Văn Sâm (Mỹ)
Ô.Bà Nguyễn Ang Ca (Bruxelles)
và một số thân hữu trong Cộng đồng người Việt ty nạn ở vương quốc Bỉ.

GÍA BIỂU KINH SÁCH PHÁP BẢO PHÁT HÀNH TẠI CHÙA VIÊN GIÁC



KINH SÁCH

Đức Mã

01	Ảnh Đạo Vàng	13.00
02	Bài Học Ngân Vàng (Tập I và II)	10.00
03	Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh	5.00
04	Bát Nhã Tâm Kinh giảng giải	12.00
05	Biện Minh Tu Chứng	8.00
06	Bồng Hồng Cài Áo	3.50
07	Câu Hồ Văn Tiên	23.00
08	Cốt Tủy Nghi Lễ Phật Giáo	12.00
09	Cuộc Đời Đức Phật	21.00
10	Chìa Khóa Học Phật	13.00
11	Chín Năm Máu Lửa	15.00
12	Cho Cây Rừng Con Xanh Lá	9.00
13	Đại Cương Phát Pháp	10.00
14	Đại Giới Đàn Thiện Hòa	12.00
15	Đại Thừa Phật Giáo Tư Tưởng Luận	25.00
16	Đạo Phật và Tuổi Trẻ	13.00
17	Đĩa Tang Mặt Nghĩa	9.00
18	Đời Sống Tinh Thần của PTVN...	ùng hệ
19	Đức Phật và Phát Pháp	30.00
20	Đương Khổng Biện Giới	ùng hệ
21	Đường Vào Ánh Sáng Đạo Phật	10.00
22	Góp Nhặt Cát Đá	13.00
23	Hai Ngàn Năm Việt Nam và Phật Giáo	17.00
24	Hạnh Phúc Gia Đình	3.50
25	Hiện Tình Phật Giáo Việt Nam	15.00
26	Hình Ảnh 10 Năm PGVN tại Tây Đức	ùng hệ
27	Hoa Nghiêm Nguyên Nhân Luận	12.00
28	Hoa Sen số 2+3 (Tập chí)	20.00
29	Hồng Ân Khảo Luận	14.00
30	Hương Sắc Thiền Quán	12.00
31	Hương Vẽ Đông Phương Mẫu Nhiệm	25.00
32	Kiến Thức Căn Bản Phát Giáo	28.00
33	Kinh Bát Đại Nhân Giác giảng giải	15.00
35	Kinh Diệu Pháp Liên Hoa	40.00

36	Kinh Dược Sư	8.00
37	Kinh Địa Tang	23.00
38	Kinh Hiền Ngụ	27.00
39	Kinh Kim Cang dịch và giảng	18.00
40	Kinh Kim Cương BNBLM	13.00
41	Kinh Kim Quang Minh	13.00
42	Kinh Lăng Già Tâm Ấn	22.00
43	Kinh Ma Ha Bát Nhã BLMD (bộ 3 quyển)	120.00
44	Kinh Na Tiên Tỳ Kheo	15.00
45	Kinh Nhật Tung (nghĩa)	9.00
46	Kinh Pháp Cú	9.00
47	Kinh Pháp Cú Dụ	12.00
48	Kinh Sám Hối Diệt Tội	12.00
49	Kinh Sơn Hải Tuệ Bồ Tát K.A Di Đà Phật	8.00
50	Kinh Tâm Địa Quán	27.00
51	Kinh Thủ Lăng Nghiêm (bộ 2 quyển)	54.00
52	Kinh Thủy Sám	17.00-20.00
53	Kinh Viên Giác	8.00-14.00
54	Kinh Vu Lan	5.00
55	Lăng Kinh Đại Thừa	12.00
56	Lăng Nghiêm Đại Định	6.00
57	Lăng Nghiêm Ánh Hiện	12.00
58	Le Bouddhisme en quelques mots	7.00
59	Liệu Sanh Thoát Tử	7,50
60	Lời Tình Ái	18.00
61	Lời Vàng Ý Ngọc	3.00
62	Luận Đại Trượng Phu	12.00
63	Miền Thượng Uyển Xưa	15.00
64	Kết Đẹp Đông Phương	10.00
65	Niệm Phật Vãng Sanh	8.00
66	Nơi Buồn Viễn Xứ	9.00
67	Nụ Ân Căn	5.00
68	Ngôn Ngữ Văn Chương và Thi Ca Thiền PG	15.00
69	Nguồn Thiện	12.00
70	Nguồn Thiện Như Huyền	20.00
71	Nguyên Thủy Phật Giáo Tư Tưởng Luận	25.00
72	Nghi Thức Tung Niệm	17.00-25.00
73	Nhân Quả Nghiệp Luân Hồi	14.00
74	Như Dòng Ý Thức	6.00
75	Những Đức Chân Đi Qua	10.00
76	Những Mẩu Chuyện Đạo	27.00
77	Những Vấn Đề Trong Đạo Phật 1	15.00
78	Những Vấn Đề Trong Đạo Phật 2	10.00
79	Pháp Hoa Đế Cương	14.00
80	Phật Giáo Cơ Bản	12.00
81	Phật Giáo Việt Nam Xưa và Nay	7.00
82	Phật Giáo Việt Nam 1963	24.00
83	Phật Học Phổ Thông 1-2-3	23.00
84	Phật Học Phổ Thông 4-5	27.00
85	Phật Học Phổ Thông 6-7	23.00
86	Phật Học Tinh Hoa	22.00
87	Phật Học Tinh Yếu	19.00
88	Phật Học Tư Điển (bộ 3 quyển)	150.00
89	Phật Pháp Con Đường Giải Thoát	15.00
90	Phật Pháp Yếu Nghĩa	13.00
91	Phật và Thánh Chúng	14.00
92	Phở Môn Thi Hiện	15.00
93	Phương Trời Viễn Xứ	9.00
94	Quê Hương Cực Lạc	10.00
95	Sau Ngày Tang	9.00
96	Sám Dược Sư	10.00
97	Sáu Cửa Thiền Thất	20.00
98	Sống và Chết	12.00
99	Sống Thiền	17.00
100	Tiếng Than Người Vợ Trẻ	12.00
101	Tiểu Thừa Phật Giáo Tư Tưởng luận	30.00
102	Tim Phật Ở Đâu	20.00
103	Tín Tâm Minh	15.00
104	Tình Đời Nghĩa Đạo	13.00
105	Tịnh Độ Thập Nghi Luận	10.00
106	Tông Pháp Phật Giáo Nhật Bản	12.00
107	Tổ Thiền Tông	14.00
108	Tông Hội PGVN tại Hoa Kỳ	12.00
109	Tử Diệu Đế	13.00
110	Thâm Ý Qua Hình Tượng Phật, Bồ Tát	12.00
111	The Branch that Gleams in the Dark	2.00
112	Thế Giới Quan Phật Giáo	10.00
113	Thiền Căn Bản	20.00
114	Thiền Đạo Tu Tập	21.00
115	Thiền Học Việt Nam	20.00

116	Thiền Luận (bộ 3 quyển)	90.00
117	Thiền Qua Tranh Chân Trụ	12.00
118	Thiền Quan Sách Tấn	6.00
119	Thiền Vạn Hạnh	16.00
120	Thiền với Tịnh Độ	7.00
121	Thoát Vòng Tục Lụy	17.00
122	Thơ Vô Tự	3.50
123	Tranh Đẩu	28.00
124	Trung Hoa Chú Thiền Đức Hành Trang 1-2	40.00
125	Truyện Cổ Phật Giáo Tập 2	8.00
126	Truyện Cổ Phật Giáo Tập 3	8.00
127	Trưởng Ca Biến Thái	10.00
128	Vai Nét Chính Luận Lý Phật Giáo	17.00
129	Vào Cửa Thiền	9.00
130	Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi	50.00
131	Ý Nghĩa Người Tại Gia	13.00
132	Bản Đồ Sài Gòn	5.00
133	Bản Đồ Việt Nam	8.00
134	Cổ Giấy Phật Giáo	0.20
135	Cổ Giấy Việt Nam	0.10
136	Thiệp Tết	1.00
137	Lịch treo tường 1989	20.00
138	Lịch tử vi 1989	23.00
139	Lua tiêu ruộng biển	16DM

PHÁP BẢO

01	Hình Phật Thích Ca kim tuyến	7.00
02	Hình Phật Thích Ca màu	5.00
03	Hình Phật Di Đà màu	4.00
04	Hình Phật Quan Âm màu	4.00
05	Tượng Phật Thích Ca	50.00
06	Tượng Phật Quan Âm (sứ) lớn	85.00
07	Tượng Phật Quan Âm (sứ) nhỏ	55.00
08	Tượng Phật Quan Âm (nhựa) đứng, ngồi	40.00
09	Chuông mõ nhỏ (hồ)	60.00
10	Cài áo có hình Phật Quan Âm	17.00
11	Chuối tay (mã não thượng) 21 hạt	20.00
12	Chuối tay (trăm) 21 hạt	7.00
13	Chuối tràng (trăm) 108 hạt lớn	40.00
14	Chuối tràng (trăm) 108 hạt nhỏ	25.00
15	Áo tràng lễ	60.00
16	Nhang hộp (mỗi hộp 5 thẻ)	5.50
17	Nhang bó tròn	từ 4.00-6.00
18	Giấy chuyển có mặt hình Phật	từ 10.00-20.00
19	Treo xe có hình Phật đủ loại	từ 15.00-20.00

BĂNG KINH

Do T.T. Thích Minh Tâm tụng		
01	Phổ Môn Cửu An số 1	10.00
02	A Di Đà Cửu Siêu số 2	10.00
03	Sám Hối Tịnh Độ số 3	10.00
04	Phật Đản Vu Lan số 4	10.00

Do T.T. Thích Như Điển tụng		
01	Phổ Môn Cửu An	10.00
02	Di Đà (chữ) Cửu Siêu	10.00
03	Tịnh Độ Sám Hối	10.00
04	Phật Đản Lễ Viá Xuất Gia	10.00
05	Vu Lan (nghĩa)	10.00
06	Báo Ân Phụ Mẫu	10.00
07	Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm	10.00
08	Di Đà (nghĩa) Cửu Siêu	10.00
09	Cửu An Phổ Môn (nghĩa)	10.00
10	Cửu Siêu Cúng Vong	10.00
11	Dược Sư	10.00
12	Thùy Sám (bộ 3 băng)	30.00
15	Đĩa Tang (bộ 3 băng)	30.00
18	Di Lạc Hạ Sanh Thành Phật	10.00
19	Lương Hoàng Sám (bộ 6 băng)	60.00
25	Kim Cang	10.00
26	Niệm Phật Cửu Vãng Sanh	10.00
27	Nghi Lễ Thực Hành Chuông Mõ	10.00
28	Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh	10.00

BĂNG GIẢNG

Do H.T. Thích Thanh Từ		
01	Kinh Bát Nhã (bộ 3 băng)	30.00
02	Kinh Diệu Pháp Liên Hoa (bộ 10 băng)	100.00
03	Kinh Kim Cang (bộ 5 băng)	50.00

04	Kinh Lăng Nghiêm (bộ 31 băng)	300.00
05	Kinh Pháp Bảo Đàn (bộ 13 băng)	130.00
06	Kinh Pháp Cú (bộ 13 băng)	130.00

Do T.T. Thích Như Điển		
01	Vô Thường	10.00
02	Y Nghĩa Việc Quy Y Tam Bảo và TTNG	10.00
03	Tứ Diệu Đế	10.00
04	Cuộc Đời Đức Phật	10.00
05	Con Đường Giải Thoát	10.00
06	Hạnh Nguyên Độ Sanh của Đức QT&BT	10.00
07	Kinh Diệu Pháp Liên Hoa (bộ 20 băng)	200.00

Do Đ.Đ. Thích Tịnh Từ		
01	Kinh Pháp Ấn (bộ 2 băng)	20.00

BĂNG THUYẾT PHÁP THỰC HIỆN

Do H.T. Thích Giác Nhiên		
01	Bát Chánh Đạo	10.00
02	Bốn phận làm con	10.00
03	Chỉ Đạo Tu Thiền	10.00
04	Duy Tâm Tịnh Độ	10.00
05	Đường Đời và Nẻo Đạo	10.00
06	Giải Đáp	10.00
07	Hạnh Phúc của Nhơn Loại	10.00
08	Người cao quý	10.00
09	Tu Phái Hành	10.00

Do H.T. Thích Phước Huệ		
01	Tu và Học	10.00

Do H.T. Thích Thanh Từ		
01	Bát Đại Nhân Giác (bộ 3 băng)	30.00
02	Chìa Khóa Học Phật (bộ 13 băng)	130.00
03	Chiếu Kiến Thân Tâm	10.00
04	Chứng Đạo Ca (bộ 5 băng)	50.00
05	Gia Tài Pháp Bảo	10.00
06	Phản Quan Tự Kí	10.00
07	Phật Pháp tại Thế Gian	10.00
08	Thường Chiếu Lễ Tất Niên	10.00
09	Trực Chỉ Thiệu Tông	10.00
10	Yếu Chỉ Thiệu Tông (bộ 10 băng)	100.00

Do T.T. Thích Hộ Giác		
01	Chữ Tu trong Đạo Phật	10.00
02	Tâm Bình Thế Giới Bình	10.00

Do T.T. Quảng Thiệp		
01	Bồ Thí Ba La Mật	10.00
02	Công Đức Pháp Thí (bộ 2 băng)	20.00
03	Y Nghĩa Cúng 49 Ngày	10.00
04	Y Nghĩa Kỳ Hậu Kỳ Vong	10.00

Do Đ.Đ. Thích Tịnh Từ		
01	Đời Sống Thiền Tập (bộ 8 băng)	80.00
02	Đức Phật và Các Loài Ác Ma	10.00
03	Hạnh Phúc Gia Đình	10.00
04	Hồng Chung Thiên Mục	10.00
05	Lễ Phật Sám Hối	10.00
06	Pháp Hạnh Nghịch Hạnh	10.00
07	Pháp Hạnh Bồ Thí	10.00
08	Pháp Hạnh Trì Giới (bộ 2 băng)	20.00
09	Pháp Hạnh Tinh Tấn	10.00
10	Pháp Hạnh Nhẫn Nhục	10.00
11	Pháp Hành Thiền Định (bộ 2 băng)	20.00
12	Pháp Hạnh Trí Tuệ	10.00
13	Pháp Môn Tịnh Độ (bộ 3 băng)	30.00
14	Phương Pháp Sám Hối (bộ 3 băng)	30.00
15	Sau Khi Chết Đi Về Đâu (bộ 2 băng)	20.00
00	Chữ Nghĩa Mác Xít và Phật Giáo (T.G.Đ.)	10.00

BĂNG NHẠC

01	Hoa Bất Diệt (Chí Tâm 3)	12.00
02	Melodies nostalgiques	12.00
03	Người Yêu Tôi Khóc (Hùng Cường)	12.00
04	Nhớ Người Yêu (Hùng Cường)	12.00
05	Tây Thi (Tuông cải lương, bộ 2 băng)	24.00
06	Tiếng Chuông Chùa	12.00
07	Văn Việt Ngữ	12.00

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI LỄ PHẬT ĐÀN 2533 - 1989

tổ chức tại Chùa Viên Giác Hannover
từ ngày 19 đến ngày 21 tháng 5 năm 1989



Thứ sáu ngày 19 tháng 5 năm 1989 :

- Ban Tổ Chức và Ban Trại Soạn tập trung tại chùa cũng như Jugendzentrum và Bundesleitungszentrum Nord-Ferd-Wilh.Fricke Weg 2A, 3000 Hannover. Tel.0511-18751 để lo chuẩn bị cho các ngày lễ.
- Các phái đoàn ở xa về trước, có thể về thẳng tại Bundesleitungszentrum để nghỉ đêm.

Thứ bảy ngày 20 tháng 5 năm 1989 :

- 6:00 Công phu khuya, tụng thần chú Thủ Lăng Nghiêm tại chùa.
- 8:00 Điểm tâm
- 9:00 Các phái đoàn tham dự lễ về chùa và Bundesleitungszentrum.
- 10:00 Lễ cầu an tại chùa.
- 11:00 Lễ quy y Tam Bảo (Quý vị quy y, xin có mặt vào giờ này).
- 12:00 Lễ tiến bạt chư hương linh quá vãng thờ tại chùa. (Quý vị có hương linh thờ tại chùa xin có mặt vào giờ này).
- 14:00 Buổi thuyết pháp của Đại Đức Rahula (người Hoa Kỳ) tại chùa, có thông dịch ra Việt Ngữ.
- 15:00 Tổng duyệt của Ban Văn Nghệ tại Stadthalle Hannover.
- 15:30 Buổi thuyết pháp của T.T. Thích Như Điển tại chùa.
- 17:00 Cơm chiều và chuẩn bị đi chuyển đến rạp hát.
- 19:00 Đêm Văn Nghệ cúng dường Đại lễ Phật Đản bắt đầu bởi các ca sĩ Thanh Tuyền và Thanh Thúy đến từ Hoa Kỳ cùng với sự đóng góp của các Chi Hội Phật Tử và GDPTVN tại Tây Đức với các cá nhân thiện chí khác.
- 21:00 Nghỉ giải lao
- 23:30 Chấm dứt đêm Văn Nghệ.
- 24:00 Chỉ tịnh

Chủ nhật ngày 21 tháng 5 năm 1989 :

- 6:00 Công phu khuya, tụng thần chú Thủ Lăng Nghiêm.
- 8:00 Điểm tâm
- 9:00 Di chuyển từ Bundesleitungszentrum Nord về chùa.
- 10:00 Cử hành chính thức Đại lễ Phật Đản 2533 năm.
Tụng kinh Khánh Đán
Đạo tử của chư Thượng Toạ Đại Đức Tăng Ni tham dự Đại Lễ.
- 12:00 Lễ cúng chư hương linh quá vãng thờ tại chùa. (Quý vị có hương linh thờ tại chùa, xin có mặt vào giờ này).
- 12:30 Lễ cúng dường trai tăng.
Ngộ trai của chư Phật Tử.
- 15:00 Họp Ban Tổ Chức, kiểm điểm thành quả trong các ngày Lễ.
- 17:00 Thí thực cô hồn.
Hoàn mãn.

Ghi chú :

Quý vị muốn quy y Tam Bảo xin gởi tên họ, ngày và nơi sinh cũng như địa chỉ hiện tại về chùa trước để kịp viết phái quy y. Xin cảm ơn quý vị trước.

ÁNH ĐẠO HUY HOÀNG

MODERATO

NHẬT LỆ

Ngày tươi vui mỗi năm tháng từ . Mừng Đản Sinh Đức
Phật nhân từ . Đuốc Thế Tôn soi đường Từ Bi .
Đưa thế gian ra khỏi lầm mê . Ngày mười lăm khắp
nơi hoà vang tiếng ca . Ngày Nam Tông Bắc
Tông chung lòng thiết tha . Nguyên noi gương Thế
Tôn là ví sao sáng đem chúng sanh ngàn
kiếp xa nơi trầm luân . Lửa Từ Bi nguyện khắp bốn
phương , lòng ghi nhớ đức cao vô lượng . Phật phối
bay Phật - Kỳ hôm nay bao tình thương xóa vết bao
tàn . Ngày tươi.....tàn .

Trích từ tuyển tập 99 bài ca sinh hoạt Gia Đình Phật Tử của Hàn Lệ Nhân sáng tác và sưu tập do chùa Khánh Anh Paris xuất bản năm 1982 - Phật Lịch 2526 -